

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HƯNG THỊNH PHÚ THỌ

ĐỊA CHỈ: TỔ 69 - PHƯỜNG NÔNG TRANG - TỈNH PHÚ THỌ

GMAIL: HUNGTHINHPT@GMAIL.COM

PHÒNG KINH TẾ XÃ THU CÚC

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../.....

Ngày tháng năm 20.....

Người thẩm định ký tên

Duật

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG
NÔNG THÔN KHU BẶN XÃ THU CÚC



ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ : TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG : XÃ THU CÚC - TỈNH PHÚ THỌ

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
XÃ THU CÚC



GIÁM ĐỐC

Hoàng Đức Nghi

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HƯNG THỊNH PHÚ THỌ



GIÁM ĐỐC

Hoàng Văn Hưng

PHÚ THỌ, NĂM 2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 20 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH THIẾT KẾ THI CÔNG

**CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN
KHU BẠN XÃ THU CÚC**

I - NHỮNG CĂN CỨ THIẾT KẾ

- Căn cứ vào Quyết định số 108/QĐ-TTĐVSNC ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Giám đốc Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công xã Thu Cúc về việc phê duyệt nhiệm vụ, phương án và dự toán công tác khảo sát lập báo cáo KTKT xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông khu Bạn xã Thu Cúc;

- Căn cứ Quyết định số 110/QĐ-TTĐVSNC ngày 28/01/2026 của Giám đốc Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công xã Thu Cúc về việc chỉ định đơn vị tư vấn khảo sát, lập báo cáo KTKT; tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông khu Bạn xã Thu Cúc;

- Căn cứ hợp đồng tư vấn số 04/2026/HĐ-TV ngày 28/01/2026 giữa Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công xã Thu Cúc và Công ty cổ phần xây dựng Hưng Thịnh Phú Thọ V/v Tư vấn khảo sát lập BCKTKT, thiết kế bản vẽ thi công, lập tổng dự toán công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn khu Bạn xã Thu Cúc.

- Căn cứ số liệu đo đạc khảo sát địa hình do Công ty cổ phần xây dựng Hưng Thịnh Phú Thọ thu thập;

- Căn cứ vào các biên bản điều tra xác minh số liệu tình hình dân sinh, kinh tế, mỏ vật liệu, tình hình địa chất thủy văn do Công ty cổ phần xây dựng Hưng Thịnh Phú Thọ thu thập.

II - ĐẶC TRƯNG KỸ THUẬT CHỦ YẾU CỦA TUYẾN ĐƯỜNG:

1. Về bình diện tuyến đường:

Các tuyến đường chủ yếu bám theo đường cũ bình diện tuyến hiện trạng.

2. Hiện trạng về cắt dọc của tuyến:

Nhìn chung cắt dọc có độ dốc dọc không đồng đều. Các tuyến cơ bản bám theo đường cũ, một số đoạn phải nắn chỉnh cục bộ, để đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật.

3. Cắt ngang:

Các tuyến cơ bản bám theo đường cũ, nền đường cũ rộng bình quân 4,0m – 5,0m.

Đoạn tuyến mới chủ yếu đi qua đoạn tương đối bằng phẳng, 2 bên lề đường tiếp giáp ruộng, hoa màu và khu dân cư.

4. Về mặt đường:

Tuyến 1 và tuyến 3 hiện trạng là đường bê tông xi măng, nhưng đã xuống cấp, tuyến 2 là đường đất.

5. Hệ thống thoát nước:

Hệ thống thoát nước dọc chưa có. Các vị trí công thoát nước ngang đường đã có nhưng xuống cấp và không đảm bảo được thoát nước ngang đường đã số phải nâng cấp lại cho đảm bảo thoát nước ngang đường.

6. Thủy văn:

Tình hình thủy văn dọc tuyến đường tương đối đơn giản, hiện tượng nước ngầm, nước mạch nhỏ và ít, nền đường đào cơ bản ổn định.

7. Về địa chất:

Trong quá trình thu thập số liệu tại địa phương cho thấy quanh khu vực xây dựng cho thấy không có mỏ quặng và trong những năm qua không có sự biến đổi địa chất nào.

8. Tình hình giao thông vận tải:

- Đây là những tuyến đường chủ yếu phục vụ việc đi lại của nhân dân trong các khu. Phương tiện tham gia giao thông chính là xe máy.
- Qua các số liệu phân tích ở trên, việc đầu tư xây dựng: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn khu Bạn xã Thu Cúc là cần thiết.

III - QUI MÔ THIẾT KẾ:

Tên công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn khu Bạn xã Thu Cúc.

Địa điểm: Xã Thu Cúc, tỉnh Phú Thọ;

- Tuyến đường trên đã hình thành và phát triển qua nhiều năm nên tương đối hợp lý về bình diện và hướng tuyến, không có phương án hướng tuyến nào khác.

- Căn cứ vào ý nghĩa sử dụng của tuyến đường, lưu lượng xe, hiện trạng kiến nghị qui mô thiết kế như sau:

- Qui mô:

+ Làm mới theo tiêu chuẩn TCVN 4054 - 2005, cấp VI - MN.

- Hướng tuyến: Giữ nguyên, có nắn chỉnh và nâng, hạ các đoạn dốc cho phù hợp với cấp đường và hạn chế phát sinh khối lượng .

IV - TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ VÀ QUI PHẠM ÁP DỤNG

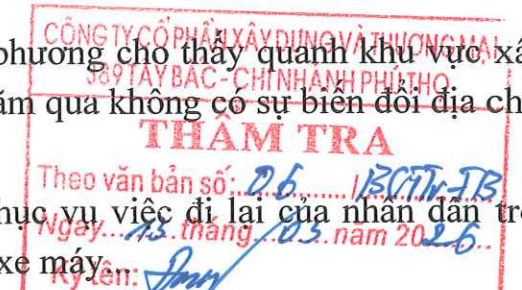
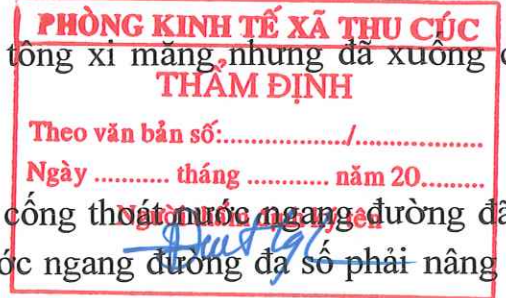
1. Qui phạm thiết kế:

- Tiêu chuẩn thiết kế đường GTNT TCVN 10380 - 2014;

- Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054 - 2005;

- Tiêu chuẩn thiết kế áo đường cứng 22TCN 223 - 95;

- TCCS 39:2022/TCĐBVN Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nổi trong xây dựng công trình giao thông;



- Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế: TCCS 38 : 2022/TCĐBVN;
- Khoan thăm dò địa chất công trình TCVN 9437:2012;
- Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát TCCS 31:2020/TCĐBVN;
- Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41 - 2024;
- Định hình thiết kế cống 78 - 02X của viện thiết kế bộ GTVT.

2. Tiêu chuẩn:

Làm mới theo tiêu chuẩn đường giao thông cấp VI-MN (TCVN 4054-2005)

TT	Nội dung	Đơn vị	Tiêu chuẩn
1	Cấp thiết kế	Cấp	VI-MN
2	Tốc độ thiết kế	Km/h	20
3	Chiều rộng nền đường tối thiểu	m	6,0
4	Chiều rộng mặt đường	m	3,5
5	Chiều rộng lề và lề gia cố tối thiểu	m	2x1,25
6	Bán kính đường cong nằm tối thiểu	m	15
7	Độ dốc dọc tối đa	%	11
8	Tải trọng thiết kế công trình	Tấn	Xe trục 7T

V- TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CHỦ YẾU

1. Tổng chiều dài tuyến thiết kế:

Tên công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn khu Bận xã Thu

Cúc.

Địa điểm: Xã Thu Cúc, tỉnh Phú Thọ;

Tổng chiều dài tuyến L = 1.186,30m. Trong đó:

Tuyến 1: L= 626,58m.

- Đầu tuyến: Cọc 1 KM0+000, nối vào QL32A.

- Cuối tuyến: Cọc 23 KM0+ 626,56 hiện trạng đường đất, nối vào cọc 2 tuyến 2.

Tuyến 2: L= 275,16m.

- Đầu tuyến: Cọc 1 Km0 KM0+000, hiện trạng là đường đất.

- Cuối tuyến: Cọc 9 KM0+ 275,16 hiện trạng là đường đất đầu nối vào đầu đường

BTXM liên xóm.

Tuyến 3: L= 284,56m.

- Đầu tuyến: Cọc 1 KM0+000, nối vào cọc P7+5,5m của tuyến 1.

- Cuối tuyến: Cọc 12 KM0+ 284,56 hiện trạng đường BTXM liên xóm.

2. Bình diện:

Các tuyến có hình dạng khá đồng đều, hướng tuyến bám theo đường hiện trạng, một phần mở mới giáp vị trí khu dân cư, bán kính các đường cong nằm đảm bảo tiêu chuẩn cấp đường.

3. Trắc dọc:

Trắc dọc tuyến được thiết kế trên cơ sở đường cũ và các công trình kiến trúc cố định khác hai bên tuyến, các đoạn qua khu dân cư hạn chế nâng cao độ thiết kế nhằm tránh đường cao quá so với nhà dân hai bên tuyến.

Trắc dọc thiết kế bám sát hiện trạng, cục bộ tại một số vị trí cải tạo nâng hạ cao độ mặt đường hoàn thiện để đảm bảo độ dốc dọc và độ dốc thoát nước.

Không chế các điểm đầu nối với đường hiện trạng.

Đoạn tuyến dốc nhất và đôi dốc lớn nhất:

Tuyến 1: I_{max}= 12,92%/L= 23,06m; I_{min}= 0,70%/L= 69,42m.

Tuyến 2: I_{max}= 7,88%/L= 60,26m; I_{min}= 0,08%/L= 56,01m.

Tuyến 3: I_{max}= 6,17%/L= 61,33m; I_{min}= 0,28%/L= 160,71m.

4. Trắc ngang:

Tuyến 1:

• Phạm vi từ cọc 1 - cọc TC8:

- Chiều rộng nền đường: B_n= 5,0m;

- Chiều rộng mặt đường và lề gia cố: B_{m+lgc}= 5,0m;

- Chiều rộng rãnh thoát nước: B_m= 2x0,6m.

• Phạm vi từ cọc 12 – cọc 19 (Cuối tuyến):

- Chiều rộng nền đường: B_n= 5,0m;

- Chiều rộng mặt đường và lề gia cố: B_{m+lgc}= 4,0m;

- Chiều rộng lề đất: B_{lề đất}= 2x0,50m;

Tuyến 2:

- Chiều rộng nền đường: B_n= 4,5m;

- Chiều rộng mặt đường: B_m= 3,5m;

- Chiều rộng lề đất: B_{lề}= 2x0,5m;

- Chiều rộng rãnh thoát nước B40: B_m= 0,6m.

Tuyến 3:

- Chiều rộng nền đường B_n= 5,0m;

- Chiều rộng mặt đường và lề gia cố: B_{m+lgc}= 4,0m;

- Chiều rộng lề đất: B_{lề đất}= 2x0,50m;

- Chiều rộng rãnh thoát nước B40: B_m= 2x0,6m.

Kết cấu mặt đường: Từ trên xuống dưới.

- Lớp 1: Lớp mặt đường BTXM M250 dày 20cm;

- Lớp 2: Móng CPĐD loại 2 dày 18cm;

- Lớp 3: Lớp nền đường K95.



- Dốc ngang mặt đường 2%, lề gia cố 2% (kết cấu lề gia cố như kết cấu mặt đường), dốc lề không gia cố 4%. Ta luy nền đường đắp 1/1,5, nền đào đất 1/1.

5. Thoát nước:

- Thoát nước dọc: Thiết kế mới rãnh mới B40 để thoát nước dọc đường.
- Thoát nước ngang đường: Thiết kế mới các vị trí cống ngang đường để đảm bảo thoát nước và ổn định nền đường.

6. Cọc tiêu, biển báo:

- Hệ thống cọc tiêu, biển báo hiệu cấm theo quy chuẩn báo hiệu đường bộ QCVN41-2024.

7. Khả năng cung cấp vật liệu:

7.1- Tình hình vật liệu xây dựng:

- Đất đắp cho nền đường tận dụng đất đào mở nền đường, đào khuôn, đào rãnh, đánh cấp còn thiếu được khai thác tại mỏ đất đồi.
- Đất hữu cơ, đất đào thừa vận chuyển đổ thải.
- Vật liệu các loại như đá, cát sỏi, xi măng, sắt thép lấy theo thông báo giá Sở Xây dựng Phú Thọ lấy cho khu vực xã Thu Cúc tính cho thời điểm quý II năm 2026 vận chuyển đến chân công trình.

7.2- Yêu cầu kỹ thuật của vật liệu:

- Đá các loại

- Đá hộc phải được gia công đúng kích cỡ từ (15 - 25)cm, đá không bị rạn nứt, có cường độ kháng ép $> 800 \text{ daN/cm}^2$.

- Đá dùng để chế tạo bê tông, đá dăm được sản xuất bằng dây chuyền công nghiệp tạo thành cấp phối liên tục, có tỷ lệ hạt đồng đều, đúng kích thước, tỷ lệ hạt dẹt $< 10\%$, độ dính bám tốt, có cường độ kháng ép từ (800 - 1200) daN/cm^2 .

- Thép các loại

- Thép đảm bảo theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 1651 - 2018), thép mới không gỉ, không bám bẩn, đủ kích thước, đủ trọng lượng.

- Cát vàng

- Cát phải sạch không có tạp chất, trước khi sử dụng phải thí nghiệm, có đường biểu diễn thành phần hạt đảm bảo theo tiêu chuẩn 14TCN 68 - 2002 & 14TCN 69 - 2002.

- Xi măng

Sử dụng xi măng lò quay phương pháp khô của Trung ương hoặc xi măng địa phương sản xuất theo công nghệ mới (nếu được phép).

8. Đền bù giải phóng mặt bằng:

- Nhìn chung tuyến đường này chỉ có diện tích đất vườn, ruộng và đất khác xã có trách nhiệm giải toả mặt bằng cho đơn vị thi công.

VI - MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý

- Quá trình thi công phải tuyệt đối đảm bảo an toàn lao động và an toàn giao thông cho người và phương tiện.

- Thi công theo đúng các quy trình, quy phạm thi công và nghiệm thu các công trình giao thông hiện hành của nhà nước.

- Khi thi công có gì vướng mắc cần báo ngay cho bên A và đơn vị thiết kế biết để cùng phối hợp giải quyết.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI 389 TÂY BẮC - CHINH HANH PHÚ THỌ	
THẨM TRA	
Theo văn bản số: 06 / BTK-TR	
Ngày: 13 tháng 12 năm 2026	
Ký tên: <i>Amg</i>	

PHÒNG KINH TẾ XÃ THU CÚC	
THẨM ĐỊNH	
Theo văn bản số:	
Ngày tháng năm 20.....	
Người thẩm định ký tên <i>Dutgl</i>	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HÙNG THỊNH PHÚ THỌ



GIÁM ĐỐC
Hoàng Văn Hùng

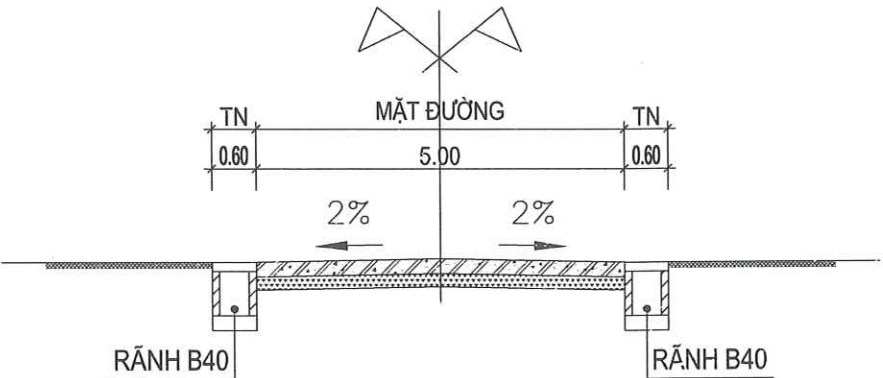
PHÒNG KINH TẾ XÃ THU CỤC
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../.....
Ngày tháng năm 20.....
Người thẩm định ký tên
Đutyl

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHI NHÁNH PHÚ THỌ
THẨM TRA
Theo văn bản số:.....*06*...../*BCTK-TB*
Ngày *13* tháng *13* năm 20*26*
Ký tên: *Amg*

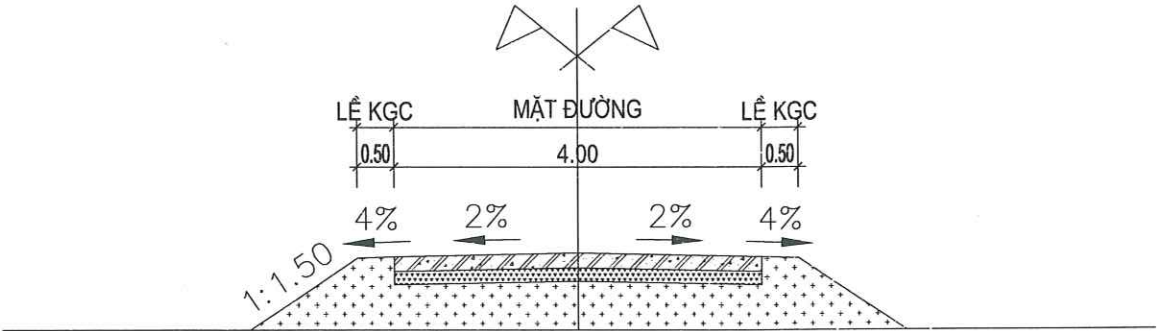
TUYỂN 1



MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 1
ÁP DỤNG PHẠM VI CÓ RÃNH



MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 1
ÁP DỤNG CHO PHẠM VI KHÔNG CÓ RÃNH DỌC



GHI CHÚ: KÍCH THƯỚC GHI TRÊN BẢN VẼ LÀ MÉT (M)

- * KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG
- 1 - Lớp BTXM M250 dày 20cm.
 - 2 - Lớp CPĐD loại 1 dày 18cm.
 - 3 - Lớp nền đường K95.

PHÒNG KINH TẾ XÃ THU CÚC

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../.....

Ngày tháng năm 20.....

Người thẩm định ký tên

Đuật Lg

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HÁNH PHÚ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../.....

Ngày tháng năm 20.....

Ký tên: *Phung*

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ



Địa chỉ : Tổ 69, P.Nông Trang, T. Phú Thọ
Điện thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

Revisions

1		
2		
3		
4		

Lần	Mô tả	Ngày
Ver	Description	Date

CHỦ ĐẦU TƯ Client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH Project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG
GIAO THÔNG NÔNG THÔN
KHU BẬN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ DWG. title

MẶT CẮT NGANG ĐẠI DIỆN



CHỦ TRÌ P.s Architect	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	<i>Phung</i>
THIẾT KẾ Design	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	<i>Phung</i>
THỂ HIỆN Draw	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	<i>Phung</i>
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	<i>NTD</i>

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT
Date

2026

KÝ HIỆU BV
Drawing No

MCDH-01



Dust Lgl

Ký tên: *[Signature]*

KÝ HIỆU BV
Drawing No

PHÒNG KINH TẾ XÃ THU CÚC

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../.....

Ngày tháng năm 20.....

Người thẩm định ký tên

[Signature]

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI

389 TÂY BẮC - CHI NHÁNH PHÚ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../.....

Ngày tháng năm 20.....

Ký tên: *[Signature]*

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG

HUNG THỊNH PHÚ THỌ

Địa Chỉ : Tổ 69, P.Nông Trang, T. Phú Thọ

Điện Thoại : 0977 510 054

Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH		Revisions
1		
2		
3		
4		
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY
Ver	Description	Date

CHỦ ĐẦU TƯ

Client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH

Project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN KHU BẬN XÃ THU CÚC

Địa điểm: Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ

DWG. title

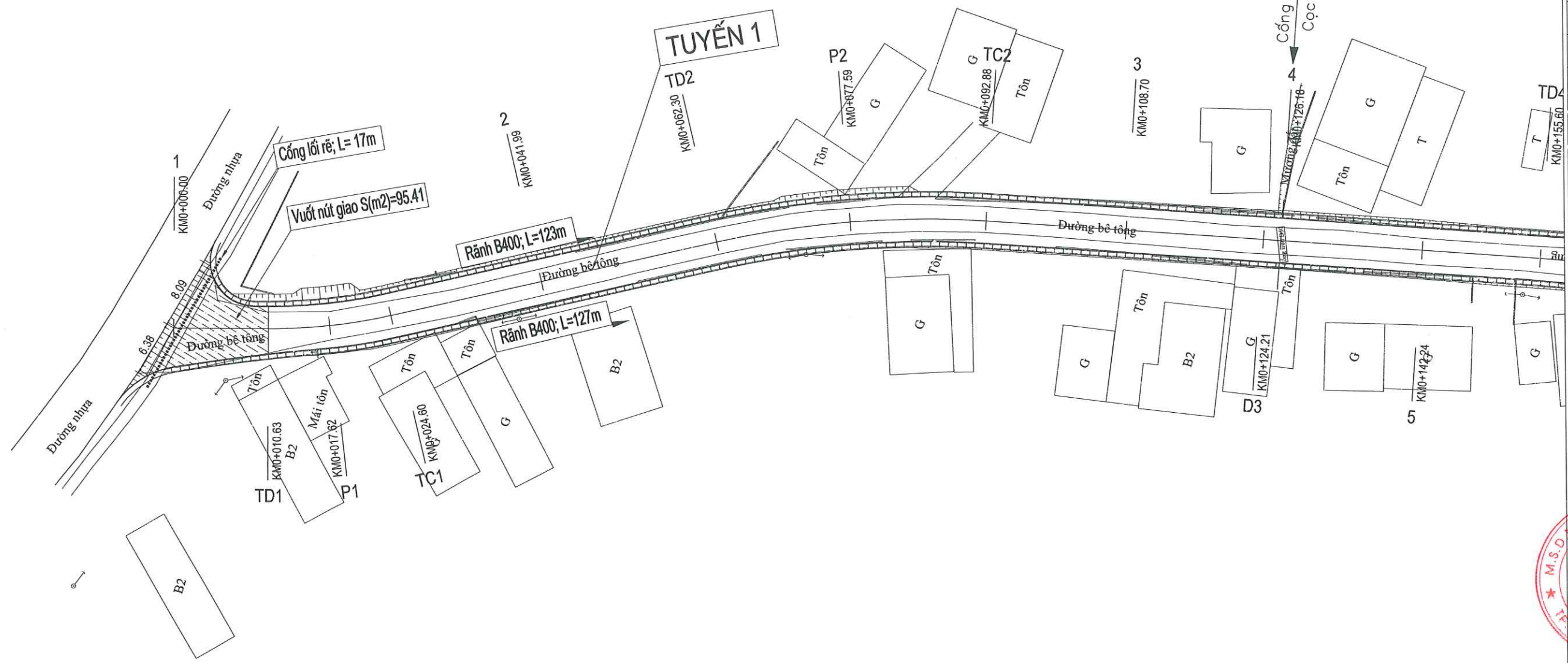
BÌNH ĐỒ TUYẾN

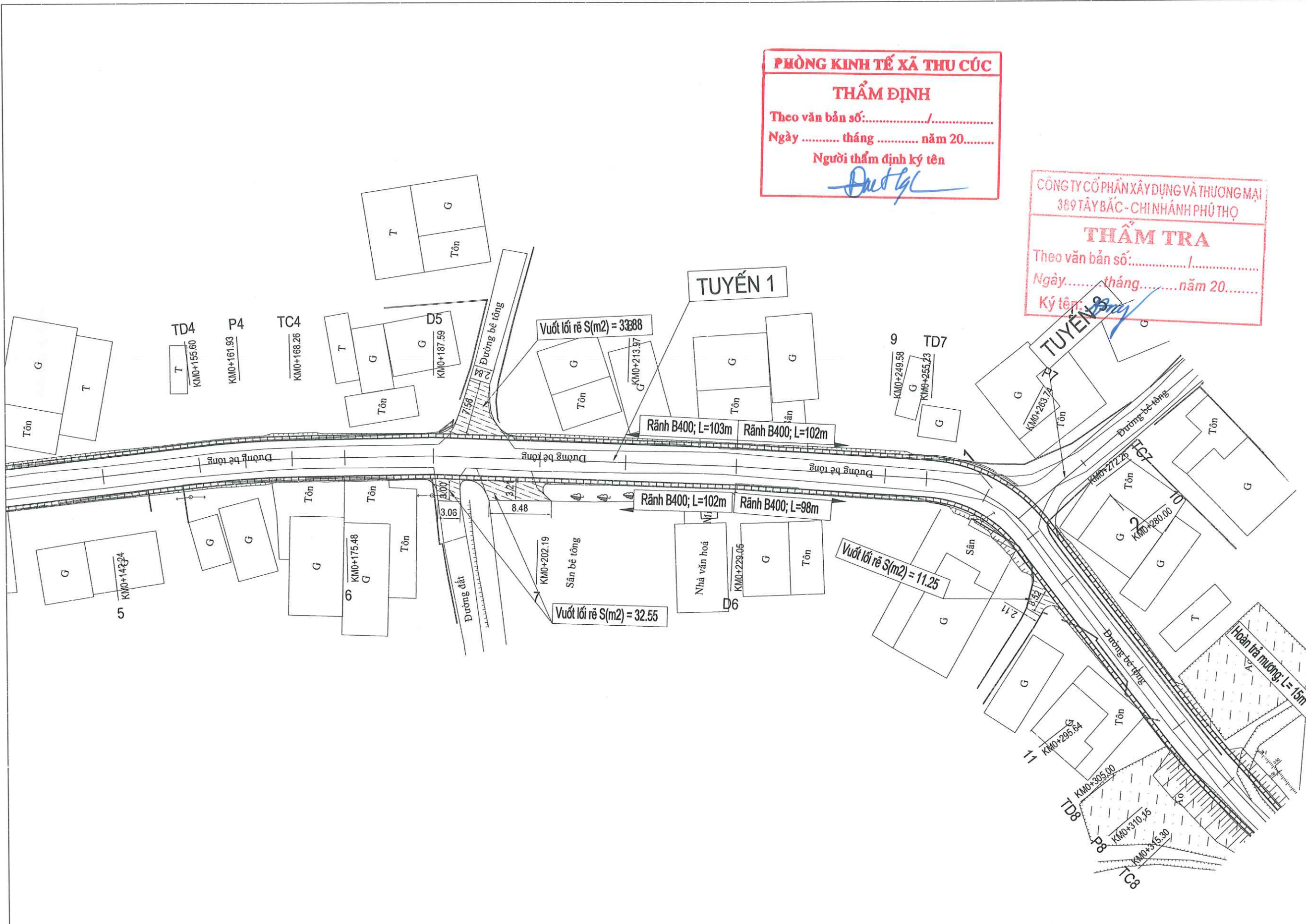
GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUNG THỊNH PHÚ THỌ

HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ	KS	
P.s Architect	PHÙNG XUÂN HUYỀN	<i>[Signature]</i>
THIẾT KẾ	KS	
Design	PHÙNG XUÂN HUYỀN	<i>[Signature]</i>
THỂ HIỆN	KS	
Draw	PHÙNG XUÂN HUYỀN	<i>[Signature]</i>
Q.L.K.T	KS	
Manager	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	<i>[Signature]</i>

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG	
NGÀY HT	2026
Date	
KÝ HIỆU BV	MB-01
Drawing No	





PHÒNG KINH TẾ XÃ THU CÚC
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../
Ngày tháng năm 20.....
Người thẩm định ký tên
Đạt Lg

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HẠNH PHÚ THỌ
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Ký tên: *Phạm*

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUNG THỊNH PHÚ THỌ



Địa Chỉ : Tổ 69, P.Nông Trang, T. Phú Thọ
Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH		Revisions
1		
2		
3		
4		
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY
Ver	Description	Date

CHỦ ĐẦU TƯ Client
TRUNG TÂM DỊCH VỤ NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH Project
CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN KHU BẮC XÃ THU CÚC
Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

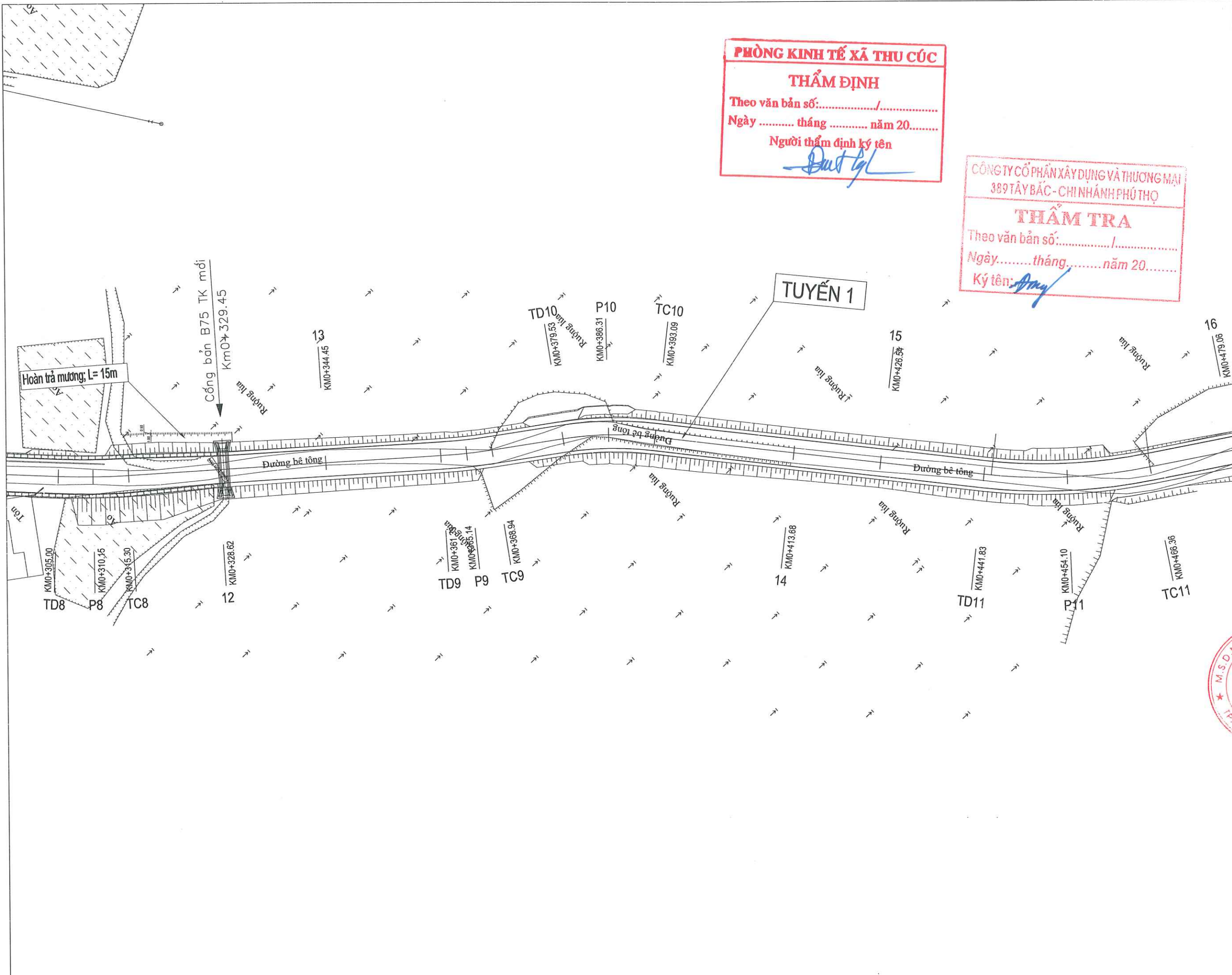
HẠNG MỤC
GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ DWG. title

BÌNH ĐỒ TUYẾN
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUNG THỊNH PHÚ THỌ
GIÁM ĐỐC
HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ P.s Architect	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	<i>Phùng</i>
THIẾT KẾ Design	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	<i>Phùng</i>
THỂ HIỆN Draw	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	<i>Phùng</i>
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	<i>Nguyễn</i>

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG	
NGÀY HT Date	2026
KÝ HIỆU BV Drawing No	MB-02



PHÒNG KINH TẾ XÃ THU CÚC
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../.....
Ngày tháng năm 20.....
Người thẩm định ký tên
[Signature]

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HÁNH PHÚ THỌ
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Ký tên: *[Signature]*

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ

Địa Chỉ : Tổ 69, P.Nông Trang, T. Phú Thọ
Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH		Revisions
1		
2		
3		
4		
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY
Ver	Description	Date

CHỦ ĐẦU TƯ

Client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH

Project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN KHU BẬN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

CIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ

DWG. title

BÌNH ĐỒ TUYẾN

GIÁM ĐỐC
CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH
PHÚ THỌ

[Signature]

HOÀNG VĂN HUNG

TRƯỞNG VĂN PHÒNG

CHỦ TRÌ P.s Architect	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	<i>[Signature]</i>
THIẾT KẾ Design	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	<i>[Signature]</i>
THỂ HIỆN Draw	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	<i>[Signature]</i>
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	<i>[Signature]</i>

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT Date	2026
KÝ HIỆU BV Drawing No	MB-03

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH ANH PHÚ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số: /
 ngày.....tháng.....năm 20.....
 Ký tên: 

HIỆU CHỈNH		Revisions
1		
2		
3		
4		
LẦN Ver	MÔ TẢ Description	NGÀY Date

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN KHU BẶN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

GIAO THÔNG

BÌNH ĐỒ TUYẾN

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CƠ PHẦN
XÂY DỰNG
HƯNG THỊNH
PHÚ THỌ

HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ P.s Architect	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	<i>phung</i>
THIẾT KẾ Design	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	<i>phung</i>
THỂ HIỆN Draw	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	<i>phung</i>
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	<i>nguyen</i>

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT Date	2026
KÝ HIỆU BV Drawing No	MB-04

PHÒNG KINH TẾ XÃ THU CÚC

THẨM ĐỊNH

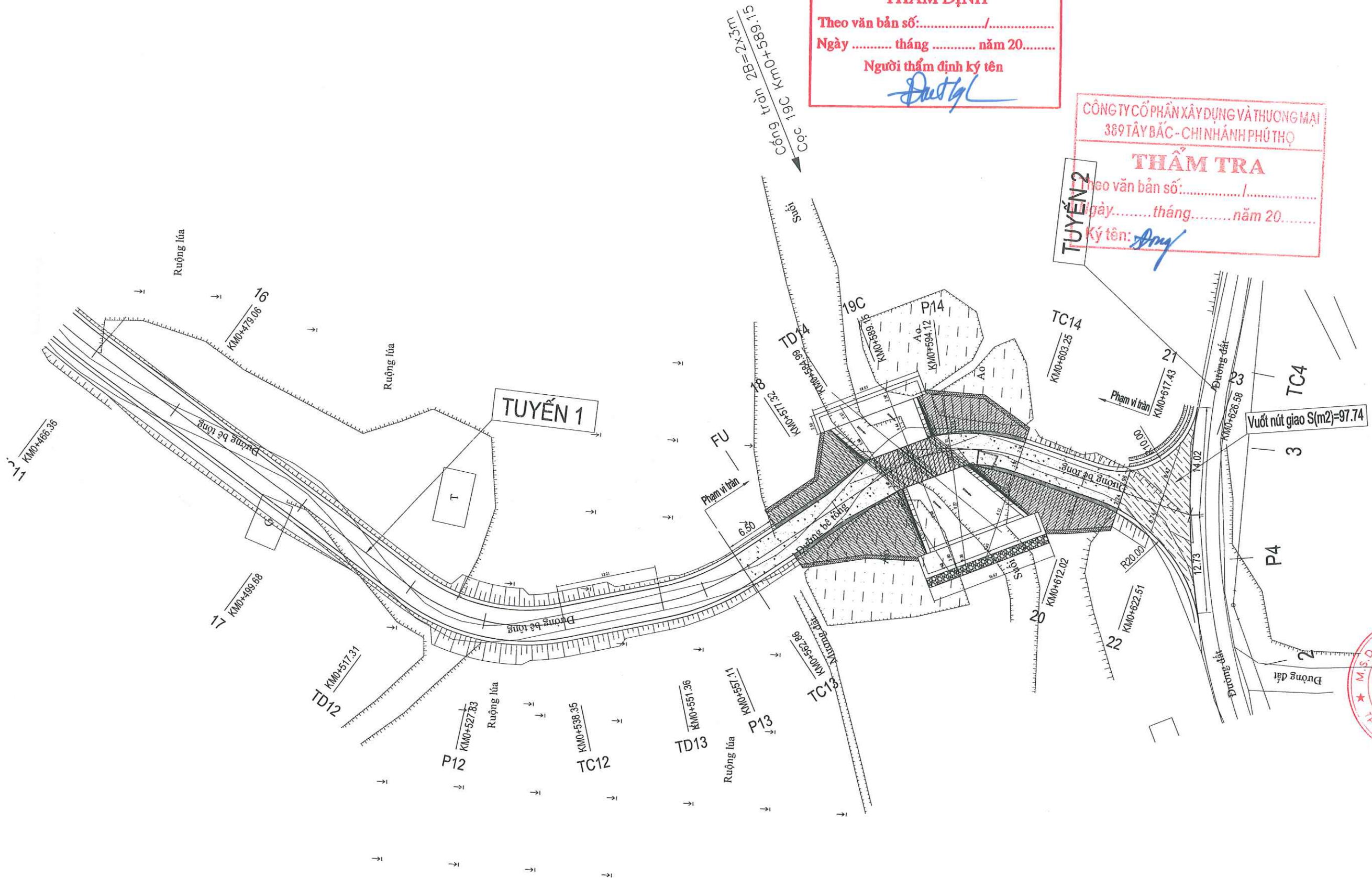
Theo văn bản số:...../.....

Ngày tháng năm 20.....

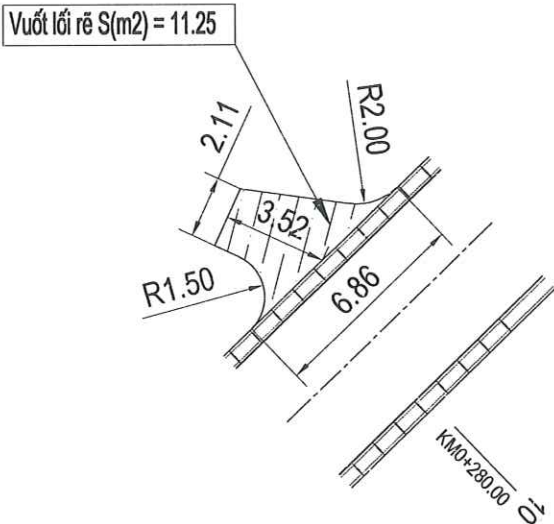
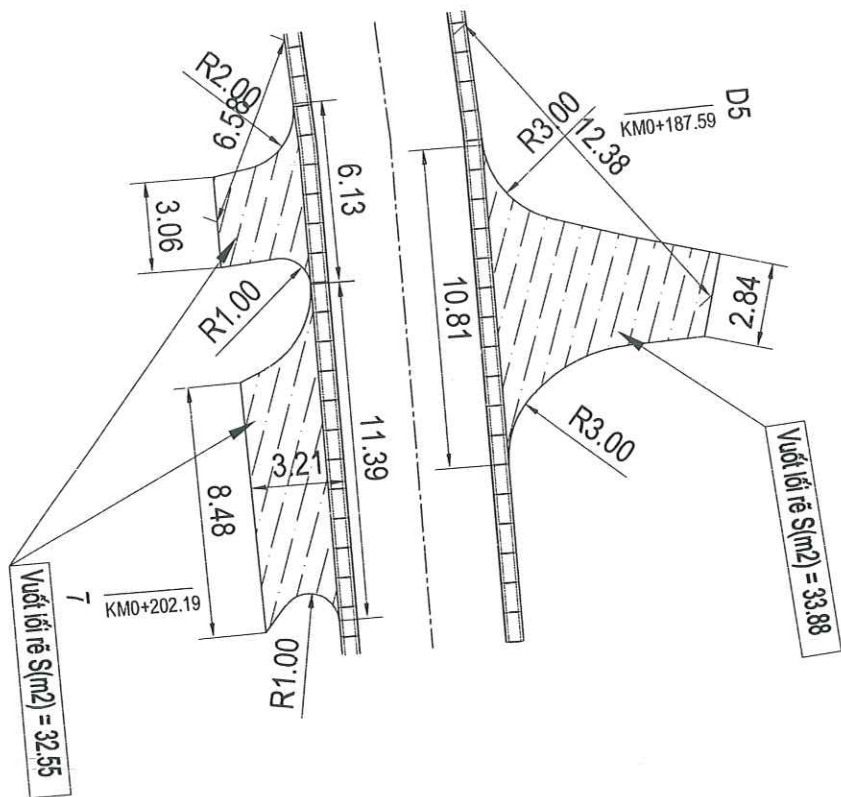
Người thẩm định ký tên

Shuttyl

TUYỂN 2



CHI TIẾT VUỐT NỐI LỐI RỄ



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHI NHÁNH PHÚ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ

Địa chỉ : Tổ 69, P.Nông Trang, T. Phú Thọ
Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH		Revisions
1		
2		
3		
4		
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY
Ver	Description	Date

CHỦ ĐẦU TƯ

Client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH

Project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN KHU BẬN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ

DWG. Title

CHI TIẾT VUỐT NỐI

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUNG THỊNH PHÚ THỌ

HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ P.s Architect	KS PHÙNG XUÂN HUYỆN	
THIẾT KẾ Design	KS PHÙNG XUÂN HUYỆN	
THỂ HIỆN Draw	KS PHÙNG XUÂN HUYỆN	
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG	
NGÀY HT Date	2026
KÝ HIỆU BV Drawing No	CTVN

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ

Địa Chỉ : Tổ 69, P.Nông Trang, T. Phú Thọ
Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH		Revisions
1		
2		
3		
4		
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY
Ver	Description	Date

CHỦ ĐẦU TƯ Client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH Project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN KHU BẬN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ DWG, title

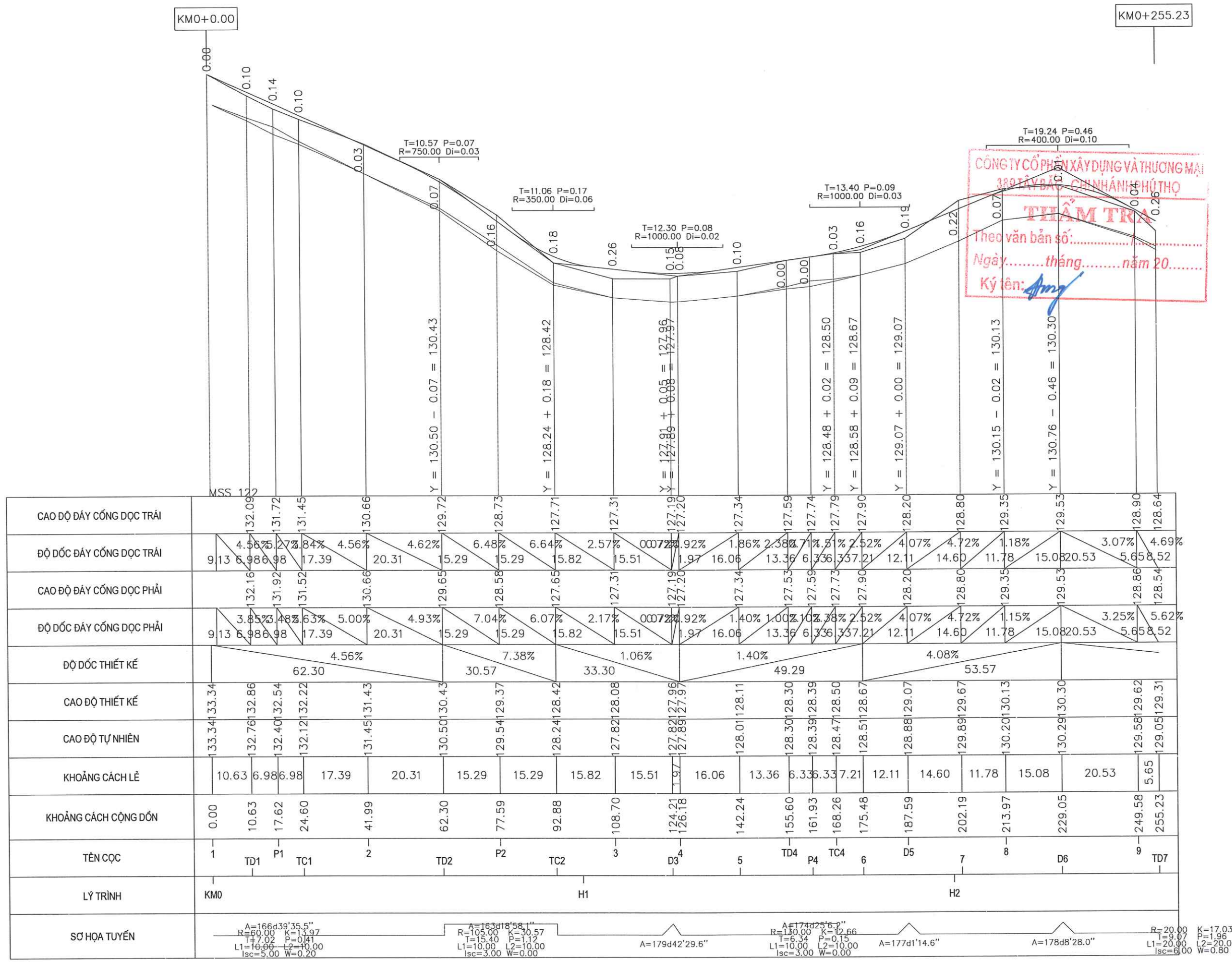
TRẮC DỌC TUYẾN

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG
HUNG THỊNH
PHÚ THỌ

CHỌANG VĂN HUNG

CHỦ TRƯỞNG	KS	
P.s Architect	PHÙNG XUÂN HUYỀN	
THIẾT KẾ	KS	
Design	PHÙNG XUÂN HUYỀN	
THỂ HIỆN	KS	
Draw	PHÙNG XUÂN HUYỀN	
Q.L.K.T	KS	
Manager	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG	
NGÀY HT Date	2026
KÝ HIỆU BV Drawing No	TD-01



HIỆU CHÍNH		Revisions
1		
2		
3		
4		
LẦN Ver	MÔ TẢ Description	NGÀY Date

CHỦ ĐẦU TƯ _____ Client _____

**TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC**

CÔNG TRÌNH Project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN KHU BẶN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ	DWG. title
------------	------------

TRẮC DỌC TUYẾN

GIÁM ĐỐC

 
HOÀNG VĂN HÙNG

[illegible]

CHỦ TRÌ KS *frank*

P.S Architect	PHUNG XUAN HUYEN	
---------------	------------------	--

THIẾT KẾ	KS	
----------	----	--

PHÒNG XUÂN HUYỆN

THỂ HIỆN	KS	<i>[Signature]</i>
----------	----	--------------------

Draw	PHÙNG XUÂN HUYỆN	
------	------------------	--

OLKT	KS	01
------	----	----

Q.L.R.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	STB
--------------------	-----------------------	-----

	ROSTER NAME	

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

1. *Journal of the American Medical Association*, 1997; 277: 1039-1043.

--	--

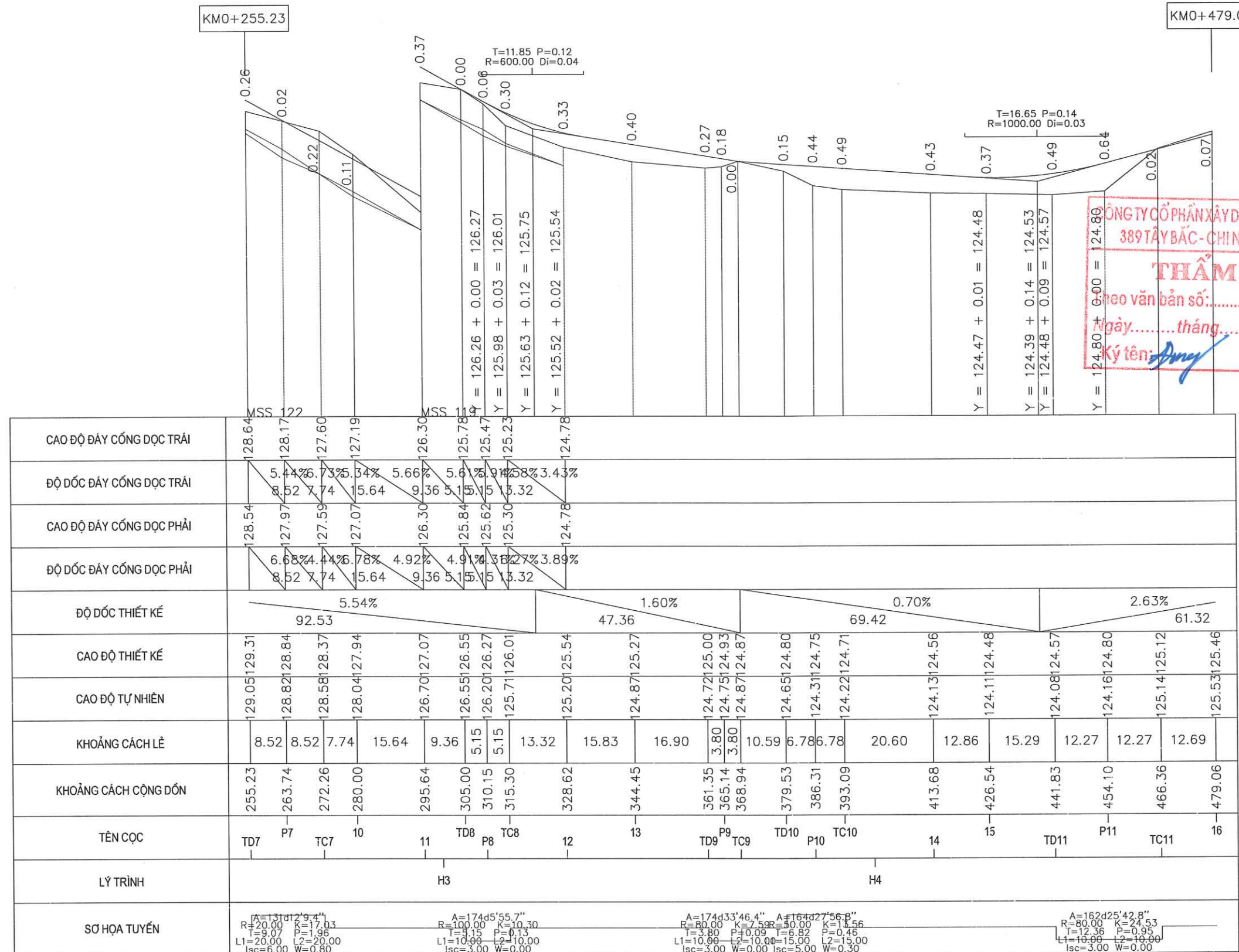
NGÀY HT	2026
---------	------

Date 2019

--	--

KY HIỆU BV TD-02

Drawing No.	
-------------	--



HIỆU CHỈNH			Revisions
1			
2			
3			
4			
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY	
Ver	Description	Date	

CHỦ ĐẦU TƯ	Client
TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC	

CÔNG TRÌNH	Project
CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN KHU BẬN XÃ THU CÚC	
Địa điểm: Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ	

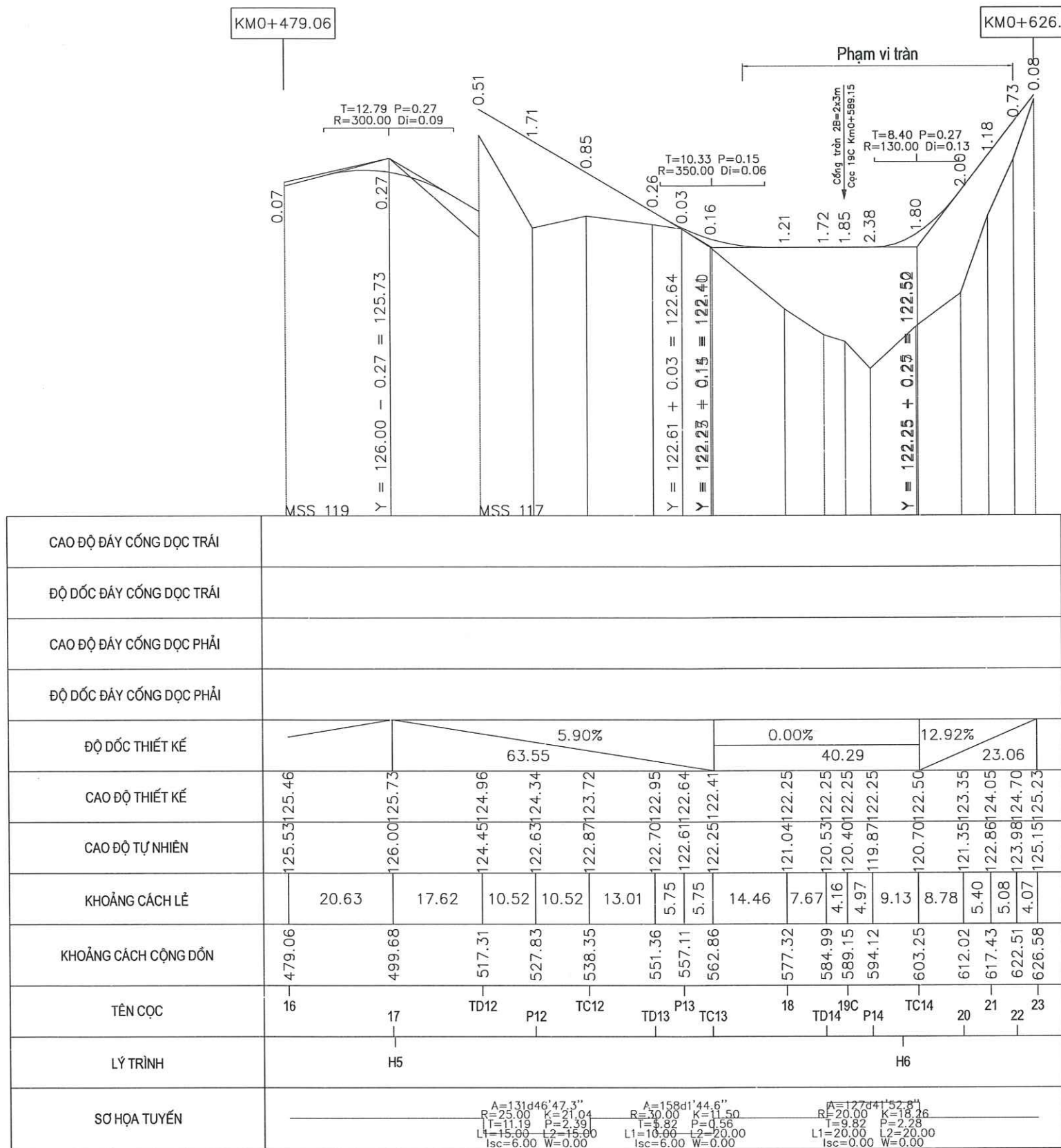
HẠNG MỤC	
GIAO THÔNG	

TÊN BẢN VẼ	DWG. title
TRẮC DỌC TUYẾN	

CHỦ TRƯỞNG	KS
PHÒNG XÃ THU CÚC	PHÒNG XÃ THU CÚC
HOÀNG VĂN HUNG	

CHỦ TRƯỞNG	KS	
PHÒNG XÃ THU CÚC	PHÒNG XÃ THU CÚC	
THIẾT KẾ	KS	
Design	PHÒNG XÃ THU CÚC	
THỂ HIỆN	KS	
Draw	PHÒNG XÃ THU CÚC	
Q.L.K.T	KS	
Manager	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG	
NGÀY HT	2026
Date	
KÝ HIỆU BV	TD-03
Drawing No	



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HẠNH PHÚ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên: 

Đào khuôn : 2.60m²
Đào đường cũ : 2.89m²

CỌC: 1
KM0+000.00

B mặt: 14.47m

Đào nền : 0.43m²
Đào khuôn : 0.61m²
Đào đường cũ : 0.92m²
Đào cống dọc : 2.14m²
Đắp trả cống dọc : 1.13m²

CỌC: TD1
KM0+010.63

B mặt: 5.00m



MSS: 124.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ		133.82	133.34	133.02	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		8.09	6.38		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	134.23	133.82	133.34	133.02	132.59
KHOẢNG CÁCH MIA	6.91	8.09	6.38	8.62	

MSS: 124.00

	133.60	132.81	132.81	132.86	132.88	132.88	
	0.80	0.60	2.50	2.50	0.60		
	133.64	132.75	132.76	132.78	132.92	133.22	133.42
	11.00	2.11	1.89	2.73	1.47	2.50	8.30

Đào nền : 1.15m²
Đào khuôn : 0.75m²
Đào đường cũ : 0.63m²
Đào cống dọc : 2.33m²
Đắp trả cống dọc : 1.24m²
Đắp nền K95 : 0.00m²

CỌC: P1
KM0+017.62

B mặt: 5.00m

Đào nền : 0.37m²
Đào khuôn : 0.90m²
Đào đường cũ : 0.63m²
Đào cống dọc : 2.25m²
Đắp trả cống dọc : 1.14m²

CỌC: TC1
KM0+024.60

B mặt: 5.00m



MSS: 124.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ		133.80	132.44	132.44	132.54	132.64	132.96	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		1.36	0.60	2.50	2.50	0.60		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	134.58	134.51	133.69	132.68	132.43	132.40	132.40	132.93
KHOẢNG CÁCH MIA	4.47	7.00	1.01	0.94	1.58	1.57	2.85	3.80

MSS: 124.00

	132.56	132.17	132.22	132.24	132.36		
	0.39	0.60	2.50	2.50	0.60		
	132.57	132.55	132.13	132.12	132.09	132.53	132.53
	6.18	4.80	0.88	1.48	1.66	1.47	2.58

Đào nền : 0.45m²
Đào khuôn : 1.46m²
Đào đường cũ : 0.59m²
Đào cống dọc : 2.15m²
Đắp trả cống dọc : 1.04m²

CQC: 2
KM0+041.99

B mặt: 5.00m

Đào nền : 0.27m²
Đào khuôn : 1.51m²
Đào đường cũ : 0.59m²
Đào cống dọc : 2.12m²
Đắp trả cống dọc : 1.01m²

CQC: TD2
KM0+062.30

B mặt: 5.00m

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHI NHÁNH PHÚ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số: /

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên: *Đmg*

R=105.00
it1=-0.50%
ip1=2.00%
w1=0.00

MSS: 121.00

MSS: 120.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ				131.74	131.38	131.43	131.38	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ				0.37	0.60	2.50	2.50	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	133.40		132.71	131.57	131.50	131.45	131.46	130.03
KHOẢNG CÁCH MIA	0.25	6.22	5.95	1.17	1.42	1.55	1.04	12.41

				130.70	130.44	130.43	130.38	
				0.26	0.60	2.50	2.50	
	132.35		132.05	130.48	130.48	130.50	130.47	129.10
		5.62	7.00	0.83	1.55	1.42	0.96	12.62

Đào nền : 0.97m²
Đào khuôn : 1.74m²
Đào đường cũ : 0.59m²
Đào cống dọc : 2.24m²
Đắp trả cống dọc : 1.13m²

CQC: P2
KM0+077.59

B mặt: 5.00m

Đào khuôn : 0.45m²
Đào đường cũ : 0.58m²
Đào cống dọc : 1.81m²
Đắp trả cống dọc : 0.82m²
Đắp nền K95 : 0.03m²

CQC: TC2
KM0+092.88

B mặt: 5.00m



R=105.00
it1=-3.00%
ip1=3.00%
w1=0.00

R=105.00
it1=-0.50%
ip1=2.00%
w1=0.00

MSS: 120.00

MSS: 120.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ				130.05	129.45	129.37	128.38	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ				0.61	0.60	2.50	2.50	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	130.05			130.05	129.89	129.54	129.40	128.66
KHOẢNG CÁCH MIA		11.44		1.31	0.71	1.55	1.42	12.62

				128.43	128.43	128.42	128.37	
				0.60	2.50	2.50	0.60	
	129.68		129.66	128.25	128.22	128.24	128.21	128.55
		4.70	8.09	0.60	1.61	1.30		2.14

Đào nền : 0.06m²
Đào khuôn : 0.46m²
Đào đường cũ : 0.60m²
Đào cống dọc : 1.94m²
Đắp trả cống dọc : 0.91m²
Đắp nền K95 : 0.20m²

CQC: 3
KM0+108.70

B mặt: 5.00m

Đào khuôn : 0.61m²
Đào đường cũ : 0.61m²
Đào cống dọc : 1.68m²
Đắp trả cống dọc : 0.75m²
Đắp nền K95 : 0.02m²

CQC: D3
KM0+124.21

B mặt: 5.00m

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HANH PHÚ THO

THẨM TRA

Theo văn bản số: /

Ngày: tháng năm 20.....

Ký tên: *Amey*

MSS: 119.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			128.17	128.03	128.08	128.03	128.03		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			0.60	2.50	2.50	0.60	0.60		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	128.86	128.85	128.08	127.81	127.82	127.81	127.87	128.03	128.03
KHOẢNG CÁCH MIA	6.87	5.55	1.04	1.54	1.44	1.0	2.00	10.55	

MSS: 119.00

			127.78	127.91	127.96	127.91	127.83		
			0.60	2.50	2.50	0.60	0.60		
	128.17	128.17	127.69	127.77	127.82	127.85	127.82	127.86	128.06
			2.40	1.45	1.42	1.62	1.41	2.65	9.33

Đào nền : 0.10m²
Đào khuôn : 0.57m²
Đào đường cũ : 0.61m²
Đào cống dọc : 1.86m²
Đắp trả cống dọc : 0.98m²
Đắp nền K95 : 0.00m²

CQC: 4
KM0+126.18

B mặt: 5.00m

Đào nền : 0.20m²
Đào khuôn : 0.98m²
Đào đường cũ : 0.59m²
Đào cống dọc : 2.05m²
Đắp trả cống dọc : 0.99m²
Đắp nền K95 : 0.01m²

CQC: 5
KM0+142.24

B mặt: 5.00m

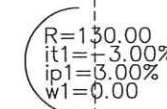
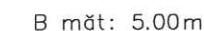
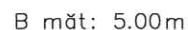


MSS: 119.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			128.21	127.92	127.97	127.92	127.86		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			0.60	2.50	2.50	0.60	0.60		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	128.73	128.64	128.17	127.84	127.89	127.77	127.86	127.86	127.86
KHOẢNG CÁCH MIA	5.44	6.67	1.43	1.46	1.59	0.89	0.49	2.80	9.24

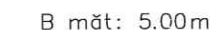
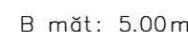
MSS: 119.00

			128.39	128.06	128.11	128.06	127.98		
			0.60	2.50	2.50	0.60	0.60		
	129.05	129.05	128.20	128.01	128.01	128.02	127.99	127.86	127.86
			3.98	1.21	1.34	1.61	1.06	5.74	6.59



MSS: 120.00

4.31	134.84	0.14	128.61
3.12	131.82	0.60	128.46
5.03	129.63	2.50	128.39
1.16	128.44	2.50	128.31
1.39	128.33	0.60	128.65
1.60	128.39	0.34	
1.15	128.39		
2.71	128.66		
9.54	128.65		



M.S.D.N: 2600939571 - C.T.C.T
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG
HƯNG THỊNH
PHÚ THỌ
TP. VIỆT TRÌ - T. PHÚ THỌ

MSS: 120.00

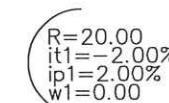
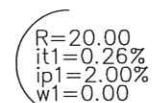
129.76	129.76	128.75	128.48	128.51	128.48	128.80	128.80
4.75	7.47	1.19	1.58	1.40	1.28	6.20	6.11
		0.60	2.50	2.50	0.60		
		128.82	128.82	128.67	128.82	128.82	128.82

CQC: 9
KM0+249.58

Đào nền	:	0.02m2
Đào khuôn	:	0.45m2
Đào đường cũ	:	0.58m2
Đào cống dọc	:	2.01m2
Đắp trả cống dọc	:	0.91m2
Đắp nền K95	:	0.26m2

CQC: TD7
KM0+255.23

B măt: 5.00m



MSS: 121.00

[illegible]

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

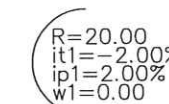
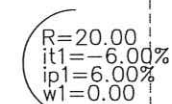
Ký tên: 

CQC: P7
KM0+263.74

Đào nền	:	2.21m2
Đào khuôn	:	1.89m2
Đào đường cũ	:	0.42m2
Đào cống dọc	:	2.57m2
Đắp trả cống dọc	:	1.40m2

CQC: TC7
KM0+272.26

B măt: 5.00m



MSS: 120.00

[illegible]


 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 XÂY DỰNG
 HƯNG THỊNH
 PHÚ THỌ
 T. VIÊN TRÌ - T. PHÚ THỌ

Đào nền : 1.37m²
Đào khuôn : 1.75m²
Đào đường cũ : 0.45m²
Đào cống dọc : 2.57m²
Đắp trả cống dọc : 1.41m²

CQC: 10
KM0+280.00

B mặt: 5.00m

VHC + ĐC : 0.96m²
Đào nền : 0.02m²
Đào khuôn : 0.05m²
Đào đường cũ : 0.49m²
Đào cống dọc : 2.05m²
Đắp trả cống dọc : 0.97m²
Đắp nền K95 : 0.86m²

CQC: 11
KM0+295.64

B mặt: 5.00m

R=20.00
it1=1.10%
ip1=2.00%
w1=0.00

MSS: 120.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			128.37	127.91	127.94	127.89	128.96		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			0.46	0.60	2.50	2.50	0.60	0.48	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	128.38	128.37	128.37	128.12	128.06	128.04	128.10	128.78	129.08
KHOẢNG CÁCH MIA	9.51	2.26	1.43	0.53	1.28	0.99	6.72	7.29	

MSS: 118.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			127.14	127.02	127.07	127.02	127.03		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			0.46	0.60	2.50	2.50	0.60	0.48	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	127.68	127.75	126.81	126.80	126.70	126.73	126.88	127.13	127.13
KHOẢNG CÁCH MIA	9.36	3.73	0.66	1.26	1.21	0.70	2.02	3.21	7.85

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HANH PHÚ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số: /

Ngày: tháng năm 20.....

Ký tên: *Amg*

Đào nền : 0.00m²
Đào khuôn : 1.18m²
Đào đường cũ : 0.51m²
Đào cống dọc : 1.50m²
Đắp trả cống dọc : 0.64m²
Đắp nền K95 : 0.15m²

CQC: TD8
KM0+305.00

B mặt: 5.00m

Vết bùn : 1.81m²
VHC + ĐC : 2.23m²
Đào khuôn : 0.05m²
Đào đường cũ : 0.44m²
Đào cống dọc : 1.04m²
Đắp trả cống dọc : 0.49m²
Đắp nền K95 : 8.34m²

CQC: P8
KM0+310.15

B mặt: 5.00m

MSS: 116.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			126.01	126.50	126.50	126.55	126.56	126.56	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			0.73	0.60	2.50	2.50	0.60	0.48	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	124.11	124.11	126.01	126.25	126.57	126.55	126.57	126.32	126.04
KHOẢNG CÁCH MIA	9.67	1.50	1.86	0.62	1.35	1.21	6.73	3.44	3.62

MSS: 115.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			126.19	126.19	126.27	126.34	126.34	123.69	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			0.60	2.50	2.50	0.60	3.98		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	124.20	124.69	126.10	126.20	126.15	126.20	126.19	126.00	123.69
KHOẢNG CÁCH MIA	8.06	1.85	1.55	2.43	1.11	1.09	1.46	0.90	7.59



R=100.00
it1=3.00%
ip1=3.00%
w1=0.00

Vết bùn : 3.04m²
VHC + ĐC : 2.05m²
Đào đường cũ : 0.44m²
Đắp nền K95 : 11.73m²

CQC: TC8
KM0+315.30

B mặt: 5.00m

Vết bùn : 2.28m²
VHC + ĐC : 0.62m²
Đào đường cũ : 0.43m²
Đào cống dọc : 0.01m²
Đắp trả cống dọc : 0.01m²
Đắp nền K95 : 5.50m²

CQC: 12
KM0+328.62

B mặt: 4.00m

MSS: 115.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						</
-----------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	----

MSS: 116.00

13.09		0.96	124.58	1.38	124.58	124.30	Ký tên: 
		0.95	124.77	0.60	125.50	125.50	
		0.70	125.18	2.00	125.50	125.50	
		2.97	125.20	2.00	125.54	124.30	
		1.30	125.18	0.60	125.50	124.30	
8.82			124.32	1.79			
			124.28				

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH ANH PHÚ THỌ
THẨM TRA
Theo văn bản số: /
Ngày: tháng năm 20.....
Ký tên: *Đông*

Vết bùn : 1.88m²
VHC + ĐC : 0.96m²
Đào đường cũ : 0.45m²
Đắp nền K95 : 6.68m²

CQC: 13
KM0+344.45

B mặt: 4.00m

Vết bùn : 1.74m²
VHC + ĐC : 1.34m²
Đào đường cũ : 0.45m²
Đắp nền K95 : 5.52m²

CQC: TD9
KM0+361.35

B mặt: 4.00m

MSS: 115.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ		124.45	125.21	125.23	125.27	125.23	125.21	124.05
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		1.13	0.50	2.00	2.00	0.50	1.73	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	124.37	124.46	124.86	124.87	124.86	123.91	124.06	123.93
KHOẢNG CÁCH MIA		12.51	0.61	1.88	0.34	1.25	2.47	10.94

MSS: 115.00

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

M.S.D.N: 2600939571 - C.T.C.P
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG
HÙNG THỊNH
PHÚ THỌ
TP. VIỆT TRÌ - T. PHÚ THỌ

R=80.00
t1=2.00%
p1=-0.50%
w1=0.00

Vết bùn : 1.36m²
VHC + ĐC : 1.67m²
Đào đường cũ : 0.48m²
Đắp nền K95 : 4.55m²

CQC: P9
KM0+365.14

B mặt: 4.00m

VHC + ĐC : 1.99m²
Đào nền : 0.01m²
Đào khuôn : 0.19m²
Đào đường cũ : 0.43m²
Đào rãnh đất : 0.31m²
Đắp nền K95 : 1.62m²

CQC: TC9
KM0+368.94

B mặt: 4.00m

R=80.00
it1=3.00%
ip1=-3.00%
w1=0.00

R=80.00
it1=2.00%
ip1=-0.50%
w1=0.00



MSS: 115.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	124.34	124.85	124.87	124.93	124.99	124.97	123.91
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.77	0.50	2.00	2.00	0.50	1.59	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	124.20	124.22	124.37	124.73	124.75	124.76	123.94
KHOẢNG CÁCH MIA	4.09	9.37	0.96	0.58	1.80	1.29	3.49
							8.42

MSS: 115.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	124.33	124.81	124.83	124.87	124.88	124.84	124.84
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.72	0.50	2.00	2.00	0.50	0.40	0.37
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	124.23	124.34	124.33	124.87	124.40	124.87	124.91
KHOẢNG CÁCH MIA	7.38	4.94	0.70	0.40	0.77	2.04	2.50
							3.58
							3.27
							3.61

VHC + ĐC : 1.40m²
Đào nền : 0.10m²
Đào khuôn : 0.01m²
Đào đường cũ : 0.50m²
Đào rãnh đất : 0.32m²
Đắp nền K95 : 1.02m²

CQC: TD10
KM0+379.53

B mặt: 4.00m

Vết bùn : 1.54m²
VHC + ĐC : 1.03m²
Đào nền : 0.11m²
Đào đường cũ : 0.44m²
Đào rãnh đất : 0.32m²
Đắp nền K95 : 5.81m²

CQC: P10
KM0+386.31

B mặt: 4.00m

R=50.00
it1=-1.50%
ip1=2.00%
w1=0.00

R=50.00
it1=-5.00%
ip1=5.00%
w1=0.00



MSS: 115.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	124.96	124.99	124.99	124.83	124.80	124.76	124.74	124.04
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.40	0.40	0.40	0.50	2.00	2.00	0.50	1.05
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	124.22	124.46	125.25	125.03	124.70	124.65	124.63	124.73
KHOẢNG CÁCH MIA	6.74	1.32	2.49	2.61	1.83	0.67	1.63	1.95
								10.75

MSS: 115.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	124.65	124.55	124.15	124.56	124.85	124.75	124.65	123.51
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.40	0.40	0.40	0.50	2.00	2.00	0.50	1.68
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	123.93	124.13	124.70	124.39	124.31	124.29	123.60	123.23
KHOẢNG CÁCH MIA	8.17	2.88	2.09	1.86	0.36	0.74		13.89

Vết bùn : 1.32m²
VHC + ĐC : 1.40m²
Đào đường cũ : 0.41m²
Đắp nền K95 : 6.64m²

CQC: TC10
KM0+393.09

B mặt: 4.00m

R=50.00
it1=-1.50%
ip1=2.00%
w1=0.00

MSS: 114.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ		123.94	124.72	124.74	124.71	124.67	124.65	123.43
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		1.16	0.50	2.00	2.00	0.50	1.83	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	123.71	123.88	124.02	124.16	124.22	124.18	123.50	123.13
KHOẢNG CÁCH MIA	9.74	3.54	0.76	0.96	1.08	0.61	13.31	

Vết bùn : 2.06m²
VHC + ĐC : 0.85m²
Đào đường cũ : 0.44m²
Đắp nền K95 : 5.84m²

CQC: 14
KM0+413.68

B mặt: 4.00m

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HANH PHÚ THỌ
THẨM TRA
Theo văn bản số:/.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: *Ang*

MSS: 114.00

	123.73	124.50	124.52	124.56	124.52	124.50	123.54
	1.15	0.50	2.00	2.00	0.50	1.44	
	123.51	123.78	124.13	124.13	124.10	123.63	123.04
	13.59	0.71	0.70	1.51	0.54	12.95	

Vết bùn : 2.13m²
VHC + ĐC : 0.72m²
Đào đường cũ : 0.43m²
Đắp nền K95 : 5.48m²

CQC: 15
KM0+426.54

B mặt: 4.00m

MSS: 114.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ		123.60	124.42	124.44	124.48	124.44	124.42	123.65
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		1.24	0.50	2.00	2.00	0.50	1.16	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	123.43	123.54	123.65	124.11	124.11	124.08	123.72	123.17
KHOẢNG CÁCH MIA	8.21	5.59	0.38	0.82	1.33	0.62	13.05	

Vết bùn : 1.95m²
VHC + ĐC : 0.53m²
Đào đường cũ : 0.43m²
Đắp nền K95 : 5.89m²

CQC: TD11
KM0+441.83

B mặt: 4.00m

M.S.D.N: 2600939571-C.T.C.P
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG
HUNG THỊNH
PHÚ THỌ
TP. VIỆT TRÌ - T. PHÚ THỌ

R=80.00
it1=2.00%
ip1=-0.50%
w1=0.00

MSS: 115.00

	123.58	124.51	124.53	124.57	124.58	124.56	123.61
	1.39	0.50	2.00	2.00	0.50	1.42	
	123.49	123.54	123.59	124.08	124.08	124.08	123.41
	6.49	6.15	1.14	1.22	0.91	0.65	5.10

Vết bùn : 2.10m²
VHC + ĐC : 1.41m²
Đào đường cũ : 0.43m²
Đắp nền K95 : 8.63m²

CỌC: P11
KM0+454.10

B mặt: 4.00m

Đào nền : 0.51m²
Đào khuôn : 1.36m²
Đào đường cũ : 0.44m²
Đào rãnh đất : 0.14m²
Đắp nền K95 : 0.11m²

CỌC: TC11
KM0+466.36

B mặt: 4.00m

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHI NHÁNH PHÚ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số /

Ngày tháng năm 20.....

Ký tên: *Any*

R=80.00
it1=2.00%
ip1=-0.50%
w1=0.00

MSS: 115.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			123.55	124.72	124.74	124.80	124.86	124.84	123.74		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			1.76	0.50	2.00	2.00	0.50	1.66			
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	123.69		123.55	123.55	124.15	124.16	124.20	123.71	123.80		123.74
KHOẢNG CÁCH MIA		9.36	4.36	0.95	0.33	1.84	1.10	4.20	7.85		

MSS: 115.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ				125.05	125.08	125.12	125.13	125.11	124.71	125.14	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ				0.41	0.50	2.00	2.00	0.50	0.40	0.40	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	123.57		123.57	123.57	124.54	125.44	125.14	125.13	125.09	125.30	126.33
KHOẢNG CÁCH MIA		7.88	2.09	3.75	1.27	1.25	2.19	1.36	5.33	4.88	

VHC + ĐC : 0.33m²
Đào nền : 0.91m²
Đào khuôn : 1.11m²
Đào đường cũ : 0.46m²
Đào rãnh đất : 0.32m²
Đắp nền K95 : 0.29m²

CỌC: 16
KM0+479.06

B mặt: 4.00m

VHC + ĐC : 1.37m²
Đào nền : 2.16m²
Đào khuôn : 0.76m²
Đào đường cũ : 0.46m²
Đào rãnh đất : 0.32m²
Đắp nền K95 : 1.52m²

CỌC: 17
KM0+499.68

B mặt: 4.00m



MSS: 116.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ				125.25	125.42	125.46	125.42	125.40	125.00	126.25	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ				0.50	2.00	2.00	0.50	0.40	1.25		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	124.23	124.53	124.72	125.33	125.52	125.53	125.54	125.92	127.03		127.49
KHOẢNG CÁCH MIA		3.45	2.04	7.80	1.28	0.43	1.85	1.68	3.42	8.05	

MSS: 116.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ				125.20	125.67	125.69	125.73	125.69	125.67	125.27	126.22
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ				0.70	0.50	2.00	2.00	0.50	0.40	0.96	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	124.52	124.63	124.75	125.21	125.17	125.33	126.00	126.26		126.22	126.52
KHOẢNG CÁCH MIA		2.95	4.88	3.34	2.31	0.86	0.66	0.41	4.01	10.59	

VHC + ĐC : 1.33m²
Đạo đường cũ : 0.47m²
Đắp nền K95 : 2.62m²

CQC: TD12
KM0+517.31

B mặt: 4.00m

Vết bùn : 2.42m²
VHC + ĐC : 1.19m²
Đạo đường cũ : 0.46m²
Đắp nền K95 : 13.52m²

CQC: P12
KM0+527.83

B mặt: 4.00m

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HANH PHÚ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên: Amy

R=25.00
it1=6.00%
ip1=-6.00%
w1=0.00

MSS: 116.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ				124.52 124.90 124.92	124.96	125.00 124.98 124.90				
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ				0.57 0.50	2.00	2.00	0.50 0.22			
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	124.18	124.43	124.60		124.45 124.51	124.64 124.75	124.80	124.82		124.88
KHOẢNG CÁCH MIA	5.09	3.12	6.79	0.11	2.33	0.94	1.04	5.65	4.93	

MSS: 114.00

				122.63 124.20 124.22	124.34	124.46 124.44	122.74			
				2.35 0.50	2.00	2.00	0.50	2.55		
	122.67	122.65	122.62		122.63 123.08	123.13 123.10	122.75			122.37
	7.35	4.51	3.14	0.56	2.29	0.26	1.73	10.17		

Vết bùn : 2.63m²
VHC + ĐC : 0.73m²
Đạo đường cũ : 0.41m²
Đắp nền K95 : 9.06m²

CQC: TC12
KM0+538.35

B mặt: 4.00m

Vết bùn : 1.62m²
VHC + ĐC : 0.85m²
Đạo đường cũ : 0.45m²
Đắp nền K95 : 3.98m²

CQC: TD13
KM0+551.36

B mặt: 4.00m



MSS: 113.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ				122.66 123.66 123.68	123.72	123.76 123.74	122.43			
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ				1.50 0.50	2.00	2.00	0.50	1.97		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	122.75	122.63		122.68 122.88	122.87	122.89 122.53	122.36			122.09
KHOẢNG CÁCH MIA	8.45	5.15	0.41	0.99	1.04	0.74	4.38	8.84		

MSS: 114.00

				122.46 122.89 122.91	122.95	122.99 122.97	122.21			
				0.65 0.50	2.00	2.00	0.50	1.14		
	122.46	122.46		122.46 122.65	122.70	122.68 122.26				122.01
	9.85	3.50	0.46	1.19	1.04	0.86	8.89	4.21		

CỌC: P13
KM0+557.11

Vết bùn : 1.25m²
VHC + ĐC : 1.17m²
Đào khuôn : 0.07m²
Đào đường cũ : 0.44m²
Đắp nền K95 : 2.81m²

B mặt: 4.00m

CỌC: TC13
KM0+562.86

VHC + ĐC : 1.60m²
Đào đường cũ : 0.43m²
Đắp nền K95 : 1.45m²

B mặt: 4.00m

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HÁNH PHÚ THỌ

TIỂM TRA

Theo văn bản số: /

Ngày: tháng năm 20.....

Ký tên: *[Signature]*

MSS: 113.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			122.27	122.52	122.64	122.76	122.74	122.02		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			0.35	2.00	2.00	0.50	1.07			
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	122.44	122.26	122.27	122.57	122.61	122.60	122.02	122.02	121.78	
KHOẢNG CÁCH MIA	9.56	3.98	0.63	0.84	1.35	1.11	5.51	7.03		

MSS: 113.00

			122.19	122.37	122.41	122.45	122.43	121.76		
			0.35	2.00	2.00	0.50	1.02			
	122.38	122.13	122.24	122.25	122.10	122.15	121.75	121.81	121.73	
	9.74	4.57	0.70	0.78	2.17	0.74	4.41	7.50		

CỌC: 18
KM0+577.32

VHC + ĐC : 3.24m²
Đào đường cũ : 0.48m²
Đào chôn khay : 4.25m²
Đắp trả CK : 2.63m²
Đắp nền K95 : 10.70m²

B mặt : 4.00m
L gia cố TL trái : 2.53m
L gia cố TL phải : 5.85m

CỌC: TD14
KM0+584.99

Đào nền : 2.68m²
Đào đường cũ : 0.51m²
Đắp nền K95 : 17.76m²

B mặt : 5.24m
L gia cố TL phải : 4.17m

MSS: 111.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			121.28	122.19	122.21	122.25	122.21	122.19	119.80	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			1.81	0.50	2.00	2.00	0.50	4.79		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	121.32	121.28	121.29	121.03	121.04	121.02	121.02	120.02	119.56	119.56
KHOẢNG CÁCH MIA	5.38	7.59	1.15	0.87	1.53	1.42	1.69	5.41	4.95	

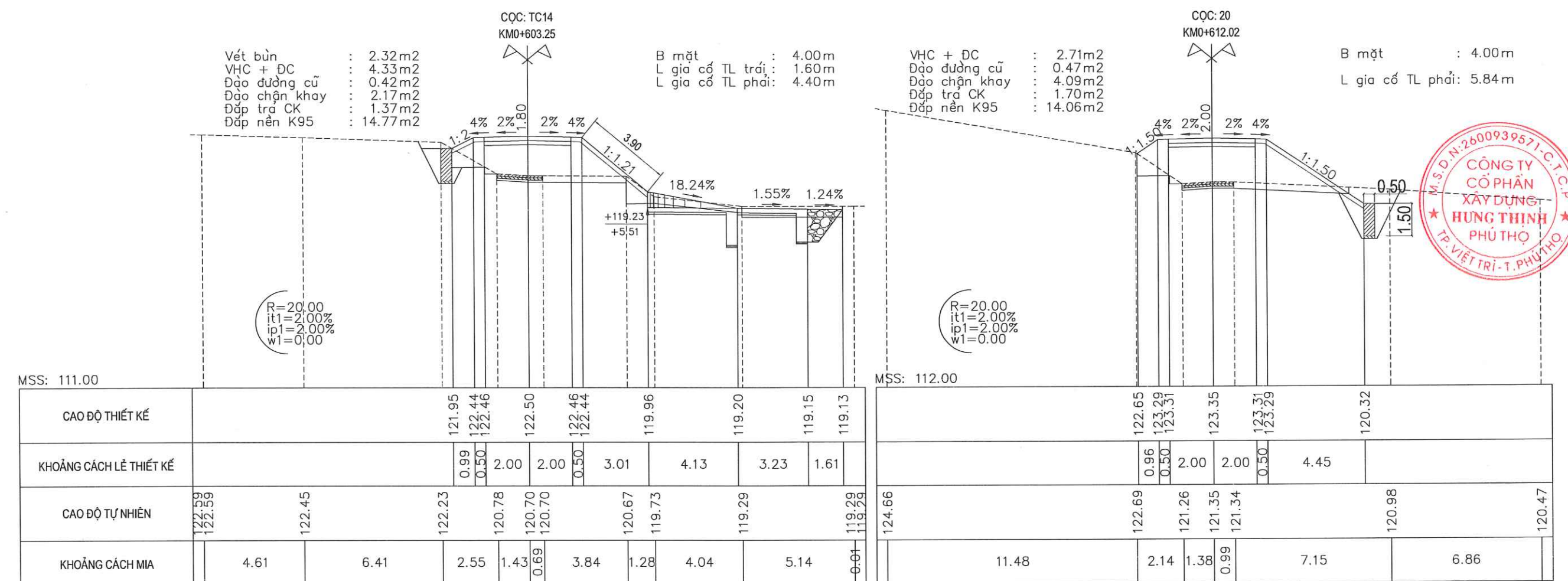
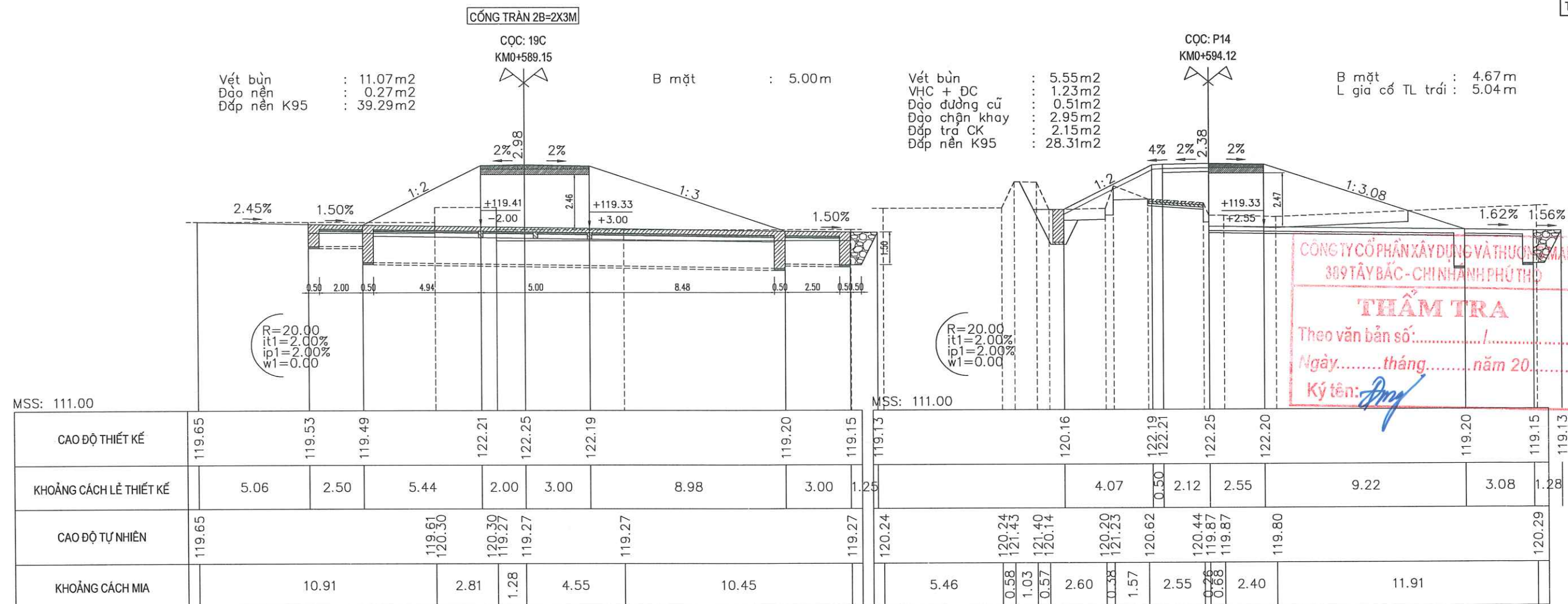
MSS: 111.00

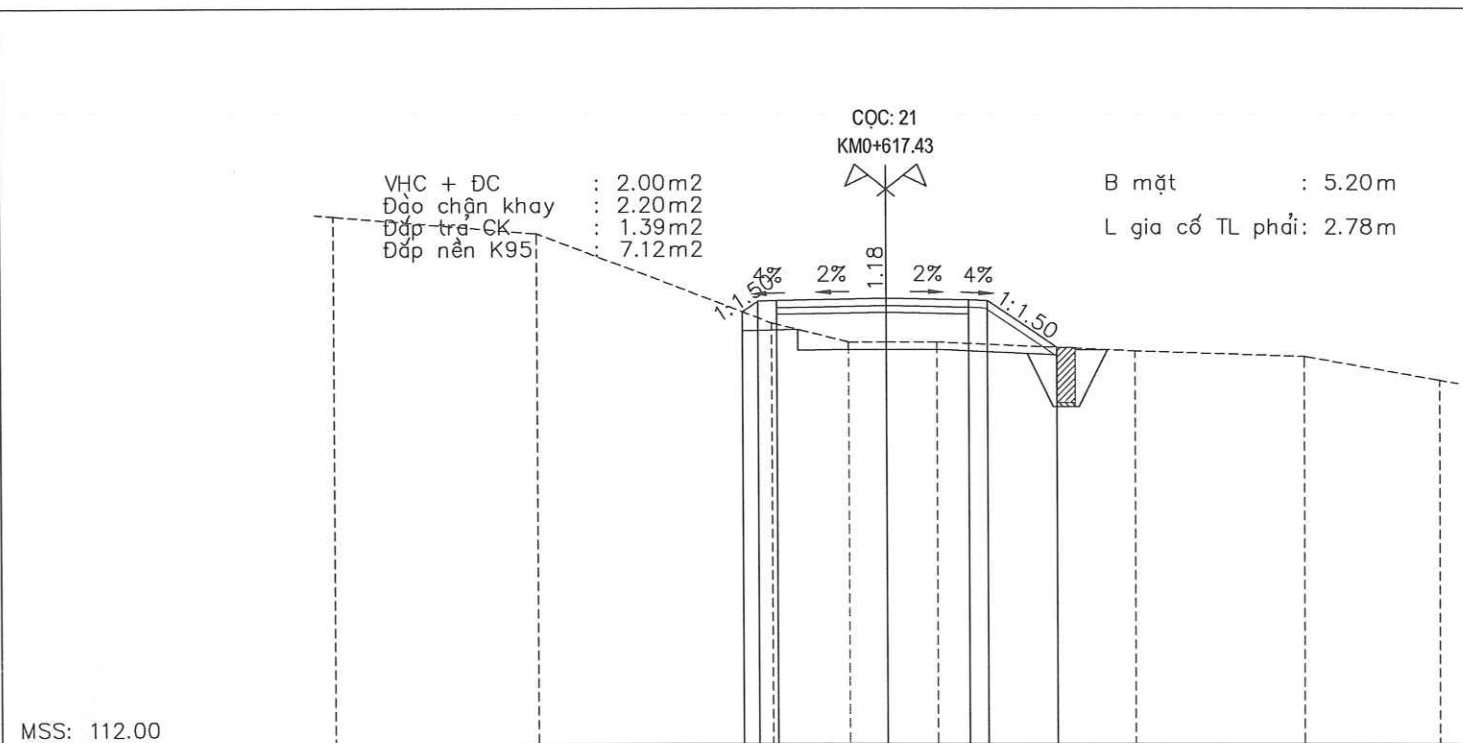
	120.65	119.53	119.49	122.20	122.25	122.20	120.88	119.20	119.15	119.13
	4.28	2.56	5.58	2.58	2.66	3.96	3.26	3.08	1.28	
	120.65	119.90	119.65	120.60	120.38	120.35	120.53	120.78	121.00	119.79
	6.32	4.18	0.98	0.49	2.53	0.49	0.54	3.90	1.13	2.87
								6.56		

M.S. Đ. N. 2600939571 - C.T. C. P.

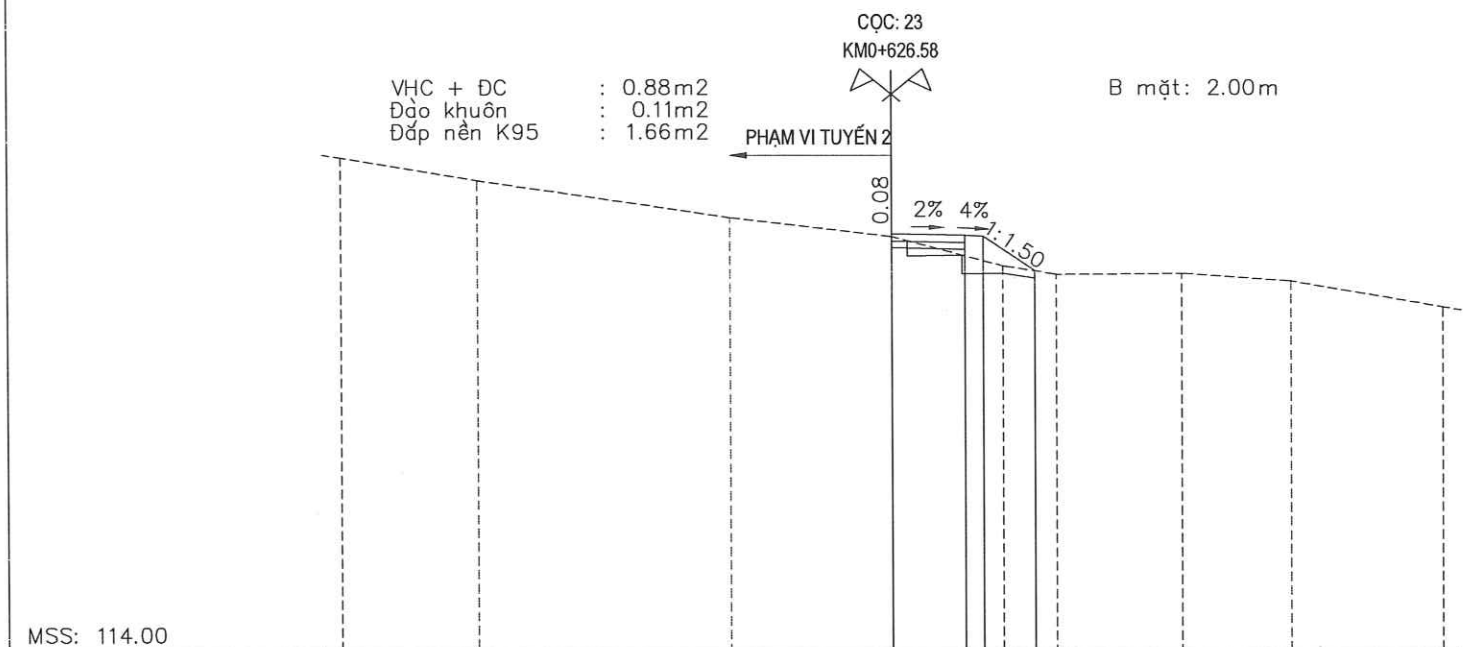
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG
HUNG THỊNH
PHÚ THỌ

VIỆT TRÍ - T. PHÚ THỌ

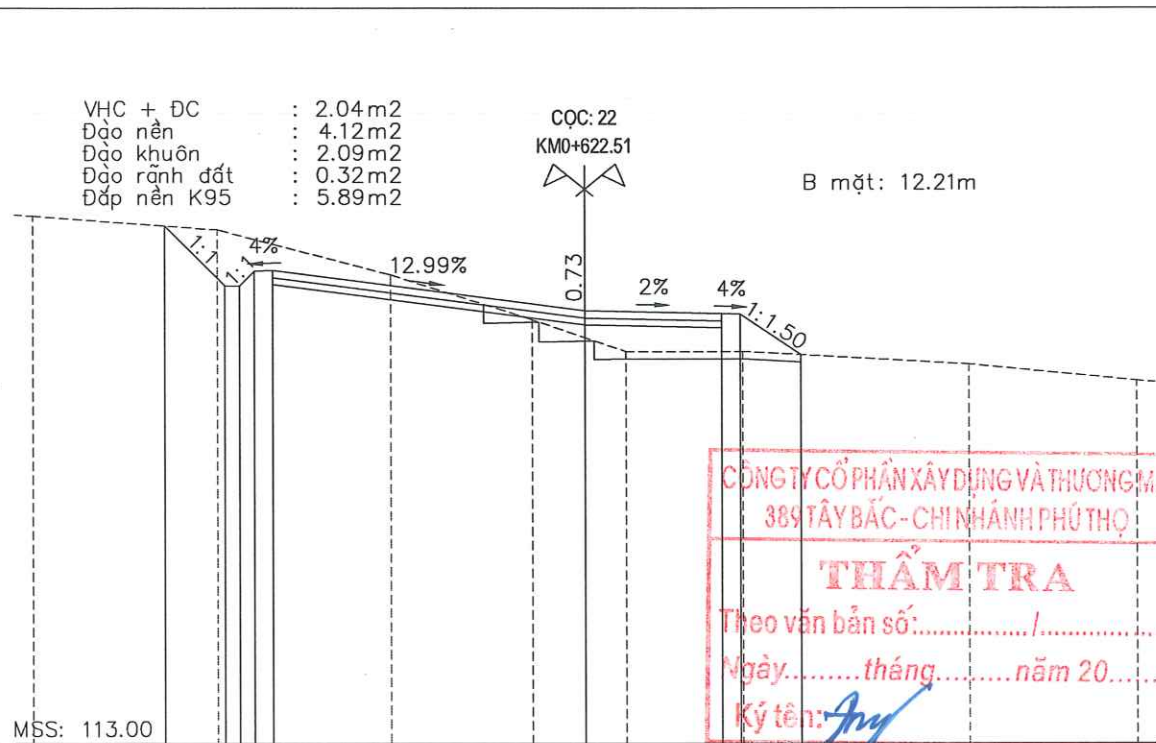




CAO ĐỘ THIẾT KẾ			123.68	123.99	124.05	124.00	123.98	122.72		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			0.43	0.50	2.96	2.24	0.50	1.90		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	126.27	125.81	123.38	122.86	122.86	122.86		122.62	122.47	121.83
KHOẢNG CÁCH MIA	5.53	6.37	2.07	1.03	1.37	5.37	4.59	3.66		



CAO ĐỘ THIẾT KẾ				125.23	125.19	125.17	124.23			
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ				2.00	0.50	1.41				
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	127.29	126.68	125.67	125.15	124.37	124.14	124.17	123.96		123.27
KHOẢNG CÁCH MIA	3.74	6.86	4.40	3.03	1.46	3.41	2.97	4.13		



	127.01	125.38	125.38	125.78	125.80		124.70		124.63	124.61	123.52	
	1.63	0.40	0.40	0.50		8.47		3.74	0.50	1.64		
	127.27	126.91				125.68	124.47	123.98	123.60	123.60	123.26	122.81
	5.03	4.70	3.84	1.44	1.12	3.18		6.15		4.54		

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HANH PHÚ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số: /
Ngày: tháng năm 20.....
Ký tên: *Truy*

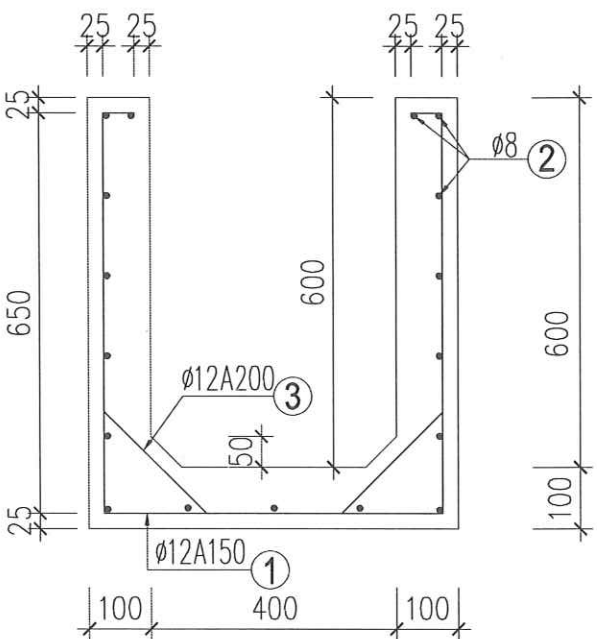
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ**

Địa Chỉ : Tổ 69, P.Nông Trang, T. Phú Thọ
Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

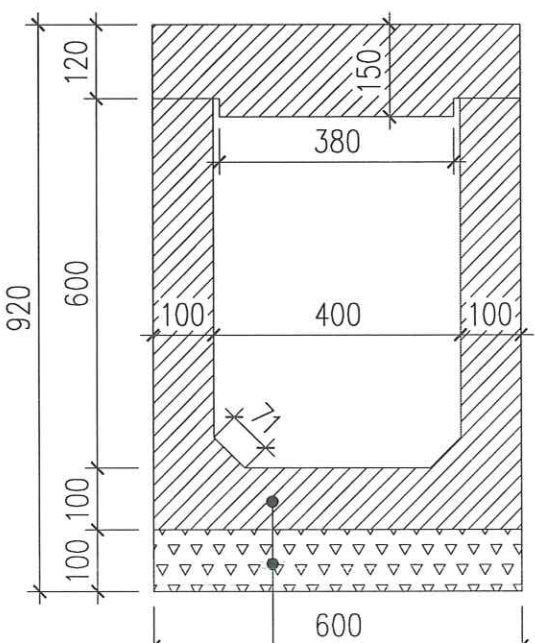
HIỆU CHỈNH			Revisions
1			
2			
3			
4			
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY	Date
Ver	Description	Date	
CHỦ ĐẦU TƯ			Client
TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC			
CÔNG TRÌNH			Project
CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN KHU BẬN XÃ THU CÚC			
Địa điểm: Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ			
HẠNG MỤC			
GIAO THÔNG			
TÊN BẢN VẼ			DWG. title
BÌNH ĐỒ TUYẾN			
CHỦ TRÌ	KS		
P.s Architect	PHÙNG XUÂN HUYỀN		
THIẾT KẾ	KS		
Design	PHÙNG XUÂN HUYỀN		
THỂ HIỆN	KS		
Draw	PHÙNG XUÂN HUYỀN		
Q.L.K.T	KS		
Manager	NGUYỄN TIẾN ĐẠT		
HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG			
NGÀY HT	2026		
Date			
KÝ HIỆU BV	TN-15		
Drawing No			

RÃNH DỌC BTCT B40

MẶT CẮT NGANG



MẶT CẮT NGANG RÃNH

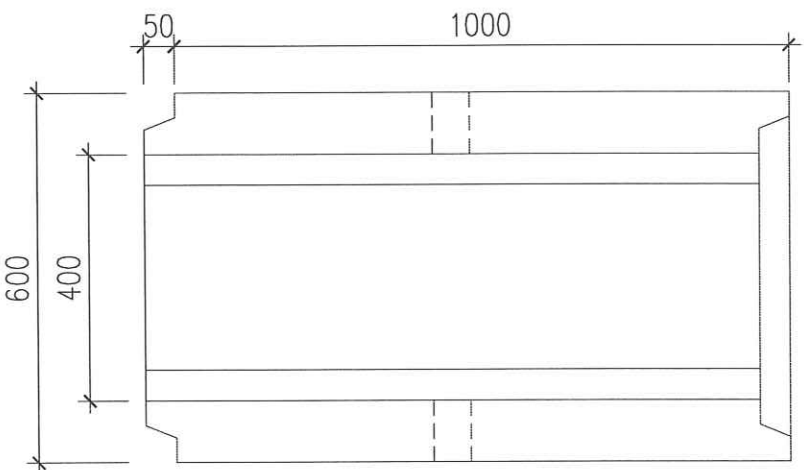


RÃNH BTCT M250

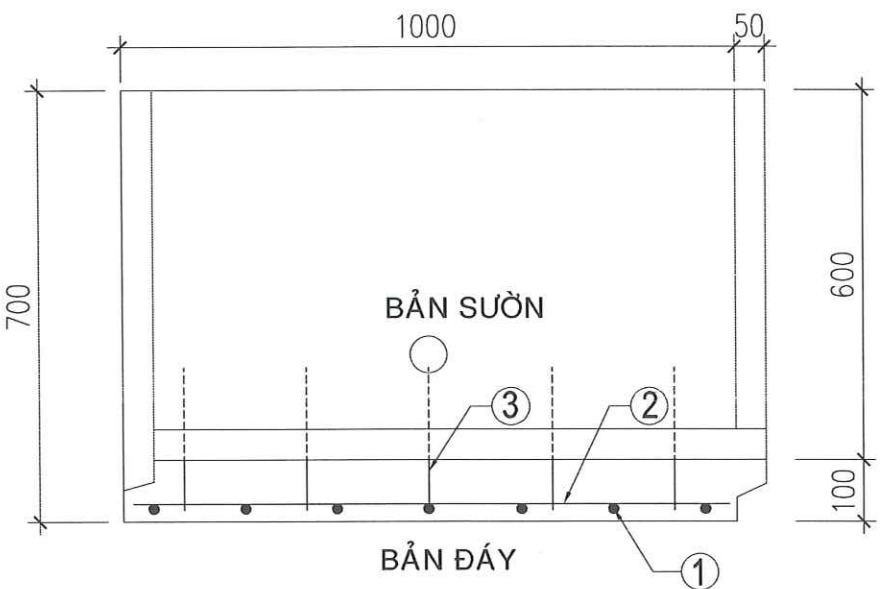
ĐÁ DẪM ĐỆM MÓNG DÀY 10CM

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HANH PHÚ THỌ
THẨM TRA
Theo văn bản số: /
Ngày: tháng năm 20.....
Ký tên: Amy

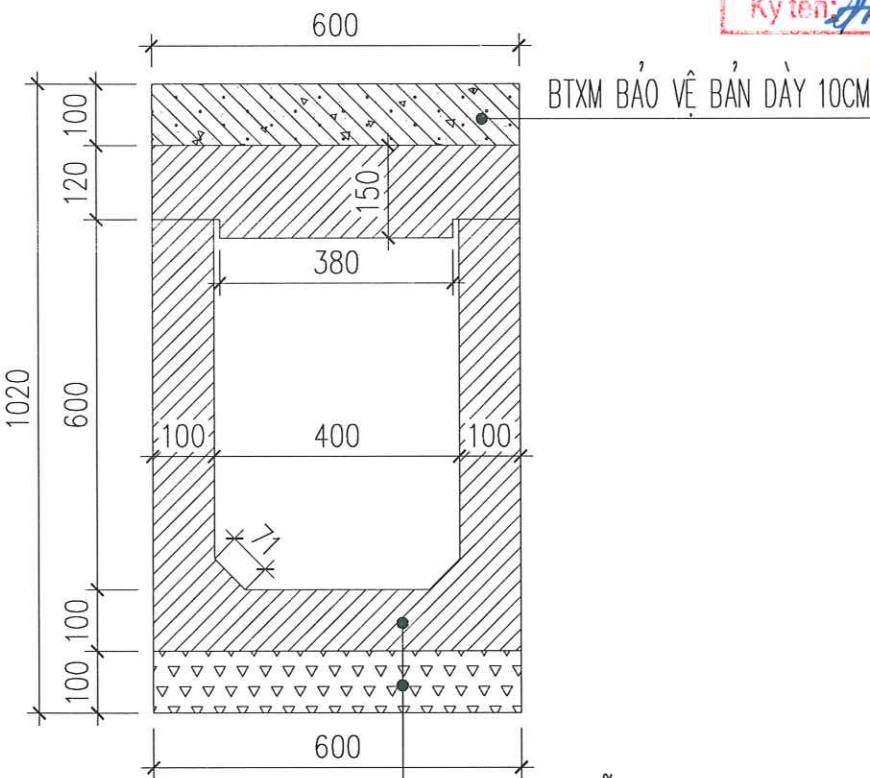
MẶT BẰNG RÃNH



1/2 MẶT CẮT DỌC & 1/2 CHÍNH DIỆN



MẶT CẮT NGANG RÃNH QUA VỊ TRÍ LỖ RỂ



BTXM BẢO VỆ BẢN DÀY 10CM

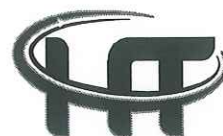
RÃNH BTCT M250

ĐÁ DẪM ĐỆM MÓNG DÀY 10CM

GHI CHÚ

- 1 - Kích thước trong bản vẽ ghi bằng mm
2 - Liên kết những thanh cốt thép được tiến hành bằng máy hàn tự động hay buộc.
3 - Rãnh được chế tạo bằng công nghệ rung lõi

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ



Địa Chỉ : Tổ 69, P.Nông Trang, T. Phú Thọ
Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH		Revisions
1		
2		
3		
4		
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY
Ver	Description	Date

CHỦ ĐẦU TƯ Client
TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH Project
CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN KHU BẠN XÃ THU CÚC
Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC
GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ DWG. title

ĐÌNH HÌNH CÔNG BTCT B40X60



CHỦ TRÌ P.s Architect	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	
THIẾT KẾ Design	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	
THỂ HIỆN Draw	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT Date	2026
KÝ HIỆU BV Drawing No	B40-1

HIỆU CHÍNH		Revisions
1		
2		
3		
4		
LẦN Ver	MÔ TẢ Description	NGÀY Date

CHỦ ĐẦU TƯ Client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH Project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN KHU BẠN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ DWG. title

TẤM ĐẠN BTCT

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG
HUNG THỊNH
PHÚ THỌ

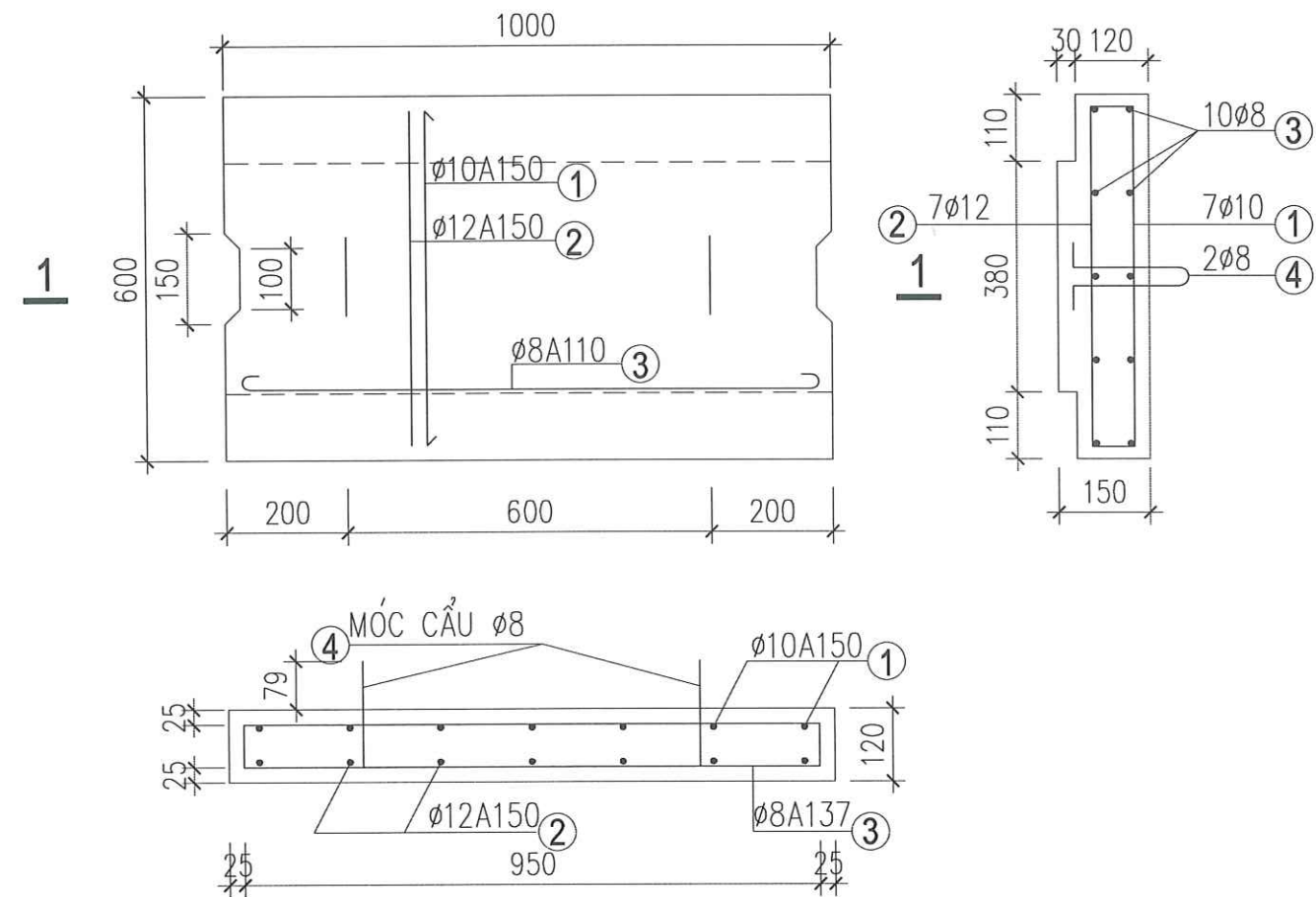
CHỌNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ P.s Architect	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	
THIẾT KẾ Design	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	
THỂ HIỆN Draw	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

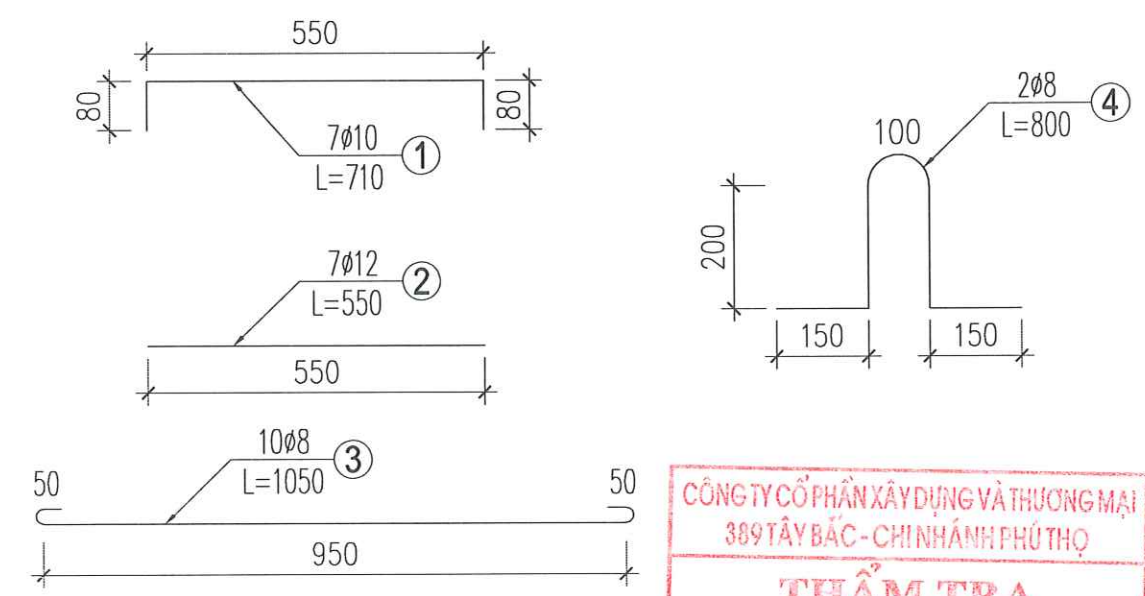
NGÀY HT Date	2026
KÝ HIỆU BV Drawing No	B40-2

CHI TIẾT TẤM ĐẠN



MẶT CẮT 1-1

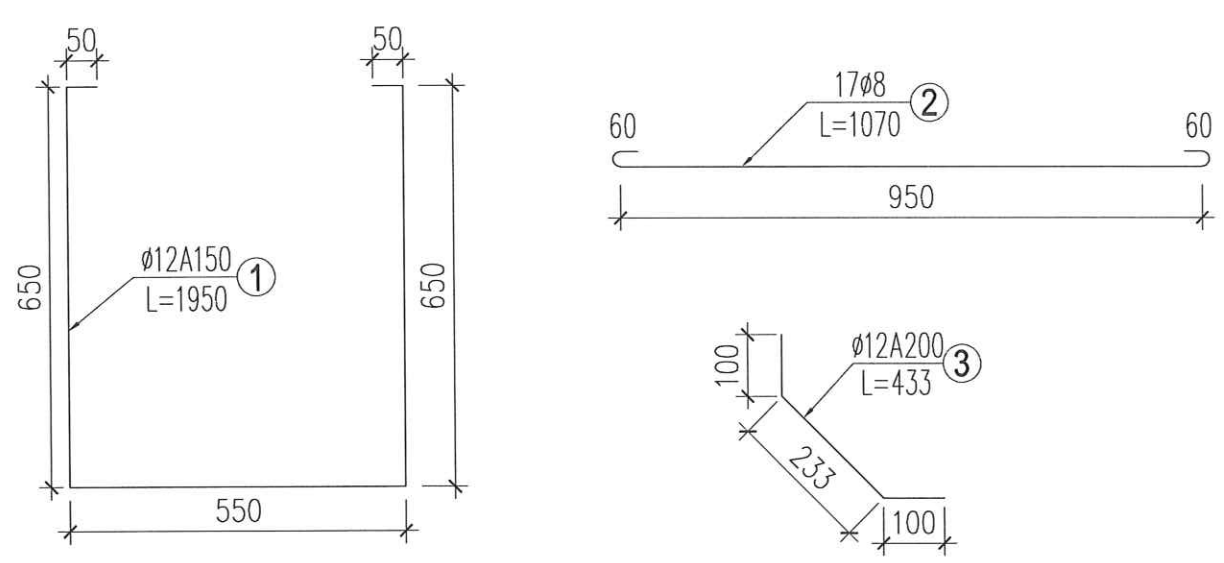
CHI TIẾT CỐT THÉP TẤM ĐẠN RÃNH



BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP TẤM ĐẠN

CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	Ø (mm)	CHIỀU DÀI (mm)	S.LƯỢNG/ 1 C.K.	S.LƯỢNG C.K.	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (kg)
TẤM ĐẠN	1	10	710	7	1	4.970	3.064
	2	12	550	7	1	3.850	3.418
	3	8	1050	10	1	10.500	4.143
	4	8	800	2	1	1.600	0.631
TỔNG CHI TIẾT		THÉP Ø ≤ 10				KG	7.113
		THÉP Ø > 10				KG	3.418
		BÊ TÔNG M250				M3	0.083
		VÁN KHUÔN				M2	0.440

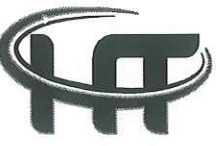
CHI TIẾT CỐT THÉP THÂN RÃNH



BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP THÂN RÃNH

CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	Ø (mm)	CHIỀU DÀI (mm)	S.LƯỢNG/ 1 C.K.	S.LƯỢNG C.K.	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (Kg)
THÂN RÃNH	1	12	1950	7	1	13.650	12.118
	2	8	1070	17	1	18.190	7.177
	3	12	433	10	1	4.330	3.844
TỔNG CHI TIẾT		THÉP Ø ≤ 10				KG	7.177
		THÉP Ø > 10				KG	15.962
		BÊ TÔNG M250				M3	0.183
		VÁN KHUÔN				M2	2.825

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ



Địa Chỉ : Tổ 69, P.Nông Trang, T. Phú Thọ

Điện Thoại : 0977 510 054

Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH		Revisions
1		
2		
3		
4		
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY
Ver	Description	Date

CHỦ ĐẦU TƯClient

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNHProject

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG
GIAO THÔNG NÔNG THÔN
KHU BẮN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼDWG. title

CỐNG BẮN B75
CỌC: 4 TUYẾN 1
KM0+126.18

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
369 TÂY BẮC - CHINH HANH PHÚ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: 

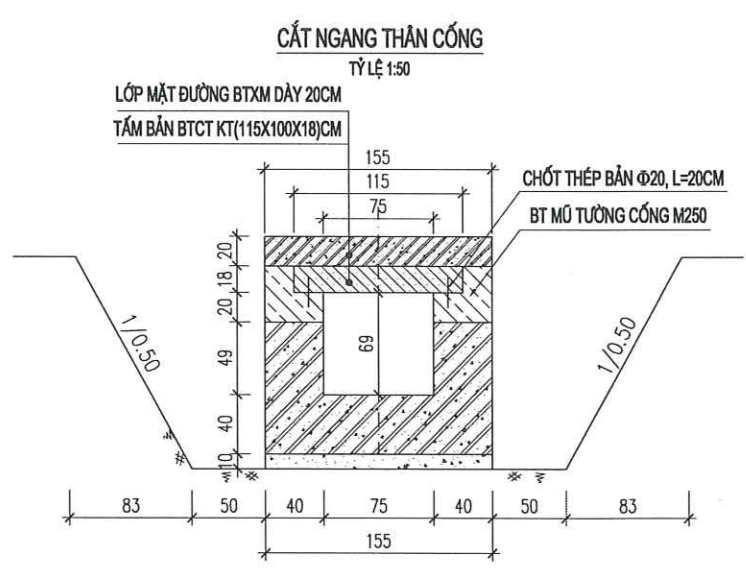
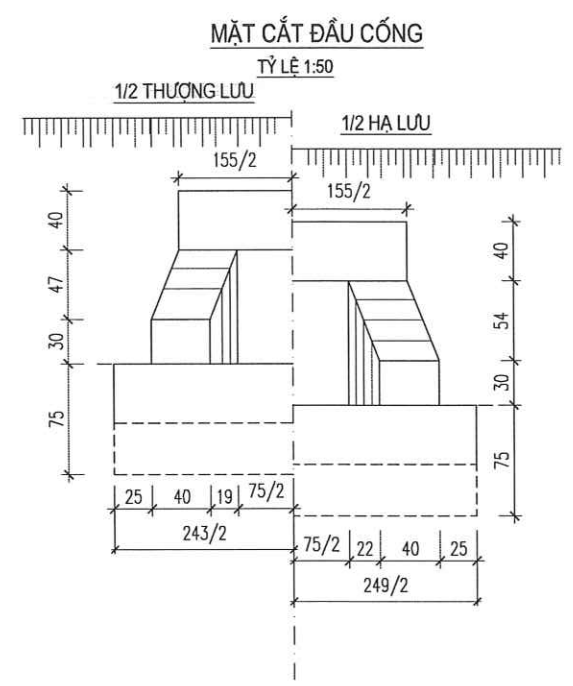
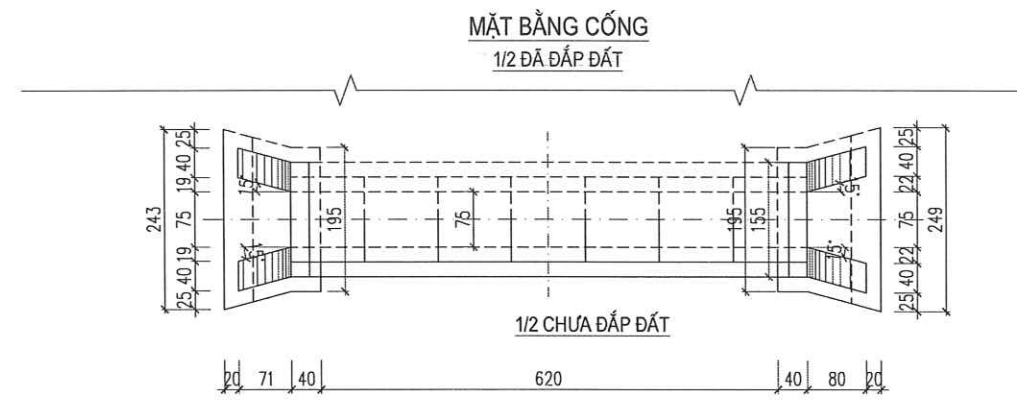
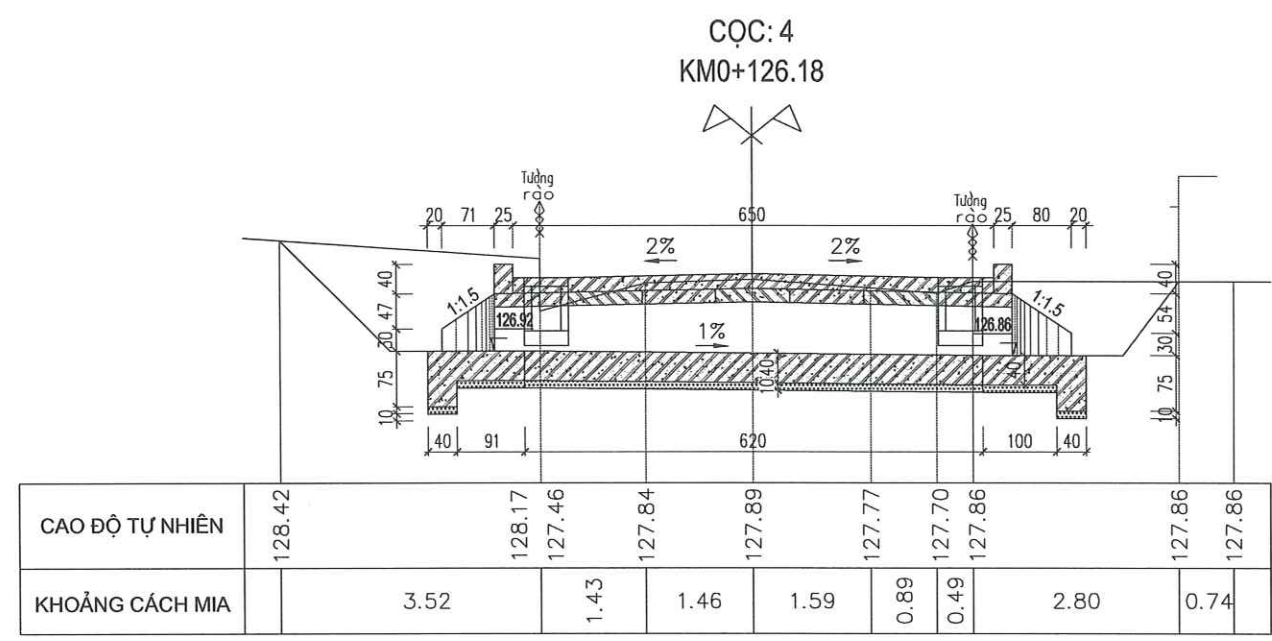
M.S.D.N. 26009395

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
369 TÂY BẮC - CHINH HANH PHÚ THỌ

HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ P.s Architect	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	
THIẾT KẾ Design	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	
THỂ HIỆN Draw	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	

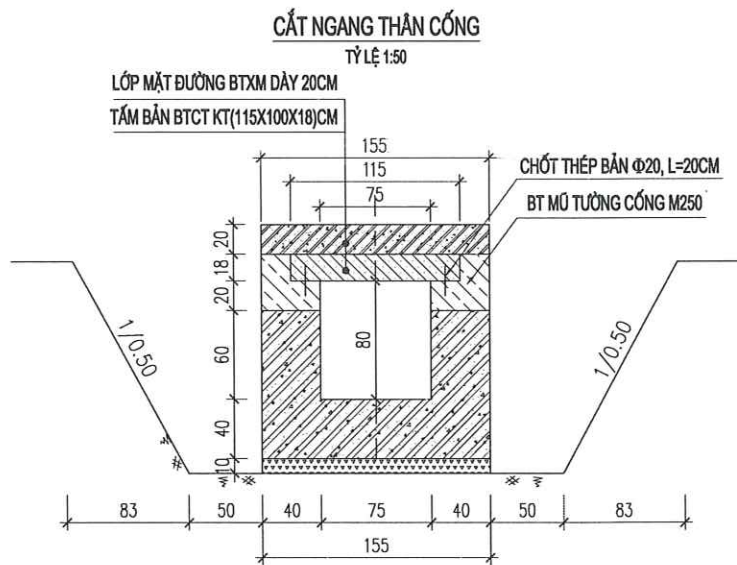
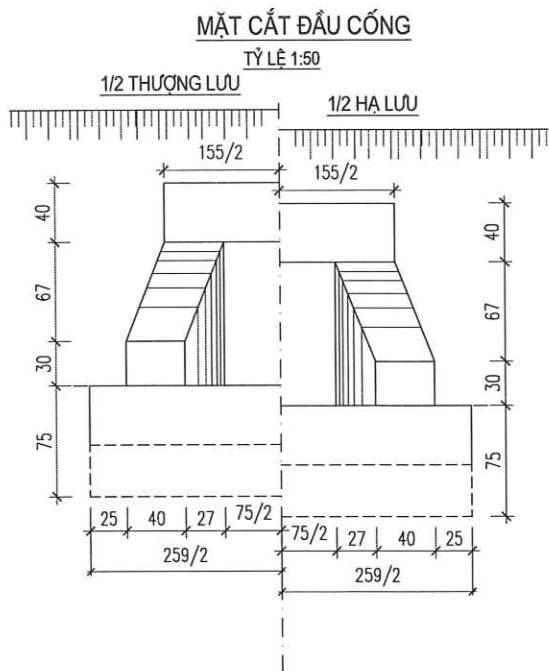
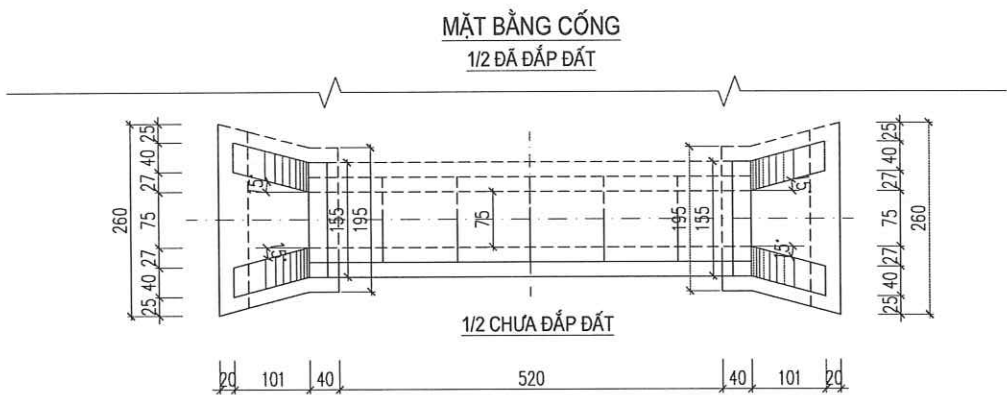
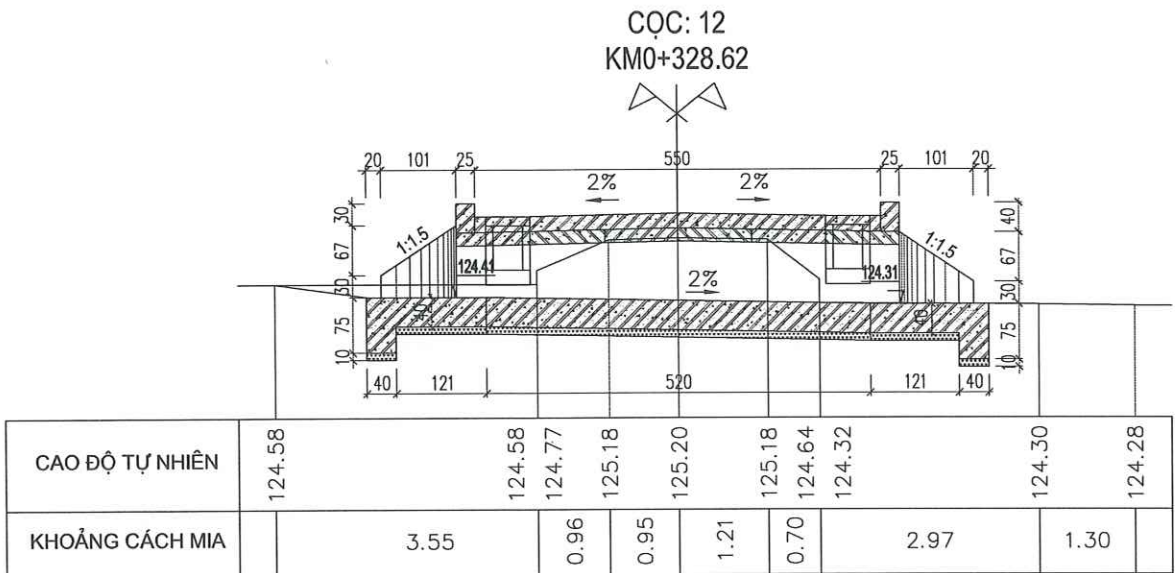
HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG	
NGÀY HT Date	2026
KÝ HIỆU BV Drawing No	C-01



- CỐNG CỌC: 4 KM0+126.18 CÔNG TRÌNH:
- HIỆN TẠI VỊ TRÍ NÀY ĐÃ CÓ CỐNG THOÁT NƯỚC NHƯNG CHƯA ĐẢM BẢO, NAY DO YÊU CẦU NÂNG CẤP TUYẾN ĐƯỜNG NÊN TẠI VỊ TRÍ NÀY KIẾN NGHỊ THIẾT KẾ CỐNG MỚI B75.
- CỐNG THIẾT KẾ MỚI LÀ CỐNG BẢN BTCT B75, ĐỂ THOÁT NƯỚC NGANG ĐƯỜNG VÀ ĐẢM BẢO ỔN ĐỊNH NỀN ĐƯỜNG.
- ĐẦU CỐNG THƯỢNG LƯU VÀ HẠ LƯU THIẾT KẾ KIỂU TƯỜNG CÁCH CHÉO BTXM M200.
- THÂN CỐNG, MÓNG CỐNG ĐỔ BTXM M200 DÀY 40CM.
- SÀN CỐNG THƯỢNG - HẠ LƯU GIA CỐ BẰNG BÊ TÔNG XM M200 DÀY 20CM TRÊN LỚP ĐÁ DẪM ĐỆM DÀY 10CM.
- TẤM BẢN BTBT CÓ ĐỊNH HÌNH RIÊNG.
- GHI CHÚ:
- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ ĐƠN VỊ GHI CM, CAO ĐỘ GHI M.

BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG CỐNG

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH	KHỐI LƯỢNG
1	BÊ TÔNG GIA CỐ SÀN CỐNG	M3	BT M200	-
2	BÊ TÔNG SÀN CỐNG, CHÂN KHAY	M3	BT M200	2.97
3	BÊ TÔNG TƯỜNG ĐẦU, TƯỜNG CÁCH	M3	BT M200	0.69
4	BÊ TÔNG HỒ THU THƯỢNG LƯU	M3	BT M200	-
5	BÊ TÔNG THÂN CỐNG	M3	BT M200	2.74
6	BÊ TÔNG MÓNG CỐNG	M3	BT M200	3.84
7	ĐÁ DẪM ĐỆM TOÀN BỘ	M3	BT M200	1.54
8	TẤM BẢN KT (115X100X18)CM	TẤM	L=1M/TẤM	7.0
	BÊ TÔNG TẤM BẢN	M3	BT M250	1.36
	CỐT THÉP ≤ D10	KG	D≤10 CB240-T	36.96
	CỐT THÉP > D10	M2	D≥10 CB400-V	65.45
	CỐT THÉP > D18	M2		20.72
6	BÊ TÔNG MŨ TƯỜNG CỐNG	M3	BT M200	1.62
7	THÉP D8 LÀM MŨ TƯỜNG CỐNG	M3	CB240-T	20.58
8	BÊ TÔNG KHỚP NỐI	KG	BT M200	0.16
9	CỐT THÉP D4 LÀM KHỚP NỐI	M3	CB240-T	2.22
10	BÊ TÔNG GỖ CHÂN BÁNH	M3	BT M200	0.31
11	VÁN KHUÔN CÁC LOẠI	M2	VK	13.33
12	ĐÀO ĐẤT XÂY CỐNG (ĐẤT C3)	M3	V/C 30M	14.54
13	ĐÁP ĐẤT THÂN CỐNG TẬN DỤNG	M3	K=0.9	7.27



- CỐNG CỌC: 12 KM0+328.62 CÔNG TRÌNH:
- HIỆN TẠI VỊ TRÍ NÀY ĐÃ CÓ CỐNG THOÁT NƯỚC NHƯNG CHƯA ĐẢM BẢO, NAY DO YÊU CẦU NÂNG CẤP TUYẾN ĐƯỜNG NÊN TẠI VỊ TRÍ NÀY KIẾN NGHỊ THIẾT KẾ CỐNG MỚI B75.
- CỐNG THIẾT KẾ MỚI LÀ CỐNG BẢN BTCT B75, ĐỂ THOÁT NƯỚC NGANG ĐƯỜNG VÀ ĐẢM BẢO ỔN ĐỊNH NỀN ĐƯỜNG.
- ĐẦU CỐNG THƯỢNG LƯU VÀ HẠ LƯU THIẾT KẾ KIỂU TƯỜNG CÁCH CHÉO BTXM M200.
- THÂN CỐNG, MÔNG CỐNG ĐỔ BTXM M200 DÀY 40CM.
- SÀN CỐNG THƯỢNG - HẠ LƯU GIA CỐ BẰNG BÊ TÔNG XM M200 DÀY 20CM TRÊN LỚP ĐÁ DÀM ĐỆM DÀY 10CM.
- TẤM BÀN BTBT CỐ ĐỊNH HÌNH RIÊNG.
- GHI CHÚ:
- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ ĐƠN VỊ GHI CM, CAO ĐỘ GHI M.

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH	KHOẢNG LƯỢNG
1	BÊ TÔNG GIA CỐ SÀN CỐNG	M3	BT M200	-
2	BÊ TÔNG SÀN CỐNG, CHÂN KHAY	M3	BT M200	3.53
3	BÊ TÔNG TƯỜNG ĐẦU, TƯỜNG CÁCH	M3	BT M200	1.06
4	BÊ TÔNG HỒ THU THƯỢNG LƯU	M3	BT M200	-
5	BÊ TÔNG THÂN CỐNG	M3	BT M200	2.88
6	BÊ TÔNG MÔNG CỐNG	M3	BT M200	3.22
7	ĐÁ DÀM ĐỆM TOÀN BỘ	M3	BT M200	1.51
8	TẤM BÀN KT (115X100X18)CM	TẤM	L=1M/TẤM	6.0
	BÊ TÔNG TẤM BÀN	M3	BT M250	1.16
	CỐT THÉP ≤ D10	KG	D≤10 CB240-T	31.68
	CỐT THÉP > D10	M2	D≥10 CB400-V	56.10
	CỐT THÉP > D18	M2		17.76
6	BÊ TÔNG MŨ TƯỜNG CỐNG	M3	BT M200	1.39
7	THÉP D8 LÀM MŨ TƯỜNG CỐNG	M3	CB240-T	17.64
8	BÊ TÔNG KHỚP NỐI	KG	BT M200	0.14
9	CỐT THÉP D4 LÀM KHỚP NỐI	M3	CB240-T	1.85
10	BÊ TÔNG GỖ CHÂN BÁNH	M3	BT M200	0.31
11	VÁN KHUÔN CÁC LOẠI	M2	VK	15.64
12	ĐÀO ĐẤT XÂY CỐNG (ĐẤT C3)	M3	V/C 30M	13.42
13	ĐÁP ĐẤT THÂN CỐNG TẬN DỤNG	M3	K = 0.9	8.77

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HANH PHÚ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên: *[Signature]*

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ



Địa Chỉ : Tổ 69, P.Nông Trang, T. Phú Thọ
Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH		Revisions
1		
2		
3		
4		
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY
Ver	Description	Date

CHỦ ĐẦU TƯ Client
TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH Project
CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN KHU BẠC XÃ THU CÚC
Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC
GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ DWG. title
CỐNG BẢN B75 CỌC: 12 TUYẾN 1 KM0+328.62

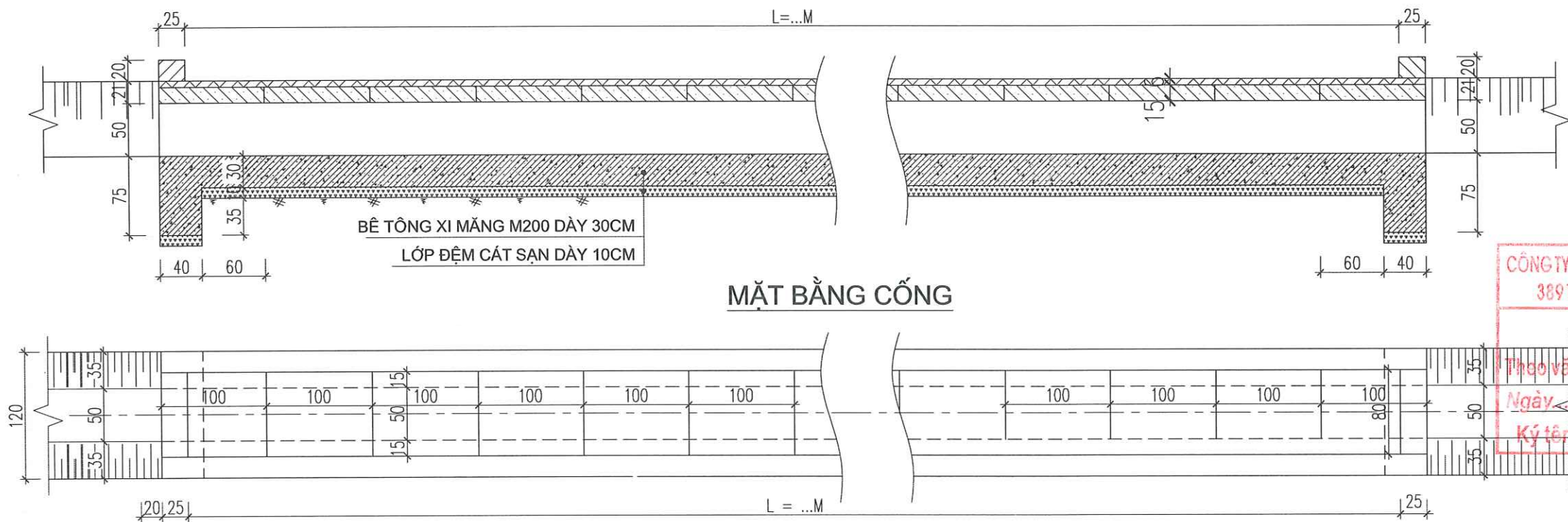
M.S.D.N: 2600939571-C.T.C.P.
GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUNG THỊNH PHÚ THỌ
TP. VIỆT TRÍ - T. PHÚ THỌ
HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ P.s Architect	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	<i>[Signature]</i>
THIẾT KẾ Design	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	<i>[Signature]</i>
THỂ HIỆN Draw	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	<i>[Signature]</i>
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	<i>[Signature]</i>

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT Date	2026
KÝ HIỆU BV Drawing No	C-02

CẮT DỌC CỐNG ĐẠI DIỆN



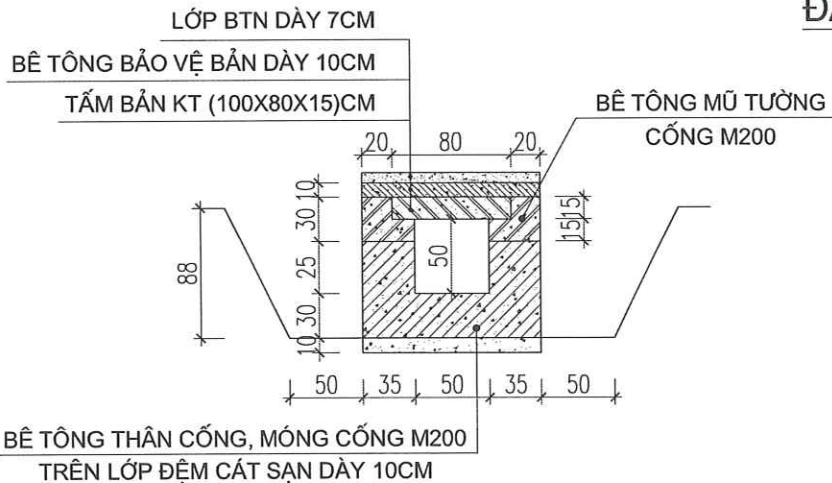
MẶT BẰNG CỐNG

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HÁNH PHÚ THỌ

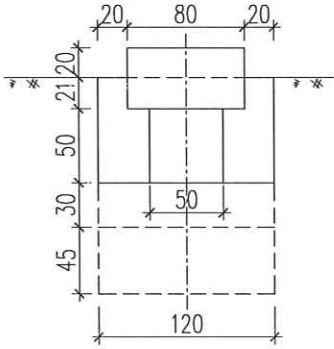
THẨM TRA

Thọc văn bản số: /
Ngày: tháng năm 20.....
Ký tên: *[Signature]*

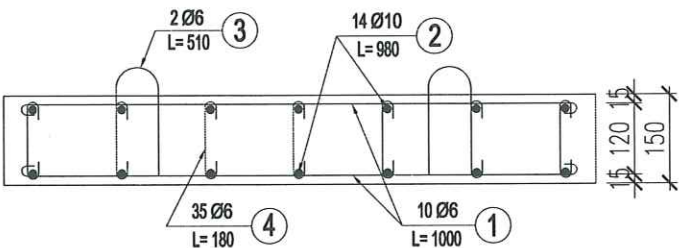
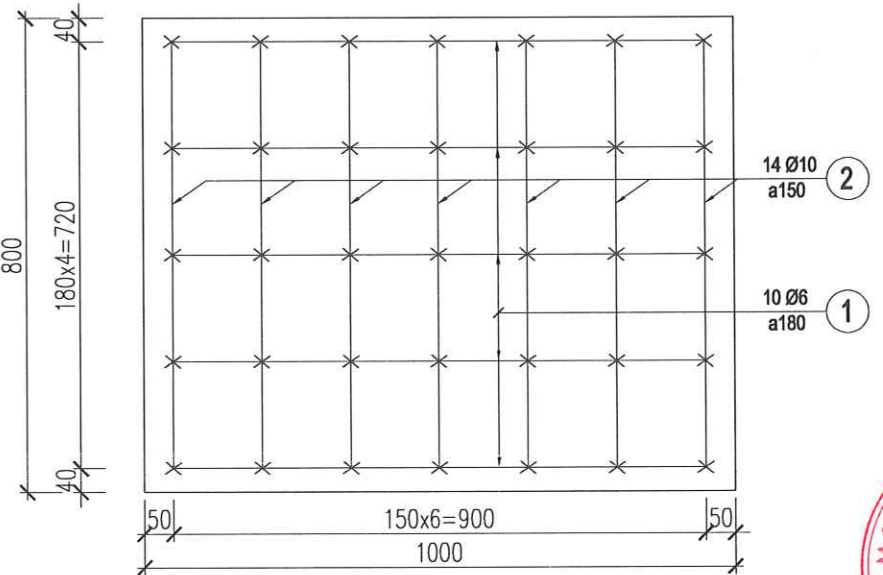
CẮT NGANG CỐNG



ĐẦU CỐNG THƯỢNG - HẠ LƯU



CHI TIẾT TẤM BÀN - CỐNG LỐI RẾ KT(100X80X15)CM



KHOẢNG LƯỢNG TÍNH CHO 1M DÀI THÂN CỐNG

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH	KHOẢNG LƯỢNG
1	BTXM THÂN CỐNG	M3	M200	0.175
2	BTXM MÓNG CỐNG	M3	M200	0.36
3	ĐÁ DẦM ĐỆM	M3	DÀY 10CM	0.12
4	TẤM BÀN KT (100X80X15CM)	TẤM/M3	M250	0.12
	CÓT THÉP TẤM BÀN D6 - D10	KG		12.38
5	BÊ TÔNG XÀ MŨ CỐNG	M3	M200	0.165
6	VÁN KHUÔN CÁC LOẠI	M2		3.44
7	BÊ TÔNG LỚP BẢO VỆ BÀN DÀY 10CM	M3	M250	0.12

KHOẢNG LƯỢNG ĐẦU CỐNG

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH	KHOẢNG LƯỢNG 1 CỐNG
1	BÊ TÔNG GỖ CHẤN BÁNH	M3	M200	0.08
2	BTXM CHẤN KHAY	M3	M200	0.432

THUYẾT MINH:

- CỐNG LỐI RẾ ĐƯỢC THIẾT KẾ MỚI LÀ CỐNG BÀN BTCT B=0,5M ĐỂ THOÁT NƯỚC NGANG ĐƯỜNG RẾ VÀ ĐẢM BẢO ỔN ĐỊNH NỀN ĐƯỜNG.
- TẤM BÀN CỐNG BTCT MÁC 250 KT(100X80X15)CM.
- MŨ TƯỜNG CỐNG BTXM M200.
- ĐẦU CỐNG THƯỢNG - HẠ LƯU ĐỔ BÊ TÔNG KIỂU TƯỜNG ĐẦU BẰNG BÊ TÔNG M200.
- MÓNG, THÂN CỐNG ĐỔ BÊ TÔNG M200 TRÊN LỚP ĐỆM BẰNG CÁT SẠN DÀY 10CM .

GHI CHÚ:

- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ ĐƠN VỊ GHI CM, CAO ĐỘ GHI M.
- CHI TIẾT TẤM BÀN XEM BẢN VẼ RIÊNG.

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP 1 TẤM ĐẠN + 1M XÀ MŨ

SỐ HIỆU	QUY CÁCH	Ø (MM)	CHIỀU DÀI (MM)	S.LƯỢNG/ 1 C.K.	S.LƯỢNG C.K.	TỔNG C.DÀI (M)	KHOẢNG LƯỢNG (KG)
1	50 900 50	6	1000	10	1	10.000	2.219
2	90 800 90	10	980	14	1	13.720	8.459
3	410 50 50	6	510	2	1	1.020	0.226
4	50 90 50	6	190	35	1	6.650	1.476

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ



Địa Chỉ : Tổ 69, P.Nông Trang, T. Phú Thọ
Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH		Revisions
1		
2		
3		
4		
LẦN Ver	MÔ TẢ Description	NGÀY Date

CHỦ ĐẦU TƯ Client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH Project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN KHU BẬN XÃ THU CÚC

Địa điểm: Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ DWG. title

CỐNG LỐI RẾ



CHỦ TRÌ P.s Architect KS PHÙNG XUÂN HUYỀN

THIẾT KẾ Design KS PHÙNG XUÂN HUYỀN

THỂ HIỆN Draw KS PHÙNG XUÂN HUYỀN

Q.L.K.T Manager KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT Date 2026

KÝ HIỆU BV Drawing No

Technical drawing of a reinforced concrete beam cross-section and longitudinal section. The cross-section shows a rectangular beam with a width of 300 mm and a height of 450 mm. It contains 4 longitudinal bars (4Φ8) and 2.5% transverse reinforcement. The longitudinal section shows a beam with a length of 12.0 m, divided into 4 segments of 3.0 m each. The beam is supported by 4 supports. The drawing is labeled 'Fig. 1.1'.

Technical drawing showing a cross-section of a concrete slab and beam connection. The drawing includes the following labels and dimensions:

- 5**: Reinforcement bar diameter.
- 18**: Slab thickness.
- 20**: Beam height.
- Tấm bản BTCT KT(115X100X18)cm**: Concrete slab label.
- Bê tông mũ mối M200#**: Concrete beam label.

Technical drawing of a square plate. The overall dimensions are 115 mm by 100 mm. The top edge has three segments: 25 mm, 65 mm, and 25 mm. The bottom edge has two segments: 12 mm and 12 mm. The left edge is 100 mm. The right edge has three segments: 20 mm, 60 mm, and 20 mm. A central feature is labeled 'N5' and is connected to the bottom edge by two lines forming a V-shape.

Technical drawing of a mechanical part. The drawing shows a cross-section of a component with a central hole. The hole is labeled "Dây thép xoắn ốc" (Coiled steel wire). The dimensions are: 4, 3, 3, 4, 4 (vertical dimensions on the left), 18 (horizontal dimension on the right), and 6 (horizontal dimension at the bottom). The part is shown with a break symbol on the right side.

Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
Cốt thép xoắn ốc Φ4	Kg	0.37
Bê tông nở mác 250	m3	0.027

Kí hiệu	Đường kính	Chiều dài 1 thanh(cm)	Số lượng	Tổng chiều dài (m)	Trọng lượng đơn vị(kg/m)	Khối lượng (kg)
N8	Φ 8	100	4	4.0	0.395	1.58
N9	Φ 6	102	6	6.12	0.222	1.36
Tổng cộng : - Cốt thép Φ6-8 : 2.94 kg						

[illegible]

HIỆU CHỈNH		Revisions
1		
2		
3		
4		
LẦN Ver	MÔ TẢ Description	NGÀY Date

HẠNG MỤC
ĐỊNH HÌNH TẤM BẢN
BTCT B-0751
GIẢI THÍCH

TÊN BẢN VẼ	DWG. title
------------	------------


 GIAM ĐỐC
 CỘNG HÒA
 CƠ QUAN
 XÂY DỰNG
 HUNG THINH
 PHÚ THỌ
 TP. VIỆT Đ. T. PHÚ THỌ

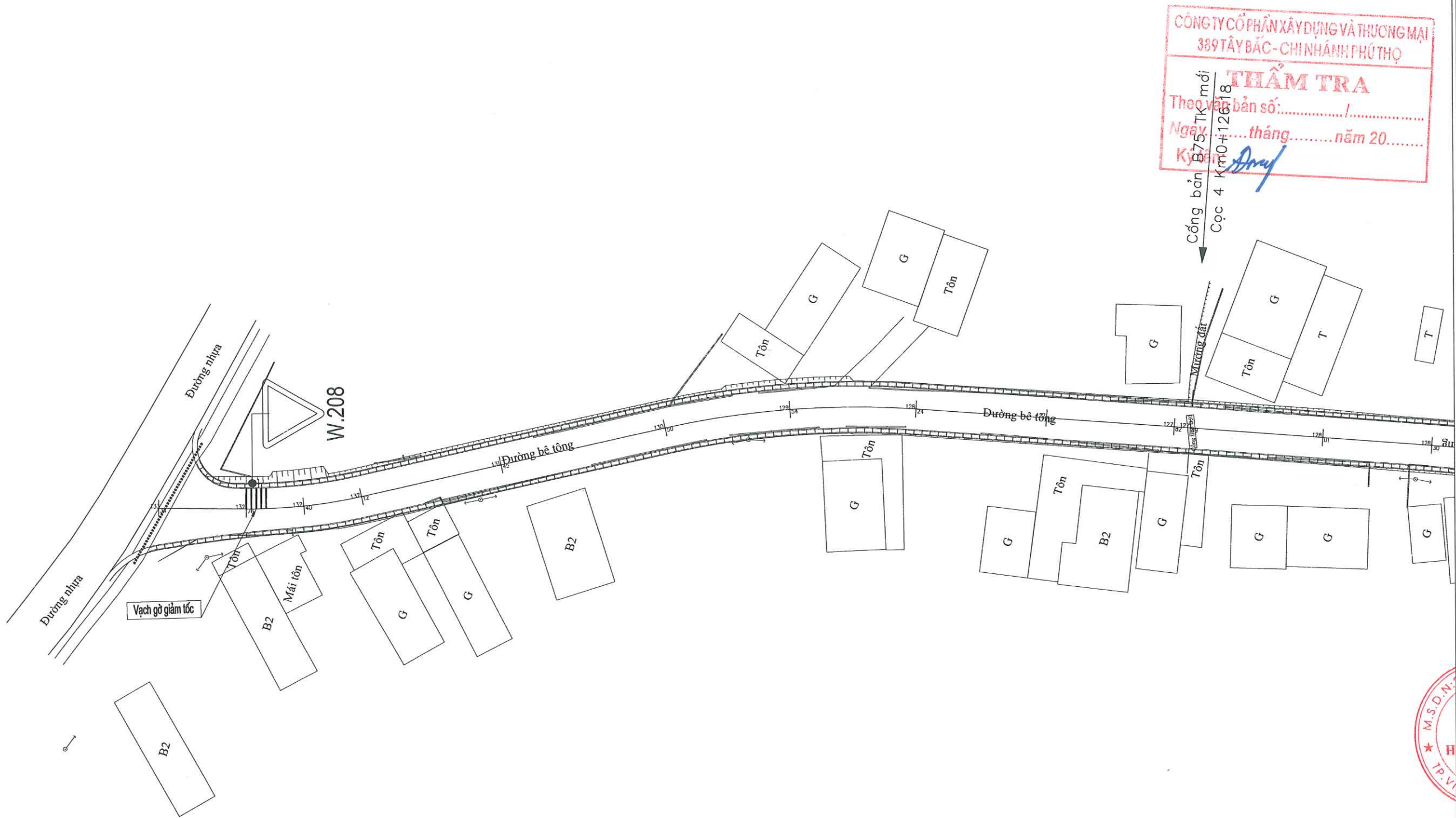
HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ P.s Architect	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	
THIẾT KẾ Design	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	
THỂ HIỆN Draw	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT	2026
---------	------

KÝ HIỆU BV
Drawing No



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI

HUNG THỊNH PHÚ THỌ

Địa chỉ : Tổ 69, P.Nông Trang, T. Phú Thọ

Điện thoại : 0977 510 054

Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH

Revisions

1		
2		
3		
4		
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY
Ver	Description	Date

CHỦ ĐẦU TƯ

Client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH

Project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN KHU BẬN XÃ THU CÚC

Địa điểm: Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ

DWG. title

MẶT BẰNG ATGT

M.S.D.N. 2600939571-C.T.C.

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI

HUNG THỊNH PHÚ THỌ

TP. VIỆT TRÌ - T. PHÚ THỌ

HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ	KS	
P.s Architect	PHÙNG XUÂN HUYỀN	
THIẾT KẾ	KS	
Design	PHÙNG XUÂN HUYỀN	
THỂ HIỆN	KS	
Draw	PHÙNG XUÂN HUYỀN	
Q.L.K.T	KS	
Manager	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT

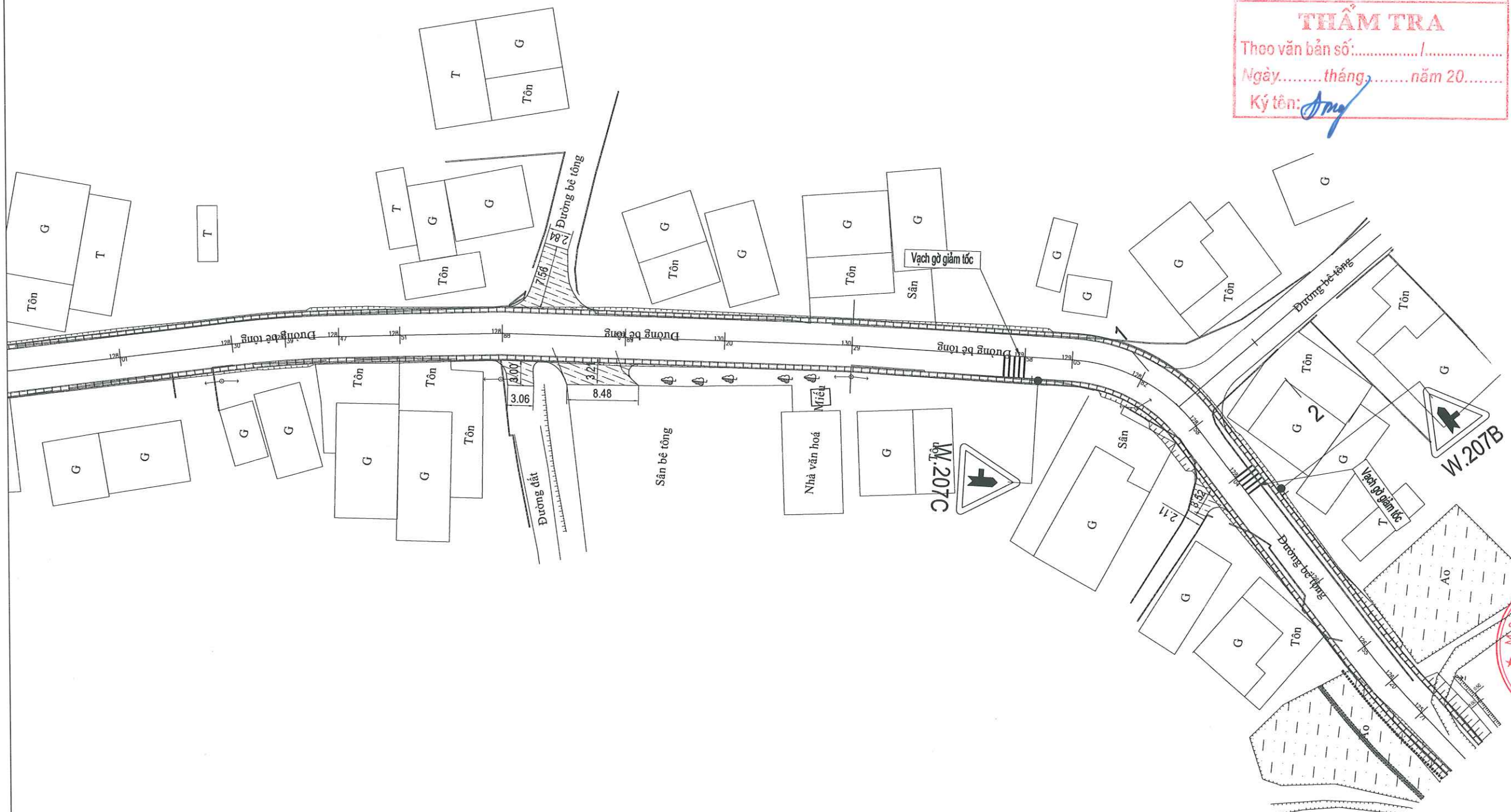
Date

2026

KÝ HIỆU BV

Drawing No

MB-01



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHI NHÁNH PHÚ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số: /
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: *Đmy*

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ

Địa Chỉ : Tổ 69, P.Nông Trang, T. Phú Thọ
Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH		Revisions
1		
2		
3		
4		
LẦN Ver	MÔ TẢ Description	NGÀY Date

CHỦ ĐẦU TƯ

Client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH

Project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG
GIAO THÔNG NÔNG THÔN
KHU BẬN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ

DWG. title

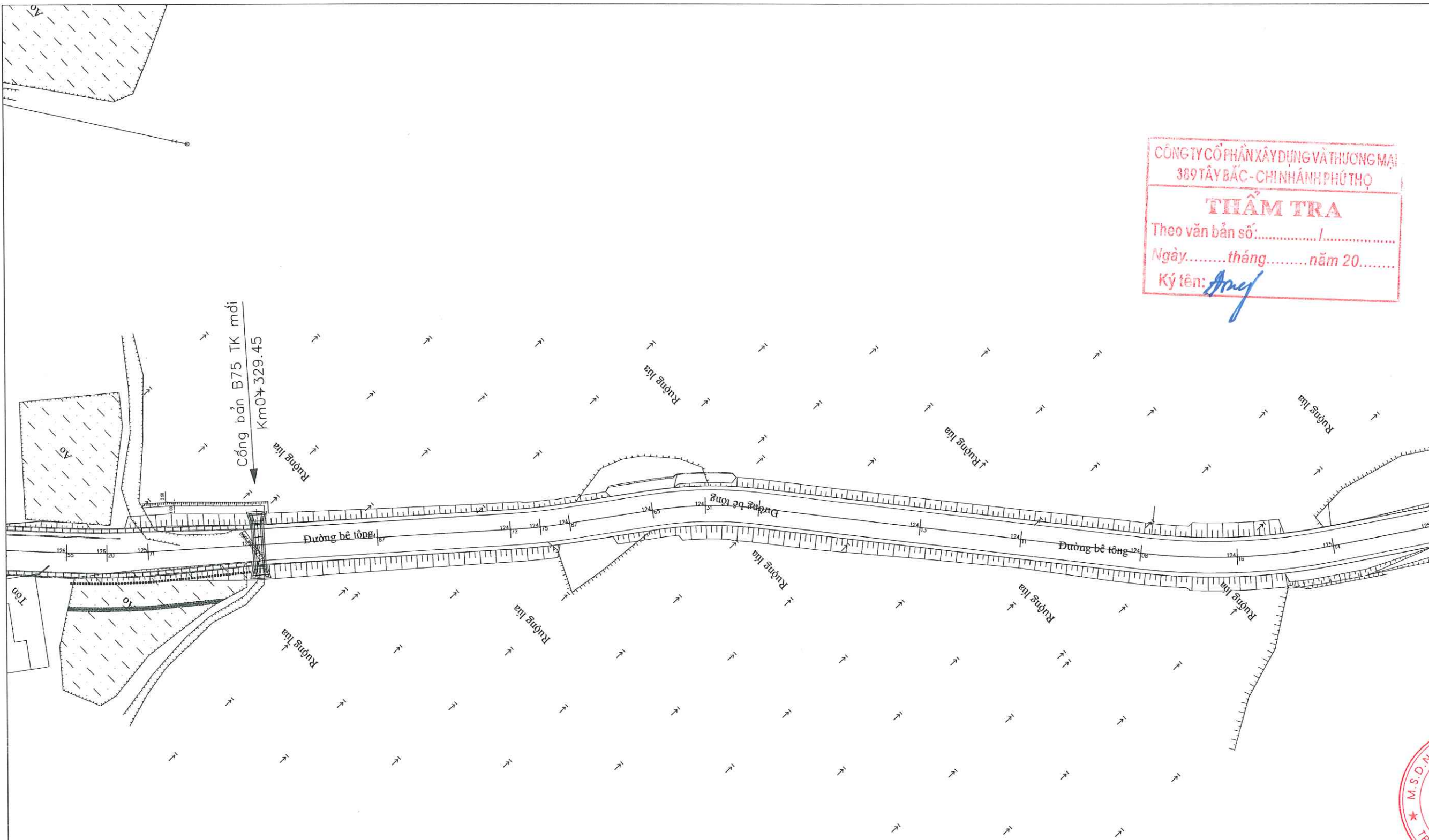
MẶT BẰNG ATGT



HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ P.s Architect	KS PHÙNG XUÂN HUYỆN	<i>Phu</i>
THIẾT KẾ Design	KS PHÙNG XUÂN HUYỆN	<i>Phu</i>
THỂ HIỆN Draw	KS PHÙNG XUÂN HUYỆN	<i>Phu</i>
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	<i>NTD</i>

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG	
NGÀY HT Date	2026
KÝ HIỆU BV Drawing No	MB-02



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HÁNH PHÚ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: *Amey*

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ

Địa Chỉ : Tổ 69, P.Nông Trang, T. Phú Thọ
Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH			Revisions
1			
2			
3			
4			
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY	
Ver	Description	Date	

CHỦ ĐẦU TƯ Client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH Project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN KHU BẬN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ DWG. title

MẶT BẰNG ATGT



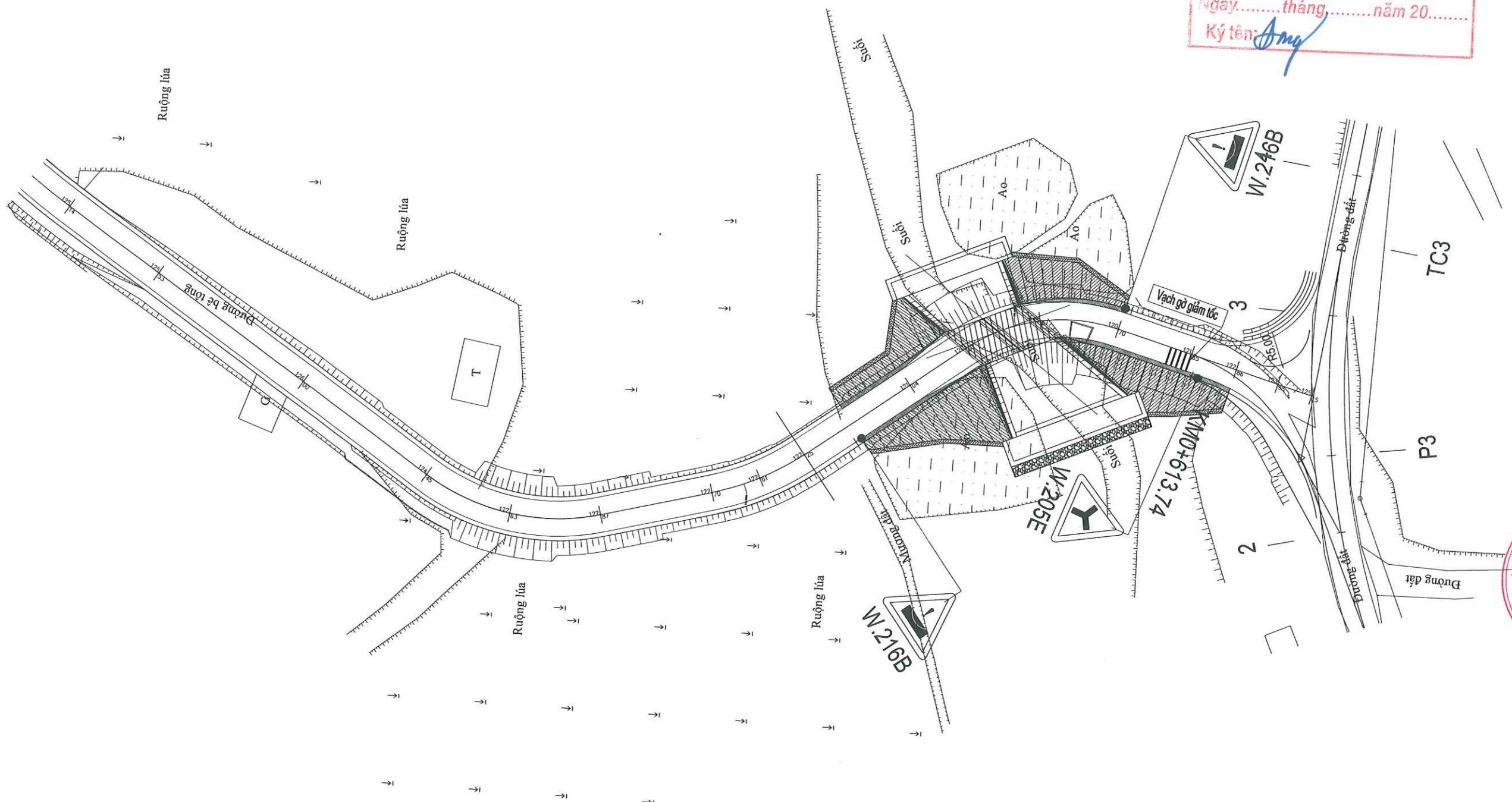
CHỦ TÌ P.s Architect	KS PHÙNG XUÂN HUYỆN	<i>Phung</i>
THIẾT KẾ Design	KS PHÙNG XUÂN HUYỆN	<i>Phung</i>
THỂ HIỆN Draw	KS PHÙNG XUÂN HUYỆN	<i>Phung</i>
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	<i>NTD</i>

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG	
NGÀY HT Date	2026
KÝ HIỆU BV Drawing No	MB-03

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HANH PHÚ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: *Amg*



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ**

Địa Chỉ : Tổ 69, P.Nông Trang, T. Phú Thọ
Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH		Revisions
1		
2		
3		
4		
LẦN Ver	MÔ TẢ Description	NGÀY Date

CHỦ ĐẦU TƯ Client
**TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC**

CÔNG TRÌNH Project
**CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG
GIAO THÔNG NÔNG THÔN
KHU BẬN XÃ THU CÚC**
Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC
GIAO THÔNG

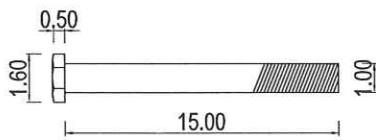
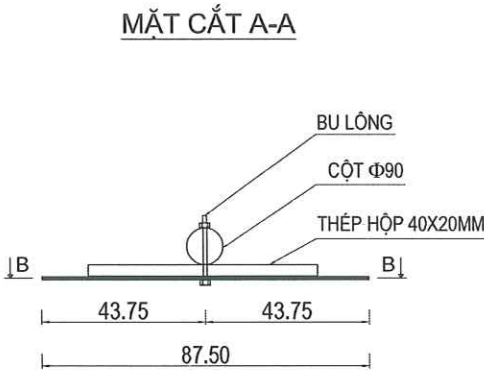
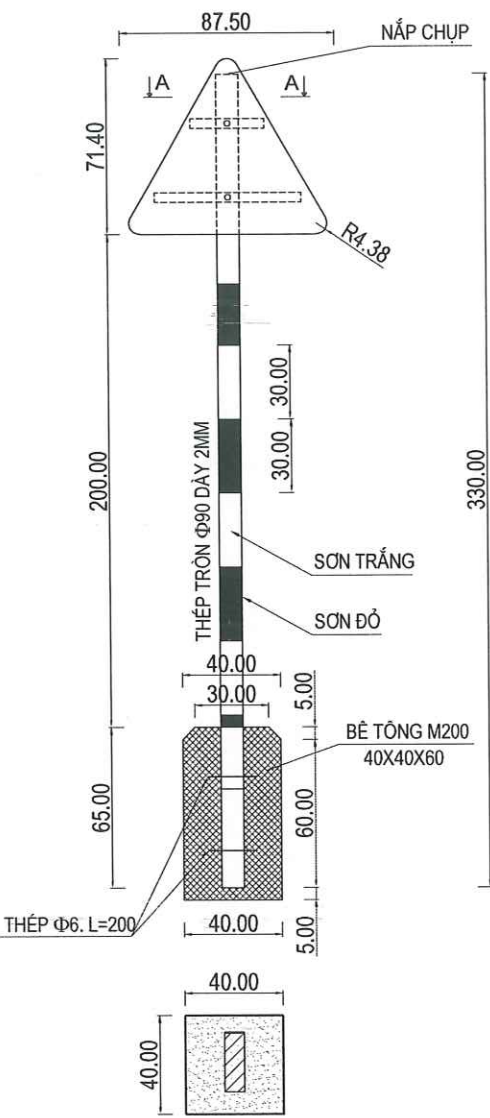
TÊN BẢN VẼ DWG. title
MẶT BẰNG ATGT

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG
HUNG THỊNH
PHÚ THỌ**
HOÀNG VĂN HUNG

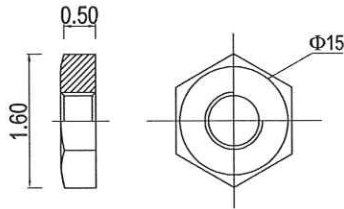
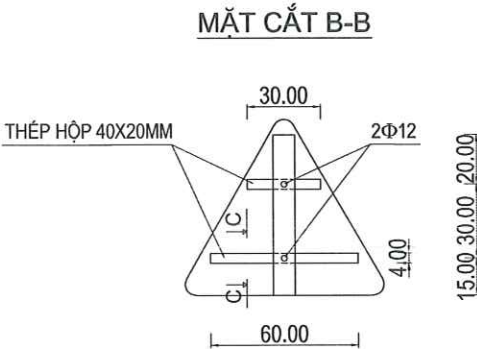
CHỦ TRÌ P.s Architect	KS PHÙNG XUÂN HUYỆN	<i>Phung</i>
THIẾT KẾ Design	KS PHÙNG XUÂN HUYỆN	<i>Phung</i>
THỂ HIỆN Draw	KS PHÙNG XUÂN HUYỆN	<i>Phung</i>
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	<i>NTD</i>

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG	
NGÀY HT Date	2026
KÝ HIỆU BV Drawing No	MB-04

BIỂN TAM GIÁC



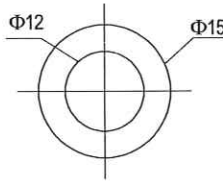
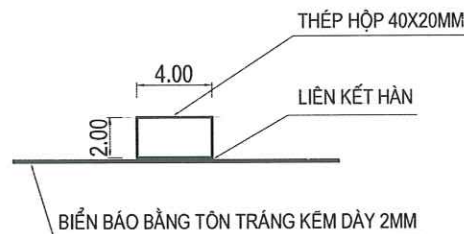
CHI TIẾT BU LÔNG



CHI TIẾT ĐAI ỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HANH PHÚ THỌ
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: *Đang*

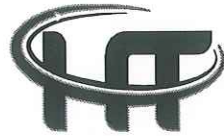
MẶT CẮT C-C



CHI TIẾT VÒNG ĐỆM

GHI CHÚ :
Tất cả kích thước trong bản vẽ là cm .

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ



Địa chỉ : Tổ 69, P.Nông Trang, T. Phú Thọ
Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH		Revisions
1		
2		
3		
4		
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY
Ver	Description	Date

CHỦ ĐẦU TƯ
TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH
CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN KHU BẬN XÃ THU CÚC
Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC
GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ
DWG. title

CHI TIẾT BIỂN BÁO

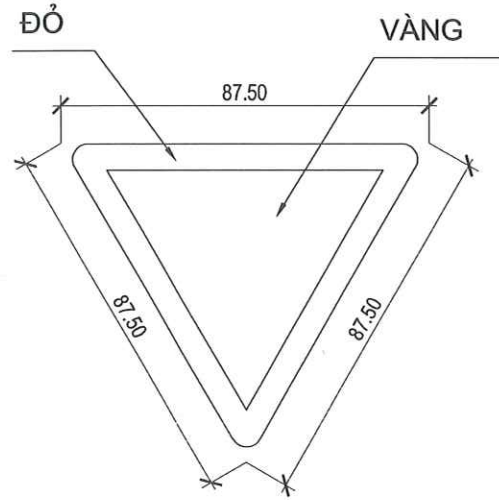
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUNG THỊNH PHÚ THỌ
TP. VIỆT TRÌ - T. PHÚ THỌ
HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ P.s Architect	KS PHÙNG XUÂN HUYỆN	
THIẾT KẾ Design	KS PHÙNG XUÂN HUYỆN	
THỂ HIỆN Draw	KS PHÙNG XUÂN HUYỆN	
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	

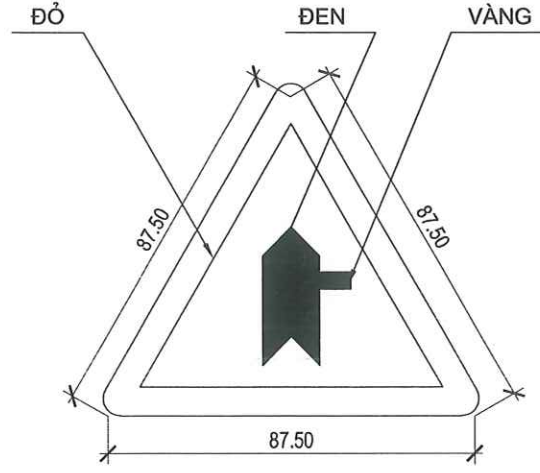
HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT Date	2026
KÝ HIỆU BV Drawing No	BB-01

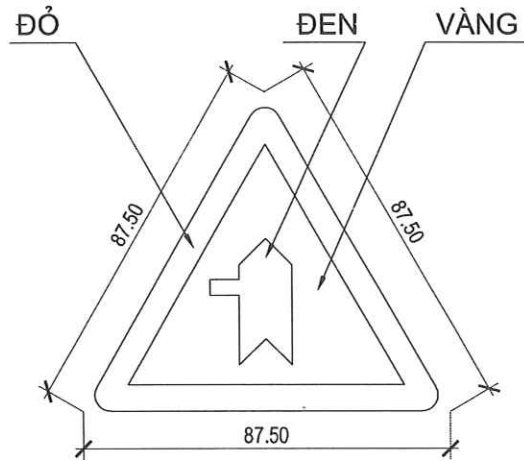
CHI TIẾT BIỂN BÁO



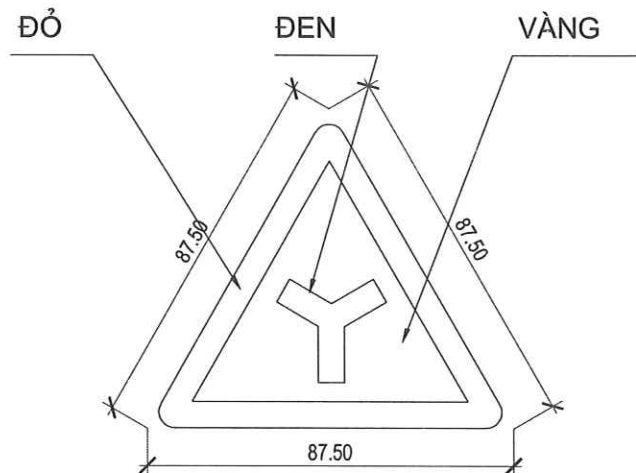
W.208
GIAO NHAU VỚI ĐƯỜNG ƯU TIÊN



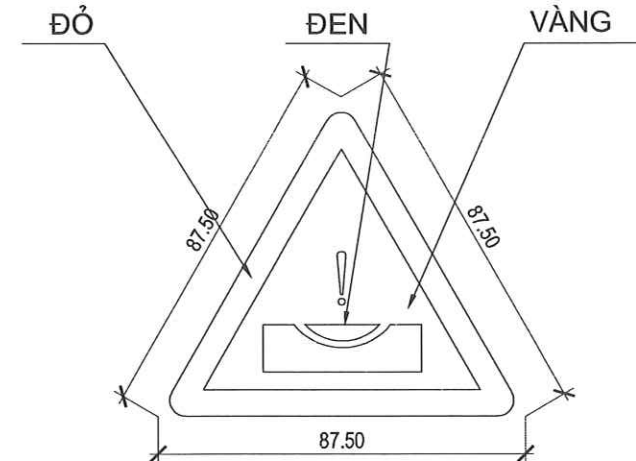
W.207b
GIAO NHAU VỚI ĐƯỜNG KHÔNG ƯU TIÊN
(ĐẶT Ở NGÃ BA)



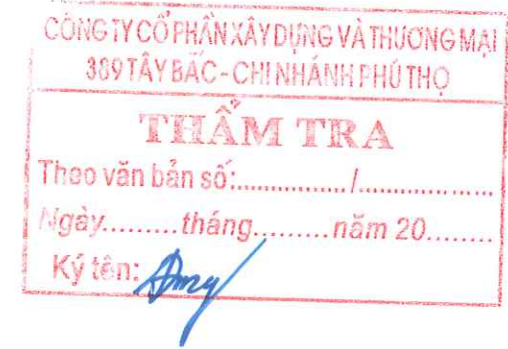
W.207c
GIAO NHAU VỚI ĐƯỜNG KHÔNG ƯU TIÊN
(ĐẶT Ở NGÃ BA)



W.205e
ĐƯỜNG GIAO NHAU NGÃ BA



W.216b
ĐƯỜNG NGẪM (THƯỜNG XUYỀN CÓ LŨ QUÉT)



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ

Địa Chỉ : Tổ 69, P.Nông Trang, T. Phú Thọ
Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH		Revisions
1		
2		
3		
4		
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY
Ver	Description	Date

CHỦ ĐẦU TƯ Client
TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH Project
CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN KHU BẬN XÃ THU CÚC
Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC
GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ DWG. title
CHI TIẾT BIỂN BÁO



CHỦ TRÌ P.s Architect	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	
THIẾT KẾ Design	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	
THỂ HIỆN Draw	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG	
NGÀY HT Date	2026
KÝ HIỆU BV Drawing No	BB-01

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ

Địa Chỉ : Tổ 69, P.Nông Trang, T. Phú Thọ
Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HÁNH PHÚ THỌ

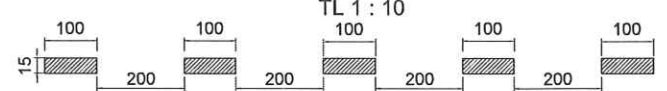
THẨM TRA

Theo văn bản số: /

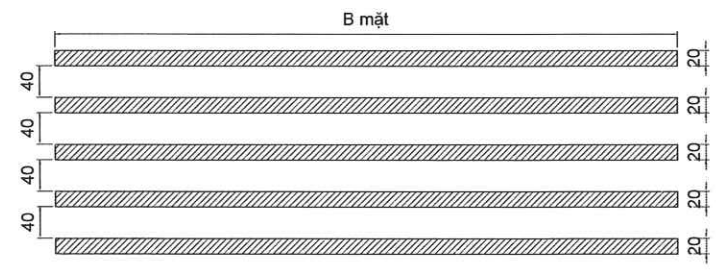
Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

VẠCH SỐ 1.1 PHÂN CÁCH LÀN XE NGƯỢC CHIỀU DÀY 2MM



SƠN GỜ GIẢM TỐC, VẠCH VÀNG DÀY 6MM
TL 1 : 40



GHI CHÚ

- ĐƠN VỊ ĐO TRÊN BẢN VẼ LÀ CM

HIỆU CHỈNH			Revisions
1			
2			
3			
4			
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY	
Ver	Description	Date	

CHỦ ĐẦU TƯ

Client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH

Project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN KHU BẬN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ

DWG. title

CHI TIẾT VẠCH SƠN

M.S.D.N: 2600939571-C.T.C.P.

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY

CỔ PHẦN

XÂY DỰNG

HUNG THỊNH

PHÚ THỌ

TP. VIỆT TRÍ - T. PHÚ THỌ

HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ	KS	
P.s Architect	PHÙNG XUÂN HUYỆN	
THIẾT KẾ	KS	
Design	PHÙNG XUÂN HUYỆN	
THỂ HIỆN	KS	
Draw	PHÙNG XUÂN HUYỆN	
Q.L.K.T	KS	
Manager	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT	2026
Date	
KÝ HIỆU BV	CTVS
Drawing No	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HANH PHÚ THỌ
THẨM TRA
Theo văn bản số: /
Ngày: tháng năm 20.....
Ký tên: *Phy*

CỔNG TRÀN CỘC 19C

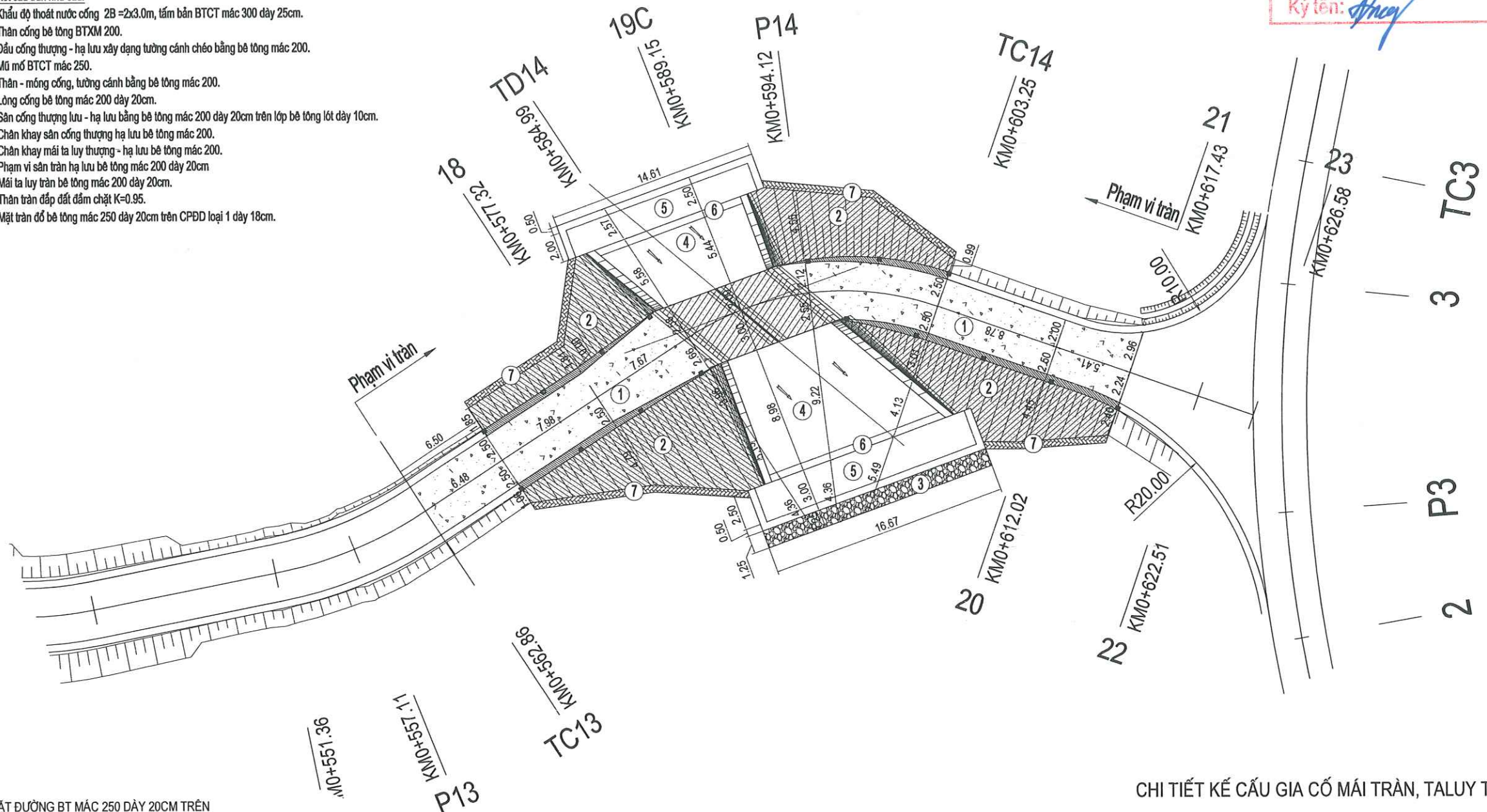


CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HÁNH PHÚ THỌ

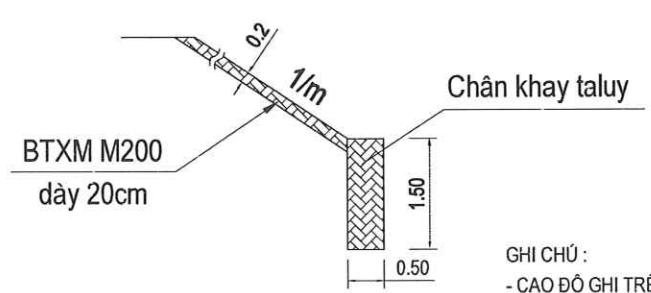
THẨM TRA

Theo văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

- THUYẾT MINH :
- *Trần cọc 19C:
- Hiện tại vị trí này đã có cống bản tuy nhiên không đảm bảo khả năng thoát nước khi xảy ra mưa lũ, kiến nghị thiết kế mới đường tràn để đảm bảo ổn định nền đường và thoát nước lưu vực của suối, tràn được thiết kế theo kiểu đường tràn kết hợp với cống bản.
- * Kết cấu tràn như sau:
- Khẩu độ thoát nước cống 2B=2x3.0m, tấm bản BTCT mức 300 dày 25cm.
 - Thân cống bê tông BTXM 200.
 - Đầu cống thượng - hạ lưu xây dạng tường cánh chéo bằng bê tông mức 200.
 - Mố mố BTCT mức 250.
 - Thân - móng cống, tường cánh bằng bê tông mức 200.
 - Lòng cống bê tông mức 200 dày 20cm.
 - Sân cống thượng lưu - hạ lưu bằng bê tông mức 200 dày 20cm trên lớp bê tông lót dày 10cm.
 - Chân khay sân cống thượng hạ lưu bê tông mức 200.
 - Chân khay mái ta luy thượng - hạ lưu bê tông mức 200.
 - Phạm vi sân tràn hạ lưu bê tông mức 200 dày 20cm
 - Mái ta luy tràn bê tông mức 200 dày 20cm.
 - Thân tràn đắp đất đầm chặt K=0.95.
 - Mặt tràn đổ bê tông mức 250 dày 20cm trên CPDD loại 1 dày 18cm.



CHI TIẾT KẾ CẦU GIA CỐ MÁI TRẦN, TALUY TRẦN



GHI CHÚ :

- CAO ĐỘ GHI TRÊN BẢN VẼ : M
- KÍCH THƯỚC GHI TRÊN BẢN VẼ : CM

HIỆU CHỈNH		Revisions
1		
2		
3		
4		
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY
Ver	Description	Date

CHỦ ĐẦU TƯ Client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH Project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN KHU BẮN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ DWG. title

BỐ TRÍ CHUNG

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUNG THỊNH PHÚ THỌ
HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ P.s Architect	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	
THIẾT KẾ Design	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	
THỂ HIỆN Draw	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG	
NGÀY HT Date	2026
KÝ HIỆU BV Drawing No	MB-01

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
HUNG THỊNH PHÚ THỌ

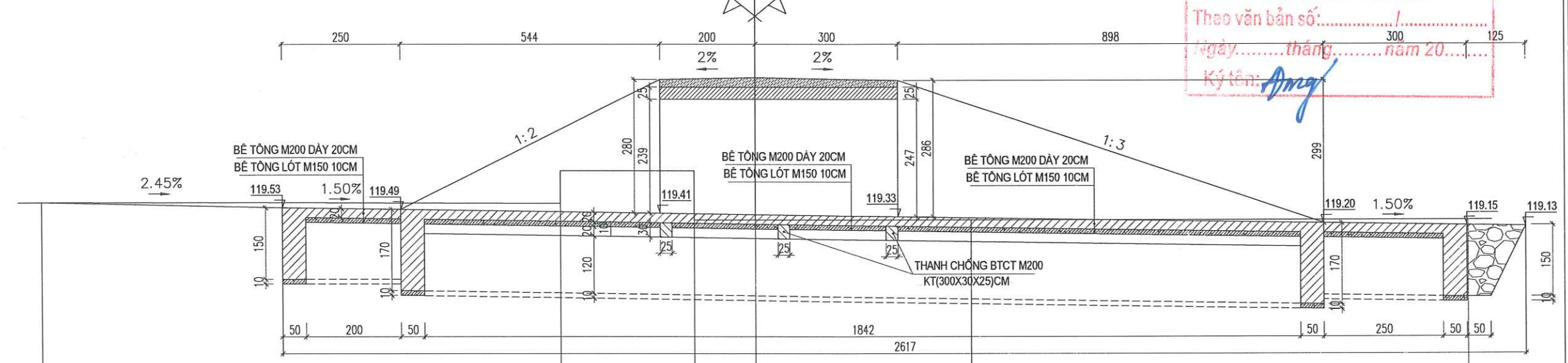
Địa Chỉ : Tổ 69, P.Nông Trang, T. Phú Thọ
Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HÁNH PHÚ THỌ

THẨM TRA

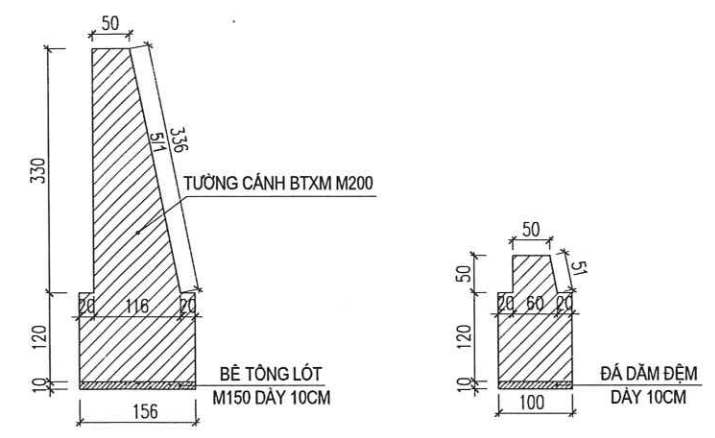
Theo văn bản số: /
Ngày: tháng năm 20
Ký tên: *Ang*

CẮT DỌC CỐNG CỌC: 19C
KM0+589.15

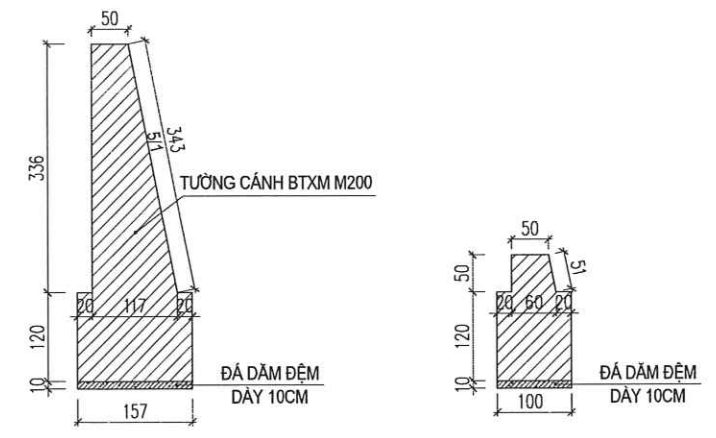


CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	119.65	119.61	120.30	120.30	119.27	119.27	119.27	119.27
KHOẢNG CÁCH MIA	10.91	2.81	1.28	4.55	10.45			

MẶT CẮT TƯỜNG CẢNH THƯỢNG LƯU



MẶT CẮT TƯỜNG CẢNH HẠ LƯU



HIỆU CHỈNH			Revisions
1			
2			
3			
4			
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY	
Ver	Description	Date	

CHỦ ĐẦU TƯ
TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH
SỬA CHỮA NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN CÁC KHU XÃ THU CÚC
Địa điểm: Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC
GIAO THÔNG

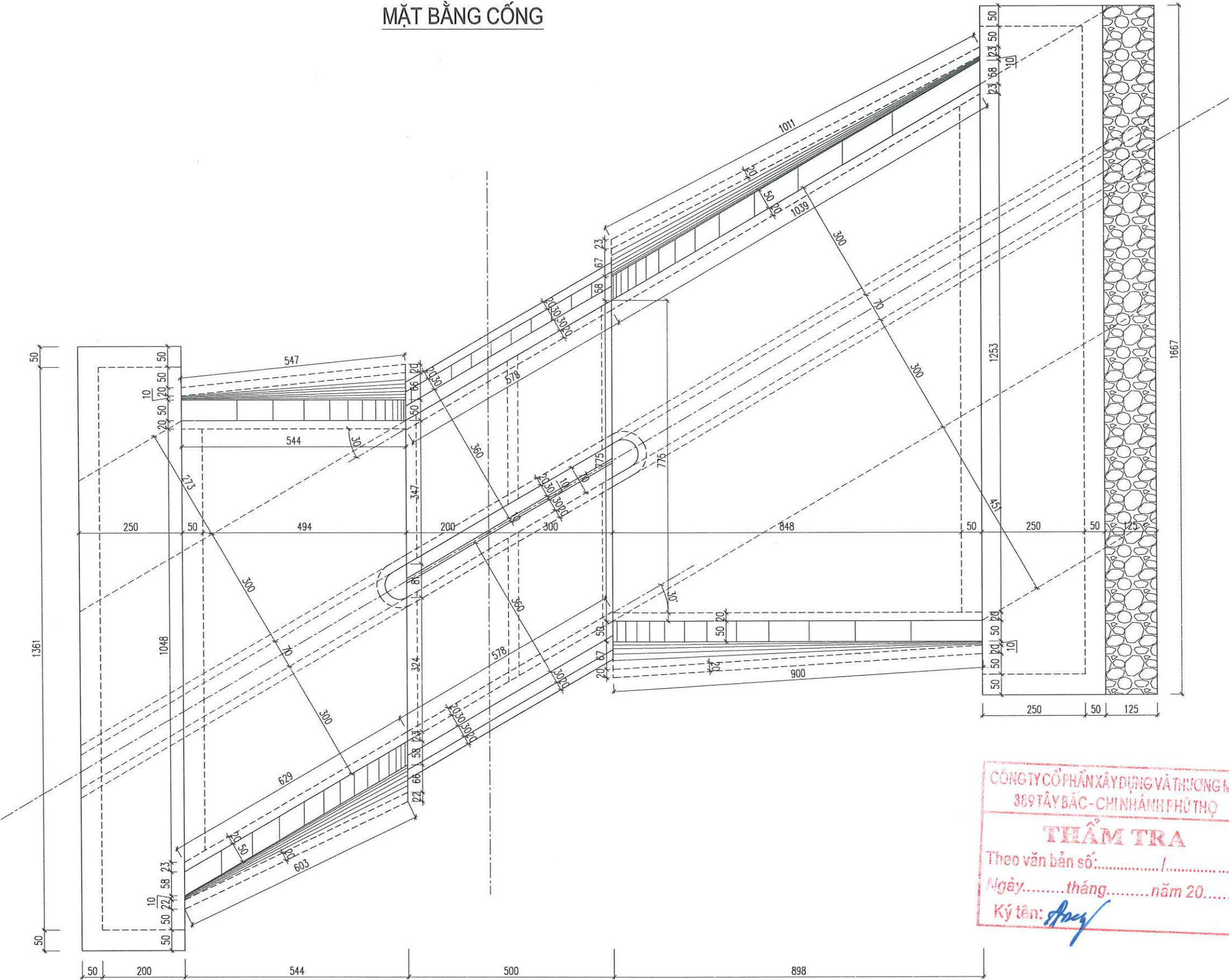
TÊN BẢN VẼ
CHI TIẾT CỐNG TRẦN CỌC: 19C TUYẾN 1 KM0+589.15

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUNG THỊNH PHÚ THỌ
M.S.D.N. 2600939571-C.T.C.P.
GIÁM ĐỐC
HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ P.s Architect	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	
THIẾT KẾ Design	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	
THỂ HIỆN Draw	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG	
NGÀY HT Date	2025
KÝ HIỆU BV Drawing No	C-03A

MẶT BẰNG CỐNG



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HÁNH PHÚ THỌ
THẨM TRA
Theo văn bản số: /
Ngày: tháng năm 20.....
Ký tên: *Nguyễn Văn Hùng*

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ

Địa Chỉ : Tổ 69, P.Nông Trang, T. Phú Thọ
Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH		Revisions
1		
2		
3		
4		
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY
Ver	Description	Date

CHỦ ĐẦU TƯ

Client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH

Project

SỬA CHỮA NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN CÁC KHU XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ

DWG. title

CHI TIẾT CỐNG TRẦN CỌC: 19C TUYẾN 1 KM0+589.15

GIÁM ĐỐC CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUNG THỊNH PHÚ THỌ
HOÀNG VĂN HÙNG

CHỦ TRÌ P.s Architect	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	<i>Phùng Xuân Huyền</i>
THIẾT KẾ Design	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	<i>Phùng Xuân Huyền</i>
THỂ HIỆN Draw	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	<i>Phùng Xuân Huyền</i>
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	<i>Nguyễn Tiến Đạt</i>

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG	
NGÀY HT Date	2025
KÝ HIỆU BV Drawing No	C-03B



Địa Chỉ : Tổ 69, P.Nông Trang, T. Phú Thọ
Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHÍNH		Revisions
1		
2		
3		
4		
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY
Ver	Description	Date

CHỦ ĐẦU TƯ Client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH Project

SỬA CHỮA NÂNG CẤP ĐƯỜNG
GIAO THÔNG NÔNG THÔN CÁC
KHU XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ DWG, title

CHI TIẾT CỐNG TRẦN
COC: 19C TUYẾN 1
KM+589.15

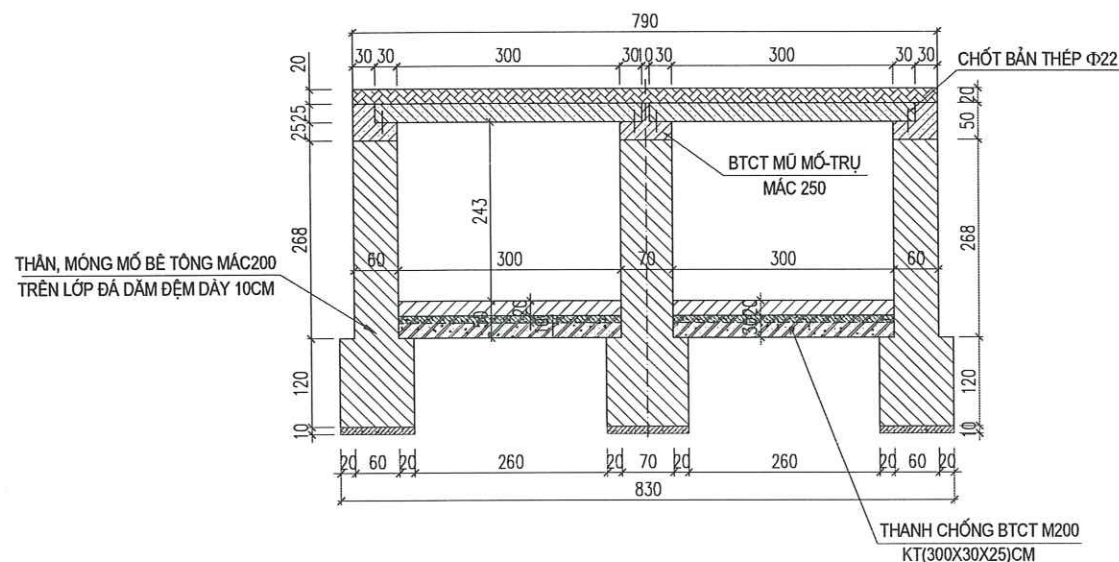
GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG
HUNG THỊNH
PHÚ THỌ
HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ P.s Architect	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	
THIẾT KẾ Design	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	
THỂ HIỆN Draw	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

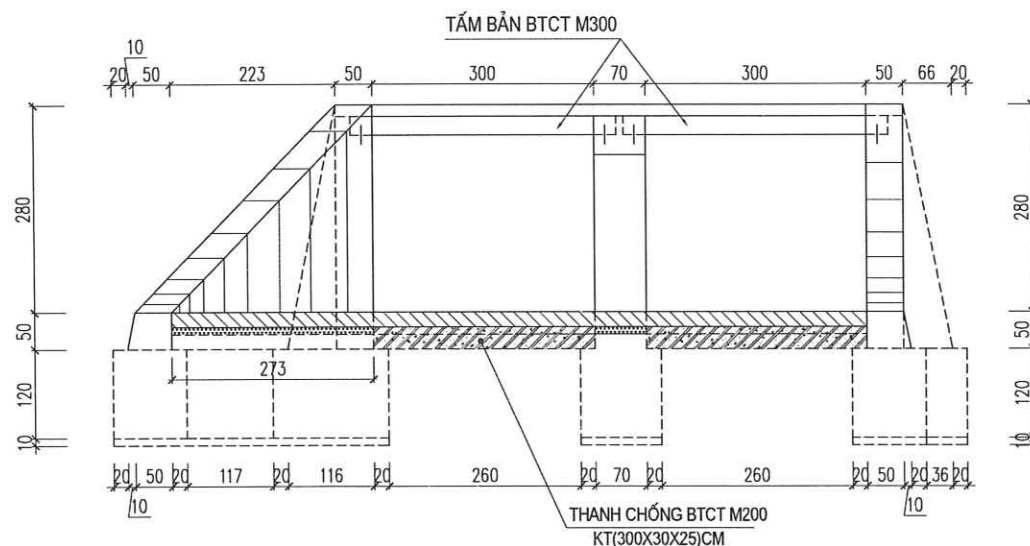
NGÀY HT Date	2025
KÝ HIỆU BV Drawing No	C-03C

CẮT NGANG THÂN CỐNG



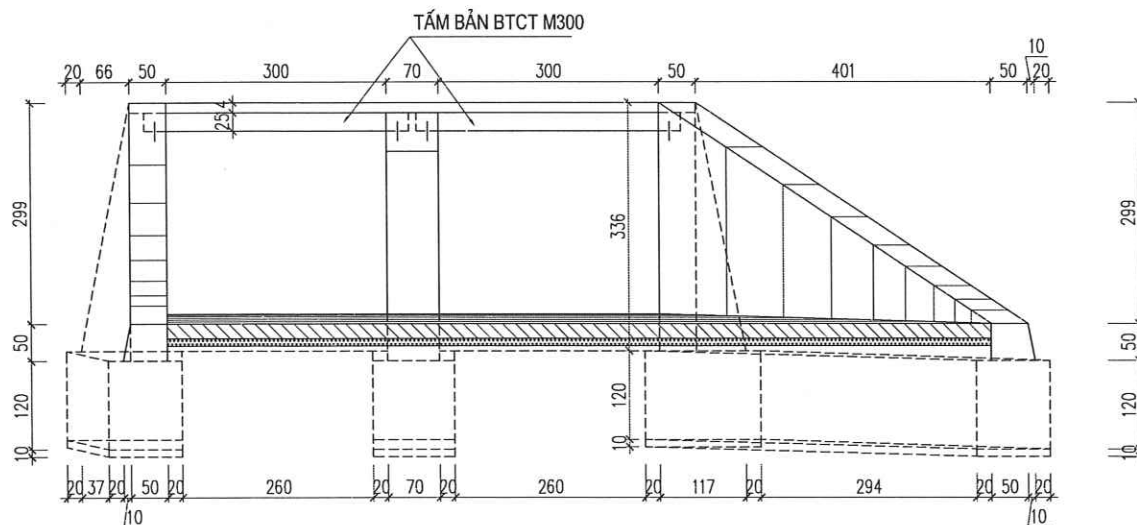
ĐẦU CỐNG THƯỢNG LƯU (THEO HƯỚNG TIM CỐNG)

TỈ LỆ: 1:100



ĐẦU CỐNG HẠ LƯU (THEO HƯỚNG TIM CỐNG)

TỈ LỆ: 1:100



- CỐNG THIẾT KẾ THAY MỚI LÀ CỐNG BÀN BTCT 2B=2X3.0M KẾT HỢP VỚI ĐƯỜNG TRẦN ĐỂ THOÁT NƯỚC VÀ ĐẢM BẢO ỔN ĐỊNH NỀN ĐƯỜNG.
 - CỐNG ĐƯỢC THIẾT KẾ CHÉO GÓC SO VỚI TIM ĐƯỜNG.
 - ĐẦU CỐNG THƯỢNG - HẠ LƯU THIẾT KẾ KIỂU TƯỜNG CẢNH CHÉO BẰNG BTXM M200.
 - MŨ TƯỜNG CỐNG BTCT M250.
 - THÂN, MÔNG CỐNG BẰNG BTXM M200, GIỮA 2 THÂN MỐ BỐ TRÍ 3 THANH CHỐNG BTCT M200 KT(400X30X25)CM.
 - LÒNG CỐNG BẰNG BTXM M200 DÀY 20CM TRÊN LỚP LỚP BÊ TÔNG LÓT M150 DÀY 10CM.
 - SÀN TRẦN THƯỢNG LƯU ĐỔ BTXM M200 DÀY 20CM TRÊN LỚP LỚP BÊ TÔNG LÓT M150 DÀY 10CM.
 - SÀN TRẦN HẠ LƯU ĐỔ BTXM M200 DÀY 20CM TRÊN LỚP BÊ TÔNG LÓT M150 DÀY 10CM.
 - CHÂN KHAY MÁI TALUY ĐỔ BTXM M200.
 - CHÂN KHAY SÀN CỐNG ĐỔ BTXM M200.
- GHI CHÚ:
- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ ĐƠN VỊ GHI CM, CAO ĐỘ GHI M.
 - CHI TIẾT TẤM BÀN BTCT VÀ MŨ MỐ CÓ BẢN VẼ RIÊNG.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHI NHÁNH PHÚ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên: Amy

BẢNG KHỐI LƯỢNG

TT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH	KHỐI LƯỢNG
1	BÊ TÔNG BẢO VỆ TẤM BÀN	M3	MÁC 300	39.74
2	TẤM BÀN CHÉO BTCT KT(578X416X25)CM	TẤM		2
3	BÊ TÔNG TƯỜNG THÂN, MÔNG TƯỜNG THÂN CỐNG	M3	MÁC 200	54.44
4	BÊ TÔNG THÂN, MÔNG TƯỜNG CẢNH	M3	MÁC 200	95.40
5	BÊ TÔNG GIA CỐ LÒNG CỐNG DÂY 20CM	M3	MÁC 200	6.94
6	BÊ TÔNG GIA CỐ SÀN CỐNG THƯỢNG - HẠ LƯU	M3	MÁC 200	46.06
7	BÊ TÔNG CHÂN KHAY SÀN CỐNG THƯỢNG - HẠ LƯU	M3	MÁC 200	44.42
8	BÊ TÔNG LÓT TOÀN BỘ M150 DÀY 10CM	M3	DÂY 10CM	31.10
9	VÁN KHUÔN ĐỔ BÊ TÔNG CÁC LOẠI	M2		361.11
10	THANH CHỐNG BTCT(300X30X25)CM	THANH		6
11	ĐÀO ĐẤT XÂY CỐNG ĐẤT C2	M3	ĐẤT CẤP 3	672.92
12	ĐÁP ĐẤT THÂN CỐNG TẬN DỤNG	M3	K=0.95	473.34
13	ĐÁ HỌC XẾP KHAN CHỐNG XÔI	M3		21.88

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH PHÚ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số: /

Ngày..... tháng..... năm 20.....

Ký tên: *[Signature]*

HIỆU CHỈNH		Revisions
1		
2		
3		
4		
LẦN Ver	MÔ TẢ Description	NGÀY Date

CHỦ ĐẦU TƯ Client

**TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC**

CÔNG TRÌNH Project

**CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG
GIAO THÔNG NÔNG THÔN
KHU BẶN XÃ THU CÚC**

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ DWG, title

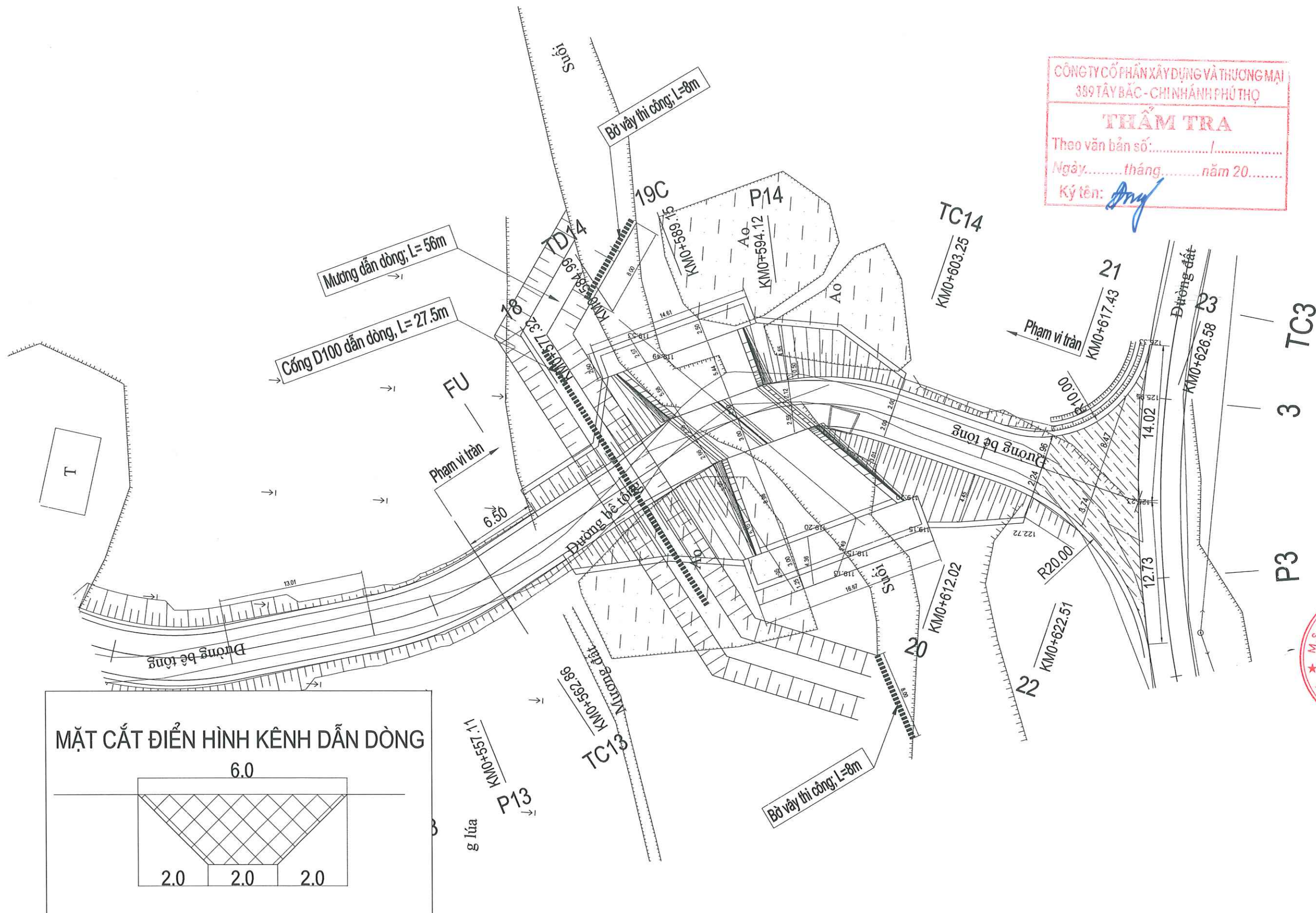
MẶT BẰNG THI CÔNG CỐNG


 HOÀNG VĂN HUNG

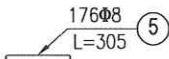
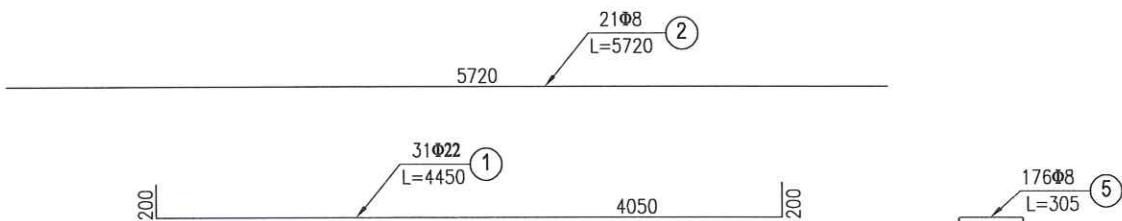
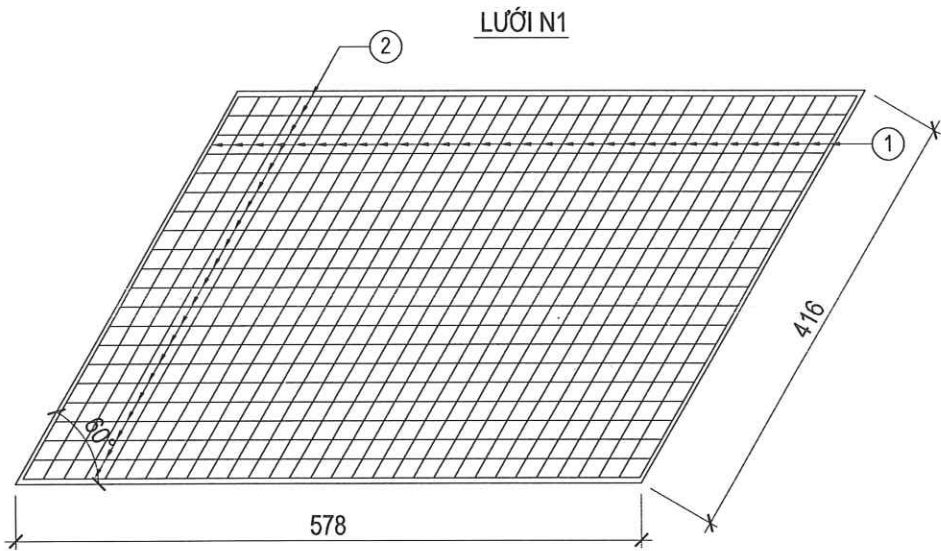
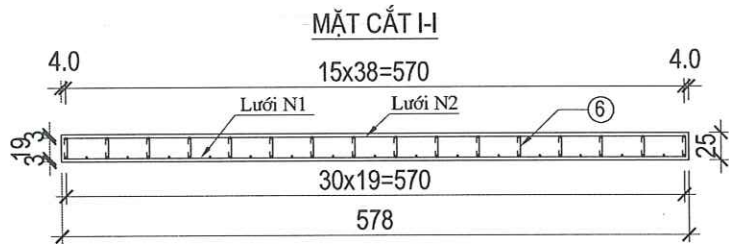
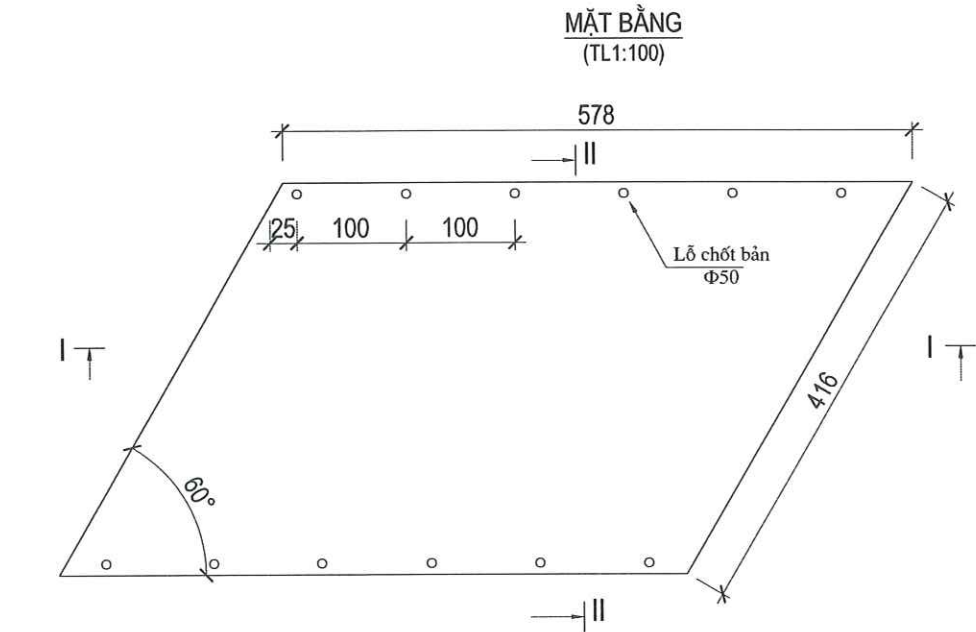
CHỦ TRƯỞNG P.s Architect	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	
THIẾT KẾ Design	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	
THỂ HIỆN Draw	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

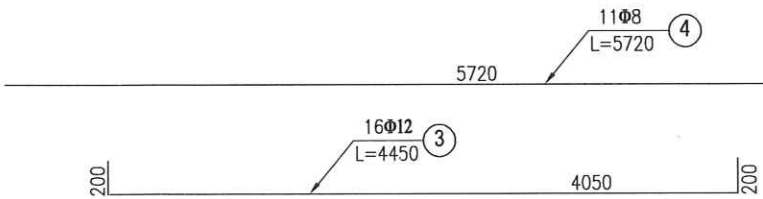
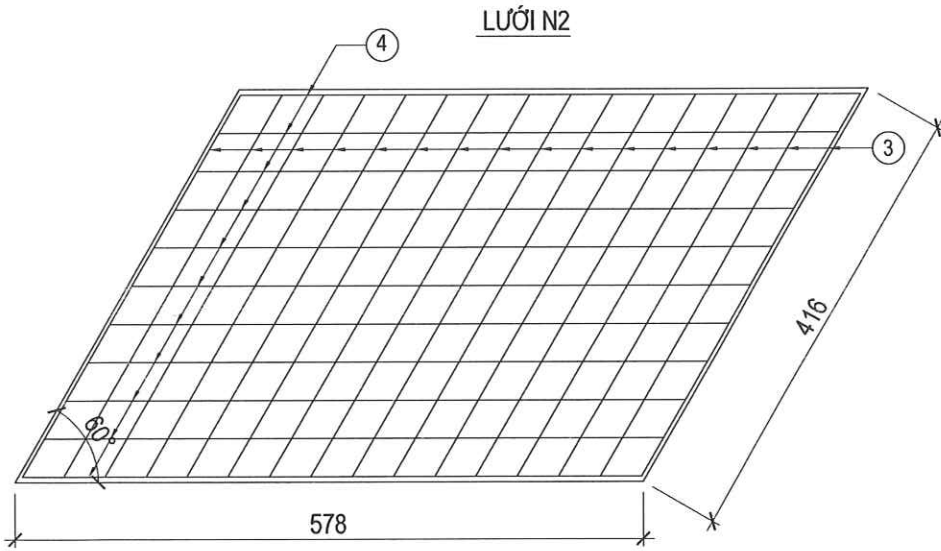
NGÀY HT Date	2026
KÝ HIỆU BV Drawing No	MB-01



CHI TIẾT TẤM BẢN CHÉO KT(5.78X4.16X0.25)M



TÊN GỌI	TÊN THANH	ĐƯỜNG KÍNH (MM)	CHIỀU DÀI 1 THANH(M)	SỐ THANH	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	TRỌNG LƯỢNG ĐƠN VỊ(KG/M)	KHỐI LƯỢNG (KG)
LƯỚI N1	1	Ø22	4.45	31	137.95	2.984	411.65
	2	Ø8	5.72	21	120.12	0.395	44.48
LƯỚI N2	4	Ø8	5.72	11	62.92	0.395	24.86
	3	Ø12	4.45	16	71.20	0.888	63.23
	5	Ø8	0.305	176	53.68	0.395	21.21
TỔNG CỘNG: - CỐT THÉP Ø≤10 : 90.55 KG - BÊ TÔNG TẤM BẢN M300: 6.011 M3 - CỐT THÉP Ø>10 : 63.23 KG - VÁN KHUÔN BT TẤM BẢN: 4.97 M2 - CỐT THÉP Ø>18 : 411.65 KG							



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ



Địa Chỉ : Tổ 69, P.Nông Trang, T. Phú Thọ
Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH			Revisions
1			
2			
3			
4			
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY	
Ver	Description	Date	

CHỦ ĐẦU TƯ Client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH Project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG
CIAO THÔNG NÔNG THÔN
KHU BẬN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ DWG. title

CHI TIẾT TẤM BẢN



CHỦ TRÌ P.s Architect	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	<i>Phùng</i>
THIẾT KẾ Design	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	<i>Phùng</i>
THỂ HIỆN Draw	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	<i>Phùng</i>
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	<i>NTĐ</i>

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT Date	2026
KÝ HIỆU BV Drawing No	TB-01

TÊN THANH	ĐƯỜNG KÍNH (MM)	CHIỀU DÀI 1 THANH(M)	SỐ THANH	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	TRỌNG LƯỢNG ĐƠN VỊ (KG/M)	KHỐI LƯỢNG (KG)	BÊ TÔNG THANH CHỐNG (M3)
1	ø12	3.00	4	12.00	0.888	10.66	0.23
2	ø6	1.09	11	11.99	0.222	2.66	

Technical drawing of a reinforced concrete slab (TẦM BÀN BTCT) showing dimensions and reinforcement details.

Dimensions:

- Overall width: 300
- Overall height: 250
- Opening width: 600
- Opening height: 250
- Slab thickness: 210
- Opening width (inner): 550

Reinforcement details:

- Top bars: BÈ TÔNG MÚ MỐ M250
- Bottom bars: 22Φ6, L=1530
- Reinforcement details are labeled with circled numbers 1, 2, and 5.

TÊN THANH	ĐƯỜNG KÍNH (MM)	CHIỀU DÀI 1 THANH (M)	SỐ THANH	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	TRỌNG LƯỢNG ĐƠN VỊ (KG/M)	KHỐI LƯỢNG (KG)
1	ø8	5.78	4	23.12	0.395	9.13
2	ø6	1.53	22	33.66	0.222	7.47
5	ø22	0.37	10	3.70	2.984	11.04

Technical drawing showing a cross-section of a reinforced concrete structure. The drawing includes dimensions and reinforcement details:

- Top section: TẤM BÀN BTCT (Reinforced concrete slab).
- Wall section: BÊ TÔNG MŨ MỐ M250 (Reinforced concrete wall).
- Foundation section: BÊ TÔNG MŨ MỐ M250 (Reinforced concrete foundation).
- Dimensions:
 - Wall height: 250
 - Foundation height: 250
 - Foundation width: 700
 - Foundation length: 5680
 - Foundation width (bottom): 650
 - Foundation width (top): 210
- Reinforcement details:
 - 6Φ8 (a200) L=5780 (Bottom reinforcement)
 - 22Φ6 (a200) L=1730 (Wall reinforcement)
 - Φ22 L=370 (Foundation reinforcement)
- Stamp: CÔNG TY CỔ PHẦN 309 TÀ, Theo văn b.

TÊN THANH	ĐƯỜNG KÍNH (MM)	CHIỀU DÀI 1 THANH(M)	SỐ THANH	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	TRỌNG LƯỢNG ĐƠN VỊ(KG/M)	KHỐI LƯỢNG (KG)
1	ø8	5.78	6	34.68	0.395	13.70
2	ø6	1.73	22	38.06	0.222	8.45
5	ø22	0.37	20	7.40	2.984	22.08

Technical drawing of a concrete slab (Mặt Trán) showing dimensions and reinforcement details.

Dimensions:

- Overall width: 400
- Overall depth: 600
- Concrete base thickness: 100
- Reinforced concrete layer thickness: 500
- Reinforcement spacing: 200
- Reinforcement length: 2150
- Reinforcement diameter: $\Phi 10$ and $\Phi 6$

Reinforcement Details:

- 4 $\Phi 10$ bars (L=2150)
- 16 $\Phi 6$ bars (L=700)

Labels:

- SƠN MÀU TRẮNG (White Paint)
- SƠN MÀU ĐỎ (Red Paint)
- MẶT TRÁN (Slab Face)
- Taloy (Talley)

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Bê tông M250	m ³	0.09
2	Bê tông móng M150	m ³	0.08
3	Cốt thép CT3 Φ6	Kg	2.50
4	Cốt thép CT5 Φ10	Kg	5.30
5	Sơn đỏ	m ²	0.75
6	Sơn trắng	m ²	0.64
7	Ván khuôn đổ BT	m ²	1.00

- CỘT THỦY CHỈ TIẾN HÀNH LẮP DỰNG CÙNG VỚI THI CÔNG MẶT TRẦN, MÁI TÀ LUY TRẦN.
- CỘT THỦY CHỈ LẮP DỰNG BÊN PHẢI THEO CHIỀU XE CHẠY.
- MÉP TRONG CỘT THỦY CHỈ TRÙNG MÉP NGOÀI CỦA MẶT ĐƯỜNG TRẦN.
- CỘT THỦY CHỈ ĐƯỢC SƠN PHẤN QUANG 02 MÀU ĐỎ + TRẮNG TRÊN 04 MẶT CỘT.
- KÍCH THƯỚC BÀN VÉ ĐƠN VỊ GHỊ MM.

HIỆU CHỈNH		Revisions
1		
2		
3		
4		
LẦN Ver	MÔ TẢ Description	NGÀY Date

CÔNG TRÌNH Project

**CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG
GIAO THÔNG NÔNG THÔN
KHU BẶN XÃ THU CÚC**

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

TÊN BẢN VẼ	DWG. title
------------	------------

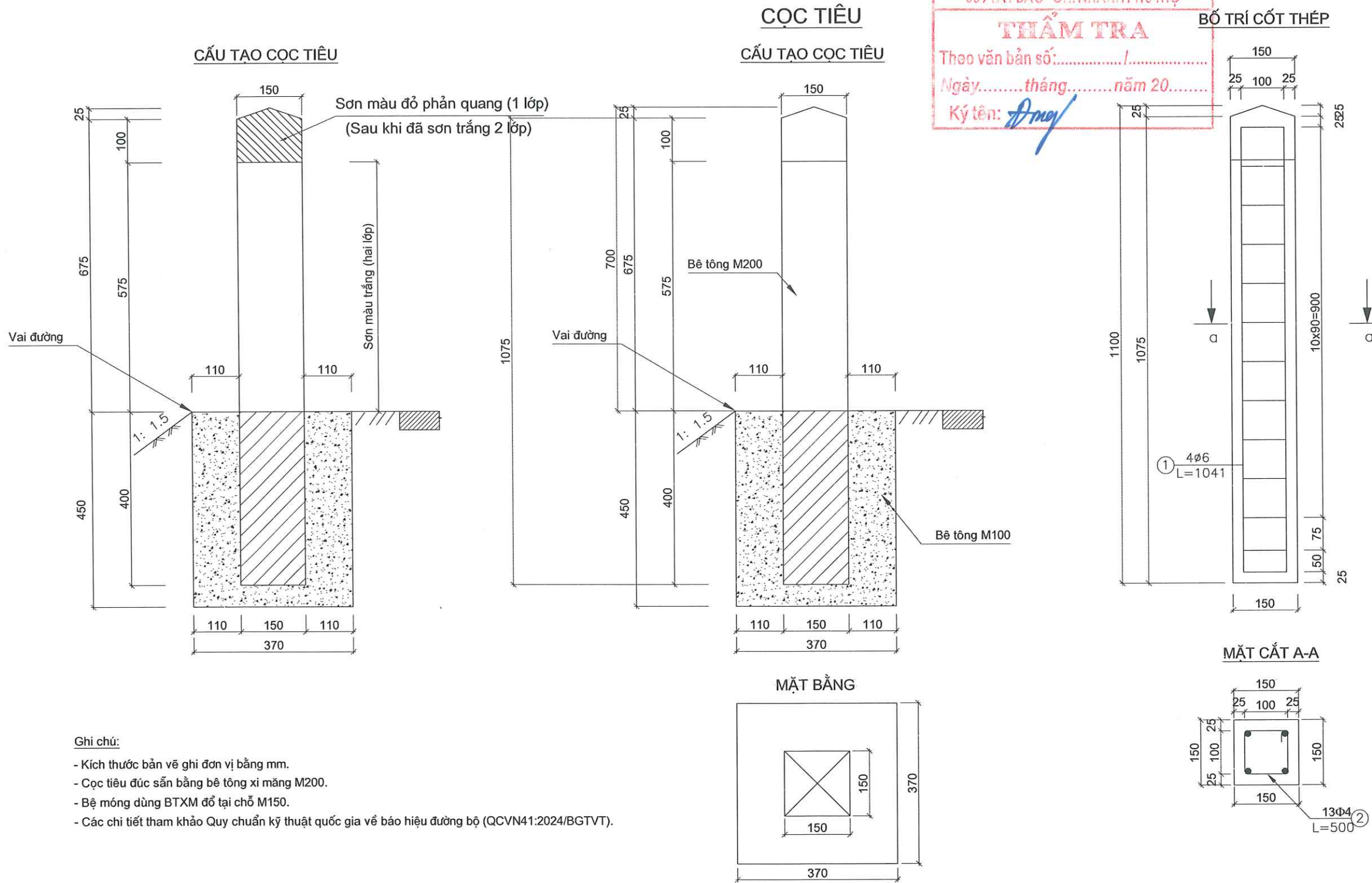
GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG
HÙNG THỊNH
PHÚ THỌ

HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ P.s Architect	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	<i>phxh</i>
THIẾT KẾ Design	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	<i>phxh</i>
THỂ HIỆN Draw	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	<i>phxh</i>
S.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN DẠT	<i>NTD</i>

NGÀY HT Date	2026
KÝ HIỆU BV Drawing No	TB-01

BẢN VẼ: ĐIỂN HÌNH CỌC TIÊU (KT 15X15)



BẢNG KHỐI LƯỢNG 1 CỘT CẠC TIÊU

STT	HẠNG MỤC	BÊ TÔNG XM M200 (M3)	BÊ TÔNG XM M150 (M3)	THÉP Φ6 (KG)	THÉP Φ4 (KG)	SƠN ĐỎ PHẢN QUANG (M2)	SƠN TRẮNG 2 LỚP (M2)
1	CỘT CẠC TIÊU	0,025	0,0526	0,924	0,637	0,0675	0,4125X2=0,825

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HANH PHÚ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số: /

Ngày: tháng năm 20.....

Ký tên: *Đ. May*

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ



Địa chỉ: Tổ 69, P. Nông Trang, T. Phú Thọ
Điện thoại: 0977 510 054
Email: hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH			Revisions
1			
2			
3			
4			
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY	
Ver	Description	Date	

CHỦ ĐẦU TƯ

Client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH

Project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN KHU BẬN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ

DWG. title

CHI TIẾT CẠC TIÊU

GIÁM ĐỐC
CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ

HOANG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ P.s Architect	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	
THIẾT KẾ Design	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	
THỂ HIỆN Draw	KS PHÙNG XUÂN HUYỀN	
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT
Date

2026

KÝ HIỆU BV
Drawing No

CT

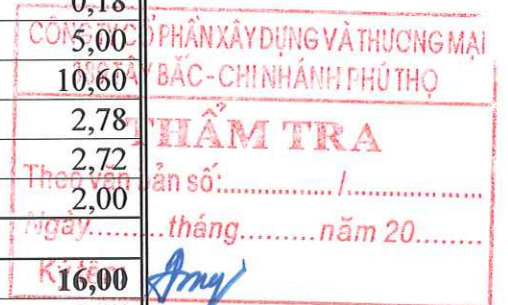
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG TRẦN

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH	KHỐI LƯỢNG
I	Cống bản BTCT 2B=2x3.0m			
1	Tấm bản chéo BTCT KT(578x416x25)cm	Tấm		2,00
-	Bê tông tấm bản	m3	M300	12,02
-	Ván khuôn BT tấm bản	m2		9,94
-	Cốt thép F (6-8)	Kg	D10≥ CB400-V, D<10 CB240-T	181,10
-	Cốt thép F (10-18)	Kg	D10≥ CB400-V, D<10 CB240-T	126,46
-	Cốt thép F >18	Kg	D10≥ CB400-V, D<10 CB240-T	823,30
-	Bê tông bảo vệ tấm bản	m3	M300	39,74
-	Ván khuôn BT bảo vệ bản	m2		2,74
2	Xà mũ cống			
-	Bê tông mũ tường cống	m3	M250	3,76
-	Ván khuôn bê tông	m2		11,56
-	Cốt thép mũ tường cống F (6-8)	Kg	D10≥ CB400-V, D<10 CB240-T	55,35
-	Cốt thép chốt bản F22	Kg		33,12
3	Tường thân, móng tường thân cống	m3	M200	54,44
-	Tường thân	m3	M200	31,25
-	Ván khuôn đổ bê tông tường thân	m2		101,04
-	Móng tường thân	m3	M200	23,18
-	Ván khuôn đổ bê tông móng tường thân	m2		47,02
4	Bê tông thân, móng tường cánh	m3	M200	95,40
-	Tường cánh	m3		47,51
-	Ván khuôn đổ bê tông tường cánh	m2		117,41
-	Móng tường cánh	m3	M200	47,89
-	Ván khuôn đổ bê tông móng tường cánh	m2		64,47
5	Thanh chống KT(300x30x25)cm	cấu kiện		6,00
-	Bê tông thanh chống	m3	M200	1,38
-	Ván khuôn BT thanh chống	m2		9,90
-	Cốt thép thanh chống F(6-8)	Kg	D10≥ CB400-V, D<10 CB240-T	15,96
-	Cốt thép thanh chống F12	Kg	D10≥ CB400-V, D<10 CB240-T	63,96
6	Bê tông gia cố lòng cống dày 20cm	m3	M200	6,94
7	Bê tông gia cố sân cống thượng - hạ lưu	m3	M200	46,06
8	Bê tông chân khay sân cống thượng - hạ lưu	m3	M200	44,42
9	Bê tông lót toàn bộ M150	m3	Dày 10cm	31,10
10	Đá hộc xếp khan chống xói hạ lưu	m3		21,88
11	Ván khuôn đổ bê tông các loại	m2		203,57
12	Đào đất xây cống đất cấp 3	m3		672,92
13	Đắp đất thân cống tận dụng	m3	Đầm cóc K=0.95	473,34
II	Thân tràn và gia cố đầu tràn			
	Bê tông mặt đường dày 20cm (đã trừ phần cống chiếm chỗ)	m3	Mác 250	37,85
	Ván khuôn BTXM mặt đường	m2		21,82
	Lớp móng CPDD loại I dày 18cm	m3		42,29
	Vét bùn, đất C1	m3	Đất C1	110,44
	Vét hữu cơ + đánh cấp, đất C2	m3	Đất C2	119,48
	Đào nền đất cấp 2	m3	Đất C2	17,08
	Đào đường cũ BTXM	m3	BTXM	22,13
	Đắp nền K95	m3	K95	864,05
	Bê tông mái ta luy thượng- hạ lưu	m3	M200	93,98
	BT chân khay mái ta luy thượng - hạ lưu toàn bộ	m3	M200	39,26
	Bê tông lót toàn bộ M150, dày 10cm	m3	M150	49,61

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
 C-CHINHÀNH PHÚ THỌ
THẨM TRA
 Theo yêu cầu số:/.....
 Ngày: tháng năm 20.....
 Ký tên: *Am*



STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH	KHỐI LƯỢNG
	Ván khuôn đổ bê tông chân khay, mái taluy	m2		157,02
	Đào đất đổ BT chân khay cấp 2	m3		122,19
	Đắp trả chân khay	m3		72,33
*	Cột thủy chí			2,00
	Bê tông móng cột	m3	Mác 250	0,16
	Bê tông thân cột	m3	Mác 250	0,18
	Cốt thép thân cột F6	Kg	D10 $\geq$ CB400-V, D<10 CB240-T	5,00
	Cốt thép thân cột F10	Kg	D10 $\geq$ CB400-V, D<10 CB240-T	10,60
	Sơn cột	m2	Sơn phản quang	2,78
	Ván khuôn đổ bê tông cột	m2	VK Thép	2,72
	Lắp dựng cột KT: (2.2x0.2x0.2)m	Cột	Cấu kiện BTCT	2,00
IV	An toàn giao thông			
1	Cọc tiêu KT(15x15x100)cm	cái	Cự ly 5m/cọc	16,00
	Đào đất xây cọc tiêu	m3		0,99
	Bê móng BTXM M150	m3		0,84
	Cọc tiêu BTXM M200	m3		0,40
	Ván khuôn cọc tiêu	m2		8,64
	Cốt thép D $\leq$ 10	kg	D10 $\geq$ CB400-V, D<10 CB240-T	24,98
	Sơn phản quang đỏ	m2		1,08
	Sơn trắng 2 lớp	m2		13,20
2	Biển báo			
	Biển phản quang HTG 216 (cả cột), cạnh 87,5cm	cái	Biển báo vị trí tràn	2,00
III	Khối lượng thi công			
*	Đào đất mương dẫn dòng	m3	Đất C3	224,00
	Đắp đất hoàn trả K95	m3	Đất C3	224,00
1	Bờ vây thi công	m		16,00
	Đắp đất bờ vây (K=0,85)	m3		8,00
	Cọc tre đóng bờ vây L=2,0m	m		128,00
	Phên che làm bờ vây	m2		32,00
	Thép F6 làm đai bờ vây L-1,6m	kg		2,85
	Tre làm nẹp bờ vây F8-F10	m		64,00
	Phá bờ vây thanh thải dòng chảy	m3		8,00
	Bơm nước thi công, máy bơm 20cv	ca		10,00
2	*Ống cống D100	m		27,50
	Cống D100 (loại 2,5m/1 đốt cống)	đốt cống		11,00
	Bê tông ống cống	m3		13,09
	Cốt thép D $\leq$ 10	kg		289,74
	Ván khuôn ống cống	m2		193,42
	Lắp đặt ống cống	đốt cống		11,00



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HANH PHÚ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../.....

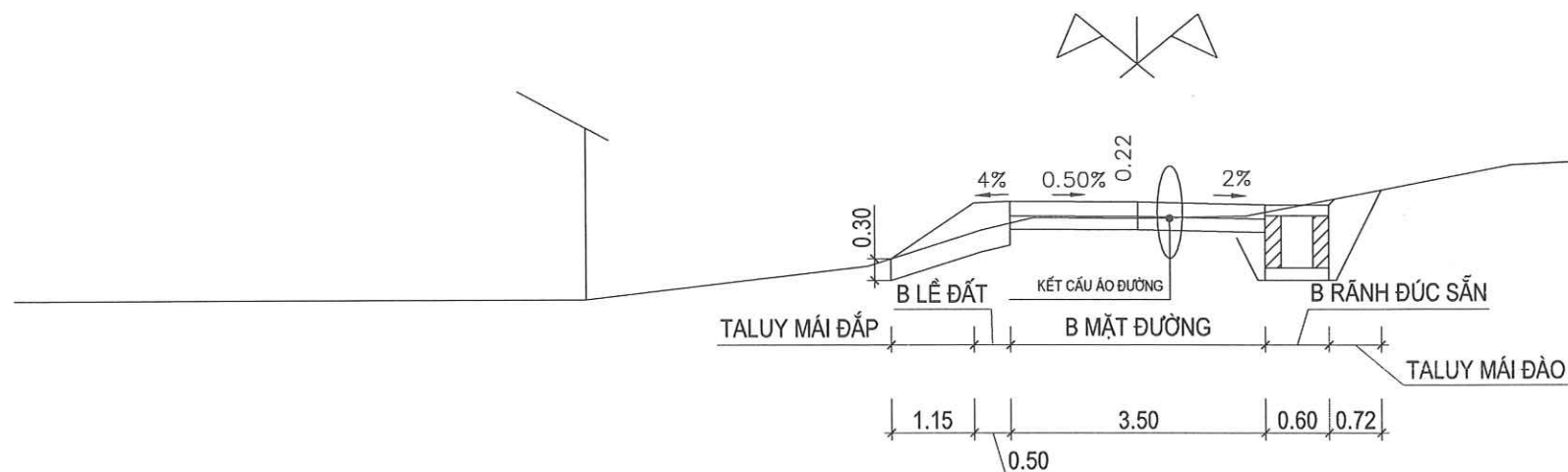
Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên: Amy

TUYỂN 2+3



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HÁNH PHỐ THỌ
THẨM TRA
Theo văn bản số: /
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: *Ang*



The drawing illustrates a road cross-section with the following components and dimensions:

- Top Section:** A drainage ditch with a width of 0.70m and a depth of 0.20m. The ditch is labeled "KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG" (Road Structure).
- Grading:** The road surface has a 4% slope on the left and right sides, and a 2% slope in the center.
- Bottom Section:** A cross-section of the road structure showing the following layers and dimensions:
 - TL MÁI ĐÀO (Ditch Slope):** 0.32m on the left and 2.19m on the right.
 - B RÃNH ĐẤT (Earth Ditch):** 1.20m on the left and 1.20m on the right.
 - B MẶT ĐƯỜNG (Road Surface):** 3.50m wide.
 - LỀ ĐẤT (Earth Shoulder):** 0.50m on the left and 0.50m on the right.
- Labels:** "BÓC LỚP HỮU CƠ DÀY 20CM" (20cm thick organic layer) is indicated on the right side of the road.

GHI CHÚ: KÍCH THƯỚC GHI TRÊN BẢN VẼ (Note: Dimensions are given on the drawing)

*** KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG** (Road Structure):

- 1 - Mặt đường BTXM M250 dày 20cm.
- 2 - Lớp móng CPĐD loại 1 dày 18cm.
- 3 - Nền đường đầm chặt K95.

GHI CHÚ: KÍCH THƯỚC GHI TRÊN BẢN VẼ LÀ MÉT (M)

* KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG

- 1 - Mặt đường BTXM M250 dày 20cm.
- 2 - Lớp móng CPĐD loại 1 dày 18cm
- 3 - Nền đường đầm chặt K95

Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH		revisions
1		
2		
3		
4		
LẦN Ver	MÔ TẢ Description	NGÀY Date

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN KHU BẮN XÃ THU CÚC

HẠNG MỤC

GAO THÔNG

MẶT CẮT NGANG ĐẠI DIỆN
TUYẾN 2

TUYỂN 2

CHẤM ĐÓNG

CÔNG PHÂN
XÂY DỰNG
HÙNG THỊNH
PHÚ THỌ

TP. V. THO.

HOÀNG VĂN HUNG

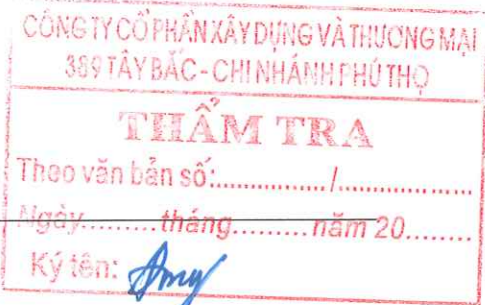
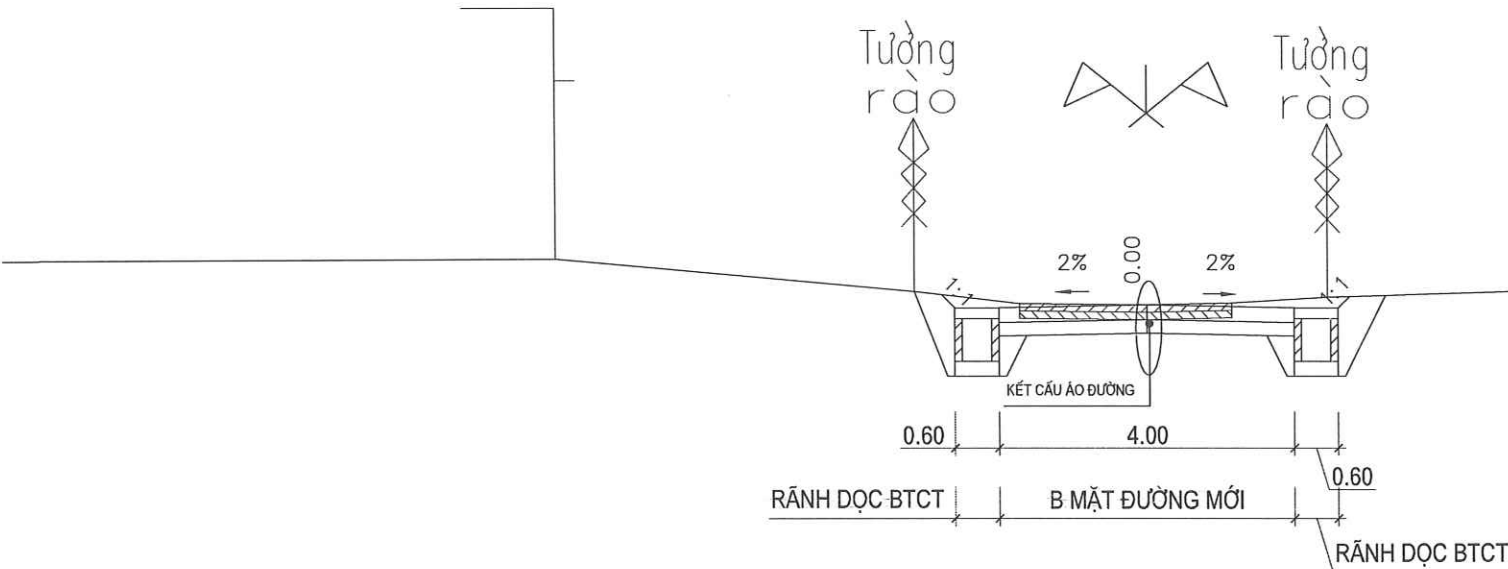
CHỦ TRÌ P.s Architect	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
THIẾT KẾ Design	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
THỂ HIỆN Draw	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

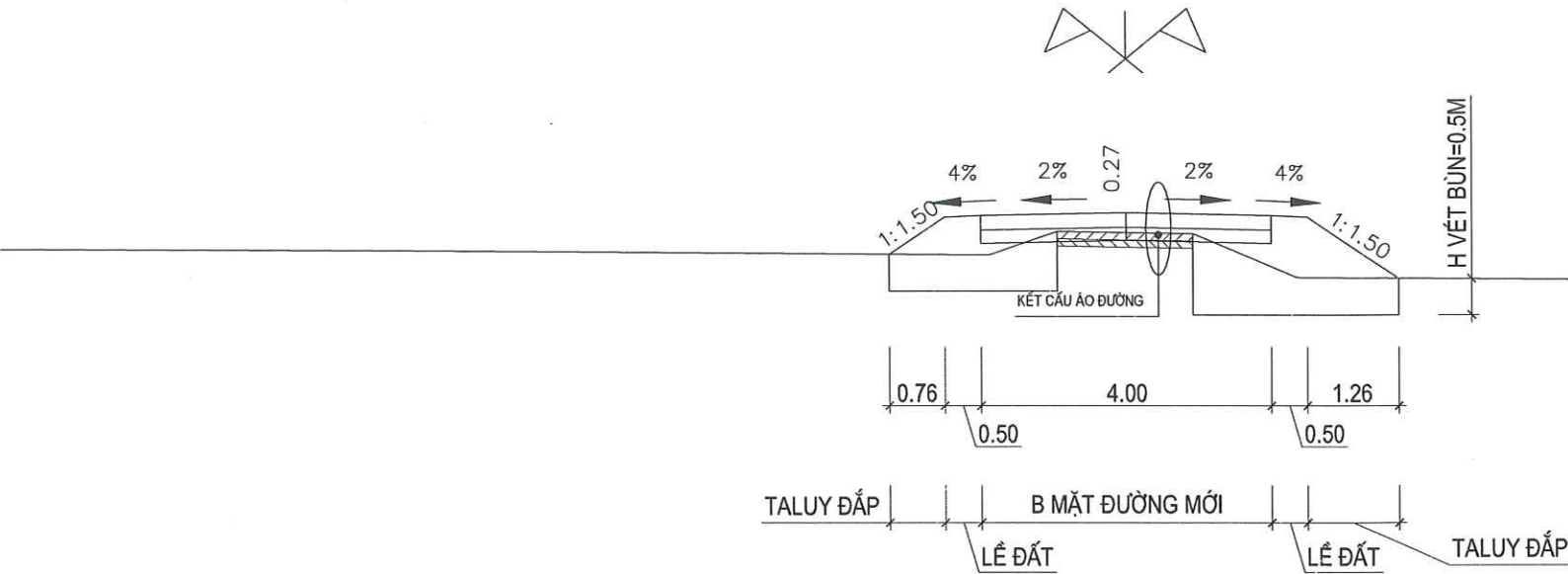
NGÀY HT Date	2026
-----------------	------

KÝ HIỆU BV
Drawing No

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 3
ÁP DỤNG CHO ĐOẠN TUYẾN CÓ Rãnh BTCT ĐÚC SẴN



MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 3
ÁP DỤNG CHO ĐOẠN TUYẾN KHÔNG CÓ Rãnh BTCT ĐÚC SẴN



GHI CHÚ: KÍCH THƯỚC GHI TRÊN BẢN VẼ LÀ MÉT (M)

- * KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG
- 1 - Mặt đường BTXM M250 dày 20cm.
 - 2 - Lớp móng CPĐD loại 1 dày 18cm
 - 3 - Nền đường đầm chặt K95

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ

Địa Chỉ : Tổ 69, P. Minh Phương, TP Việt Trì
Tỉnh Phú Thọ

Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH		revisions
1		
2		
3		
4		
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY
Ver	Description	Date

CHỦ ĐẦU TƯ client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG
GIAO THÔNG NÔNG THÔN
KHU BẬN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ DWG. title

MẶT CẮT NGANG ĐẠI DIỆN
TUYẾN 3

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG
HUNG THỊNH
PHÚ THỌ

HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ P.s Architect	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
THIẾT KẾ Design	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
THỂ HIỆN Draw	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN DẠT	

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG	
NGÀY HT Date	2026
KÝ HIỆU BV Drawing No	MCDH-T3

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HANH PHÚ THỌ

THẨM TRA

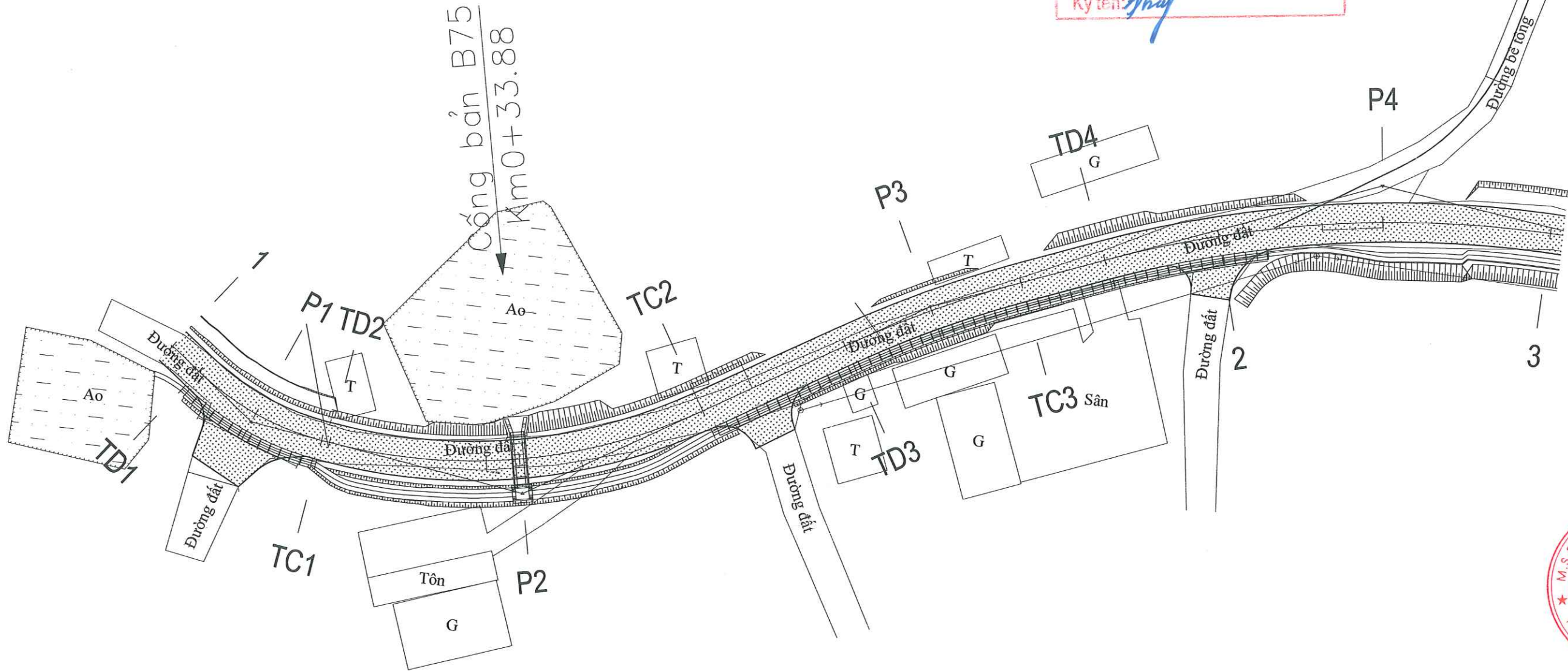
Theo văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên: Amy

TUYỂN 2





Bảng yếu tố cong											
TT	R	A	T	P	K	isc	Tên Cọc	Tọa độ X	Tọa độ Y	H	Ghi chú
1	25.00	150d45'48.6"	6.52	0.84	12.76	it1=4.00%,ip1=4.00%	D1	517172.02	2351507.42		Trái
2	50.00	140d44'50.2"	17.83	3.08	34.25	it1=3.00%,ip1=3.00%	D2	517196.85	2351503.91		Trái
3	100.00	170d22'24.5"	8.42	0.35	16.80	it1=-3.00%,ip1=3.00%	D3	517231.30	2351524.76		Phải
4	100.00	151d7'30.2"	25.75	3.26	50.40	it1=-3.00%,ip1=3.00%	D4	517270.30	2351540.18		Phải
5	90.00	172d44'13.9"	5.71	0.18	11.41	it1=3.00%,ip1=3.00%	D5	517322.91	2351533.43		Trái
6	90.00	147d57'27.4"	25.84	3.64	50.33	it1=3.00%,ip1=3.00%	D6	517403.95	2351533.36		Trái

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ

Địa Chỉ : Tổ 69, P. Minh Phương, TP Việt Trì
Tỉnh Phú Thọ

Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH		revisions
1		
2		
3		
4		
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY
Ver	Description	Date

CHỦ ĐẦU TƯ

client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH

project

CÁI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG
GIAO THÔNG NÔNG THÔN
KHU BẬN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ

DWG. title

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 2

M.S.D.N: 2600939571-G.T.C

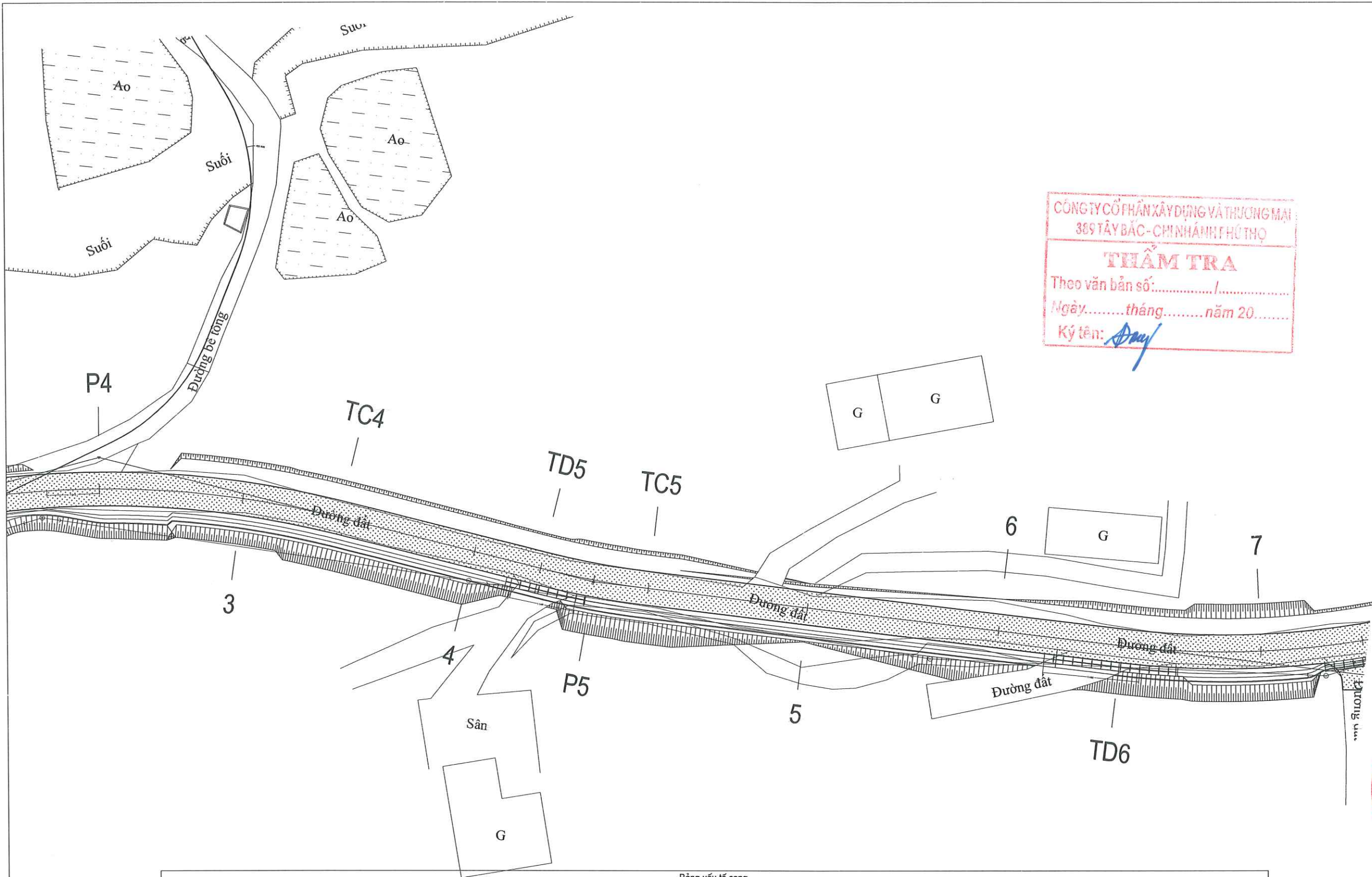
GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG
HUNG THỊNH
PHÚ THỌ

HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ P.s Architect	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
THIẾT KẾ Design	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
THỂ HIỆN Draw	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG	
NGÀY HT Date	2026
KÝ HIỆU BV Drawing No	BDTKT2-01



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HÁNH HƯ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số: /
Ngày: tháng năm 20.....
Ký tên: *Đang*

Bảng yếu tố công											
TT	R	A	T	P	K	isc	Tên Cọc	Tọa độ X	Tọa độ Y	H	Ghi chú
1	25.00	150d45'48.6"	6.52	0.84	12.76	it1=4.00%,ip1=-4.00%	D1	517172.02	2351507.42		Trái
2	50.00	140d44'50.2"	17.83	3.08	34.25	it1=3.00%,ip1=-3.00%	D2	517196.85	2351503.91		Trái
3	100.00	170d22'24.5"	8.42	0.35	16.80	it1=-3.00%,ip1=3.00%	D3	517231.30	2351524.76		Phải
4	100.00	151d7'30.2"	25.75	3.26	50.40	it1=-3.00%,ip1=3.00%	D4	517270.30	2351540.18		Phải
5	90.00	172d44'13.9"	5.71	0.18	11.41	it1=3.00%,ip1=-3.00%	D5	517322.91	2351533.43		Trái
6	90.00	147d57'27.4"	25.84	3.64	50.33	it1=3.00%,ip1=-3.00%	D6	517403.95	2351533.36		Trái

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ**

Địa Chỉ : Tổ 69, P. Minh Phương, TP Việt Trì
Tỉnh Phú Thọ

Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH			revisions
1			
2			
3			
4			
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY	
Ver	Description	Date	

CHỦ ĐẦU TƯ client

**TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC**

CÔNG TRÌNH project

**CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG
GIAO THÔNG NÔNG THÔN
KHU BẬN XÃ THU CÚC**

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ DWG, title

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 2

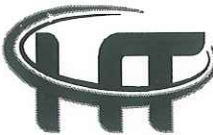
CHẤM ĐÓC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG
HUNG THỊNH
PHÚ THỌ

HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ P.s Architect	KS ĐẶNG NGỌC ANH	<i>Đang</i>
THIẾT KẾ Design	KS ĐẶNG NGỌC ANH	<i>Đang</i>
THỂ HIỆN Draw	KS ĐẶNG NGỌC ANH	<i>Đang</i>
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	<i>Đang</i>

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT Date	2026
KÝ HIỆU BV Drawing No	BDTKT2-02



Địa Chỉ : Tổ 69, P. Minh Phương, TP Việt Trì
Tỉnh Phú Thọ
Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
369 TÂY BẮC - CHINH HÁNH PHÚ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên: *Đmg*

HIỆU CHỈNH revisions

1		
2		
3		
4		

LẦN MÔ TẢ NGÀY
Ver Description Date

CHỦ ĐẦU TƯ client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG
GIAO THÔNG NÔNG THÔN
KHU BẬN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ DWG. title

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 2



HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ
P.s Architect

KS
ĐẶNG NGỌC ANH

THIẾT KẾ
Design

KS
ĐẶNG NGỌC ANH

THỂ HIỆN
Draw

KS
ĐẶNG NGỌC ANH

Q.L.K.T
Manager

KS
NGUYỄN TIẾN ĐẠT

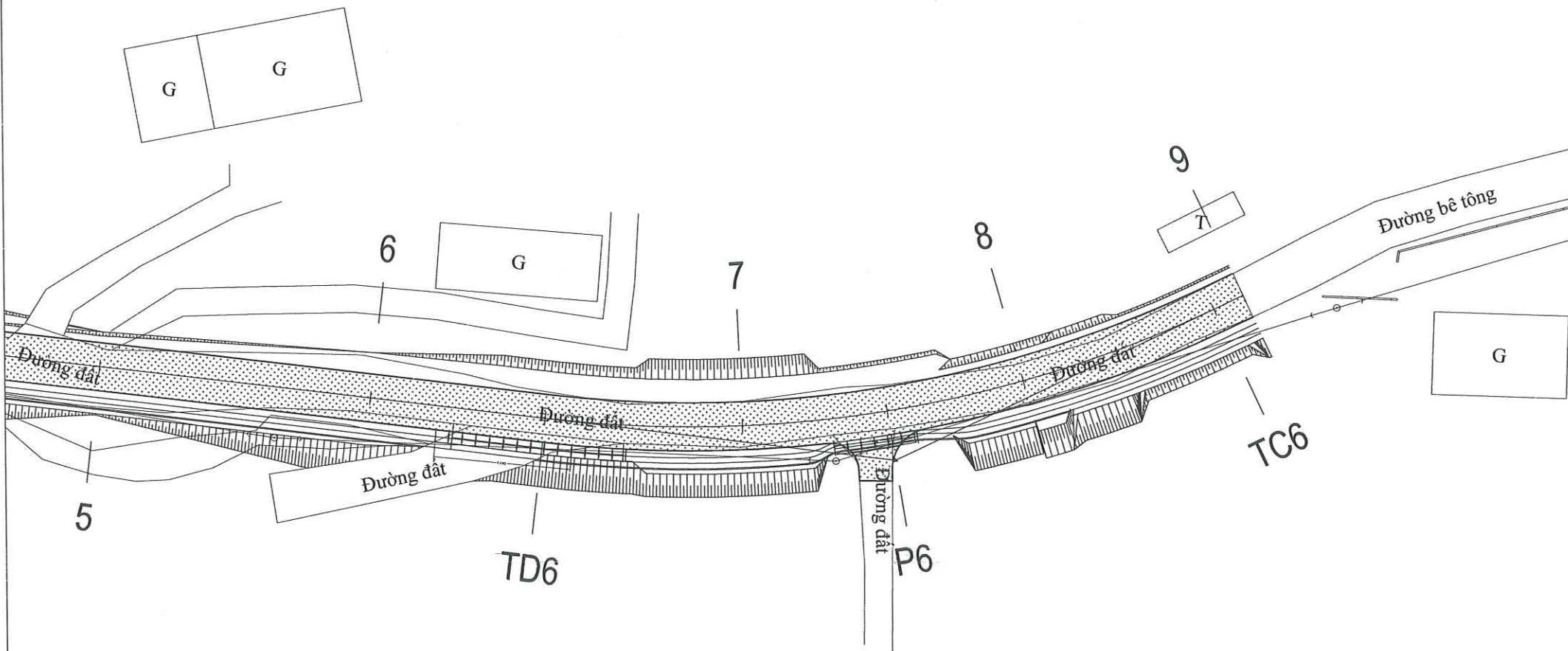
HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT
Date

2026

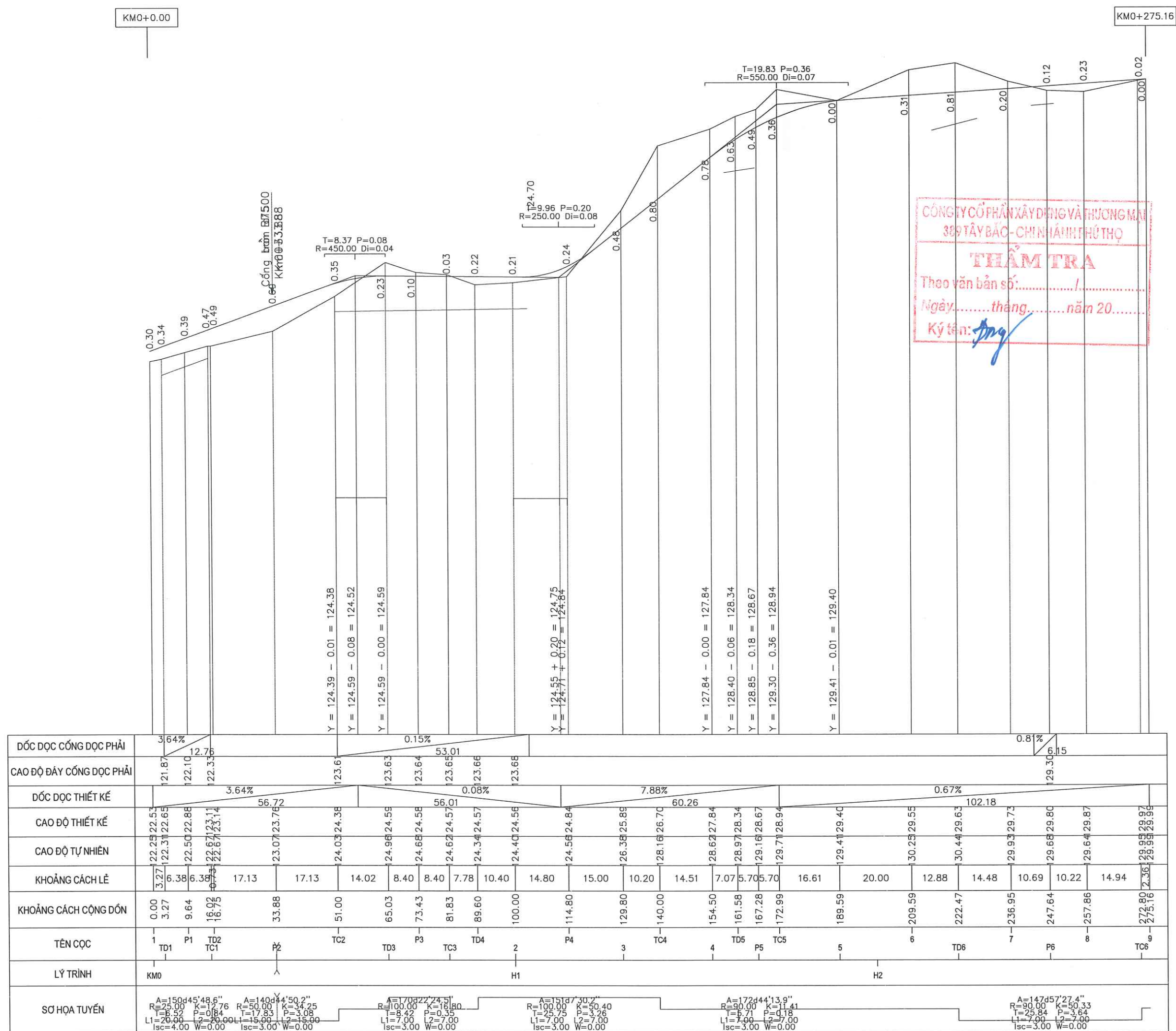
KÝ HIỆU BV
Drawing No

BDTKT2-03



Bảng yếu tố cong

TT	R	A	T	P	K	isc	Tên Cọc	Tọa độ X	Tọa độ Y	H	Ghi chú
1	25.00	150d45'48.6"	6.52	0.84	12.76	it1=4.00%,ip1=4.00%	D1	517172.02	2351507.42		Trái
2	50.00	140d44'50.2"	17.83	3.08	34.25	it1=3.00%,ip1=3.00%	D2	517196.85	2351503.91		Trái
3	100.00	170d22'24.5"	8.42	0.35	16.80	it1=3.00%,ip1=3.00%	D3	517231.30	2351524.76		Phải
4	100.00	151d7'30.2"	25.75	3.26	50.40	it1=3.00%,ip1=3.00%	D4	517270.30	2351540.18		Phải
5	90.00	172d44'13.9"	5.71	0.18	11.41	it1=3.00%,ip1=3.00%	D5	517322.91	2351533.43		Trái
6	90.00	147d57'27.4"	25.84	3.64	50.33	it1=3.00%,ip1=3.00%	D6	517403.95	2351533.36		Trái



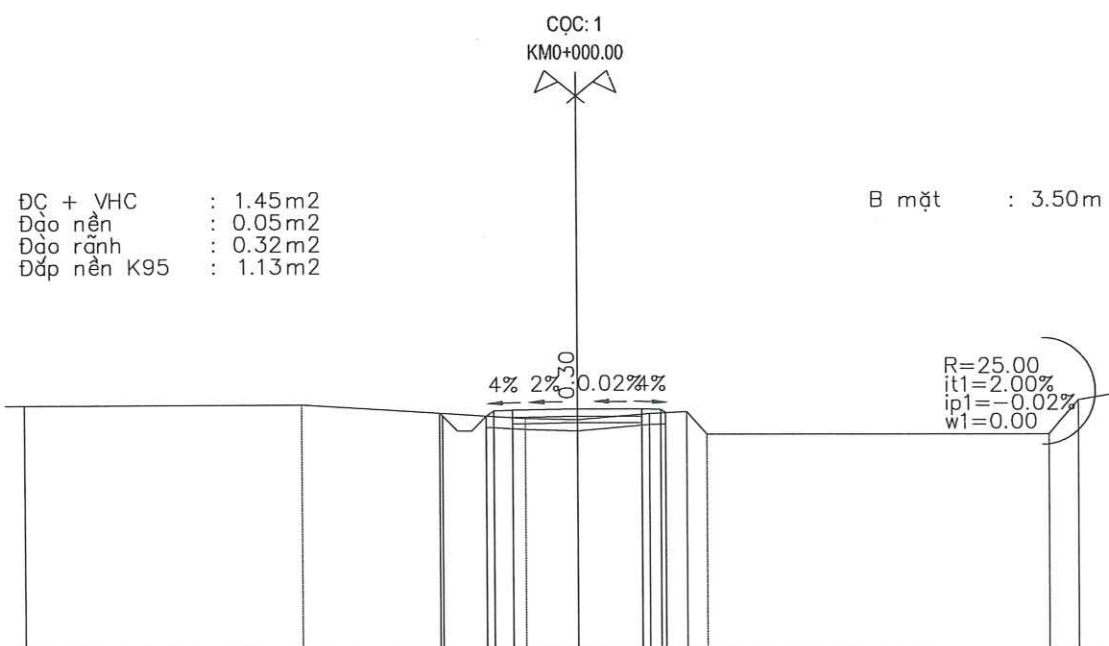
CHỦ ĐẦU TƯ client

**TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC**

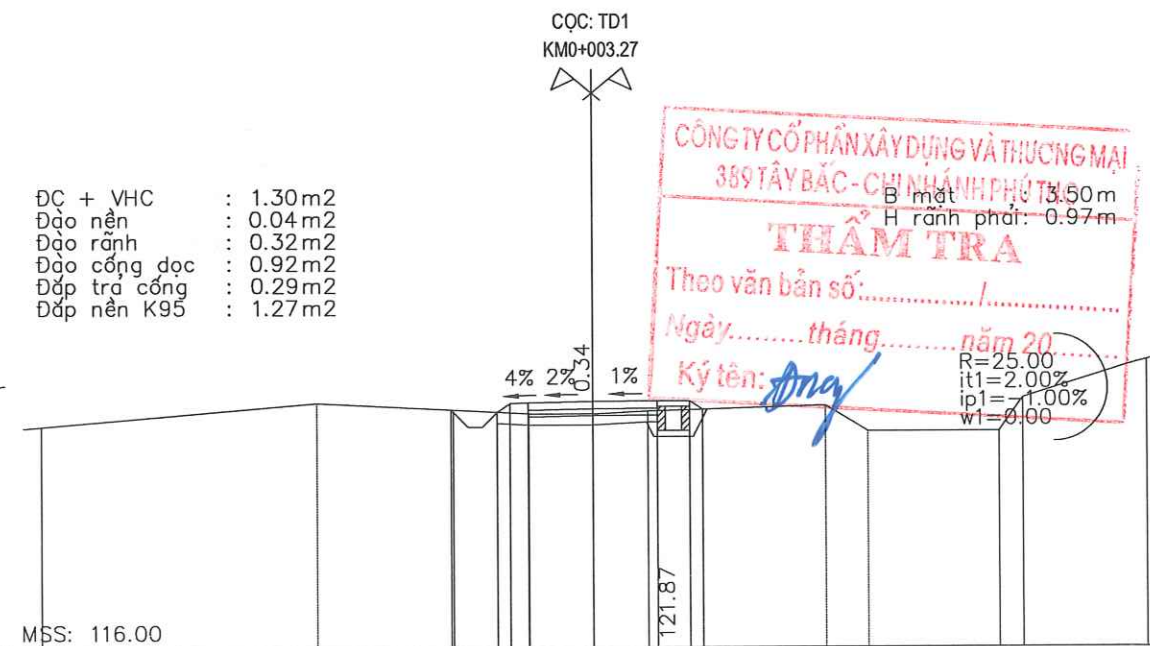
GIAO THÔNG

009332
GIAM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG
THÀNH THỊNH
PHÚ THỌ
HOÀNG VĂN HÙNG

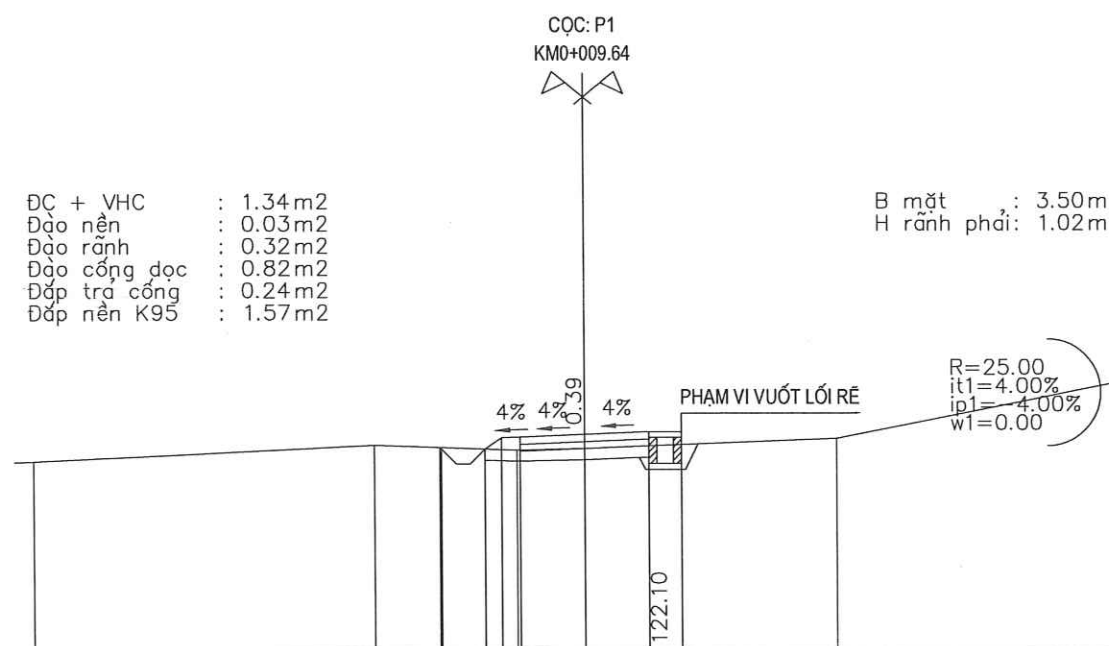
HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG	
NGÀY HT Date	2026
KÝ HIỆU BV Drawing No	TDTK-T2



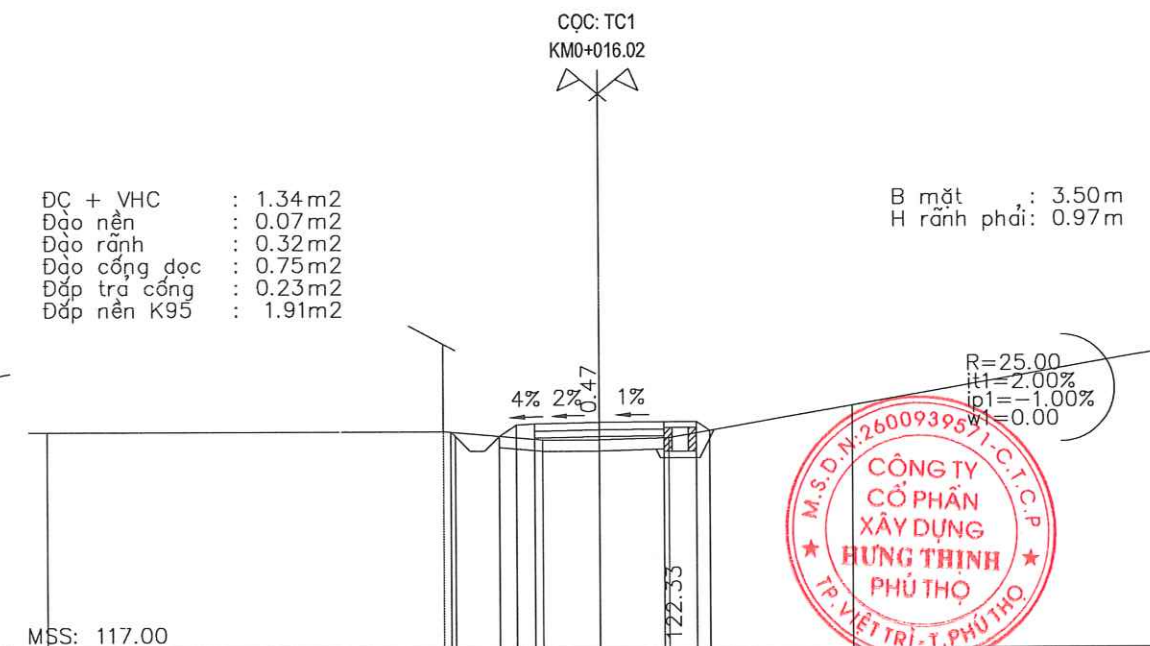
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	122.42	122.34	122.34	122.48	122.50	122.53	122.53	122.42
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.06	0.06	0.30	1.75	1.75	0.50	0.19	0.06
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	122.65	122.65	122.27	122.23	122.40	122.45	121.84	122.99
KHOẢNG CÁCH MIA	7.50	6.09	1.41	1.95	1.00	0.55	9.30	0.80
								1.40



CAO ĐỘ THIẾT KẾ	122.42	122.36	122.36	122.59	122.61	122.65	122.67	122.67	122.44
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.06	0.06	0.30	1.75	1.75	0.88	0.35	0.35	0.06
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	121.97	122.60	122.32	122.31	122.39	122.54	121.84	121.84	123.76
KHOẢNG CÁCH MIA	7.50	5.77	1.73	1.49	4.82	1.15	3.58	0.64	3.32



CAO ĐỘ THIẾT KẾ	122.53	122.49	122.49	122.79	122.81	122.88	122.95	122.95	122.10
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.04	0.45	0.50	1.75	1.75	0.88	0.88	0.88	0.04
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	122.16	122.60	122.46	122.50	122.56	122.77	122.77	124.37	122.16
KHOẢNG CÁCH MIA	9.26	3.91	1.83	1.75	5.12	8.13			



CAO ĐỘ THIẾT KẾ	122.86	122.75	122.75	123.08	123.08	123.11	123.13	123.13	122.33
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.11	0.46	0.50	1.75	1.75	0.88	0.36	0.36	0.11
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	122.88	122.65	122.65	122.70	123.56	124.98	124.98	124.98	122.88
KHOẢNG CÁCH MIA	10.77	2.69	1.55	1.88	4.97	8.15			

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH PHÚ THỌ
THẨM TRA
Theo văn bản số: /
Ngày: tháng năm 20.....
Ký tên: *Đng*



ĐC + VHC : 1.64m2
Đào nền : 0.15m2
Đào rãnh : 0.32m2
Đắp nền K95 : 2.27m2

B mặt : 3.50m

ĐC + VHC : 1.95m2
Đào nền : 0.26m2
Đào rãnh : 0.32m2
Đắp nền K95 : 3.88m2

CỐNG BÀN B75

CQC: P2
KM0+033.88



MSS: 117.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ		122.88	123.08	123.10	123.14	123.15	123.13	122.91	122.91	123.16	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		0.64	0.50	1.75	1.75	0.50	0.34	0.26			
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	122.88 122.88	122.88	122.74	122.65	122.77			123.66		125.00	
KHOẢNG CÁCH MIA	12.11	1.39	1.50	1.81		5.05		8.15			

MSS: 115.00

		122.51	123.69	123.71	123.76	123.82	123.80	123.65	123.63	124.06	
			1.74	0.50	1.75	1.75	0.25	0.44			
	120.20	120.28	122.51	123.09	123.07	123.16		124.16	124.23	125.63	
	10.06	0.94	2.06	1.94	0.77	3.72		2.33		8.19	

ĐC + VHC : 1.41m2
Đào cống dọc : 1.00m2
Đắp trả cống : 0.34m2
Đắp nền K95 : 1.58m2

B mặt : 3.50m
H rãnh phải: 0.95m

Đào nền : 1.23m2
Đào khuôn : 1.33m2
Đào cống dọc : 1.52m2
Đắp trả cống : 0.55m2

B mặt : 3.50m
H rãnh phải: 1.09m

CQC: TC2
KM0+051.00

CQC: TD3
KM0+065.03

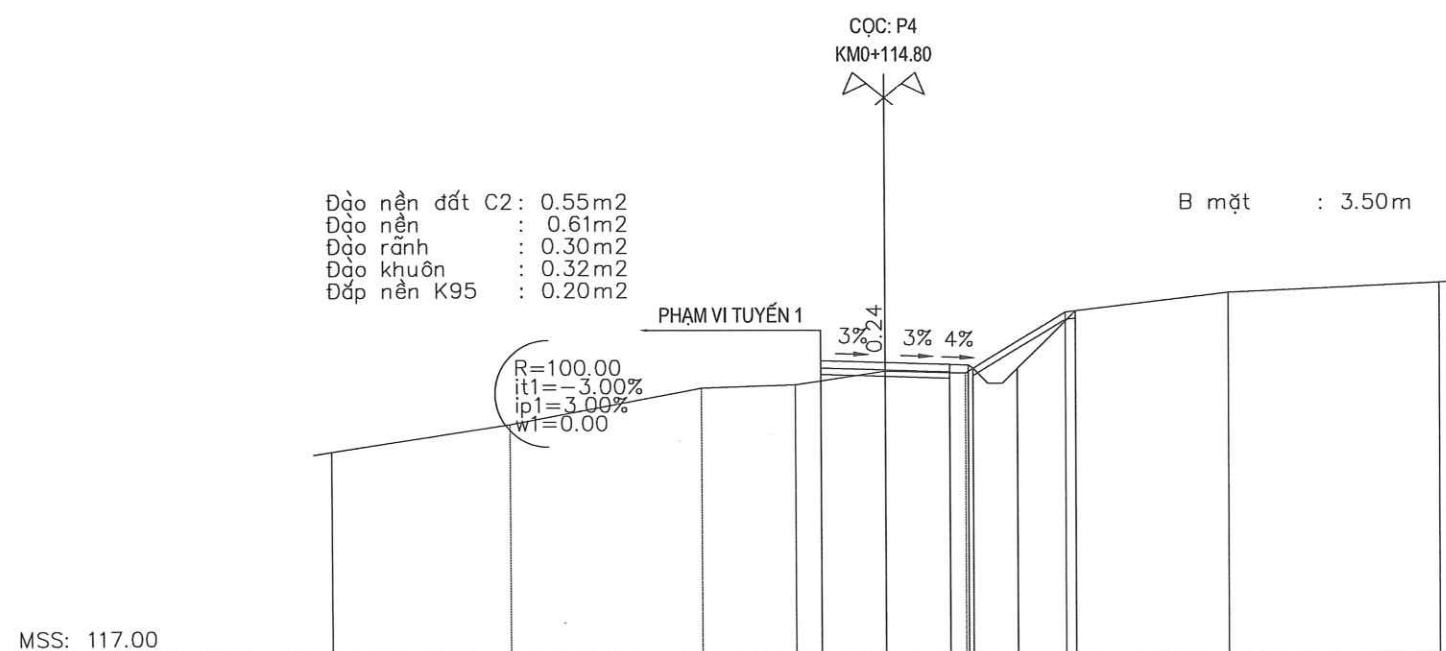


MSS: 117.00

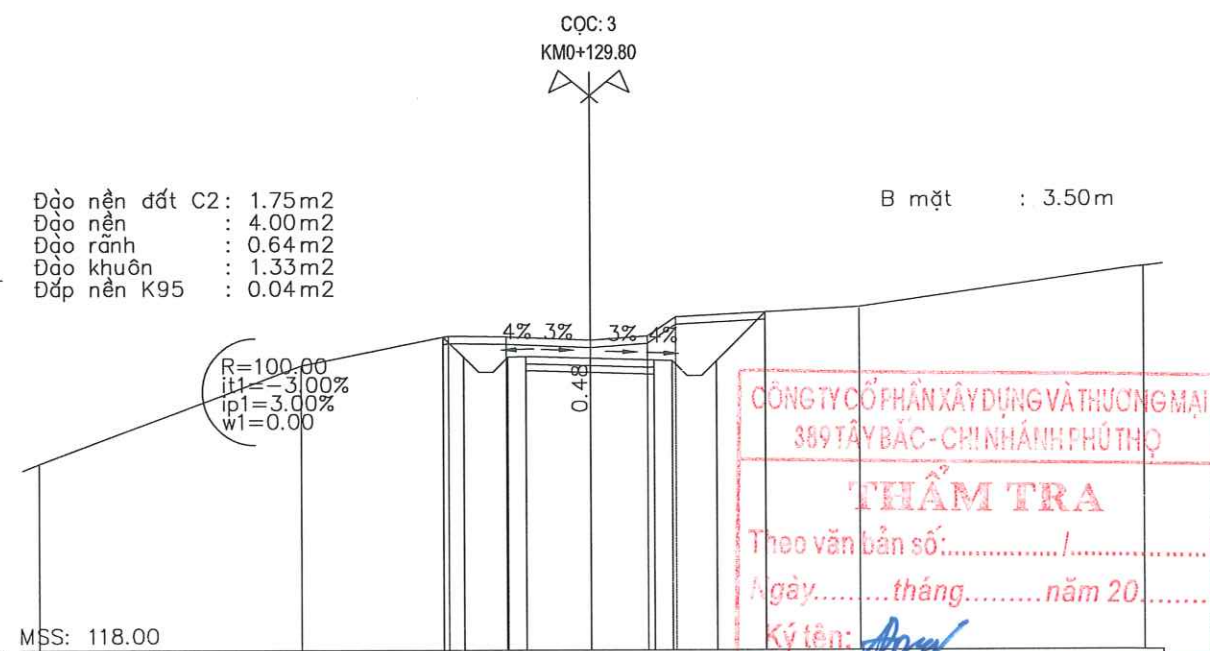
CAO ĐỘ THIẾT KẾ		123.87	124.32	124.34	124.38	124.39	124.39	124.26			
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		0.68	0.50	1.75	1.75	0.88	0.19				
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	122.38	123.87	124.03	124.03	124.16			124.93		125.42	
KHOẢNG CÁCH MIA	8.49	4.35	0.93	1.23	1.87		7.25	5.88			

MSS: 116.00

		124.55	124.60	124.59	124.55	124.55	125.41				
			1.22	1.75	1.75	0.88	0.47				
	121.87	124.32	124.82	124.82	124.84	125.41				125.50	
	10.05	4.33	0.62	2.37	0.73		11.90				



CAO ĐỘ THIẾT KẾ				124.89	124.84	124.78	124.76	124.68	126.23	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ				1.75	1.75	0.50	0.79	1.56		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	122.43	123.17	124.14	124.24	124.60	124.55	124.76	126.20	126.74	127.01
KHOẢNG CÁCH MIA	4.83	5.18	2.55	2.45	2.18	2.69	4.40	5.74		

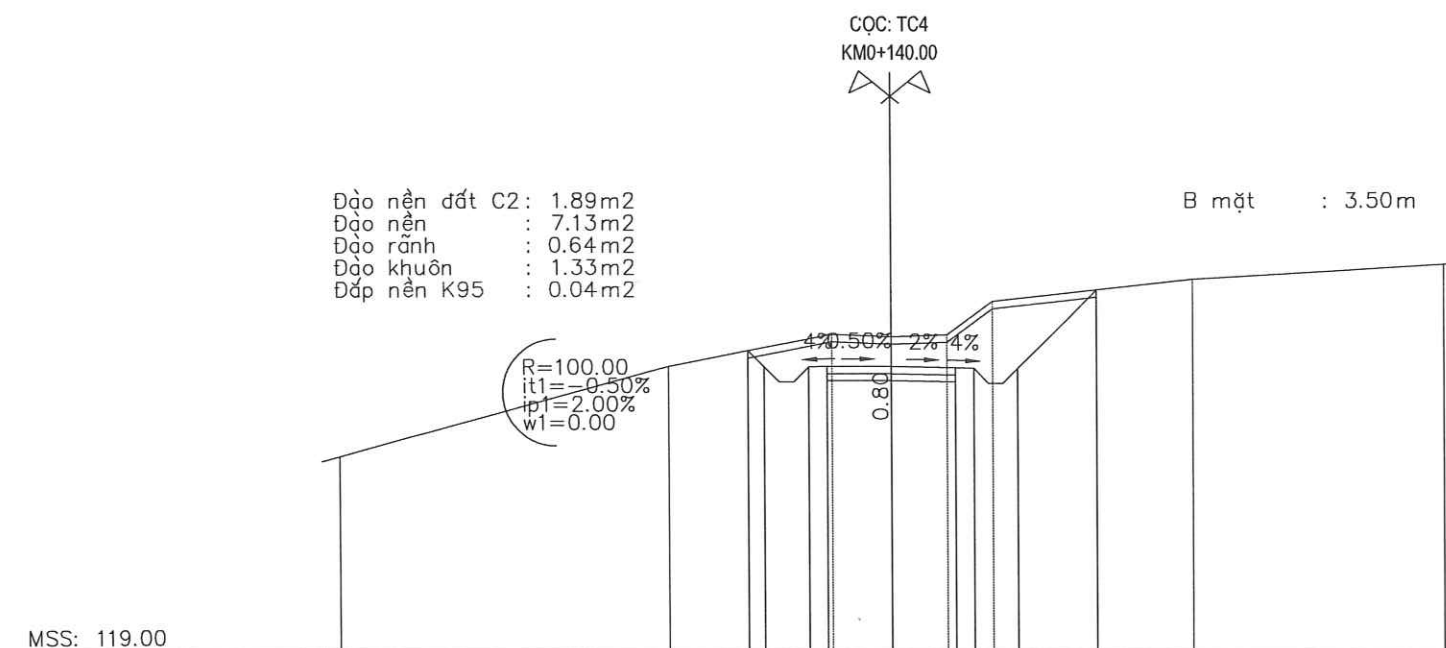


CAO ĐỘ THIẾT KẾ						126.47	125.93	125.93	125.89	125.84	125.82	125.82	127.14	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ						0.54	0.50	1.75	1.75	0.50	1.32			
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	123.05	125.70	126.50	126.48	126.38	126.49	127.00	127.28					128.36	
KHOẢNG CÁCH MIA	7.13	4.01	1.57	2.29	1.57	0.78	4.98	7.67						

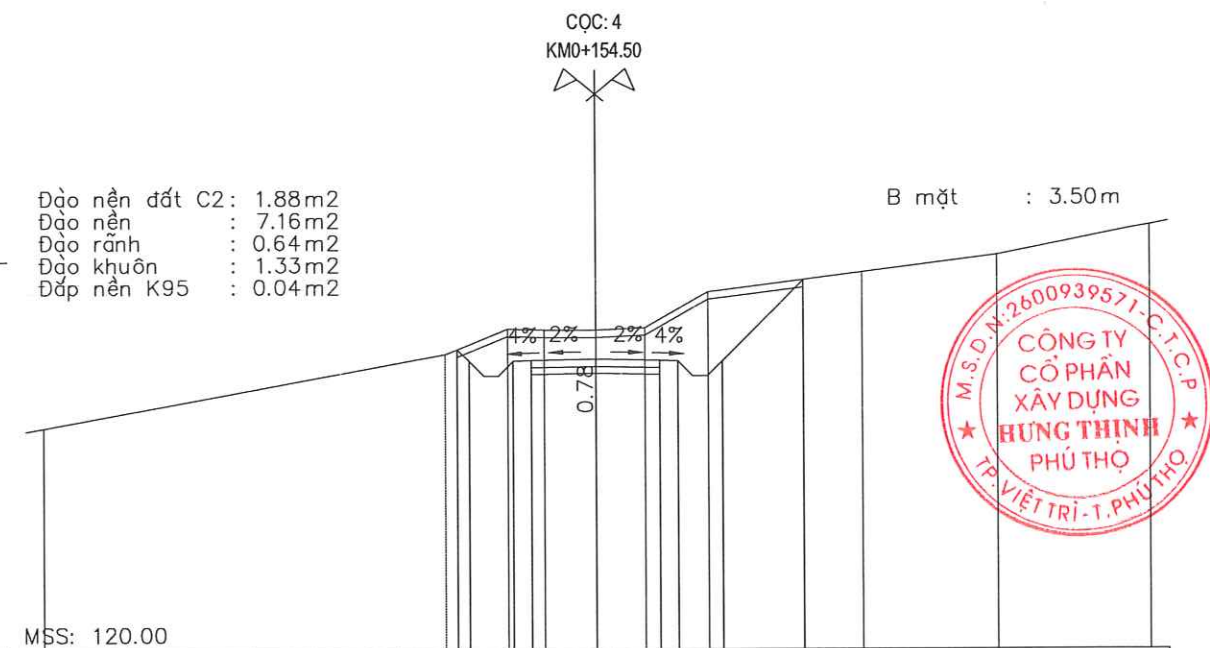
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH NHANH PHÚ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số: /
Ngày: tháng năm 20.....
Ký tên: *Any*



CAO ĐỘ THIẾT KẾ				127.13	126.69	126.69	126.71	126.70	126.66	126.64	126.64	128.77	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ				0.44	0.50	1.75	1.75	0.50	2.13				
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	124.27	126.71	127.57	127.50	127.55	128.46	129.06	129.46					
KHOẢNG CÁCH MIA	8.92	4.46	1.62	1.52	1.25	5.40	6.83						

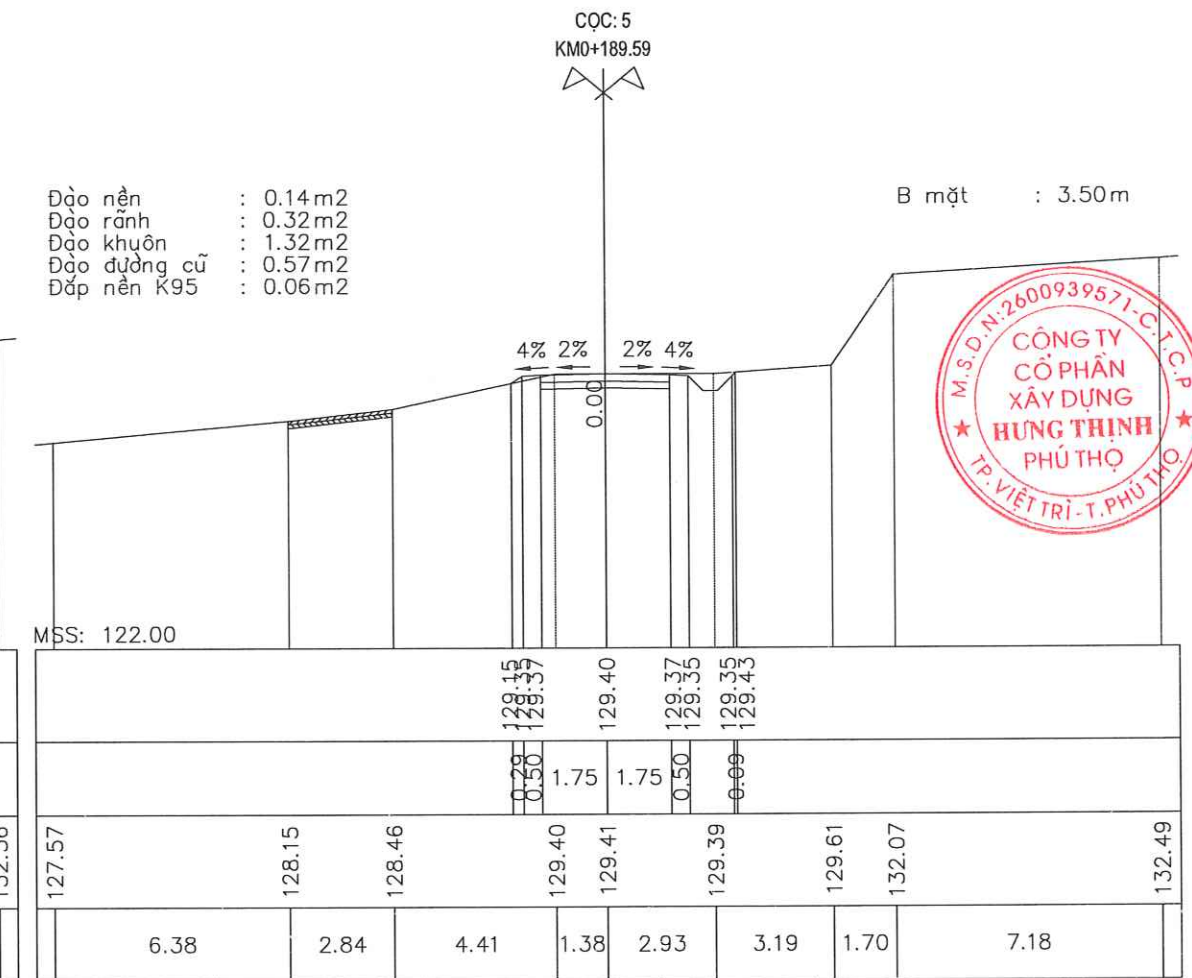
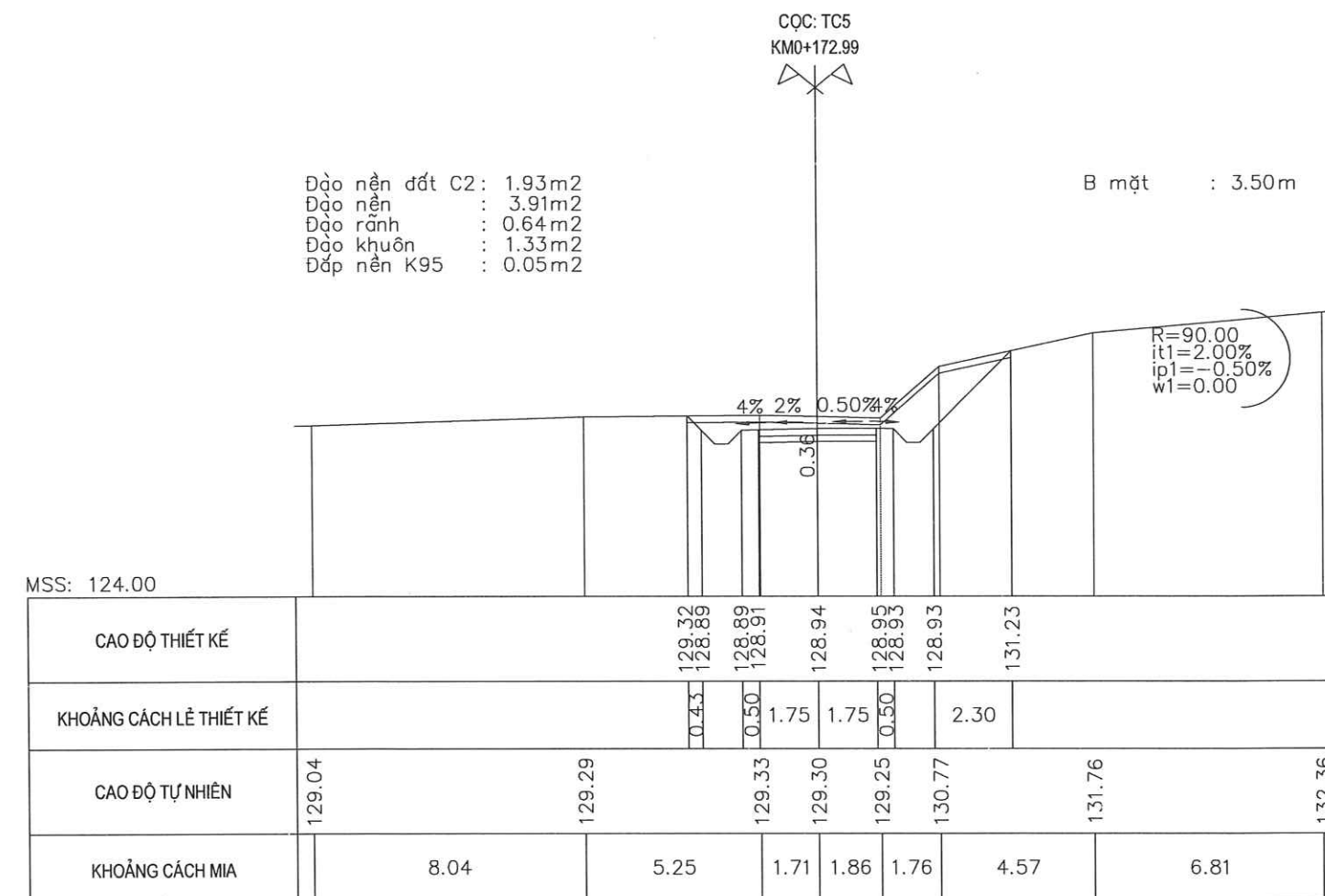
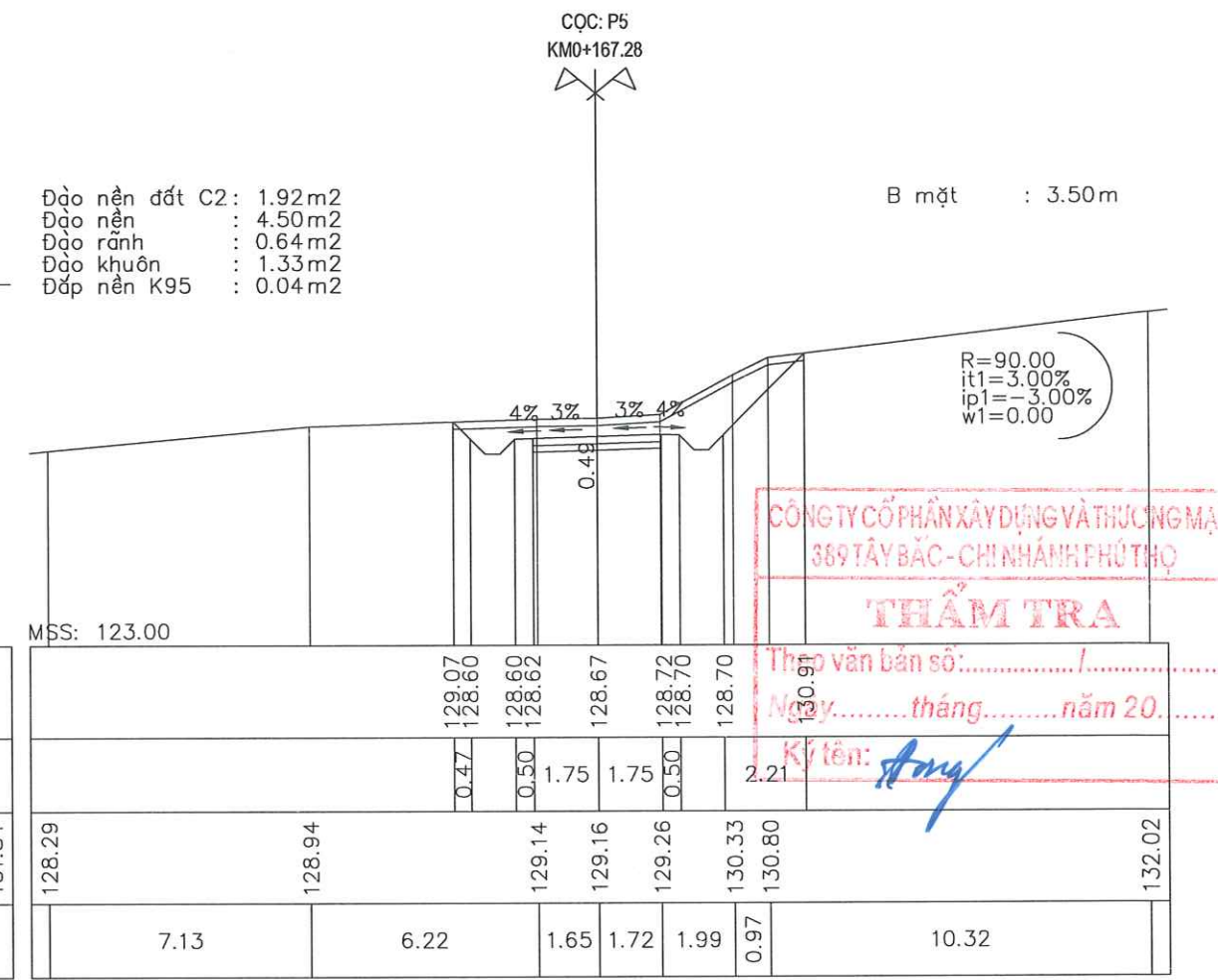
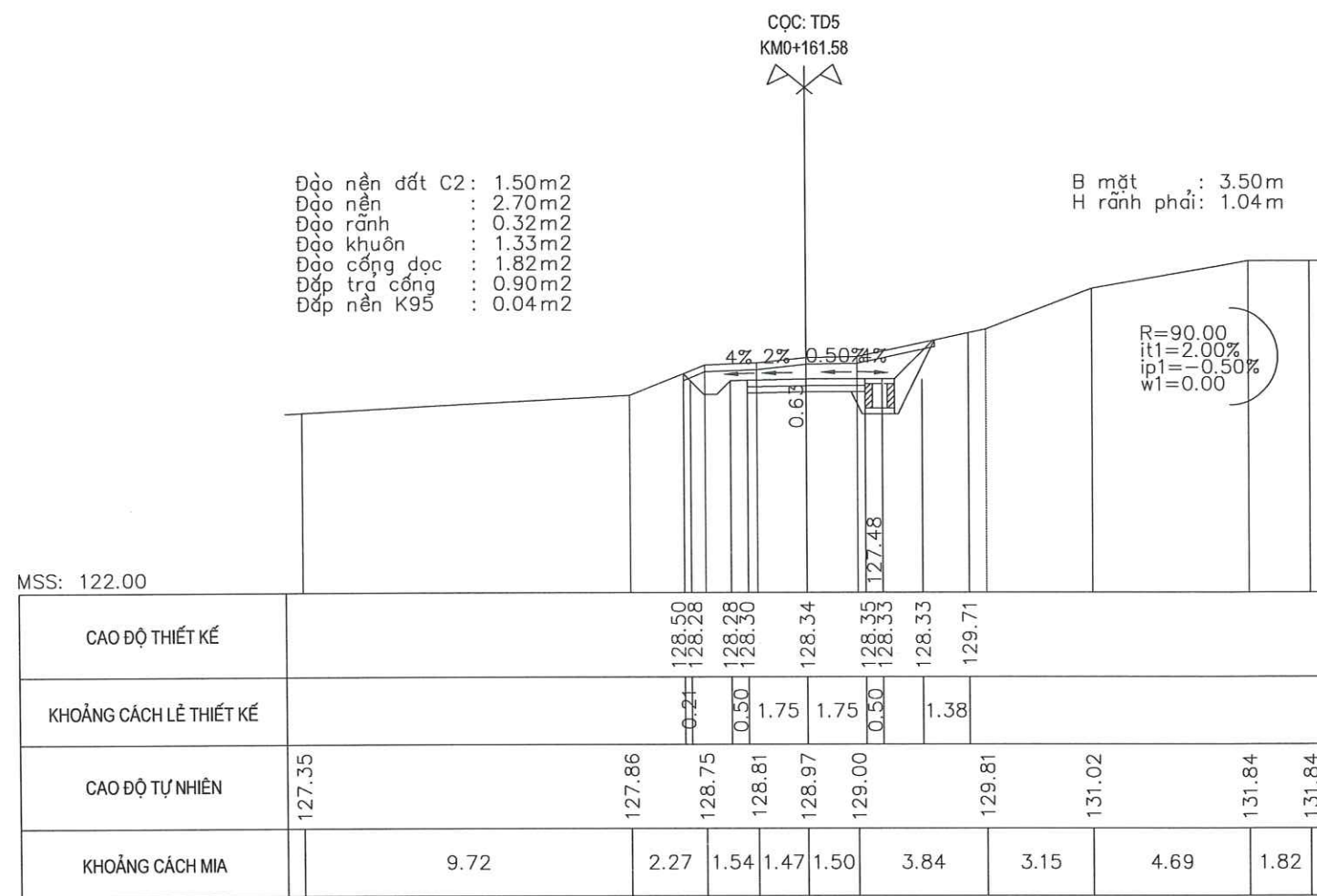


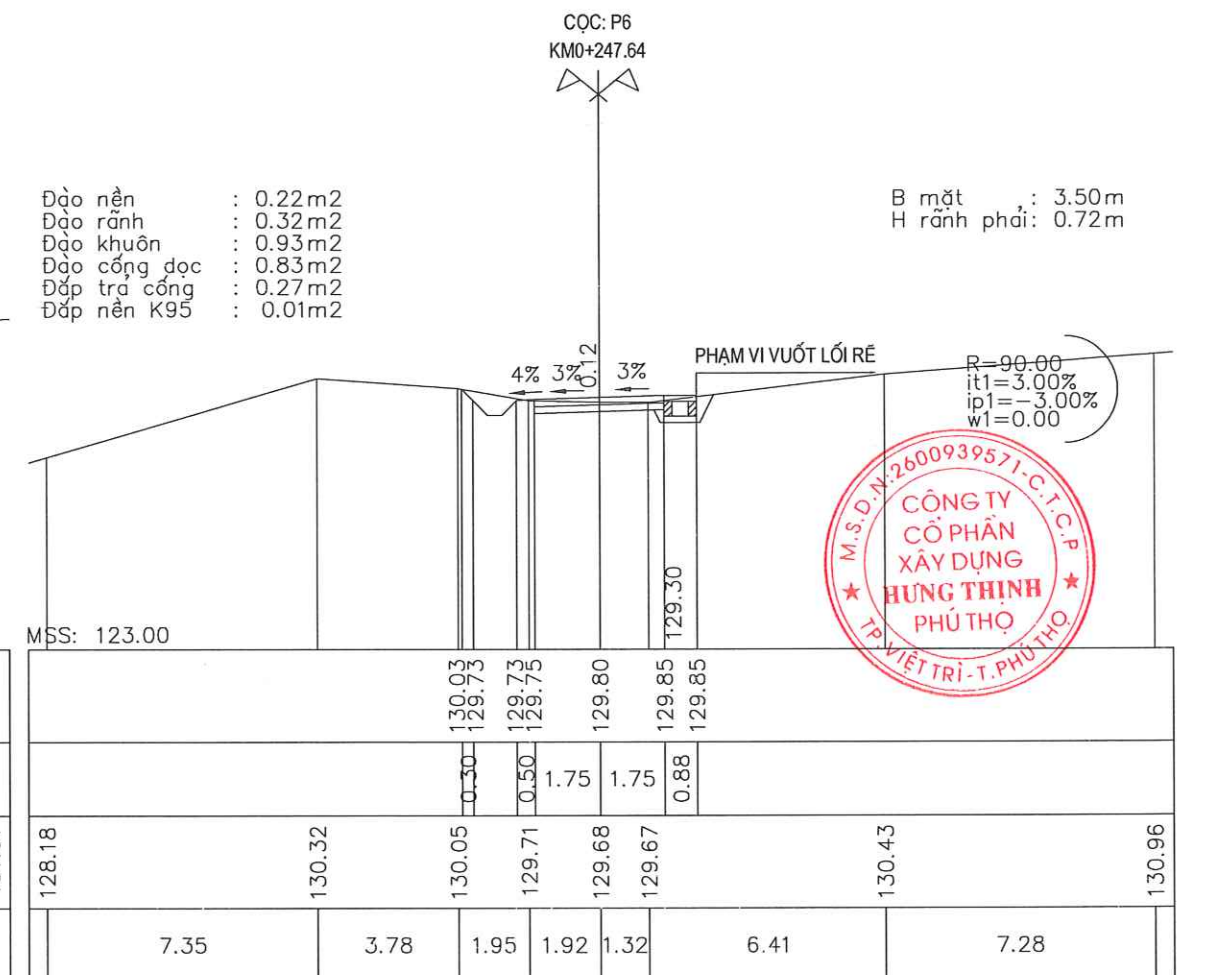
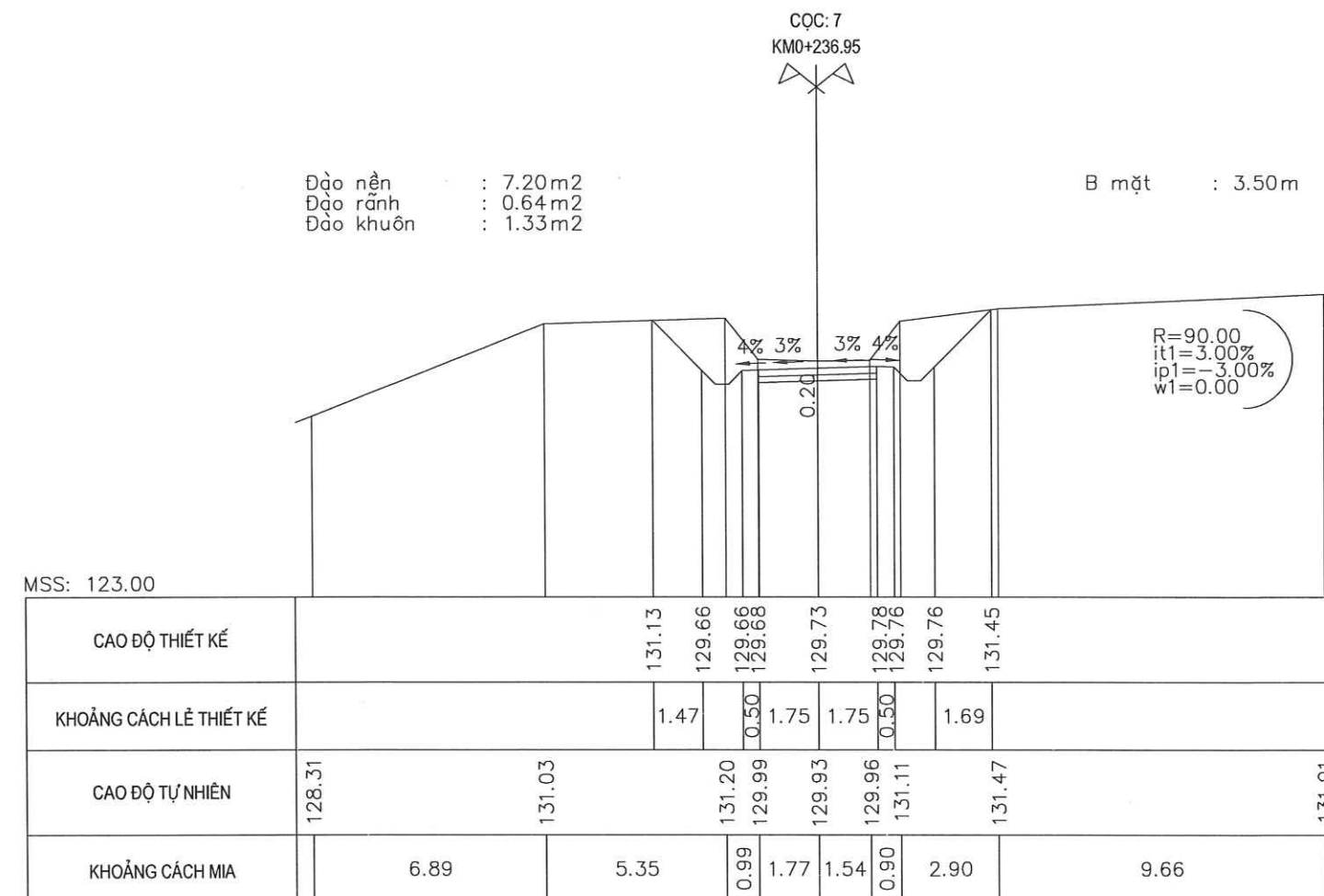
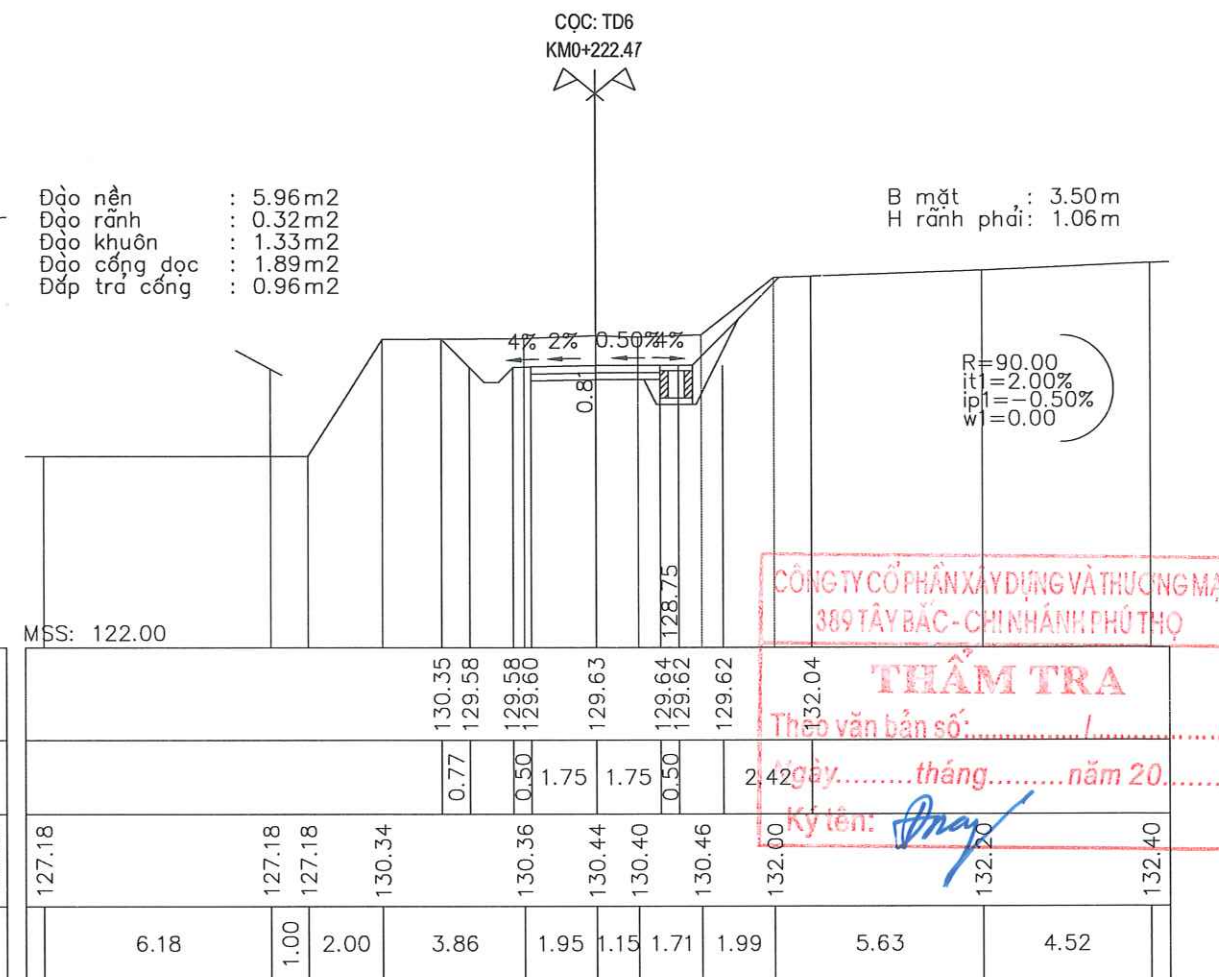
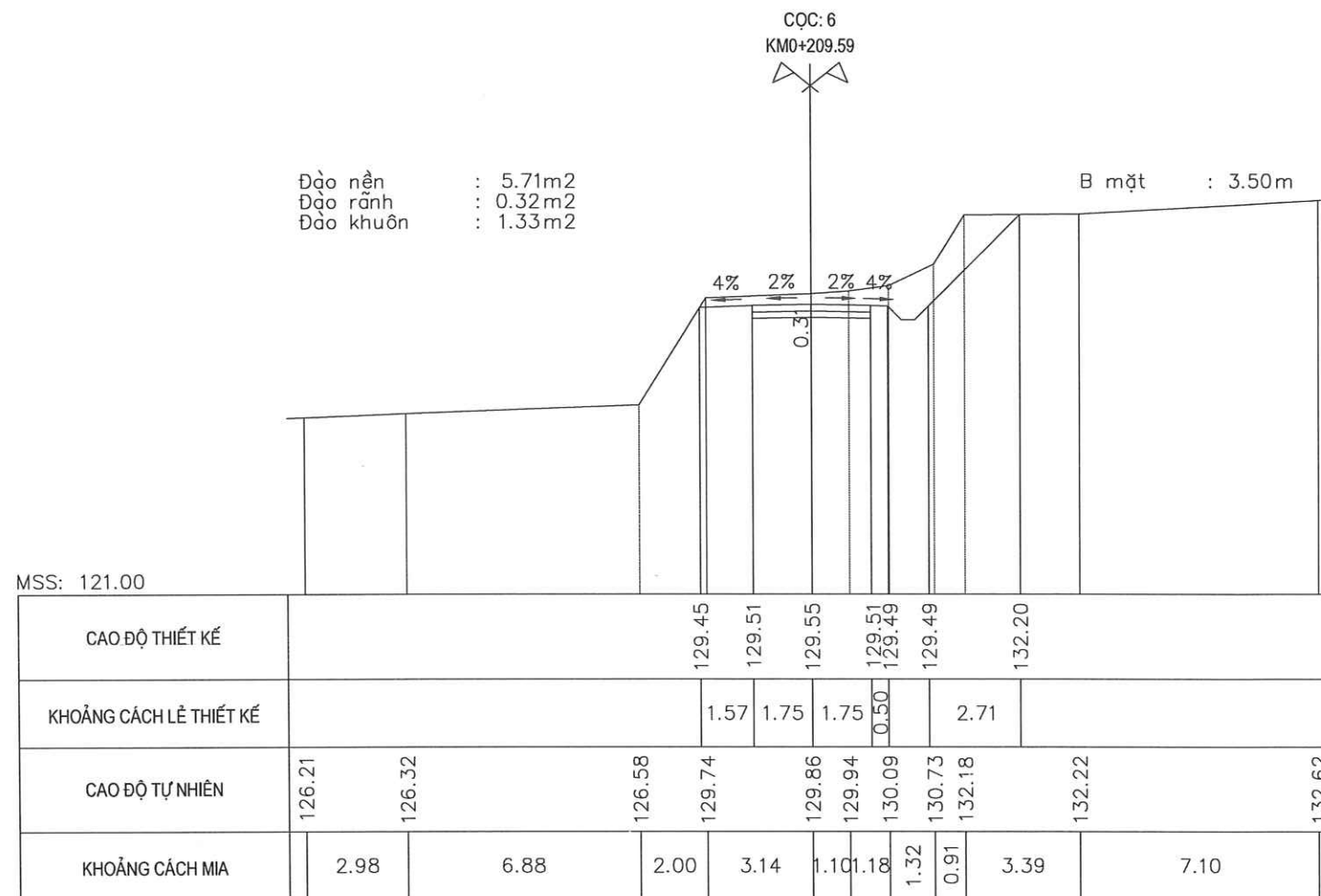
CAO ĐỘ THIẾT KẾ						128.10	127.79	127.79	127.81	127.84	127.81	127.79	129.97	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ						0.32	0.50	1.75	1.75	0.50	2.19			
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	125.98	125.98	127.97	128.65	128.63	128.62	128.68	129.65	130.18	130.64	131.45			
KHOẢNG CÁCH MIA	10.91	1.70	0.99	1.41	1.34	1.72	4.18	3.67	4.09					

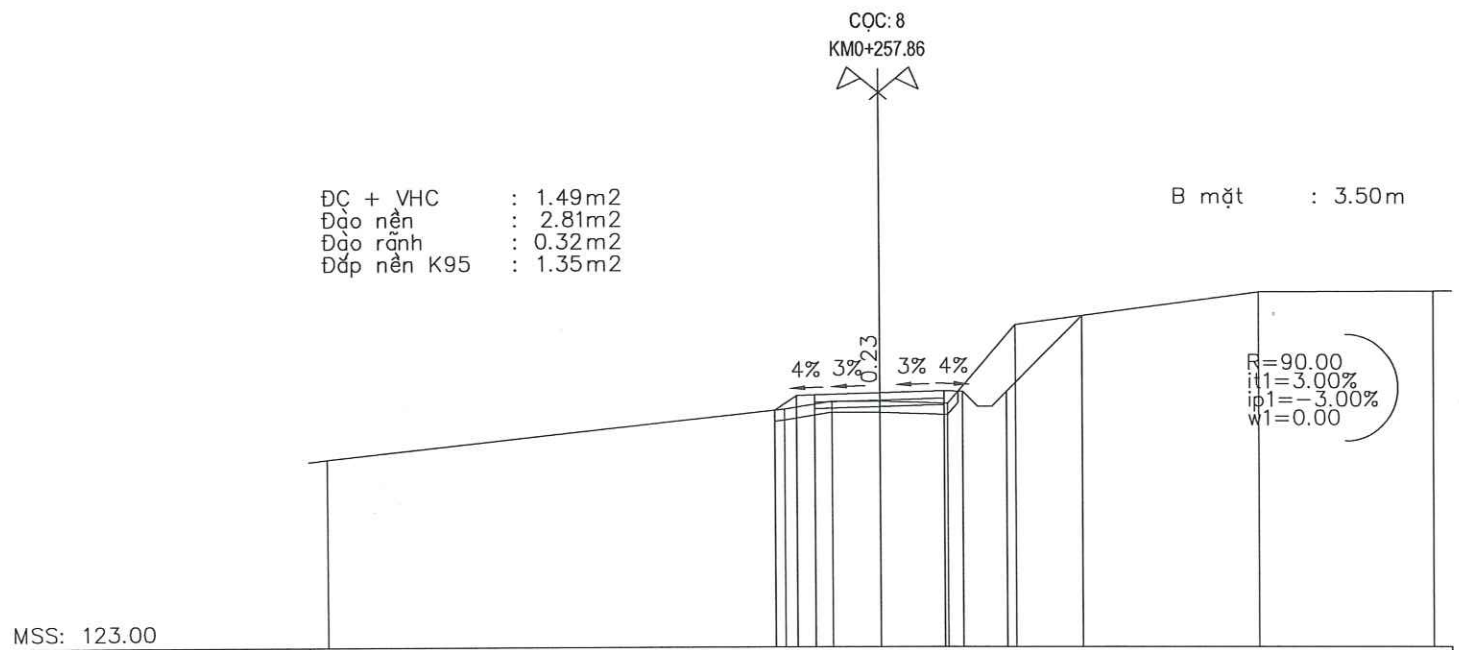
M.S.D.N: 2600939571-C.T.C.P

CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG
HƯNG THỊNH
PHÚ THỌ

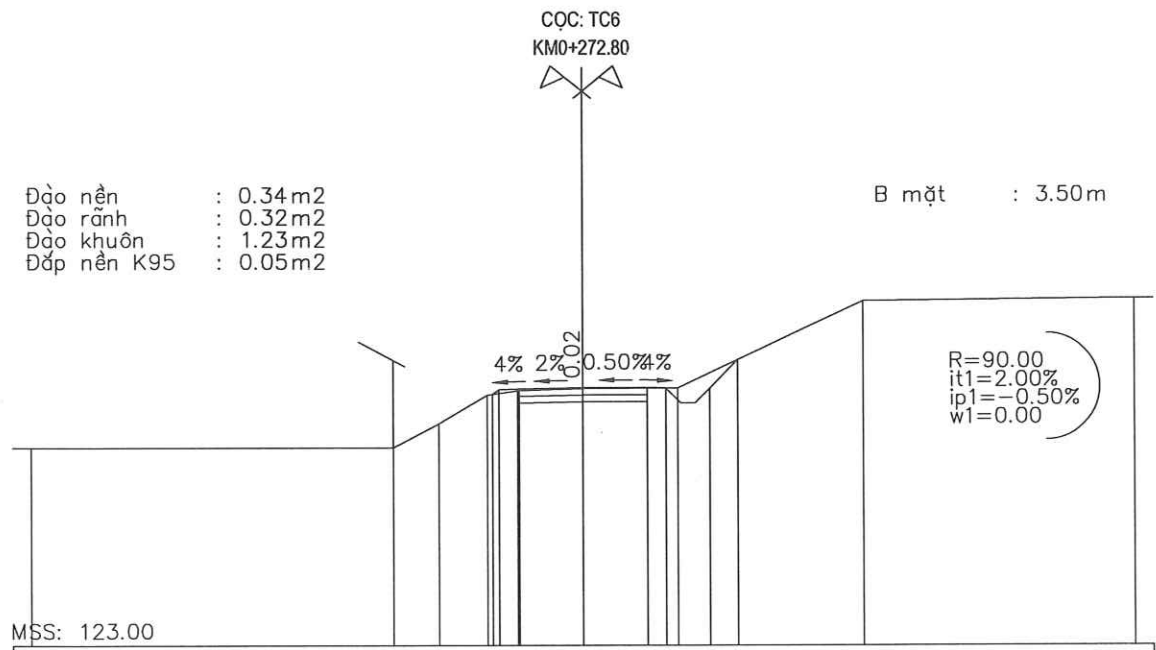
TP. VIỆT TRÍ - T. PHÚ THỌ



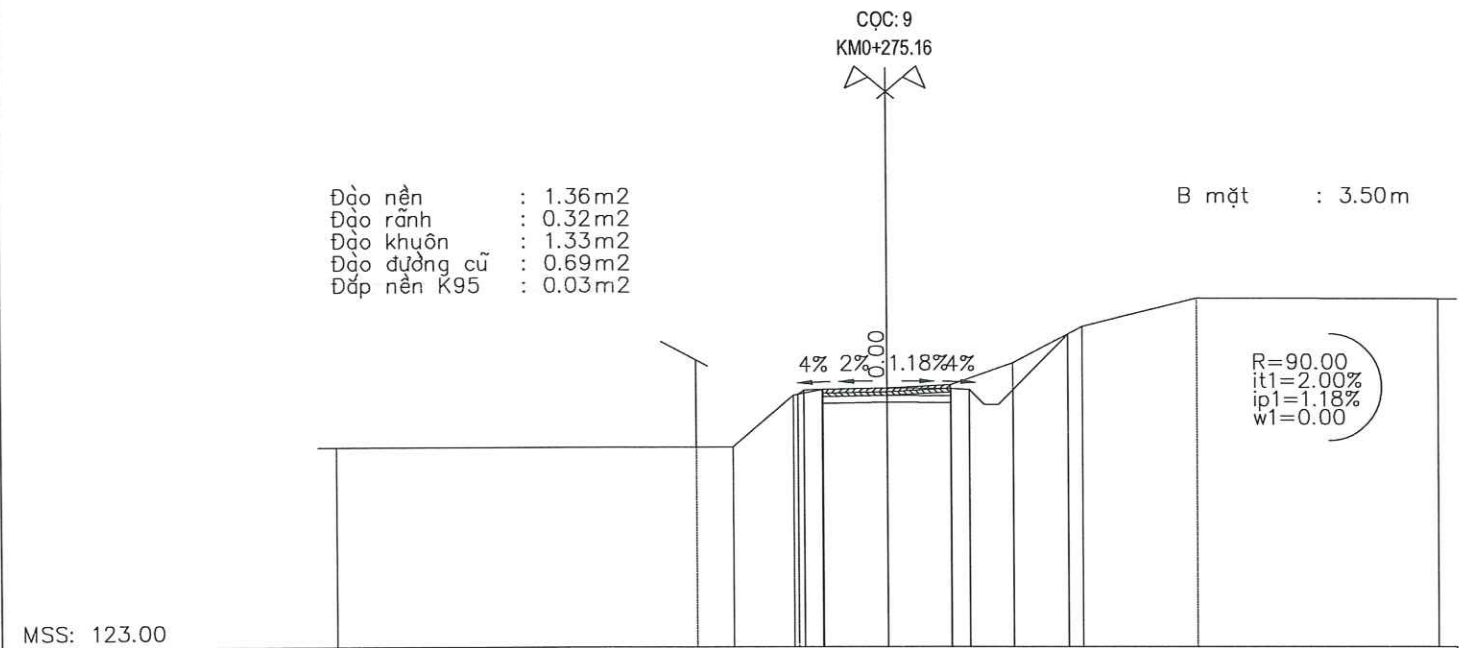




CAO ĐỘ THIẾT KẾ		129.40	129.80	129.82	129.87	129.92	129.90	131.96	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		0.59	0.50	1.75	1.75	0.50	2.05		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	128.09	129.43	129.64	129.64	129.58	131.71	132.59	132.62	
KHOẢNG CÁCH MIA	12.42	1.29	1.29	1.84	1.85	6.57	4.73		



CAO ĐỘ THIẾT KẾ		129.79	129.94	129.97	129.98	129.96	130.73	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		0.59	0.50	1.75	1.75	0.50	0.77	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	128.35	128.35	128.99	129.77	129.90	129.95	129.96	132.31
KHOẢNG CÁCH MIA	9.85	1.25	1.33	0.87	1.70	2.58	5.04	7.38



CAO ĐỘ THIẾT KẾ		128.83	129.93	129.99	129.97	129.95	131.44	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		0.17	0.50	1.75	1.75	0.50	1.50	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	128.40	128.40	128.40	129.80	129.95	130.08	130.66	131.64
KHOẢNG CÁCH MIA	9.80	1.00	1.65	0.81	1.73	1.71	1.89	3.11

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HẢI PHÚ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên: *Arney*

TRẦN NGANG THIẾT KẾ TUYẾN 2

CÔNG TY
XÂY DỰNG
HUNG THỊNH
PHÚ THỌ

HOÀNG VĂN HUNG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ

HT

Địa Chỉ : Tổ 69, P. Minh Phương, TP Việt Trì
Tỉnh Phú Thọ

Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH			revisions
1			
2			
3			
4			
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY	
Ver	Description	Date	

CHỦ ĐẦU TƯ

client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH

project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG
GIAO THÔNG NÔNG THÔN
KHU BẬN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ

DWG. title

CHỦ TRÌ	KS	
P.s Architect	ĐẶNG NGỌC ANH	<i>Ab</i>
THIẾT KẾ	KS	
Design	ĐẶNG NGỌC ANH	<i>Ab</i>
THỂ HIỆN	KS	
Draw	ĐẶNG NGỌC ANH	<i>Ab</i>
Q.L.K.T	KS	
Manager	NGUYỄN TIẾN DẠT	<i>CT</i>

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG	
NGÀY HT	2026
Date	
KÝ HIỆU BV	TNTK-T2
Drawing No	

TUYỂN 3

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HÁN HƯỞ THỌ

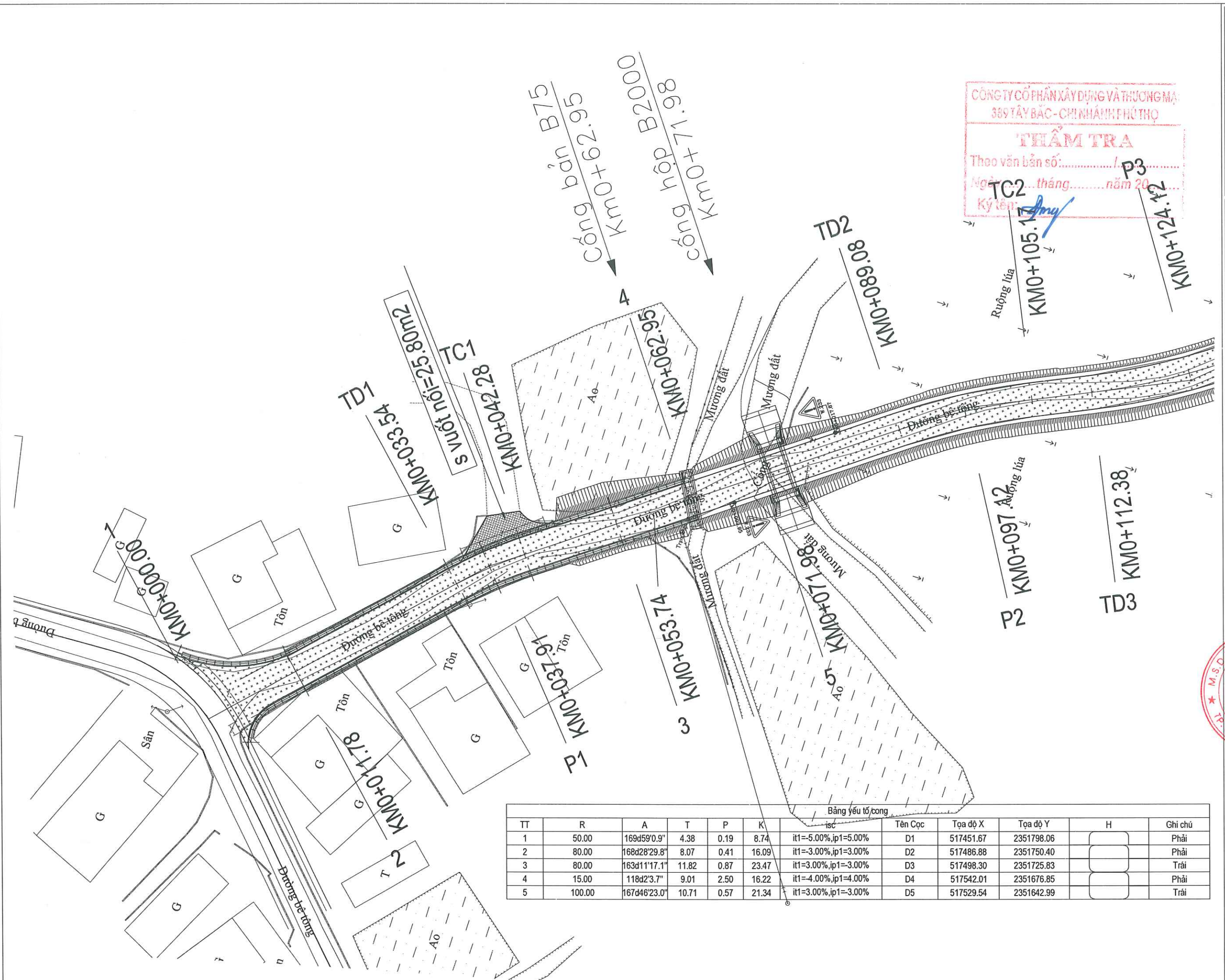
THẨM TRA

Theo văn bản số: /

Ngày..... tháng..... năm 20.....

Ký tên: *Amg*





TT	R	A	T	P	K	isc	Tên Cọc	Tọa độ X	Tọa độ Y	H	Ghi chú
1	50.00	169d59'0.9"	4.38	0.19	8.74	it1=5.00%,ip1=5.00%	D1	517451.67	2351798.06		Phải
2	80.00	168d28'29.8"	8.07	0.41	16.09	it1=3.00%,ip1=3.00%	D2	517486.88	2351750.40		Phải
3	80.00	163d11'17.1"	11.82	0.87	23.47	it1=3.00%,ip1=3.00%	D3	517498.30	2351725.83		Trái
4	15.00	118d2'3.7"	9.01	2.50	16.22	it1=4.00%,ip1=4.00%	D4	517542.01	2351676.85		Phải
5	100.00	167d46'23.0"	10.71	0.57	21.34	it1=3.00%,ip1=3.00%	D5	517529.54	2351642.99		Trái

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HANH PHÚ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số:
Ngày: tháng năm 20.....
Ký tên: TC2 KM0+105.17 P3 KM0+124.42

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ

Địa Chỉ : Tổ 69, P. Minh Phương, TP Việt Trì
Tỉnh Phú Thọ

Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH			revisions
1			
2			
3			
4			
LẦN Ver	MÔ TẢ Description	NGÀY Date	

CHỦ ĐẦU TƯ

client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH

project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG
GIAO THÔNG NÔNG THÔN
KHU BẬN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ

DWG. title

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 3

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG
HUNG THỊNH
PHÚ THỌ

HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ P.s Architect	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
THIẾT KẾ Design	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
THỂ HIỆN Draw	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	

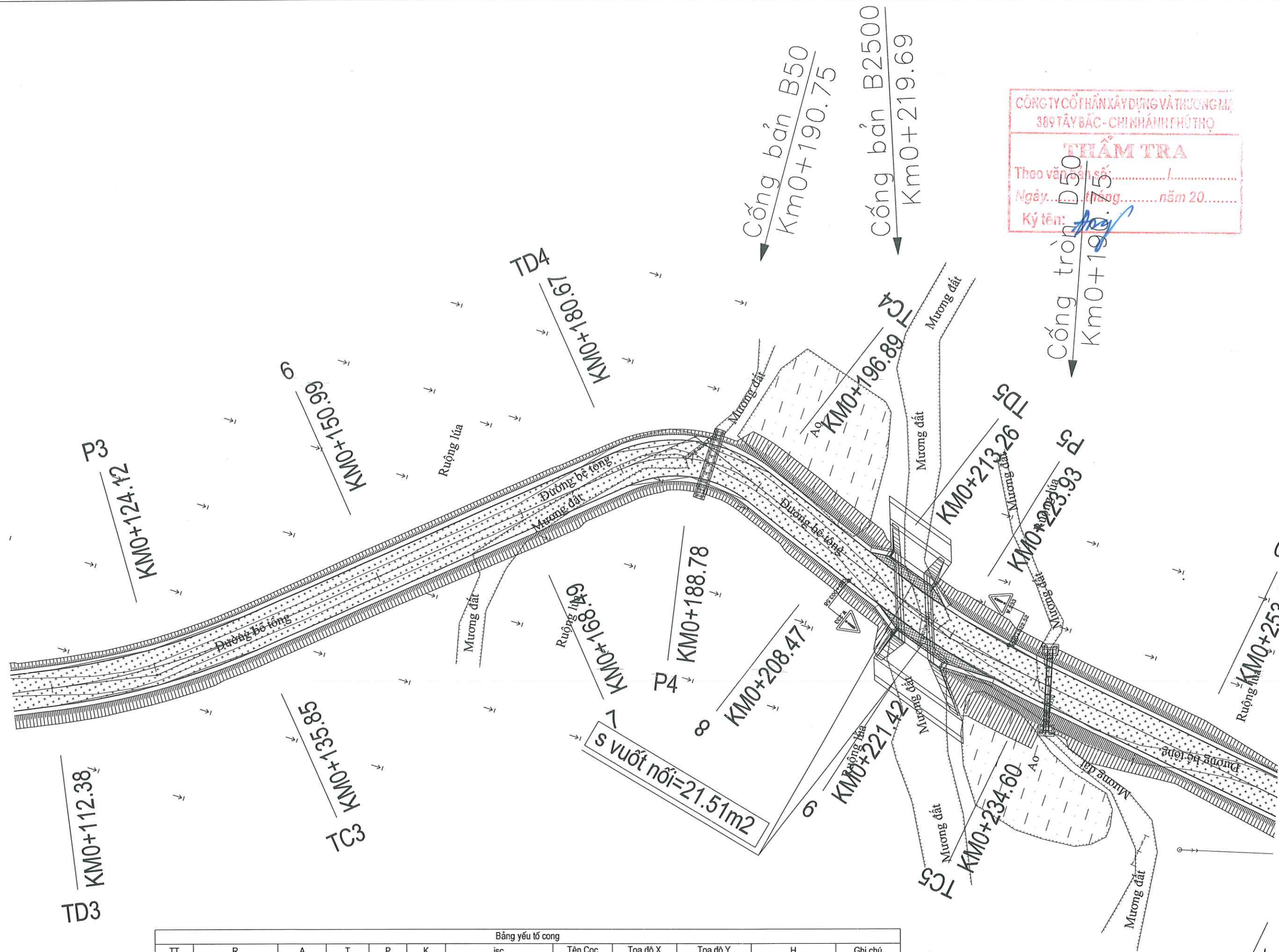
HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT
Date

2026

KÝ HIỆU BV
Drawing No

BDDTKT3-01



Bảng yếu tố cong											
TT	R	A	T	P	K	isc	Tên Cọc	Tọa độ X	Tọa độ Y	H	Ghi chú
1	50.00	169d59'0.9"	4.38	0.19	8.74	it1=-5.00%,ip1=5.00%	D1	517451.67	2351798.06		Phải
2	80.00	168d28'29.8"	8.07	0.41	16.09	it1=-3.00%,ip1=3.00%	D2	517486.88	2351750.40		Phải
3	80.00	163d11'17.1"	11.82	0.87	23.47	it1=-3.00%,ip1=3.00%	D3	517498.30	2351725.83		Trái
4	15.00	118d2'3.7"	9.01	2.50	16.22	it1=-4.00%,ip1=4.00%	D4	517542.01	2351676.85		Phải
5	100.00	167d46'23.0"	10.71	0.57	21.34	it1=-3.00%,ip1=3.00%	D5	517529.54	2351642.99		Trái

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HANH PHÚ THỌ

THAM TRA

Theo văn bản số: /
Ngày: tháng năm 20.....
Ký tên: *[Signature]*

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ

Địa Chỉ : Tổ 69, P. Minh Phương, TP Việt Trì
Tỉnh Phú Thọ

Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH

revisions

1		
2		
3		
4		
LẦN Ver	MÔ TẢ Description	NGÀY Date

CHỦ ĐẦU TƯ

client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH

project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG
GIAO THÔNG NÔNG THÔN
KHU BẬN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ

DWG. title

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 3

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG
HUNG THỊNH
PHÚ THỌ

HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ

P.s Architect

KS

ĐẶNG NGỌC ANH

[Signature]

THIẾT KẾ

Design

KS

ĐẶNG NGỌC ANH

[Signature]

THỂ HIỆN

Draw

KS

ĐẶNG NGỌC ANH

[Signature]

Q.L.K.T

Manager

KS

NGUYỄN TIẾN DẠT

[Signature]

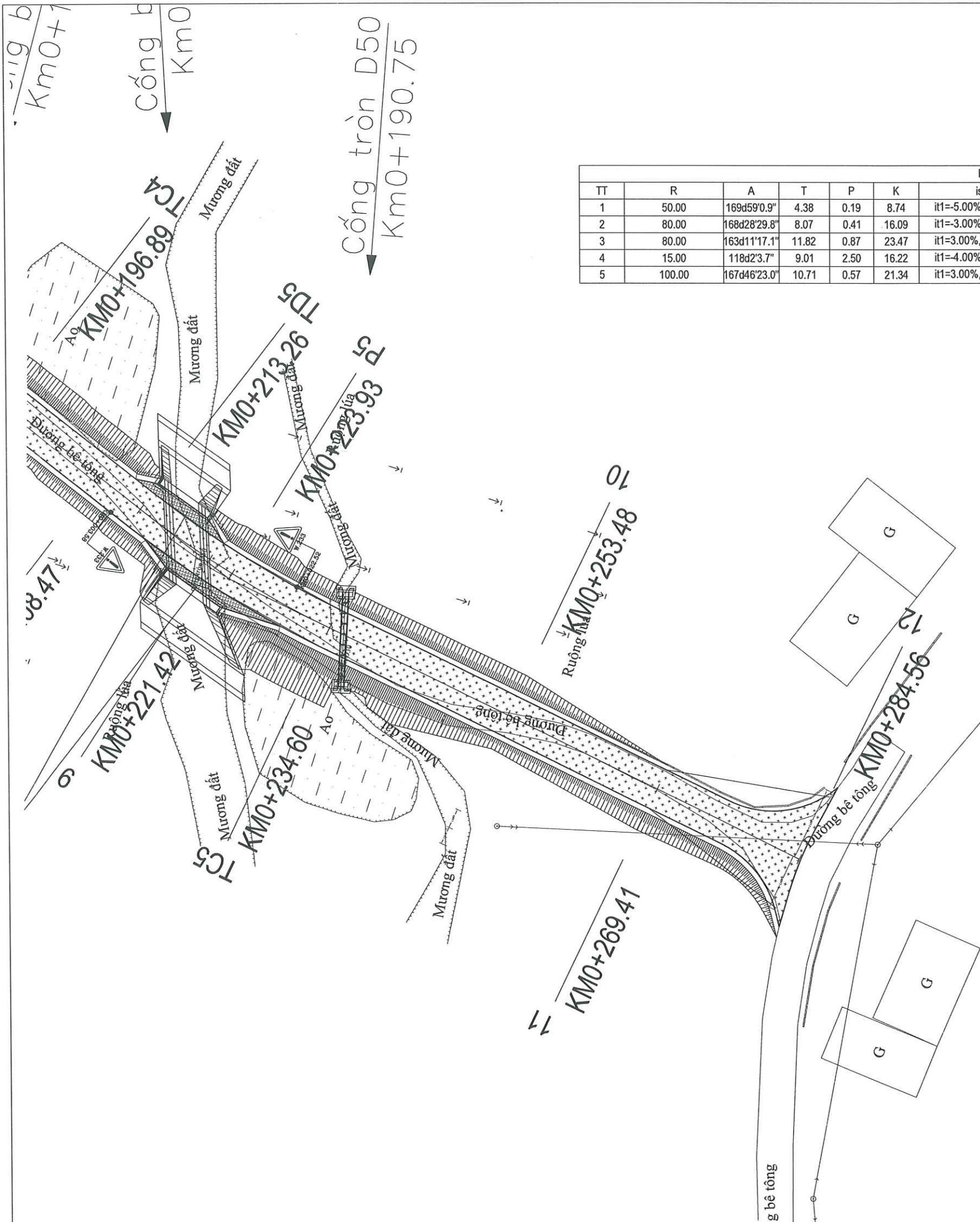
HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT
Date

2026

KÝ HIỆU BV
Drawing No

BDDTKT3-02



Bảng yếu tố cong											
TT	R	A	T	P	K	isc	Tên Cọc	Tọa độ X	Tọa độ Y	H	Ghi chú
1	50.00	169d59'0.9"	4.38	0.19	8.74	it1=-5.00%,ip1=5.00%	D1	517451.67	2351798.06		Phải
2	80.00	168d28'29.8"	8.07	0.41	16.09	it1=-3.00%,ip1=3.00%	D2	517486.88	2351750.40		Phải
3	80.00	163d11'17.1"	11.82	0.87	23.47	it1=3.00%,ip1=3.00%	D3	517498.30	2351725.83		Trái
4	15.00	118d23.7"	9.01	2.50	16.22	it1=-4.00%,ip1=4.00%	D4	517542.01	2351676.85		Phải
5	100.00	167d46'23.0"	10.71	0.57	21.34	it1=3.00%,ip1=3.00%	D5	517529.54	2351642.99		Trái

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HANH PHÚ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số: /
Ngày tháng năm 20.....
Ký tên: *Amg*

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ

Địa Chỉ : Tổ 69, P. Minh Phương, TP Việt Trì
Tỉnh Phú Thọ

Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH			revisions
1			
2			
3			
4			
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY	
Ver	Description	Date	

CHỦ ĐẦU TƯ

client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH

project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG
GIAO THÔNG NÔNG THÔN
KHU BẶN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ

DWG. title

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 3

GIÁM ĐỐC
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG
HUNG THỊNH
PHÚ THỌ

HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ	KS	
P.s Architect	ĐẶNG NGỌC ANH	<i>Amg</i>
THIẾT KẾ	KS	
Design	ĐẶNG NGỌC ANH	<i>Amg</i>
THỂ HIỆN	KS	
Draw	ĐẶNG NGỌC ANH	<i>Amg</i>
Q.L.K.T	KS	
Manager	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	<i>CTH</i>

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT

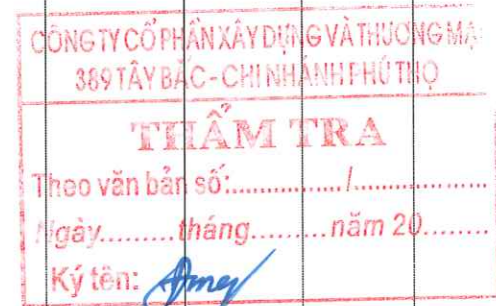
Date

2026

KÝ HIỆU BV

Drawing No

BDDTKT3-03




 GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 XÂY DỰNG
 HƯNG THỊNH
 PHÚ THỌ
 TP. VIỆT TRÌ, PHÚ THỌ

HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ KS

HIỆU CHÍNH		revisions
1		
2		
3		
4		
LẦN Ver	MÔ TẢ Description	NGÀY Date

CÔNG TRÌNH project

**CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG
GIAO THÔNG NÔNG THÔN
KHU BẮN XÃ THU CÚC**

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

TÊN BẢN VẼ

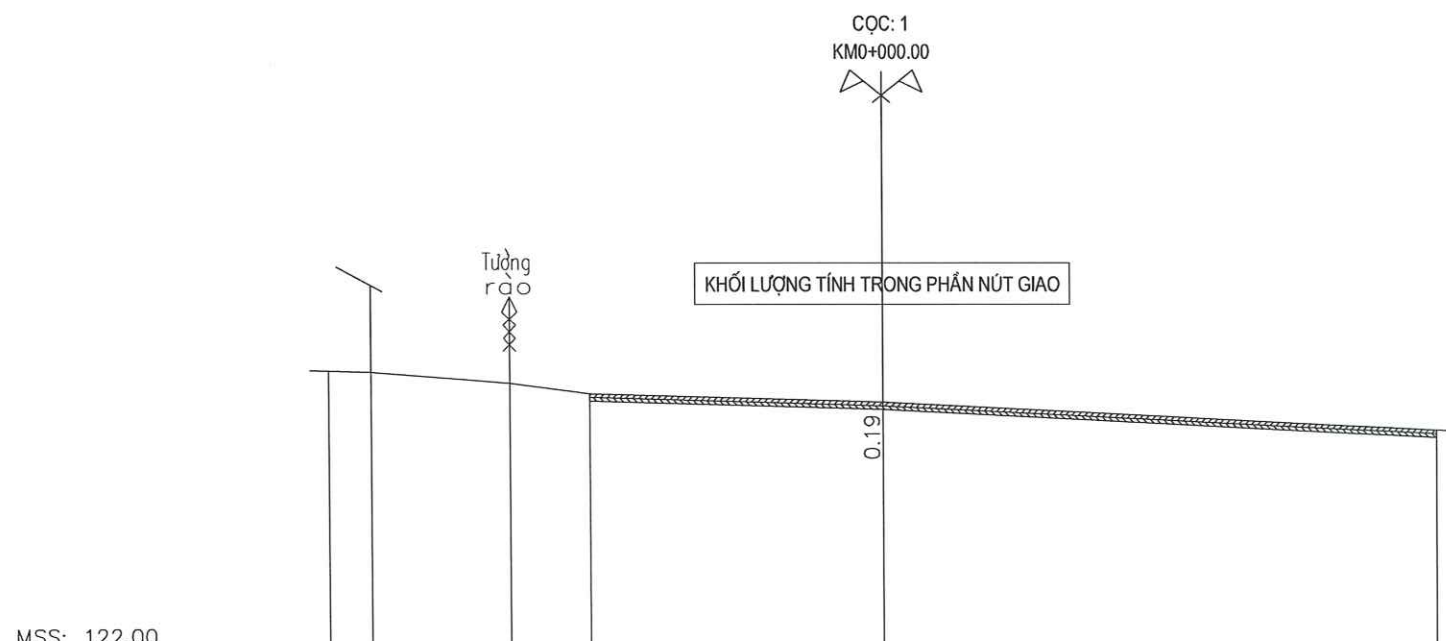
DWG. title

TRẮC DỤC THIẾT KẾ TUYẾN 3

60093953

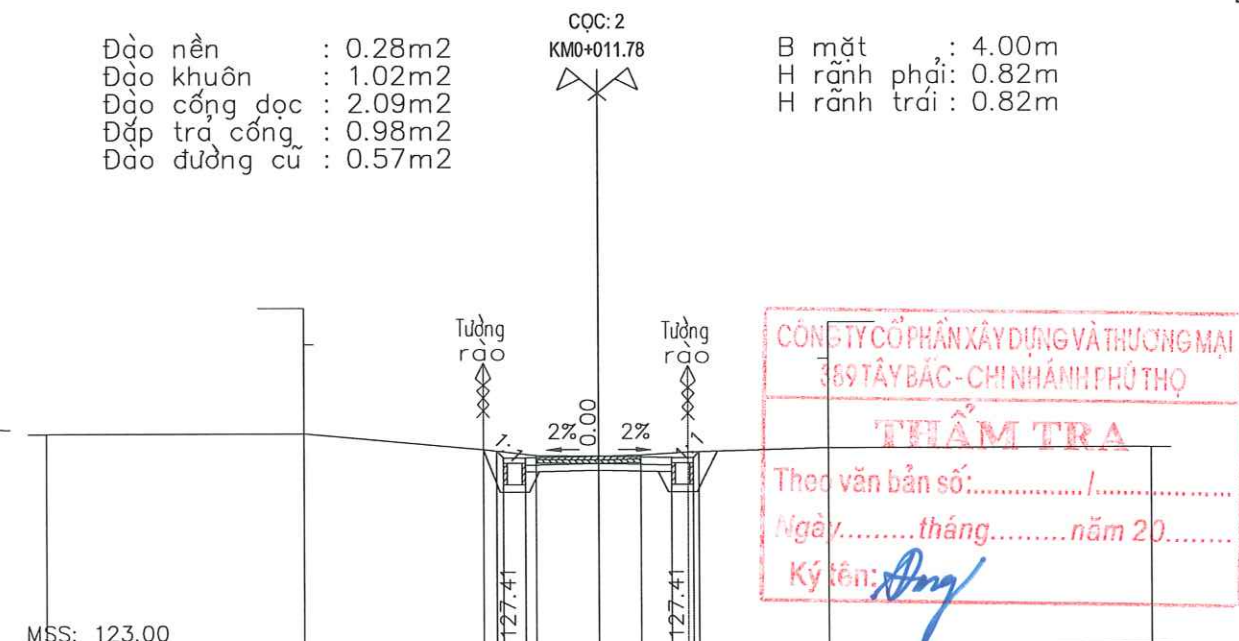
CHU THƯ P.s Architect	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
THIẾT KẾ Design	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
THỂ HIỆN Draw	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN DẠT	

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG	
NGÀY HT Date	2026
KÝ HIỆU BV Drawing No	TDTK-T3



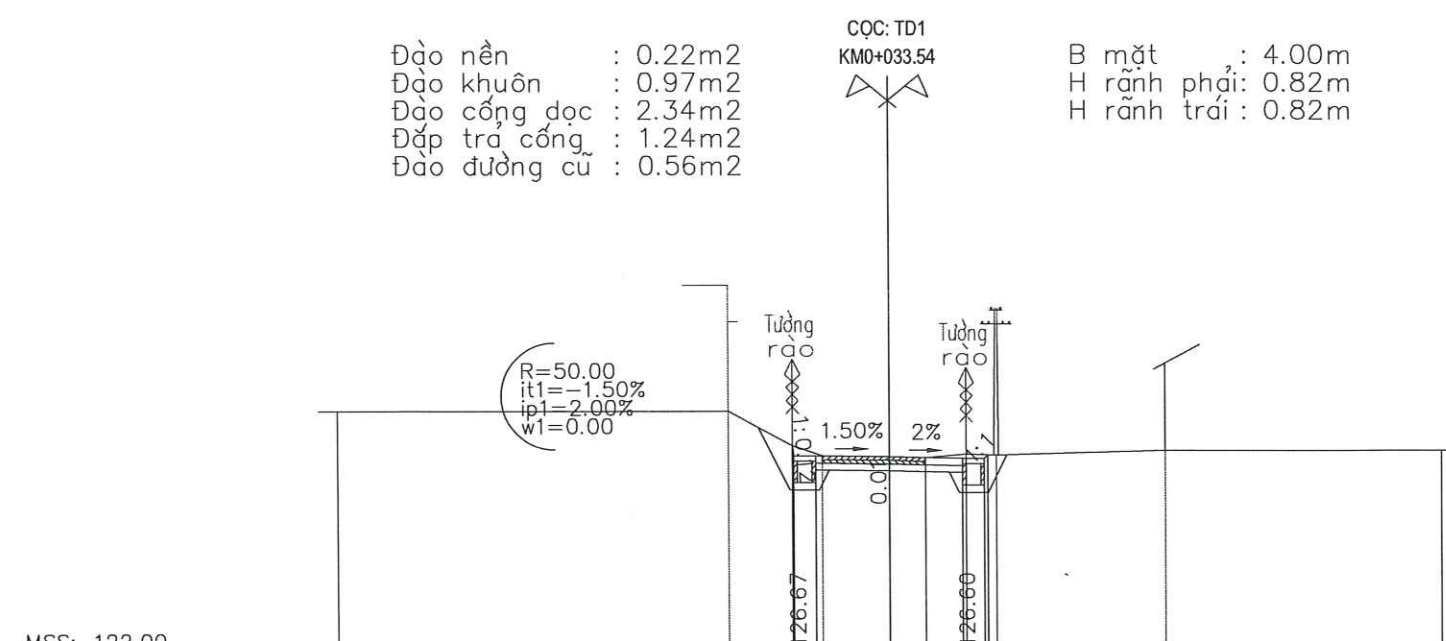
MSS: 122.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ							
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ							
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	129.57	129.52	129.21	128.93	128.69	127.93	
KHOẢNG CÁCH MIA	1.16	3.72	2.17	7.96	15.00		



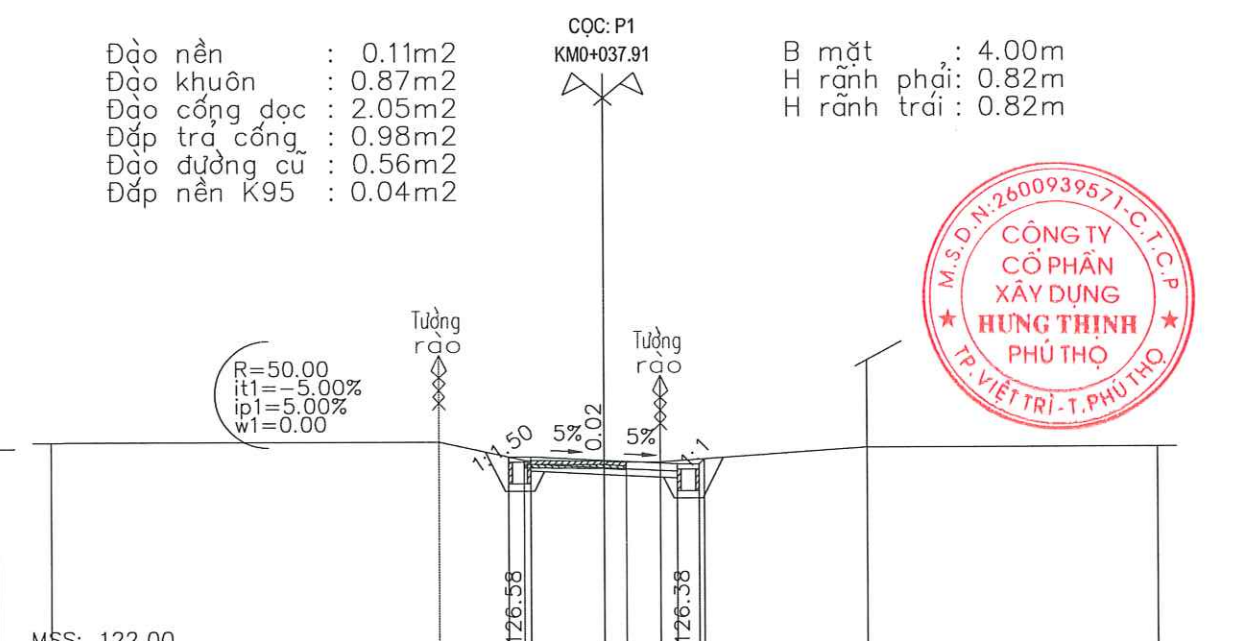
MSS: 123.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	128.79	128.79	128.35	128.18	128.17	128.19	128.27	128.38	128.38
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	6.99	4.86	1.42	1.72	1.15	1.30	3.80	8.75	



MSS: 122.00

MSS: 122.00																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
-------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--



MSS: 122.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	127.38	127.30	127.20	127.18	127.24	127.54	127.54
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.88	2.00	2.00	0.69			
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	127.71	127.71	127.21	127.19	127.15	127.16	127.54
KHOẢNG CÁCH MIA	10.53	2.29	2.19	0.60	0.93	5.60	7.86



Đào khuôn : 0.70m²
Đào cống dọc : 1.86m²
Đắp trả cống : 0.83m²
Đào đường cũ : 0.55m²
Đắp nền K95 : 0.07m²

CỌC: TC1
KM0+042.28

B mặt : 4.00m
H rãnh phải: 0.82m
H rãnh trái : 0.82m

ĐC + VHC : 0.81m²
Vết bùn : 1.03m²
Đào cống dọc : 0.68m²
Đắp trả cống : 0.24m²
Đào đường cũ : 0.43m²
Đắp nền K95 : 5.05m²

CỌC: 3
KM0+053.74

B mặt : 4.00m
H rãnh phải: 0.82m
H rãnh trái : 0.82m

MSS: 121.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ		127.05	127.04	127.08	127.03
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		0.80	2.00	0.60	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	128.36	127.02	126.96	126.95	127.03
KHOẢNG CÁCH MIA	12.69	2.31	0.44	5.99	8.58

CỐNG BÀN B75

ĐC + VHC : 0.79m²
Đào cống dọc : 0.46m²
Đắp trả cống : 0.16m²
Đào đường cũ : 0.54m²
Đắp nền K95 : 3.13m²

CỌC: 4
KM0+062.95

B mặt : 4.00m
H rãnh phải: 0.82m
H rãnh trái : 0.82m

Vết bùn : 3.75m²
Đào đường cũ : 0.61m²
Đắp nền K95 : 14.63m²

CỌC: 5
KM0+071.98

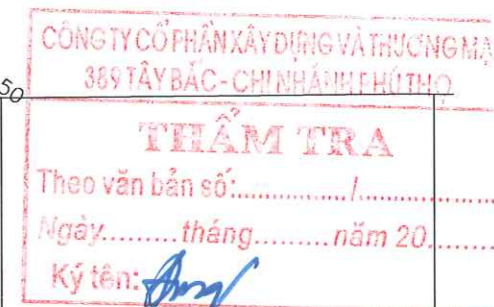
B mặt : 4.00m

MSS: 119.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ		125.86	126.32	126.32	126.36	126.32	125.27	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		0.69	0.60	2.00	2.00	0.60	1.58	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	125.02	125.30	125.83	125.68	125.70	125.70	125.61	125.52
KHOẢNG CÁCH MIA	0.55	6.34	1.98	3.10	0.40	1.84	0.45	2.23

MSS: 119.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ		124.61	126.21	126.23	126.27	126.23	124.53	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		2.40	0.50	2.00	2.00	0.50	2.52	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	126.91	125.45	125.45	125.85	125.36	124.17	124.17	125.55
KHOẢNG CÁCH MIA	0.45	1.69	1.12	0.97	4.35	2.45	2.15	1.84



Vết bùn : 2.99m²
Đào đường cũ : 0.37m²
Đắp nền K95 : 5.71m²

CỌC: TD2
KM0+089.08

B mặt : 4.00m

Vết bùn : 3.29m²
Đào đường cũ : 0.38m²
Đắp nền K95 : 5.80m²

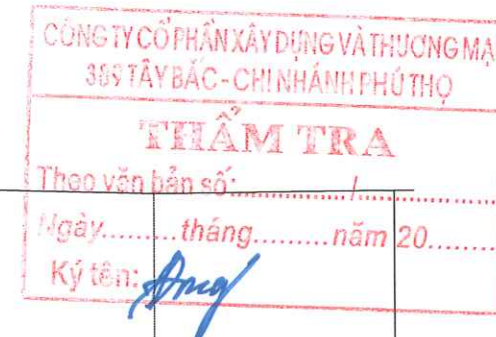
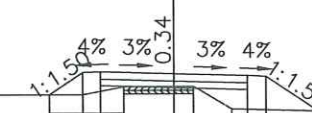
CỌC: P2
KM0+097.12

B mặt : 4.00m

R=80.00
it1=-0.50%
ip1=2.00%
w1=0.00



R=80.00
it1=-3.00%
ip1=3.00%
w1=0.00



MSS: 120.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			125.68	126.21	126.23	126.22	126.18	125.20		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			0.79	0.50	2.00	2.00	0.50	1.45		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	125.93	125.75	125.67	125.67	125.73	125.74	125.76	125.24	125.13	125.17
KHOẢNG CÁCH MIA		7.04		5.53	1.26	0.83	1.00	0.86	5.58	7.56

MSS: 120.00

			125.64	126.24	126.26	126.20	126.14	125.18		
			0.90	0.50	2.00	2.00	0.50	1.41		
	125.90	125.64	125.64	125.85	125.86	125.86	125.24	125.06	125.12	
		9.01		3.50	1.14	1.35	0.53	1.03	6.94	6.50

Vết bùn : 3.22m²
Đào nền : 0.09m²
Đào khuôn : -0.00m²
Đào đường cũ : 0.39m²
Đắp nền K95 : 6.07m²

CỌC: TC2
KM0+105.17

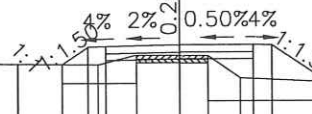
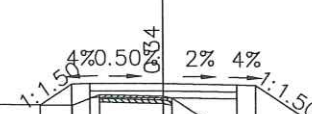
B mặt : 4.00m

Vết bùn : 3.26m²
Đào đường cũ : 0.39m²
Đắp nền K95 : 5.36m²

CỌC: TD3
KM0+112.38

B mặt : 4.00m

R=80.00
it1=-0.50%
ip1=2.00%
w1=0.00



R=80.00
it1=2.00%
ip1=-0.50%
w1=0.00



MSS: 120.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			125.60	126.17	126.19	126.18	126.14	125.12		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			0.85	0.50	2.00	2.00	0.50	1.49		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	125.72	125.59	125.88	125.83	125.79	125.18	125.10	125.02		
KHOẢNG CÁCH MIA		12.52		0.75	1.73	0.24	0.91	3.65	10.21	

MSS: 119.00

			125.63	126.10	126.12	126.16	126.17	125.15		
			0.01	0.70	0.50	2.00	2.00	0.50	1.50	
	125.74	125.68	125.62	125.88	125.87	125.87	125.27	125.07	124.94	
		6.56		6.22	1.06	1.16	0.77	0.88	3.96	9.40

Vết bùn : 3.06m²
Đào đường cũ : 0.39m²
Đắp nền K95 : 4.63m²

CỌC: P3
KM0+124.12

B mặt : 4.00m

Vết bùn : 2.94m²
Đào đường cũ : 0.37m²
Đắp nền K95 : 4.51m²

CỌC: TC3
KM0+135.85

B mặt : 4.00m



MSS: 120.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			125.63 126.04 126.06	126.12	126.18 126.16	125.21	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			0.63 0.50	2.00	2.00	0.50 1.44	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	125.65	125.61	125.63 125.88 125.88	125.89	125.24	125.07	125.04
KHOẢNG CÁCH MIA	7.43	6.29	0.89 0.39	1.55	1.00	7.69	4.76

MSS: 120.00

			125.63 126.03 126.05	126.09	126.10 126.08	125.24	
			0.61 0.50	2.00	2.00	0.50 1.27	
	125.60	125.56	125.64 125.85 125.85	125.83	125.27	125.14	125.06
	6.34	7.02	0.73 0.91	0.94	0.91	7.28	5.87

Vết bùn : 3.17m²
Đào đường cũ : 0.37m²
Đắp nền K95 : 4.84m²

CỌC: 6
KM0+150.99

B mặt : 4.00m

Vết bùn : 3.66m²
Đào trả mường : 0.25m²
Đắp trả mường : 0.32m²
Đào khuôn : 0.01m²
Đào đường cũ : 0.45m²
Đắp nền K95 : 5.62m²

CỌC: 7
KM0+168.49

B mặt : 4.00m



MSS: 120.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			125.48 125.99 126.01	126.05	126.01 125.99	125.15	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			0.76 0.50	2.00	2.00	0.50 1.26	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	125.57		125.47 125.79 125.78	125.76	125.16	125.11	125.09
KHOẢNG CÁCH MIA	13.11		0.95 0.94 0.92	1.44	7.40	5.24	

MSS: 119.00

			125.54 125.54 125.96 125.96	126.00	125.96 125.96	124.92 124.92 124.92 124.92	
			0.63 0.60	2.00	2.00	0.60 1.47	
	125.55		125.54 125.81	125.79 125.77	124.80 125.23	125.23 124.92	124.92 124.92
	13.03		0.48 1.49	0.76 1.03	0.41 0.79	0.60 0.60	10.00 0.81

Vết bùn : 3.05m²
Đào trả mương: 0.31m²
Đắp trả mương: 0.33m²
Đào đường cũ : 0.40m²
Đắp nền K95 : 5.34m²

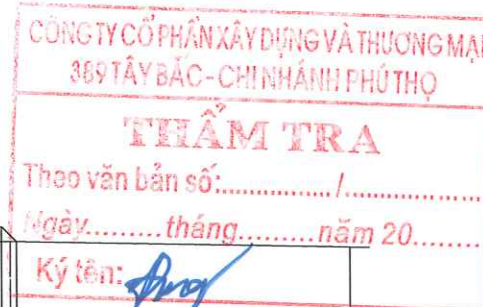
CỌC: TD4
KM0+180.67

B mặt : 4.00m

Vết bùn : 2.30m²
Đào trả mương: 0.32m²
Đắp trả mương: 0.32m²
Đào đường cũ : 0.44m²
Đắp nền K95 : 4.44m²

CỌC: P4
KM0+188.78

B mặt : 4.00m



MSS: 119.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ		125.64	125.99	125.99	125.97	125.93	125.18	125.78	125.18	125.13	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		0.53	0.60	2.00	2.00	0.60	1.12	0.40	0.40	0.40	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	125.48	125.61	125.67	125.63	125.07	125.31	125.21		125.01	124.96	
KHOẢNG CÁCH MIA	11.47	1.01	2.02	0.50	0.65	0.55	0.60	0.50	10.00	2.70	

MSS: 120.00

		125.64	125.63	125.63	126.02	125.94	125.86	125.23	125.23	125.23	
		0.01	0.59	0.60	2.00	2.00	0.60	0.95	0.40	0.40	
		125.63	125.63	125.61	125.25	125.23			125.23	125.04	
	11.66	0.57	2.21	0.56	0.95	4.84			9.21		

ĐC + VHC : 0.37m²
Vết bùn : 3.41m²
Đào đường cũ : 0.40m²
Đắp nền K95 : 6.21m²

CỌC: TC4
KM0+196.89

B mặt : 4.00m

ĐC + VHC : 0.97m²
Vết bùn : 2.53m²
Đào đường cũ : 0.33m²
Đắp nền K95 : 7.01m²

CỌC: 8
KM0+208.47

B mặt : 4.00m



MSS: 119.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ		124.31	125.92	125.94	125.92	125.88	125.86	125.22	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		2.42	0.50	2.00	2.00	0.50	0.97		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	124.31	124.31	125.66	125.69	125.69	125.72	125.25		125.04
KHOẢNG CÁCH MIA	11.85	0.47	1.25	1.43	0.57	0.56		13.87	

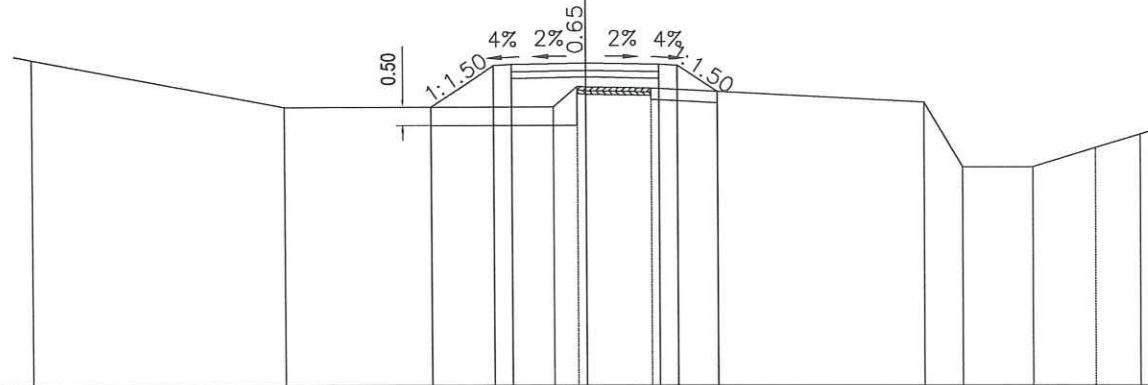
MSS: 118.00

		124.41	125.92	125.94	125.98	125.94	125.92	125.08	
		2.27	0.50	2.00	2.00	0.50	1.27		
	123.97	123.97	125.66	124.41	124.41	125.63	125.34	125.30	125.03
	0.89	1.74	6.39	0.94	1.28	1.58	1.18	1.00	

ĐC + VHC : 0.54m2
Vết bùn : 2.15m2
Đào đường cũ : 0.40m2
Đắp nền K95 : 7.08m2

CỌC: 10
KM0+253.48

B mặt : 4.00m



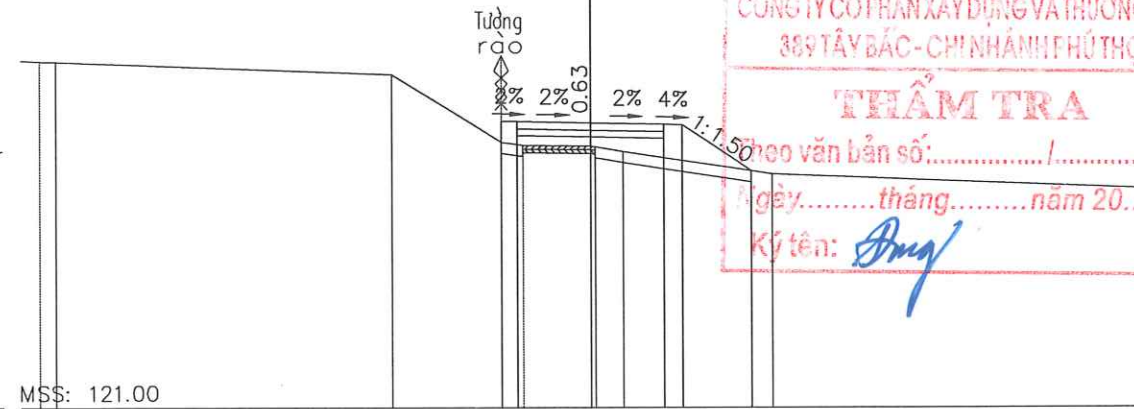
MSS: 119.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	126.53	127.65	127.71	127.67	126.94
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	1.68	0.50	2.00	2.00	1.08
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	127.82	126.53	126.53	127.03	126.65
KHOẢNG CÁCH MIA	6.85	7.26	0.65	1.78	7.37

ĐC + VHC : 1.45m2
Đào đường cũ : 0.39m2
Đắp nền K95 : 4.76m2

CỌC: 11
KM0+269.41

B mặt : 4.00m



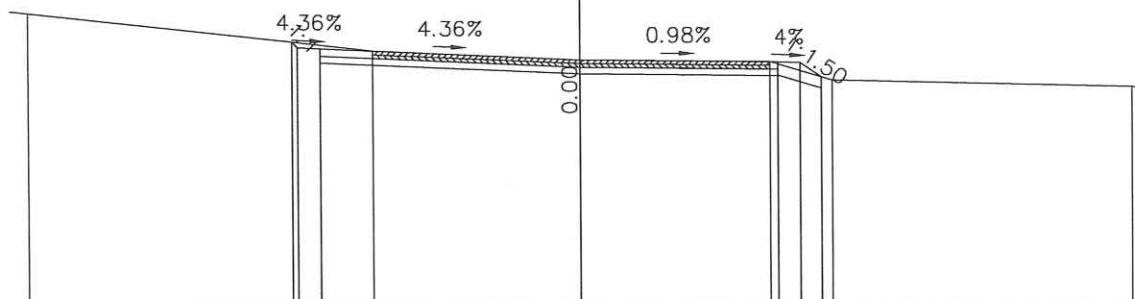
MSS: 121.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	128.74	128.70	128.66	127.39
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.43	2.00	2.00	1.86
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	130.37	130.01	128.17	127.31
KHOẢNG CÁCH MIA	9.16	2.97	0.59	10.07

ĐC + VHC : 0.35m2
Đào nền : 0.15m2
Đào khuôn : 2.57m2
Đào đường cũ : 2.16m2
Đắp nền K95 : 0.49m2

CỌC: 12
KM0+284.56

B mặt : 12.47m



MSS: 123.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	129.12	129.63	129.58	128.91
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.60	7.08	5.39	0.60
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	130.90	129.88	129.63	128.91
KHOẢNG CÁCH MIA	9.35	5.65	5.17	8.16

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ



Địa Chỉ : Tổ 69, P. Minh Phương, TP Việt Trì
Tỉnh Phú Thọ
Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH revisions

1		
2		
3		
4		
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY
Ver	Description	Date

CHỦ ĐẦU TƯ client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG
GIAO THÔNG NÔNG THÔN
KHU BẬN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC
GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ DWG. title

TRẮC NGANG THIẾT KẾ TUYẾN 3



CHỦ TRÌ P.s Architect	KS ĐẶNG NGỌC ÁNH	Ab
THIẾT KẾ Design	KS ĐẶNG NGỌC ÁNH	Ab
THỂ HIỆN Draw	KS ĐẶNG NGỌC ÁNH	Ab
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN DẠT	CT

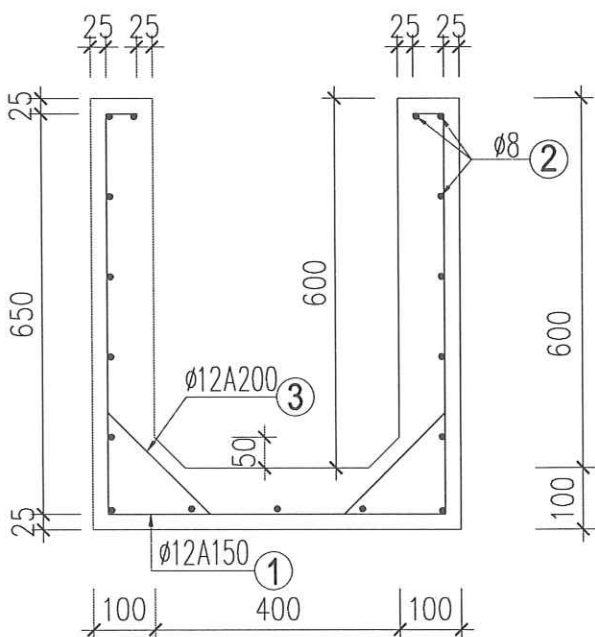
HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT
Date
2026

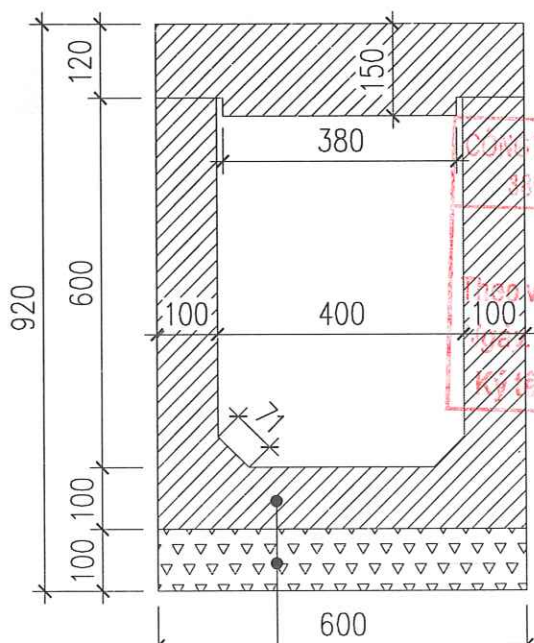
KÝ HIỆU BV
Drawing No
TNTK-T3

RÃNH DỌC BTCT B40

MẶT CẮT NGANG



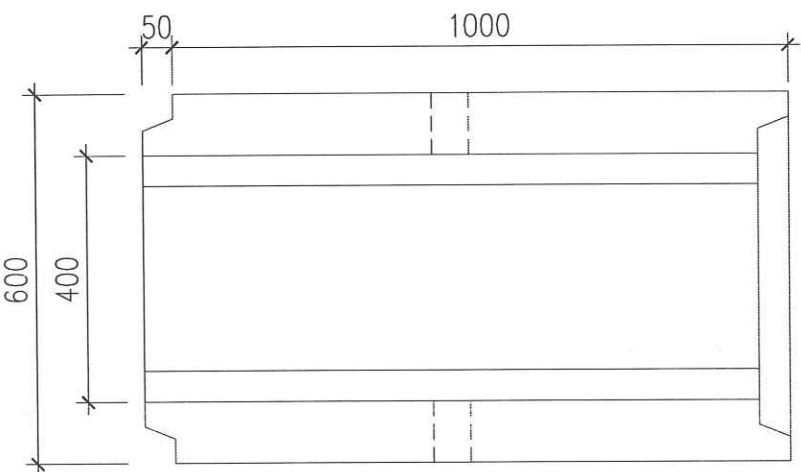
MẶT CẮT NGANG RÃNH



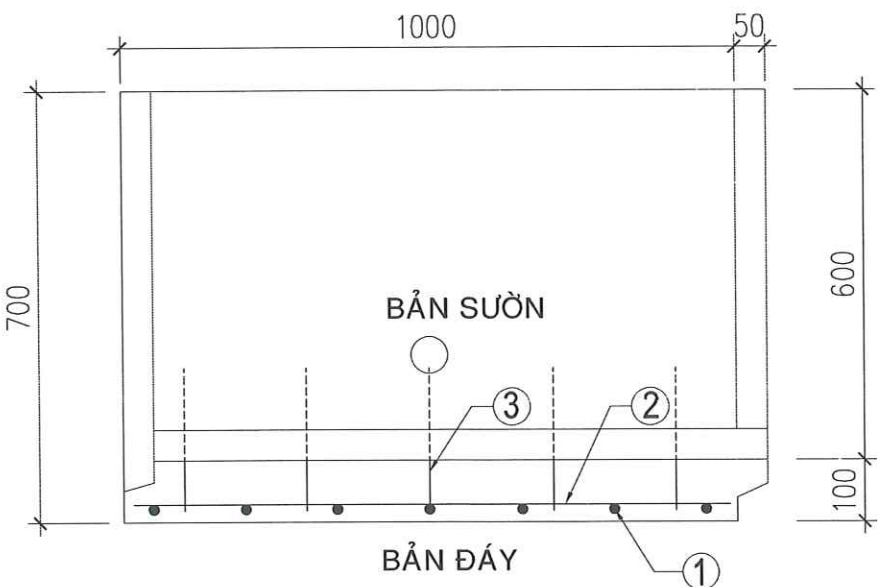
RÃNH BTCT M250

ĐÁ DẪM ĐỆM MÓNG DÀY 10CM

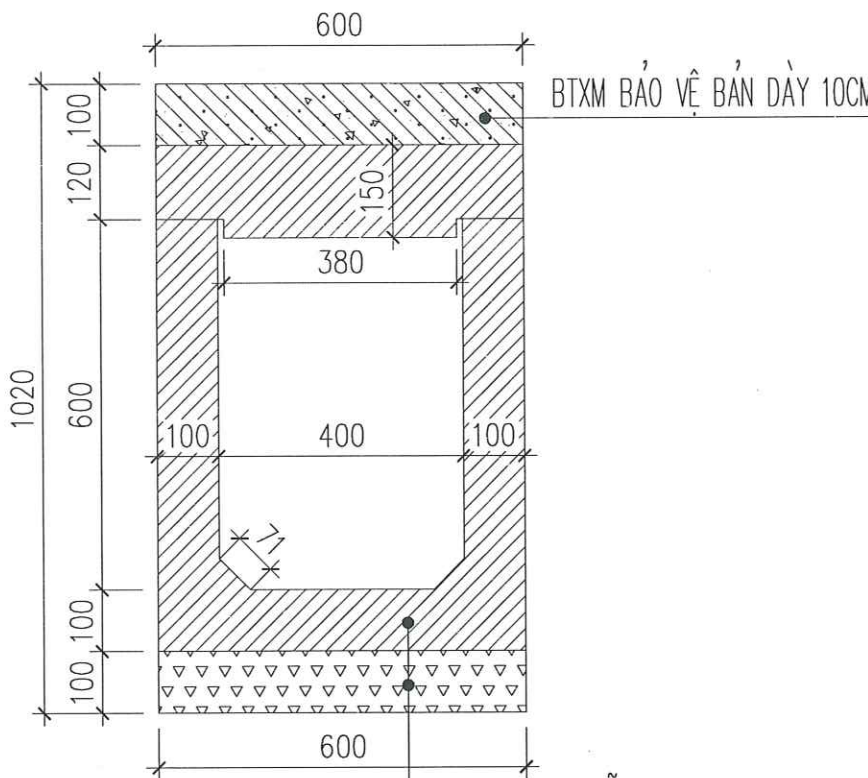
MẶT BẰNG RÃNH



1/2 MẶT CẮT DỌC & 1/2 CHÍNH DIỆN



MẶT CẮT NGANG RÃNH QUA VỊ TRÍ LỖ RỂ



RÃNH BTCT M250

ĐÁ DẪM ĐỆM MÓNG DÀY 10CM

GHI CHÚ

- 1 - Kích thước trong bản vẽ ghi bằng mm
2 - Liên kết những thanh cốt thép được tiến hành bằng máy hàn tự động hay buộc.
3 - Rãnh được chế tạo bằng công nghệ rung lõi

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ



Địa Chỉ : Tổ 69, P. Minh Phương, TP Việt Trì
Tỉnh Phú Thọ

Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH revisions

1		
2		
3		
4		

LẦN MÔ TẢ NGÀY
Ver Description Date

CHỦ ĐẦU TƯ client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG
GIAO THÔNG NÔNG THÔN
KHU BẮN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ DWG. title

ĐÌNH HÌNH CÔNG BTCT B40X60



CHỦ TRÌ P.s Architect	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
THIẾT KẾ Design	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
THỂ HIỆN Draw	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT
Date 2026

KÝ HIỆU BV
Drawing No B40-1

HIỆU CHỈNH			revisions
1			
2			
3			
4			
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY	
Ver	Description	Date	

CHỦ ĐẦU TƯ client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN KHU BẬN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ DWG. title

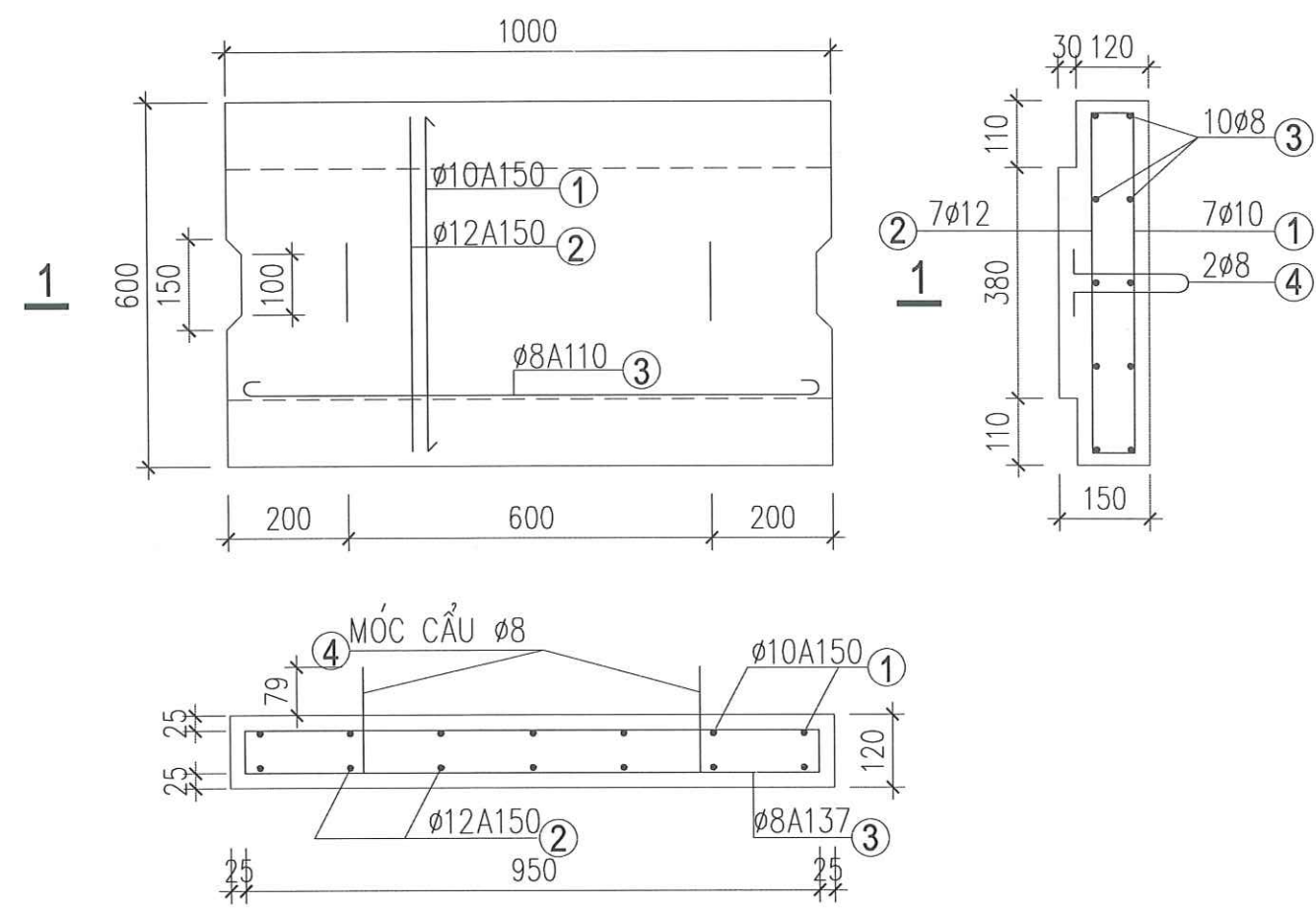
TẤM ĐẠN BTCT

M.S.D.N. 2600939571-C.T.C.P.
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUNG THỊNH PHÚ THỌ
TP. VIỆT TRÌ - T. PHÚ THỌ
HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ P.s Architect	KS ĐẶNG NGỌC ANH	<i>Ab</i>
THIẾT KẾ Design	KS ĐẶNG NGỌC ANH	<i>Ab</i>
THỂ HIỆN Draw	KS ĐẶNG NGỌC ANH	<i>Ab</i>
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	<i>Cm</i>

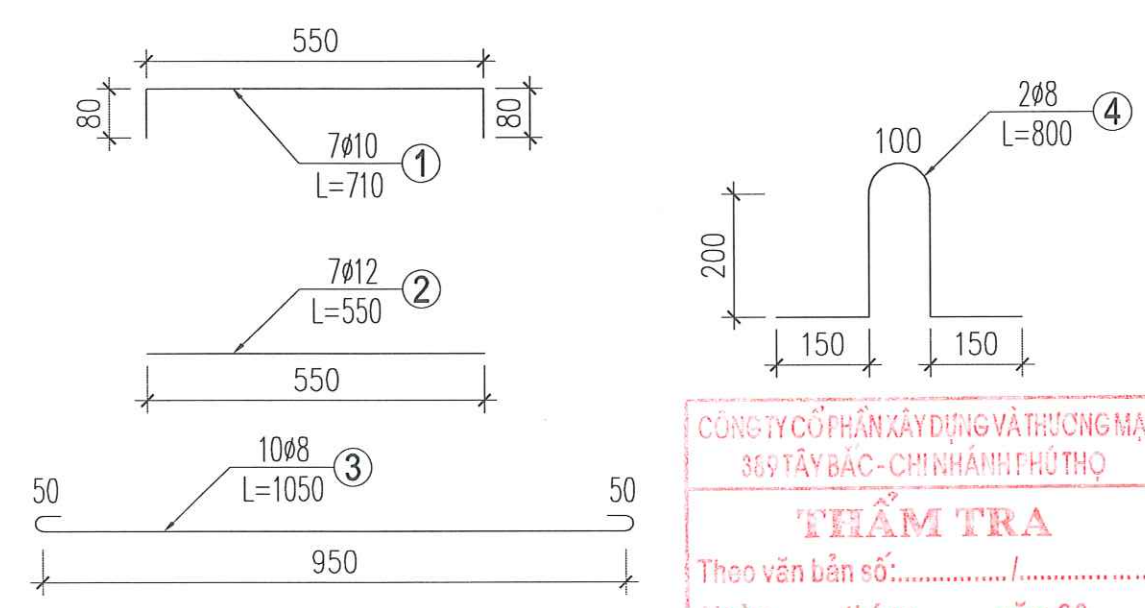
HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG	
NGÀY HT Date	2026
KÝ HIỆU BV Drawing No	B40-2

CHI TIẾT TẤM ĐẠN



MẶT CẮT 1-1

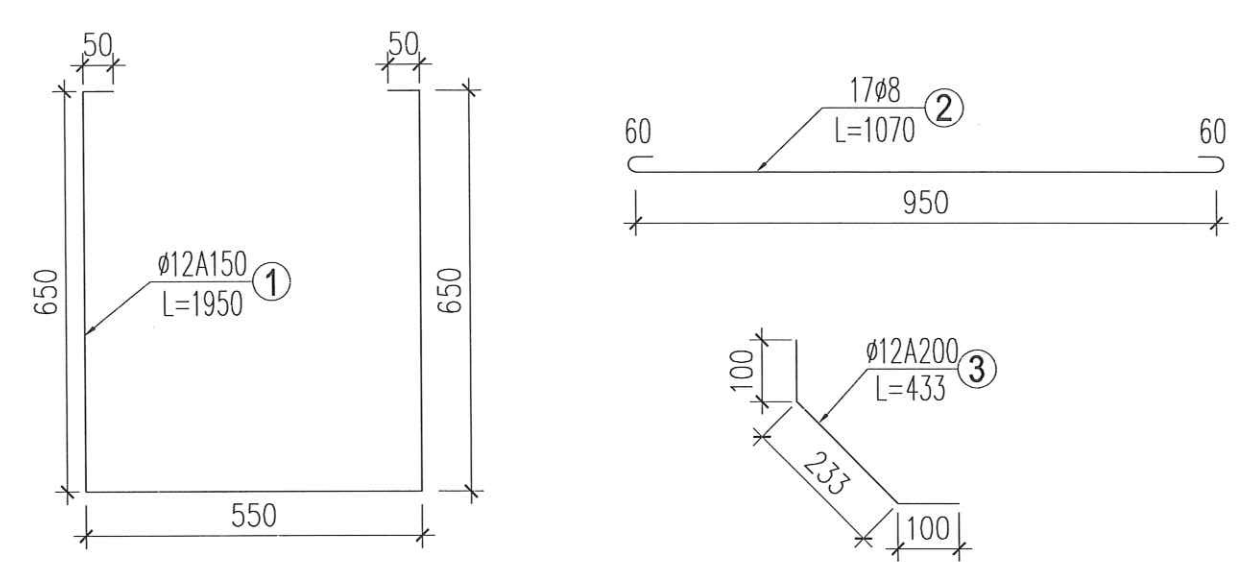
CHI TIẾT CỐT THÉP TẤM ĐẠN RÃNH



BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP TẤM ĐẠN

CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	Ø (mm)	CHIỀU DÀI (mm)	S.LƯỢNG/ 1 C.K.	S.LƯỢNG C.K.	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (Kg)
TẤM ĐẠN	1	10	710	7	1	4.970	3.064
	2	12	550	7	1	3.850	3.418
	3	8	1050	10	1	10.500	4.143
	4	8	800	2	1	1.600	0.631
TỔNG CHI TIẾT		THÉP Ø ≤ 10				KG	7.113
		THÉP Ø > 10				KG	3.418
		BÊ TÔNG M250				M3	0.083
		VÁN KHUÔN				M2	0.440

CHI TIẾT CỐT THÉP THÂN RÃNH



BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP THÂN RÃNH

CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	Ø (mm)	CHIỀU DÀI (mm)	S.LƯỢNG/ 1 C.K.	S.LƯỢNG C.K.	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (Kg)
THÂN RÃNH	1	12	1950	7	1	13.650	12.118
	2	8	1070	17	1	18.190	7.177
	3	12	433	10	1	4.330	3.844
TỔNG CHI TIẾT		THÉP Ø ≤ 10				KG	7.177
		THÉP Ø > 10				KG	15.962
		BÊ TÔNG M250				M3	0.183
		VÁN KHUÔN				M2	2.825



Địa Chỉ : Tổ 69, P. Minh Phương, TP Việt Trì
Tỉnh Phú Thọ

Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH revisions

LẦN Ver	MÔ TẢ Description	NGÀY Date
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG
GIAO THÔNG NÔNG THÔN
KHU BẬN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ DWG. title

CHI TIẾT CỐNG BẮN B75 CỌC P2
KM0+33.88 TUYẾN 2

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG
HUNG THỊNH
PHÚ THỌ
HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ

P.s Architect

THIẾT KẾ

Design

THỂ HIỆN

Draw

Q.L.K.T

Manager

NGÀY HT

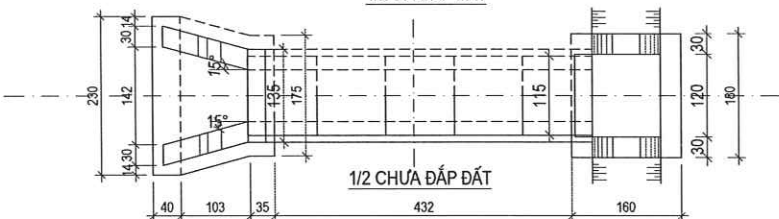
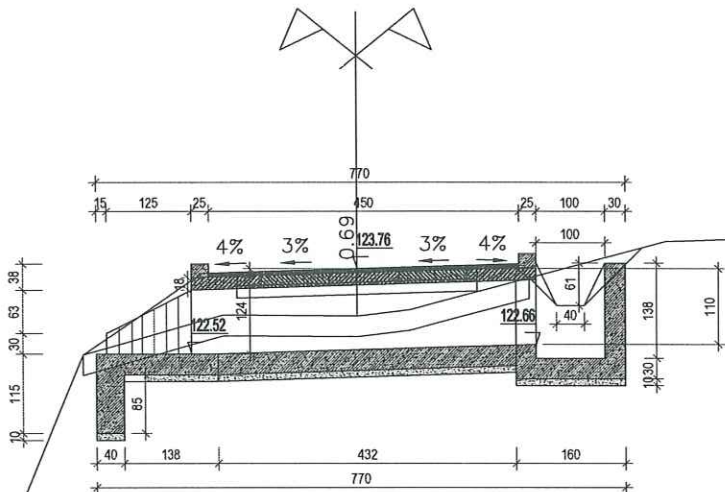
Date

KÝ HIỆU BV

Drawing No

2026

CỌC: P2
KM0+033.88

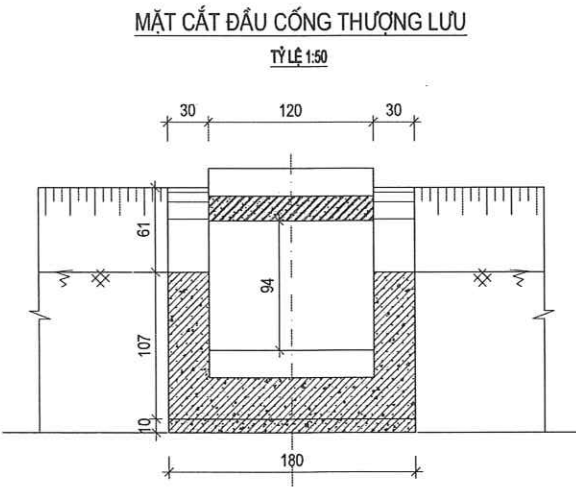
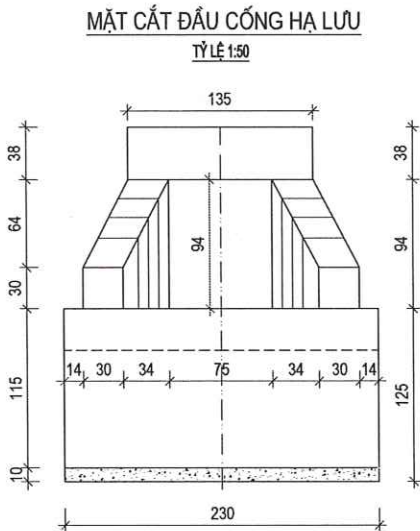
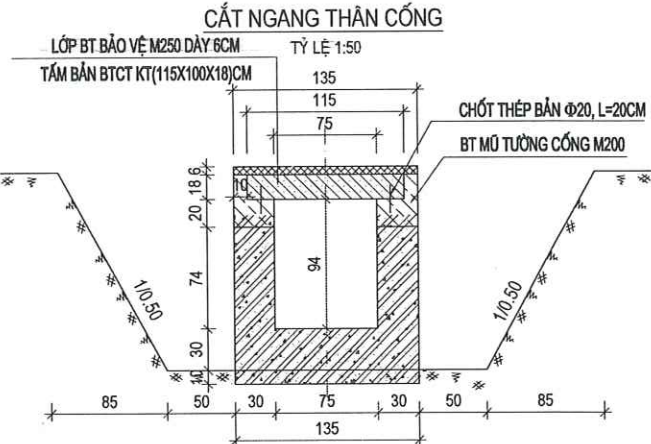


- THIẾT KẾ MỚI CỐNG BẮN B75 TẠI VỊ TRÍ CỌC P2 KM0+33.88
- HIỆN TẠI VỊ TRÍ NÀY CHƯA CÓ CỐNG THOÁT NƯỚC, DO YÊU CẦU THIẾT KẾ MỚI TUYẾN ĐƯỜNG KIẾN NGHỊ THIẾT KẾ CỐNG MỚI B75.
- CỐNG THIẾT KẾ MỚI LÀ CỐNG BẮN BTCT B75 ĐỂ THOÁT NƯỚC NGANG ĐƯỜNG VÀ ĐẢM BẢO ỔN ĐỊNH NỀN ĐƯỜNG.
- ĐẦU CỐNG THƯỢNG LƯU THIẾT KẾ ĐỒ BÊ TÔNG HỒ THU THU NƯỚC TỪ RÃNH ĐẤT PHẢI TUYẾN VÀ HẠ LƯU THIẾT KẾ KIỂU TƯỜNG CẢNH CHÉO BTXM M200.
- THÂN CỐNG, MÔNG CỐNG ĐỒ BTXM M200 DÀY 30CM.
- TẤM BÀN BTBT CÓ ĐỊNH HÌNH RIÊNG.
- GHI CHÚ:
- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ ĐƠN VỊ GHI CM, CAO ĐỘ GHI M.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HANH PHÚ THỌ
THẨM TRA
Theo văn bản số: /
Ngày: tháng năm 20.....
Ký tên: Amy

BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG CỐNG

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH	KHỐI LƯỢNG
1	BÊ TÔNG GIA CỐ SÀN CỐNG	M3	BT M200	-
2	BÊ TÔNG SÀN CỐNG, CHÀN KHAY	M3	BT M200	1.94
3	BÊ TÔNG TƯỜNG ĐẦU, TƯỜNG CẢNH	M3	BT M200	0.53
4	BÊ TÔNG HỒ THU THƯỢNG LƯU	M3	BT M200	2.35
5	BÊ TÔNG THÂN CỐNG	M3	BT M200	1.74
6	BÊ TÔNG MÔNG CỐNG	M3	BT M200	2.03
7	ĐÁ DẪM ĐỆM TOÀN BỘ	M3	BT M200	1.23
8	ỐNG CỐNG B2000	ỐNG	L=1M/ĐỐT	-
9	BÊ TÔNG ỐNG CỐNG	M3	M300	-
10	CỐT THÉP ỐNG CỐNG F8 - F8	KG	CB240-T	-
11	VÁN KHUÔN ĐÓ BÊ TÔNG ỐNG CỐNG	M2	VK THÉP	109.37
12	QUÉT DUNG DỊCH BẢO VỆ ỐNG CỐNG	M2	NHỰA ĐƯỜNG	-
13	VÁN KHUÔN CÁC LOẠI	M2	VK	51.74
14	PHÁ DỠ KẾT CẤU CŨ	M3	GẠCH XÂY	-
15	ĐÀO ĐẤT XÂY CỐNG VẬN CHUYỂN 30M	M3	ĐẤT C3	15.92
16	ĐÁP ĐẤT THÂN CỐNG TẬN DỤNG	M3	K= 0.90	10.11



Technical drawing of a beam cross-section. The top view shows a total width of 115 and a height of 18. The side view shows a total width of 115 and a height of 18. The internal width is labeled as 33x3=99. The drawing includes a top view and a side view with various annotations like 'A' and '5'.

Technical drawing of a reinforced concrete beam (Fig. 1.10). The beam has a total length of 160 cm, divided into segments of 5, 30, 30, 30, 30, 30, 30, 30, and 5 cm. The height is 25 cm. The reinforcement consists of 4 bars of diameter 8 mm (4Φ8) and 8 bars of diameter 8 mm (N8).

Tấm bản BTCT
KT(115X100X18)cm

Bê tông mũ mố M200#

Φ 20
L=30 (N7)

Φ 6
L=102 (N9)

Technical drawing of a square plate with the following dimensions and features:

- Overall width: 115
- Overall height: 100
- Top edge segments: 25, 65, 25
- Bottom edge segments: 12, 115, 12
- Right edge segments: 20, 60, 20
- Central feature: A circle labeled "N5" with two lines extending downwards to the bottom edge.
- Four small circles are located at the corners of the plate.

Technical drawing of a mechanical part. The drawing shows a cross-section of a component with a central hole. The dimensions are as follows:

- Overall width: 18
- Overall height: 4
- Inner hole diameter: 6
- Inner hole depth: 4
- Inner hole offset from the left edge: 4
- Inner hole offset from the right edge: 4

The label "Dây thép xoắn ốc" (Coiled steel wire) points to the inner hole.

Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
Cốt thép xoắn ốc Φ4	Kg	0.37
Bê tông nở mác 250	m3	0.027

Kí hiệu	Đường kính	Chiều dài 1 thanh(cm)	Số lượng	Tổng chiều dài (m)	Trọng lượng đơn vị(kg/m)	Khối lượng (kg)
N8	Φ 8	100	4	4.0	0.395	1.58
N9	Φ 6	102	6	6.12	0.222	1.36
Tổng cộng : - Cốt thép Φ6-8 : 2.94 kg						

[illegible]

Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

1		
2		
3		
4		

LẦN	MÔ TẢ	NGÀY
Ver	Description	Date

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

**CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG
GIAO THÔNG NÔNG THÔN
KHU BẮN XÃ THU CÚC**

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC	
----------	--

HẠNG MỤC	
GIAO THÔNG	

ĐỊNH HÌNH TẤM BẢN
BTCT B=0,75M

GIAM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG
HUNG THỊNH
PHỦ THỎ

CHỦ TRÌ KS
P.s Architect ĐĂNG NGỌC ANH

THIẾT KẾ
Design

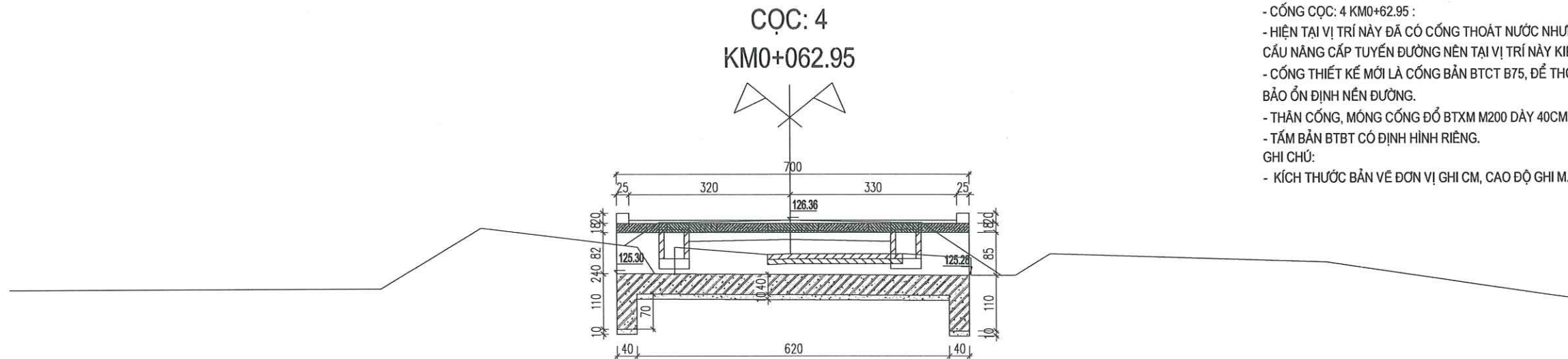
THỂ HIỆN Draw	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
------------------	---------------------	---

Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	
--------------------	-----------------------	---

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT Date	2026
-----------------	------

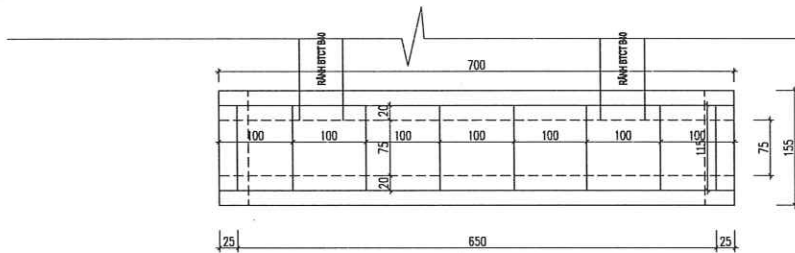
KÝ HIỆU BV
Drawing No



- CỐNG CỌC: 4 KM0+62.95 :
- HIỆN TẠI VỊ TRÍ NÀY ĐÃ CÓ CỐNG THOÁT NƯỚC NHƯNG CHƯA ĐẢM BẢO, NAY DO YÊU CẦU NÂNG CẤP TUYẾN ĐƯỜNG NÊN TẠI VỊ TRÍ NÀY KIẾN NGHỊ THIẾT KẾ CỐNG MỚI B75.
- CỐNG THIẾT KẾ MỚI LÀ CỐNG BÀN BTCT B75, ĐỂ THOÁT NƯỚC NGANG ĐƯỜNG VÀ ĐẢM BẢO ỔN ĐỊNH NỀN ĐƯỜNG.
- THÂN CỐNG, MÓNG CỐNG ĐỒ BTXM M200 DÀY 40CM.
- TẦM BÀN BTBT CÓ ĐỊNH HÌNH RIÊNG.
- GHI CHÚ:
- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ ĐƠN VỊ GHI CM, CAO ĐỘ GHI M.

125.02	125.02	125.02	126.21	125.83	125.30	125.30	125.83	125.68	125.70	125.70	125.61	125.27	125.27	125.70	125.52	124.88
0.55	6.34	1.98	3.10	0.34	0.40	1.84	0.45	2.23	1.35	0.88	0.69	5.51	4.33			

MẶT BẰNG CỐNG

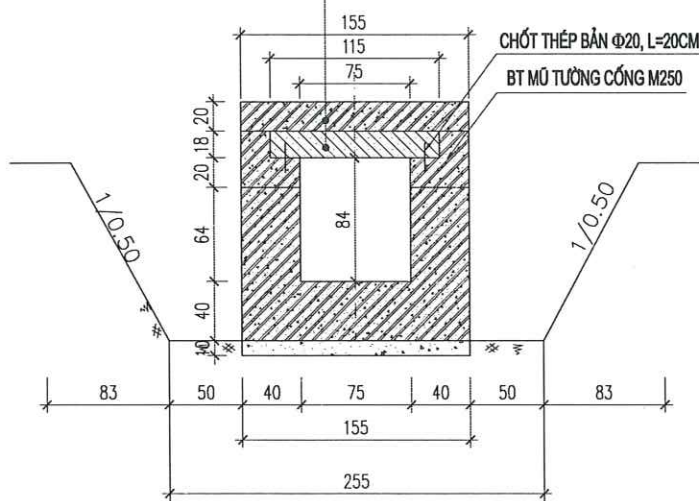


CẮT NGANG THÂN CỐNG

TỶ LỆ 1:50

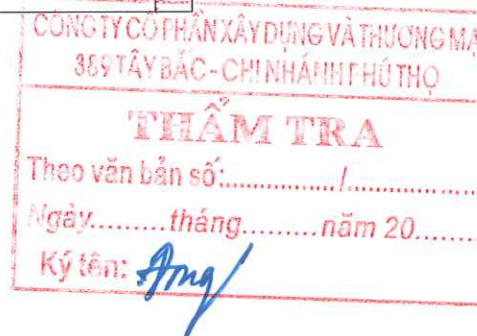
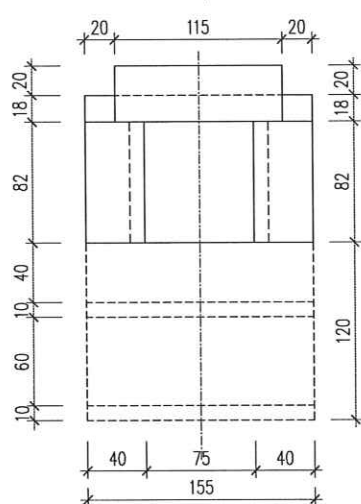
LỚP MẶT ĐƯỜNG BTXM DÀY 20CM

TẦM BÀN BTCT KT(115X100X18)CM



ĐẦU CỐNG THƯỢNG - HẠ LƯU

TỶ LỆ 1:50



BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG CỐNG

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH	KHỐI LƯỢNG
1	BÊ TÔNG GIA CỐ SÀN CỐNG	M3	BT M200	-
2	BÊ TÔNG SÀN CỐNG, CHÂN KHAY	M3	BT M200	1.36
3	BÊ TÔNG TƯỜNG ĐẦU, TƯỜNG CÁN	M3	BT M200	-
4	BÊ TÔNG HỒ THU THƯỢNG LƯU	M3	BT M200	-
5	BÊ TÔNG THÂN CỐNG	M3	BT M200	3.58
6	BÊ TÔNG MÓNG CỐNG	M3	BT M200	3.84
7	ĐÁ DẪM ĐỆM TOÀN BỘ	M3	BT M200	1.09
8	TẦM BÀN KT (115X100X18)CM	TẦM	L=1M/TẦM	7
	BÊ TÔNG TẦM BÀN	M3	BT M250	1.36
	CỐT THÉP ≤ D10	KG	D≤10 CB240-T	36.96
	CỐT THÉP > D10	M2	D≥10 CB400-V	65.45
	CỐT THÉP > D18	M2		20.72
6	BÊ TÔNG MŨ TƯỜNG CỐNG	M3	BT M200	1.62
7	THÉP D6 LÂM MŨ TƯỜNG CỐNG	M3	CB240-T	20.58
8	BÊ TÔNG KHỚP NỐI	KG	BT M200	0.14
9	CỐT THÉP D4 LÂM KHỚP NỐI	M3	CB240-T	2.22
10	BÊ TÔNG GỖ CHẤN BÁNH	M3	BT M200	0.12
11	VÁN KHUÔN CÁC LOẠI	M2	VK	39.81
12	ĐÀO ĐẤT XÂY CỐNG (ĐẤT C3)	M3	VIC 30M	15.02
13	ĐÁP ĐẤT THÂN CỐNG TẬN DỤNG	M3	K=0.9	11.36

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ



Địa Chỉ : Tổ 69, P. Minh Phương, TP Việt Trì
Tỉnh Phú Thọ

Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH revisions

1		
2		
3		
4		
LẦN Ver	MÔ TẢ Description	NGÀY Date

CHỦ ĐẦU TƯ client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG
GIAO THÔNG NÔNG THÔN
KHU BÀN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ DWG. title

CỐNG BÀN B75
CỌC: 4 TUYẾN 3
KM0+62.95



CHỦ TRÌ P.s Architect	KS ĐẶNG NGỌC ANH	<i>Amg</i>
THIẾT KẾ Design	KS ĐẶNG NGỌC ANH	<i>Amg</i>
THỂ HIỆN Draw	KS ĐẶNG NGỌC ANH	<i>Amg</i>
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	<i>Amg</i>

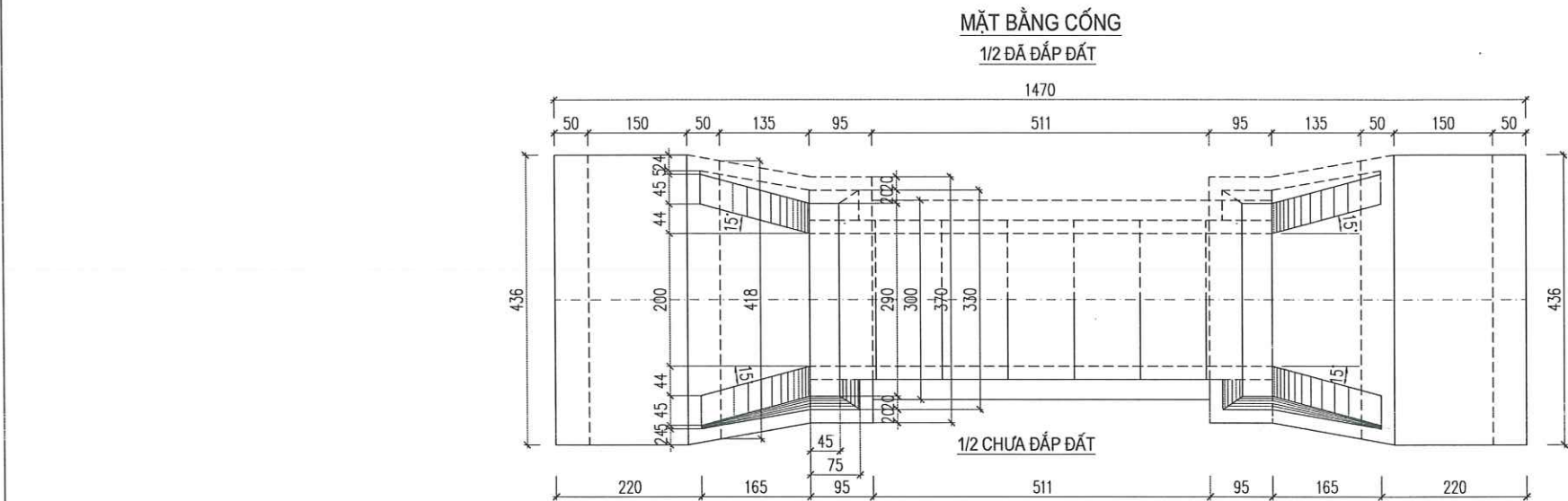
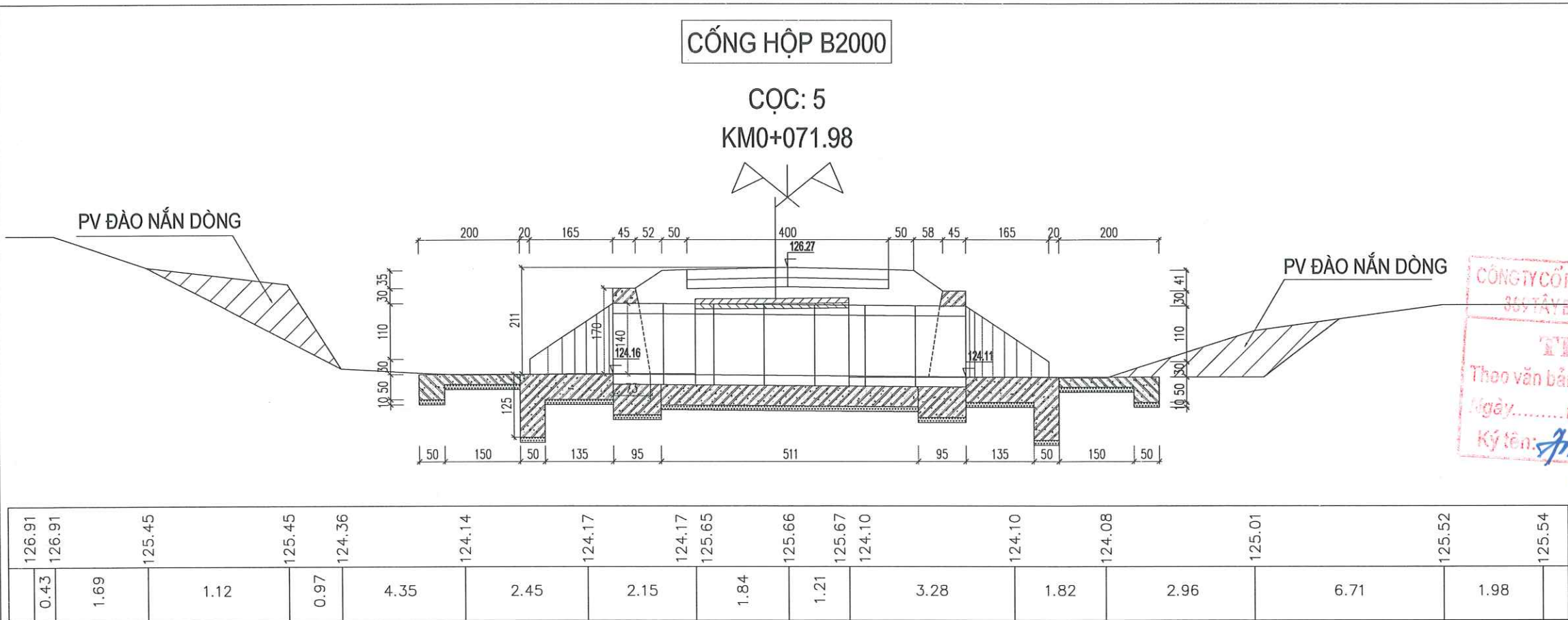
HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT
Date

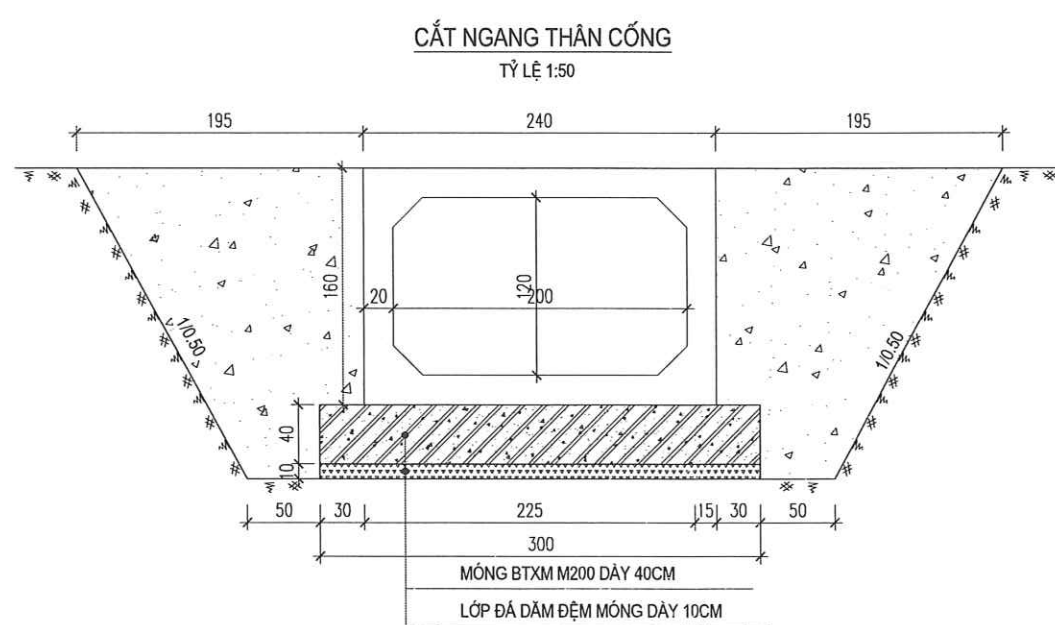
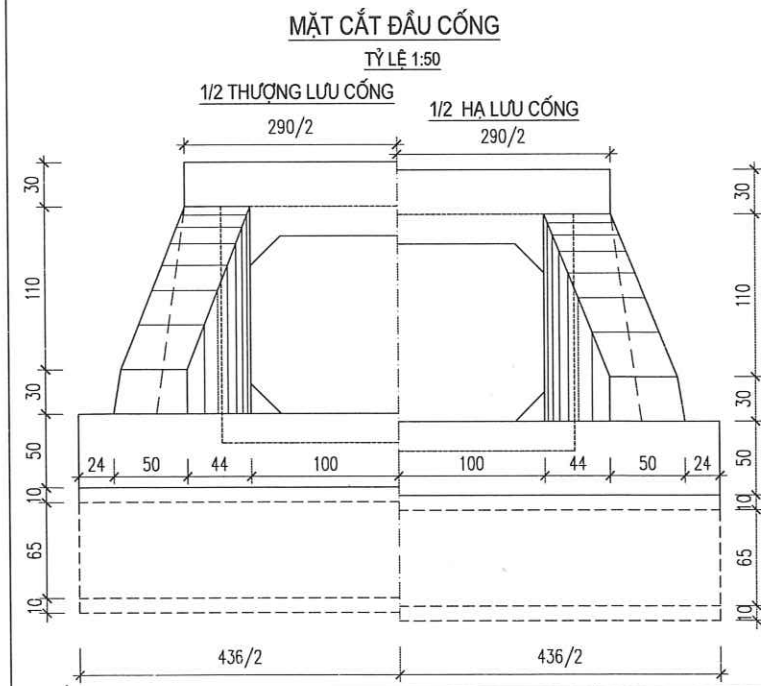
2026

KÝ HIỆU BV
Drawing No

C-01A



- CỐNG HỘP B2000 CỌC 5 KM0+71.98:
 - HIỆN TẠI VỊ TRÍ NÀY ĐÃ CÓ CỐNG THOÁT NƯỚC NHƯNG CHƯA ĐẢM BẢO, NAY DO YÊU CẦU NÂNG CẤP TUYẾN ĐƯỜNG NÊN TẠI VỊ TRÍ NÀY KIẾN NGHỊ THIẾT KẾ CỐNG MỚI B2000
 - CỐNG THIẾT KẾ MỚI LÀ CỐNG HỘP B2000 ĐỂ THOÁT NƯỚC TỪ CÁC MƯƠNG THỦY LỢI VÀ ĐẢM BẢO ỔN ĐỊNH NỀN ĐƯỜNG.
 - ĐẦU CỐNG THƯỢNG LƯU VÀ HẠ LƯU THIẾT KẾ KIỂU TƯỜNG CÁCH CHÉO BTXM M200.
 - THÂN CỐNG ĐƯỢC LẮP GHEP BẰNG ỚNG CỐNG BTCT M300, MÔNG CỐNG ĐỔ BTXM M200 DÀY 40CM.
 - SÀN CỐNG THƯỢNG - HẠ LƯU GIA CỐ BẰNG BÊ TÔNG XM M200 DÀY 20CM TRÊN LỚP ĐÁ DẪM ĐỆM DÀY 10CM.
 - CỐNG HỘP BTBT CÓ ĐỊNH HÌNH RIÊNG.
- GHI CHÚ:
- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ ĐƠN VỊ GHI CM, CAO ĐỘ GHI M.



BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG CỐNG

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH	KHỐI LƯỢNG
1	BÊ TÔNG GIA CỐ SÀN CỐNG	M3	BT M200	4.80
2	BÊ TÔNG SÀN CỐNG, CHÂN KHAY	M3	BT M200	10.66
3	BÊ TÔNG TƯỜNG ĐẦU, TƯỜNG CÁCH	M3	BT M200	9.59
4	BÊ TÔNG HỐ THỦ THƯỢNG LƯU	M3	BT M200	-
5	BÊ TÔNG MÔNG TƯỜNG ĐẦU	M3	BT M200	4.22
6	BÊ TÔNG MÔNG CỐNG	M3	BT M200	6.13
7	ĐÁ DẪM ĐỆM TOÀN BỘ	M3	BT M200	5.04
8	ỐNG CỐNG B2000	ỐNG	L=1M/ĐỐT	7.0
	BÊ TÔNG ỚNG CỐNG	M3	M300	10.64
	CỐT THÉP ỚNG CỐNG F8 - F8	KG	CB240-T	692.65
	VÁN KHUÔN ĐỔ BÊ TÔNG ỚNG CỐNG	M2	VK THÉP	109.37
9	QUÉT DUNG DỊCH BẢO VỆ ỚNG CỐNG	M2	NHỰA ĐƯỜNG	39.20
	VÁN KHUÔN CÁC LOẠI	M2	VK	39.65
10	PHÁ ĐỠ KẾT CẤU CŨ	M3	BÊ TÔNG	10.55
11	ĐÀO ĐẤT XÂY CỐNG VẬN CHUYỂN 30M	M3	ĐẤT C3	50.67
12	ĐẬP ĐẤT THÂN CỐNG TẠM DỤNG	M3	K=0.90	27.59

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HUNG THỊNH PHÚ THỌ

HT

Địa Chỉ : Tổ 69, P. Minh Phương, TP Việt Trì
Tỉnh Phú Thọ

Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH		revisions
1		
2		
3		
4		
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY
Ver	Description	Date

CHỦ ĐẦU TƯ client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN KHU BẮN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ DWG. title

CỐNG HỘP B2000 CỌC: 5 TUYẾN 3 KM0+71.98

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HUNG THỊNH PHÚ THỌ

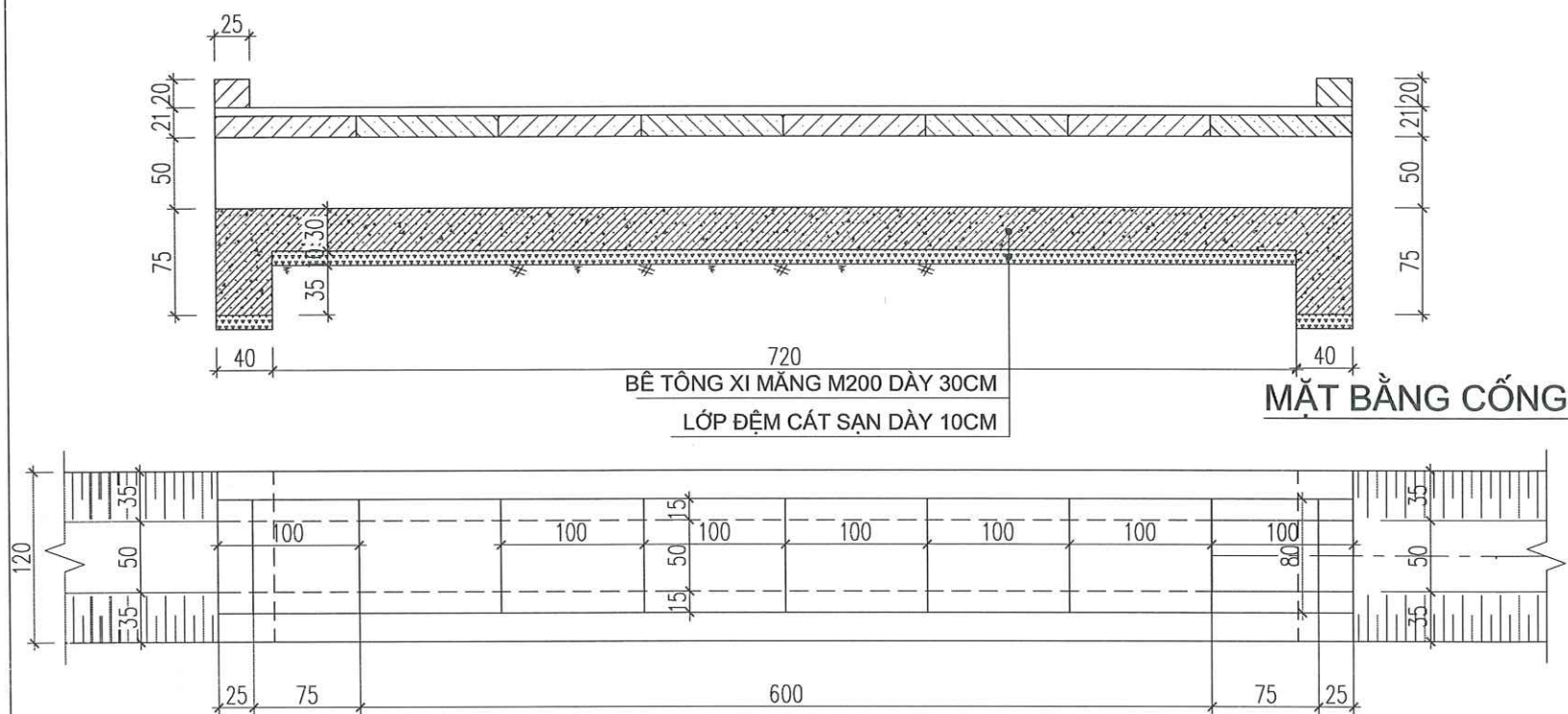
HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ P.s Architect	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
THIẾT KẾ Design	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
THỂ HIỆN Draw	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	

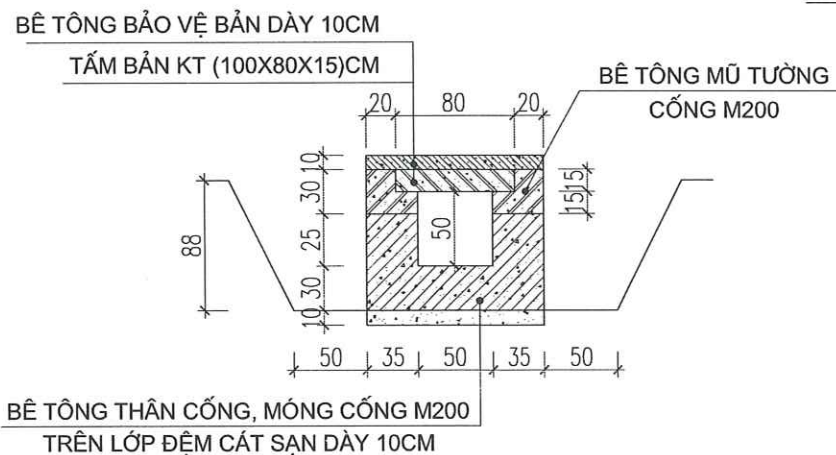
HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT Date	2026
KÝ HIỆU BV Drawing No	B2000

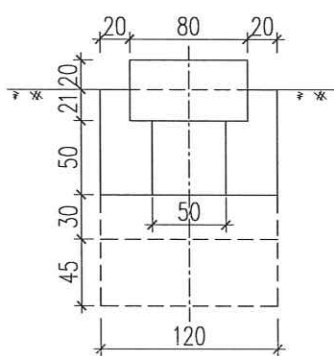
CẮT DỌC CỐNG KM0+190.75



CẮT NGANG CỐNG



ĐẦU CỐNG THƯỢNG - HẠ LƯU



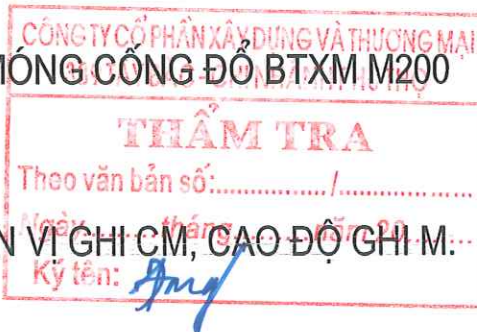
KHỐI LƯỢNG TÍNH CHO 1M DÀI THÂN CỐNG

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH	KHỐI LƯỢNG
1	BTXM THÂN CỐNG	M3	M200	0.175
2	BTXM MÔNG CỐNG	M3	M200	0.36
3	ĐÁ DẦM ĐỆM	M3	DÀY 10CM	0.12
4	TẤM BẢN KT (100X80X15CM)	TẤM/M3	M250	0.12
	CÓT THÉP TẤM BẢN D6 - D10	KG		12.38
5	BÊ TÔNG XÀ MŨ CỐNG	M3	M200	0.165
6	VÁN KHUÔN CÁC LOẠI	M2		3.44
7	BÊ TÔNG LỚP BẢO VỆ BẢN DÀY 10CM	M3	M250	0.12

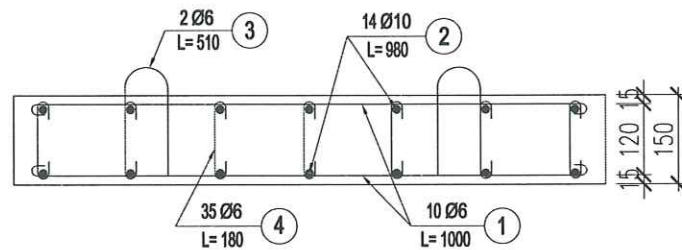
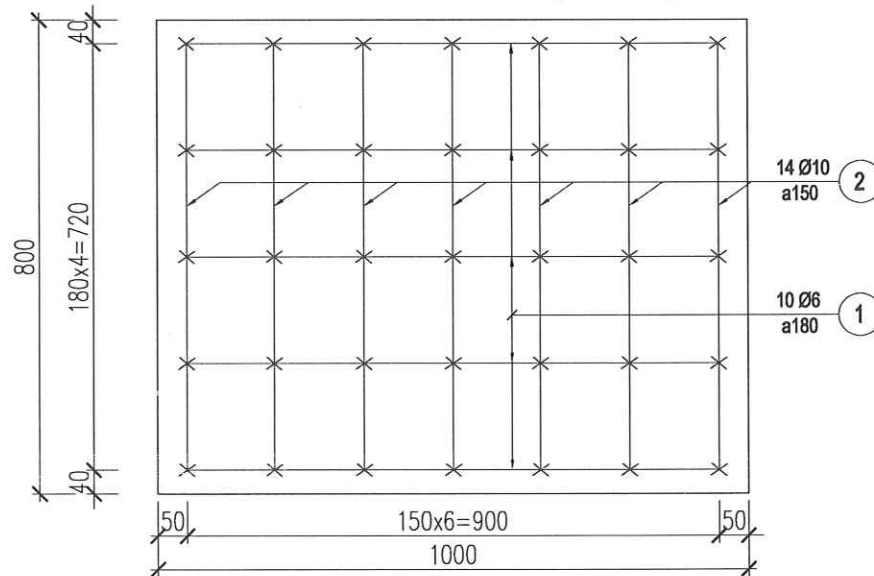
KHỐI LƯỢNG ĐẦU CỐNG

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH	KHỐI LƯỢNG 1 CỐNG
1	BÊ TÔNG GỖ CHẤN BÁNH	M3	M200	0.08
2	BTXM CHÂN KHAY	M3	M200	0.432

- CỐNG CỌC: KM0+62.95 :
- HIỆN TẠI VỊ TRÍ NÀY ĐÃ CÓ CỐNG THOÁT NƯỚC NHƯNG CHƯA ĐẢM BẢO, NAY DO YÊU CẦU NÂNG CẤP TUYẾN ĐƯỜNG NÊN TẠI VỊ TRÍ NÀY KIẾN NGHỊ THIẾT KẾ CỐNG MỚI B50.
- CỐNG THIẾT KẾ MỚI LÀ CỐNG BẢN BTCT B50, ĐỂ THOÁT NƯỚC NGANG ĐƯỜNG VÀ ĐẢM BẢO ỔN ĐỊNH NỀN ĐƯỜNG.
- THÂN CỐNG DÀY 35CM, MÔNG CỐNG ĐỔ BTXM M200 DÀY 30CM.
GHI CHÚ:
- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ ĐƠN VỊ GHI CM, CAO ĐỘ GHI M...



CHI TIẾT TẤM BẢN - CỐNG LỖI RỂ KT(100X80X15)CM



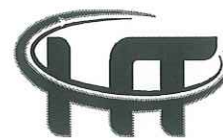
BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP 1 TẤM ĐẠN + 1M XÀ MŨ

SỐ HIỆU	QUY CÁCH	Ø (MM)	CHIỀU DÀI (MM)	S.LƯỢNG/ 1 C.K.	S.LƯỢNG C.K.	TỔNG C.ĐÀI (M)	KHỐI LƯỢNG (KG)
1	50 900 50	6	1000	10	1	10.000	2.219
2	90 800 90	10	980	14	1	13.720	8.459
3	410 50 50	6	510	2	1	1.020	0.226
4	50 90 50	6	190	35	1	6.650	1.476

THUYẾT MINH:

- CỐNG LỖI RỂ ĐƯỢC THIẾT KẾ MỚI LÀ CỐNG BẢN BTCT B=0,5M ĐỂ THOÁT NƯỚC NGANG ĐƯỜNG RỂ VÀ ĐẢM BẢO ỔN ĐỊNH NỀN ĐƯỜNG.
- TẤM BẢN CỐNG BTCT MÁC 250 KT(100X80X15)CM.
- MŨ TƯỜNG CỐNG BTXM M200.
- ĐẦU CỐNG THƯỢNG - HẠ LƯU ĐỔ BÊ TÔNG KIỂU TƯỜNG ĐẦU BẰNG BÊ TÔNG M200.
- MÔNG, THÂN CỐNG ĐỔ BÊ TÔNG M200 TRÊN LỚP ĐỆM CÁT SẠN DÀY 10CM .
GHI CHÚ:
- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ ĐƠN VỊ GHI CM, CAO ĐỘ GHI M.
- CHI TIẾT TẤM BẢN XEM BẢN VẼ RIÊNG.

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ



Địa Chỉ : Tổ 69, P. Minh Phương, TP Việt Trì
Tỉnh Phú Thọ

Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH revisions

1		
2		
3		
4		
LẦN Ver	MÔ TẢ Description	NGÀY Date

CHỦ ĐẦU TƯ client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG
GIAO THÔNG NÔNG THÔN
KHU BẮN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ DWG. title

CỐNG BẢN B50 KM0+190.75

GIÁM ĐỐC

HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ KS

P.s Architect ĐẶNG NGỌC ANH

THIẾT KẾ KS

Design ĐẶNG NGỌC ANH

THỂ HIỆN KS

Draw ĐẶNG NGỌC ANH

Q.L.K.T KS

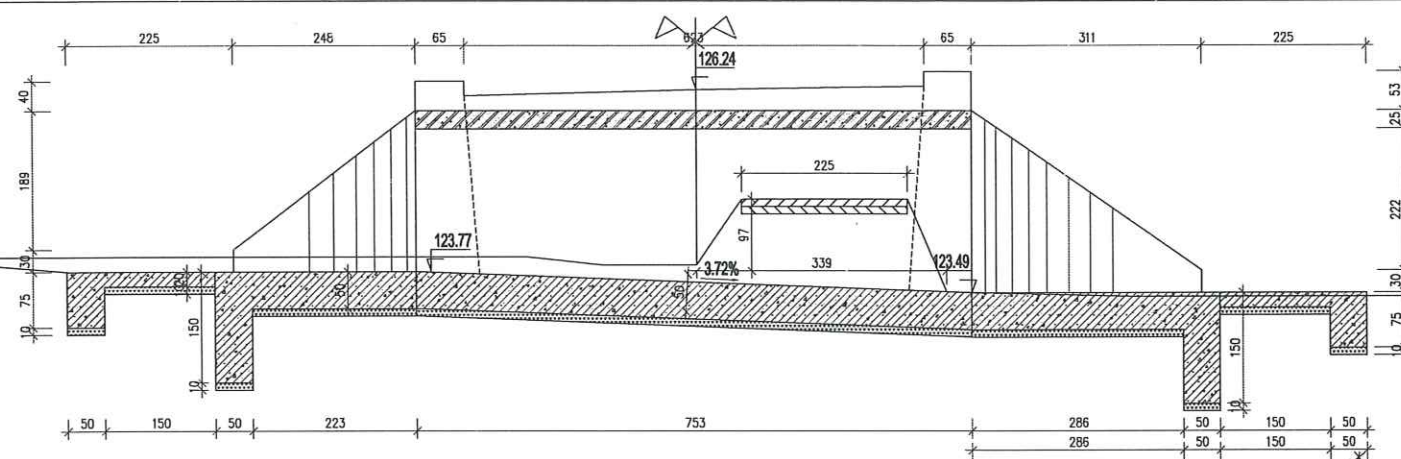
Manager NGUYỄN TIẾN ĐẠT

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT 2026

KÝ HIỆU BV Drawing No

CỔNG BẢN CỘC: 9
KM0+221.42



MẶT BẰNG CỐNG

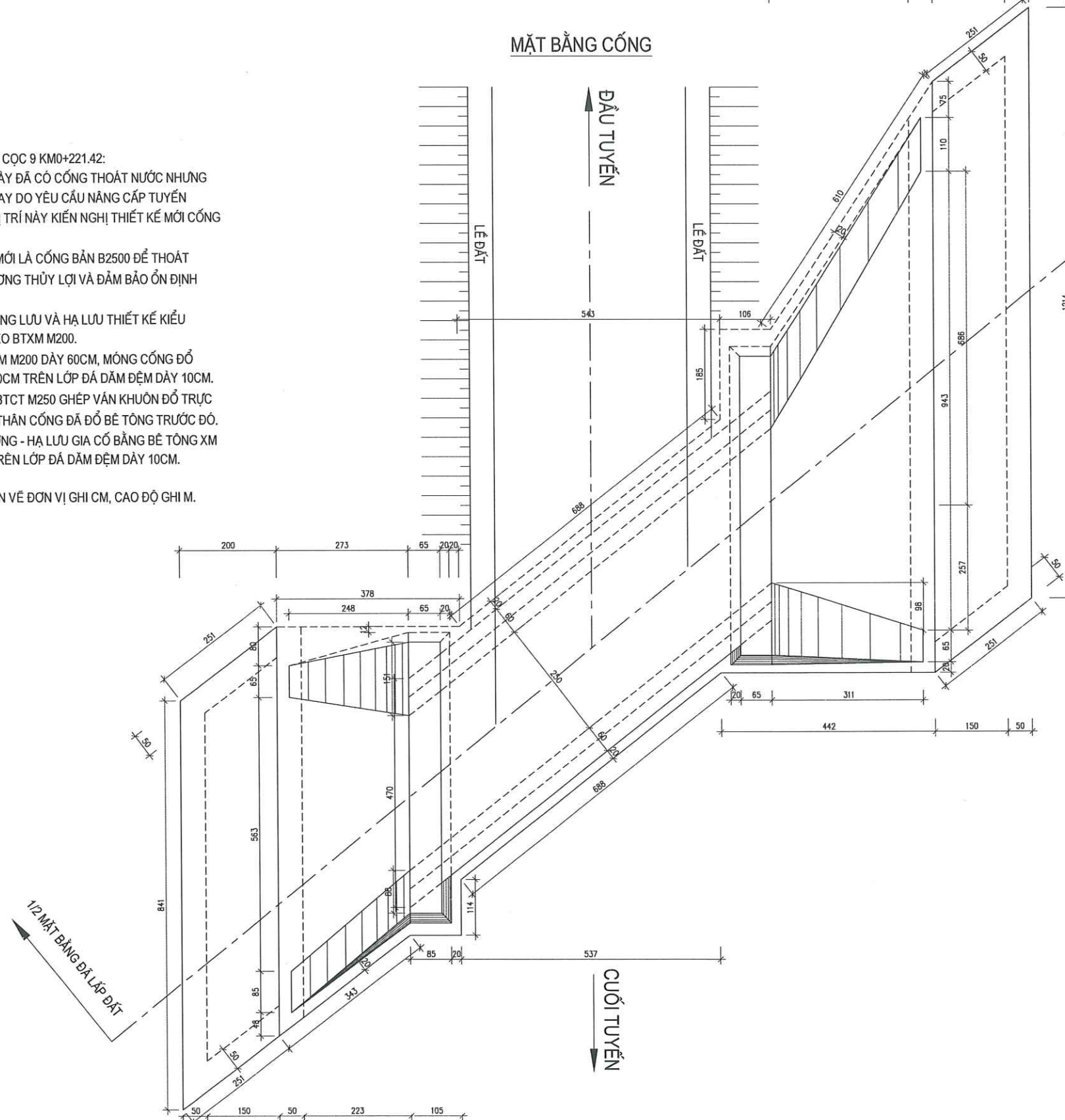
ĐẦU TUYẾN

	LÊ DẬT
--	--------

LÊ ĐẤT

CUỐI TUYẾN

- CỐNG BẰN B2500 CỌC 9 KM0+221.42:
 - HIỆN TẠI VỊ TRÍ NÀY ĐÃ CÓ CỐNG THOÁT NƯỚC NHƯNG CHƯA ĐẢM BẢO, NAY DO YÊU CẦU NÂNG CẤP TUYẾN ĐƯỜNG NÊN TẠI VỊ TRÍ NÀY KIẾN NGHỊ THIẾT KẾ MŨI CỐNG BẰN B2500
 - CỐNG THIẾT KẾ MŨI LÀ CỐNG BẰN B2500 ĐỂ THOÁT NƯỚC TỪ CÁC MƯƠNG THỤ LỢI VÀ ĐẢM BẢO ỔN ĐỊNH NỀN ĐƯỜNG.
 - ĐẦU CỐNG THƯỢNG LƯU VÀ HẠ LƯU THIẾT KẾ KIỂU TƯỜNG CÁCH CHÉO BTXM M200.
 - THÂN CỐNG BTXM M200 DÀY 60CM, MÓNG CỐNG ĐỔ BTXM M200 DÀY 50CM TRÊN LỚP ĐÁ DẪM ĐỆM DÀY 10CM.
 - TẦM BẰN CỐNG BTCT M250 GHEP VÁN KHUÔN ĐỔ TRỰC TIẾP TRÊN PHẦN THÂN CỐNG ĐÃ ĐỔ BÊ TÔNG TRƯỚC ĐÓ.
 - SÀN CỐNG THƯỢNG - HẠ LƯU GIA CỐ BẰNG BÊ TÔNG XM M200 DÀY 20CM TRÊN LỚP ĐÁ DẪM ĐỆM DÀY 10CM.
- GHI CHÚ:
- KÍCH THƯỚC BẰN VẼ ĐƠN VỊ GHI CM, CAO ĐỘ GHI M.



BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG CỐNG

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH	KHỐI LƯỢNG
1	BÊ TÔNG GIA CỐ SÀN CỎNG	M3	BT M200	34.81
2	BÊ TÔNG SÀN CỎNG, CHÀN KHAY	M3	BT M200	36.29
3	BÊ TÔNG TƯỜNG ĐẦU, TƯỜNG CÁCH	M3	BT M200	39.65
4	BÊ TÔNG MÓNG CỎNG	M3	BT M200	16.22
5	BÊ TÔNG THÂN CỎNG	M3	BT M200	17.37
6	BÊ TÔNG TẤM BÀN	M3	BTCT M250	7.41
7	ĐÁ DÀM ĐỆM TOÀN BỘ	M3	BT M200	13.58
8	VÁN KHUÔN CÁC LOẠI	M2	VK	147.84
9	PHÁ DỠ KẾT CẤU CỎ	M3	BÊ TÔNG	1.75
10	ĐÀO ĐẤT XÂY CỎNG VẠN CHUYỀN 30M	M3	ĐẤT C2	141.92
11	ĐÁP ĐẤT THÂN CỎNG TÀN DUNG	M3	K= 0.90	63.77

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
36/1 ẤP BẮC - CHINH NHANH PHỐ THỌ
THẨM TRA
Theo văn bản số: /
Ngày: tháng năm 20.....
Họ tên: *Đặng*

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HƯNG THỊNH PHÚ THỌ



Địa Chỉ : Tổ 69, P. Minh Phương, TP Việt Trì
Tỉnh Phú Thọ

Điện Thoại : 0977 510 054

Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHÍNH		revisions
1		
2		
3		
4		
LẦN Ver	MÔ TẢ Description	NGÀY Date

CHỦ ĐẦU TƯ client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH	project
------------	---------

**CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG
GIAO THÔNG NÔNG THÔN
KHU BẶN XÃ THU CÚC**

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC	
----------	--

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ	DWG. title
------------	------------

CỔNG BẢN B2500
CỌC: 9 TUYẾN 3
KM0+221.42

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG
HÙNG THỊNH
PHÚ THO

HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ KS
P.s Architect ĐĂNG NGỌC ANH

THIẾT KẾ Design	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
--------------------	---------------------	---

THẺ HIỆN Draw	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
------------------	---------------------	---

Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	
--------------------	-----------------------	---

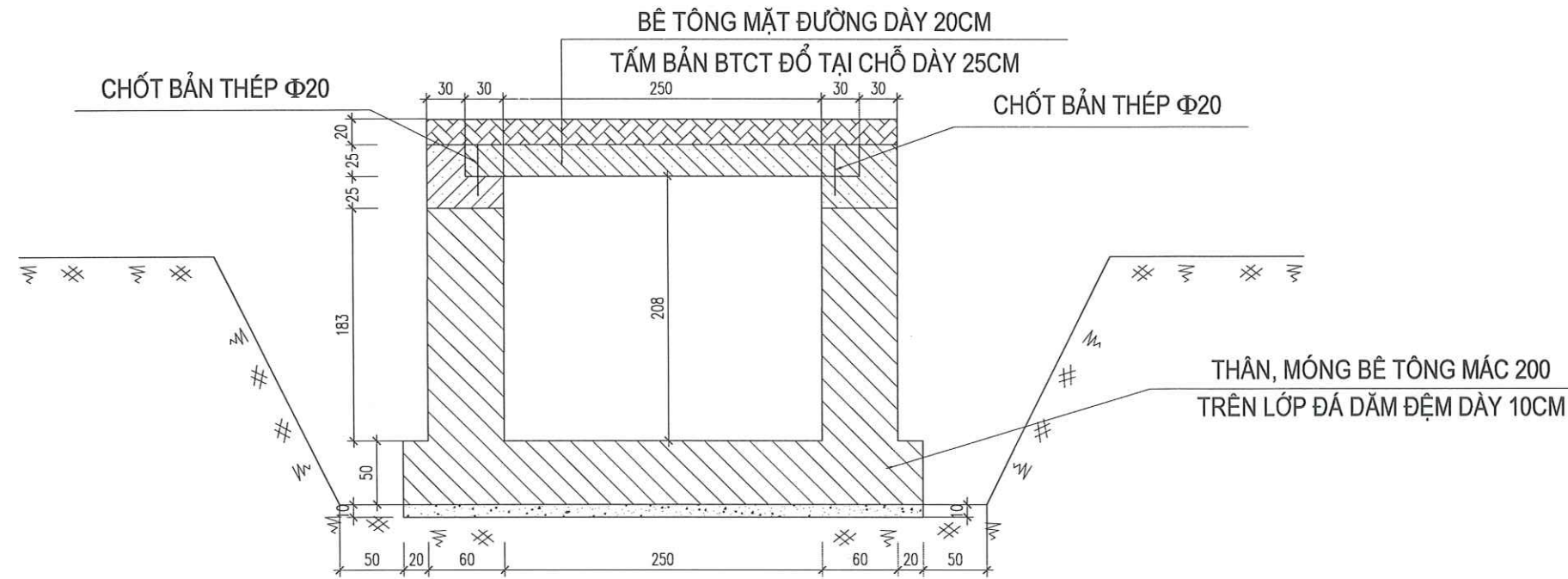
HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT Date	2026
-----------------	------

KÝ HIỆU BV
Drawing No

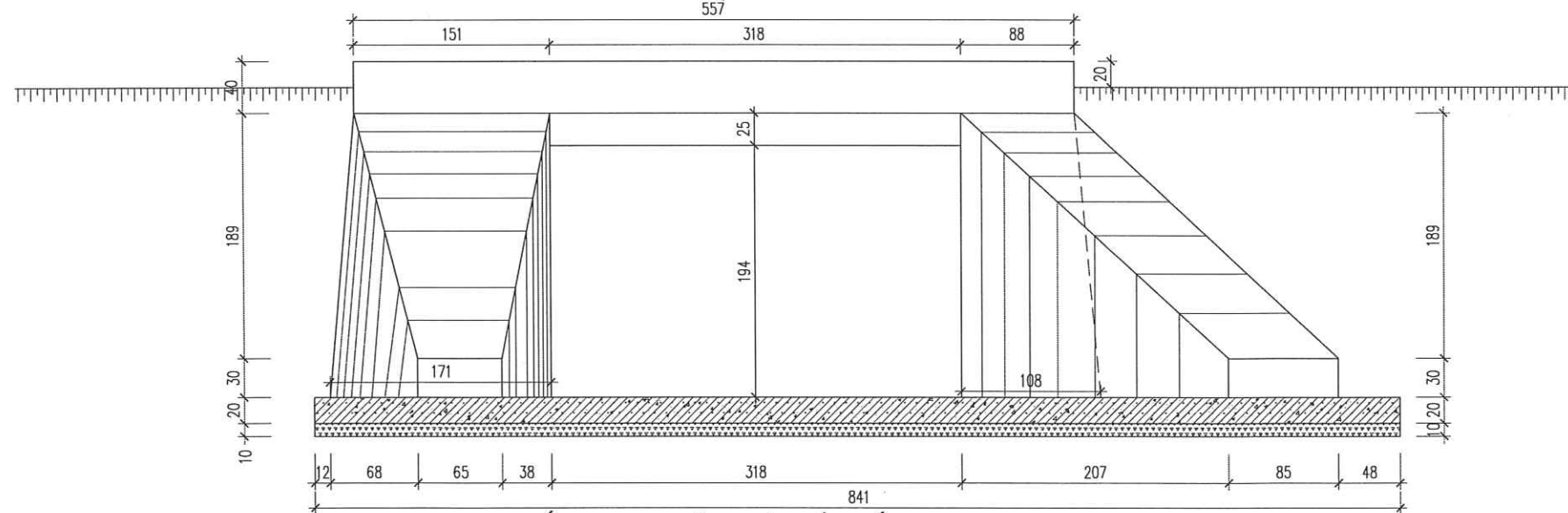
CẮT NGANG THÂN CỐNG

TỶ LỆ 1/50



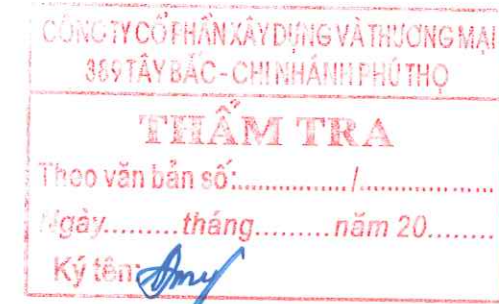
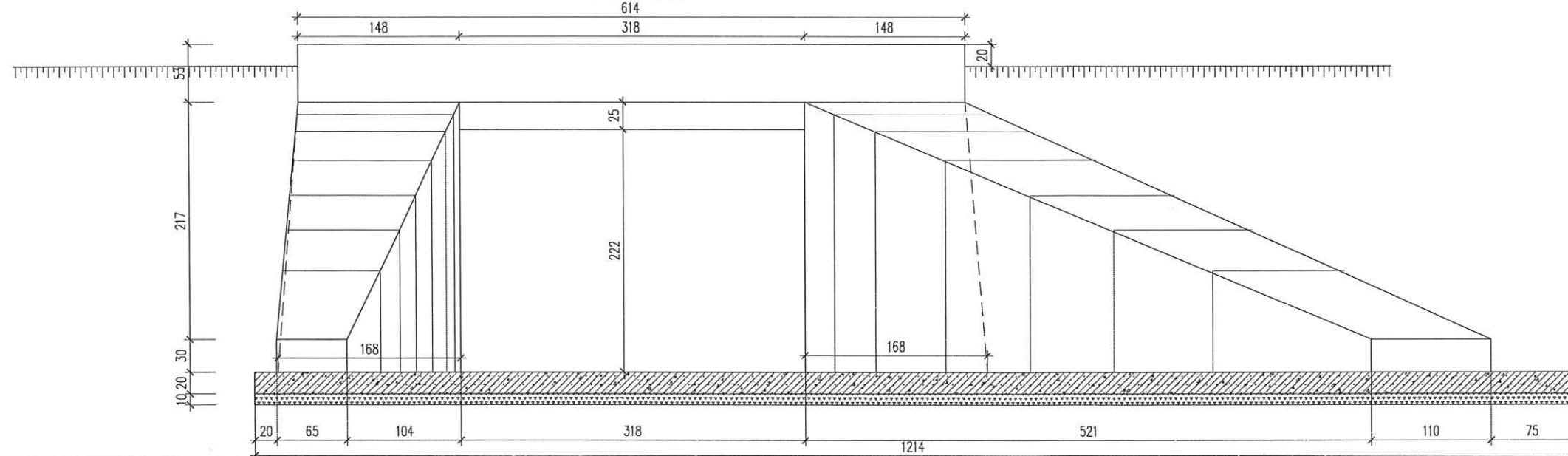
CẮT NGANG CHÍNH DIỆN ĐẦU CỐNG THƯỢNG LƯU

TỶ LỆ 1/50



CẮT NGANG CHÍNH DIỆN ĐẦU CỐNG HẠ LƯU

TỶ LỆ 1/50



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ



Địa Chỉ : Tổ 69, P. Minh Phương, TP Việt Trì
Tỉnh Phú Thọ

Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH revisions

1		
2		
3		
4		
LẦN Ver	MÔ TẢ Description	NGÀY Date

CHỦ ĐẦU TƯ client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG
GIAO THÔNG NÔNG THÔN
KHU BẬN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ DWG. title

MẶT CẮT ĐẦU CỐNG T,HL
CỐNG BÀN B2500
CỌC: 9 TUYẾN 3 KM0+221.42



CHỦ TRÌ P.s Architect	KS ĐẶNG NGỌC ANH	<i>[Signature]</i>
THIẾT KẾ Design	KS ĐẶNG NGỌC ANH	<i>[Signature]</i>
THỂ HIỆN Draw	KS ĐẶNG NGỌC ANH	<i>[Signature]</i>
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	<i>[Signature]</i>

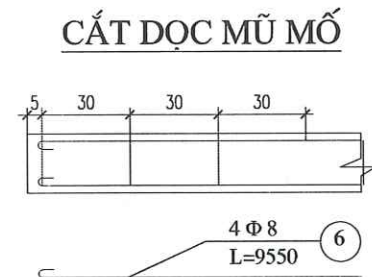
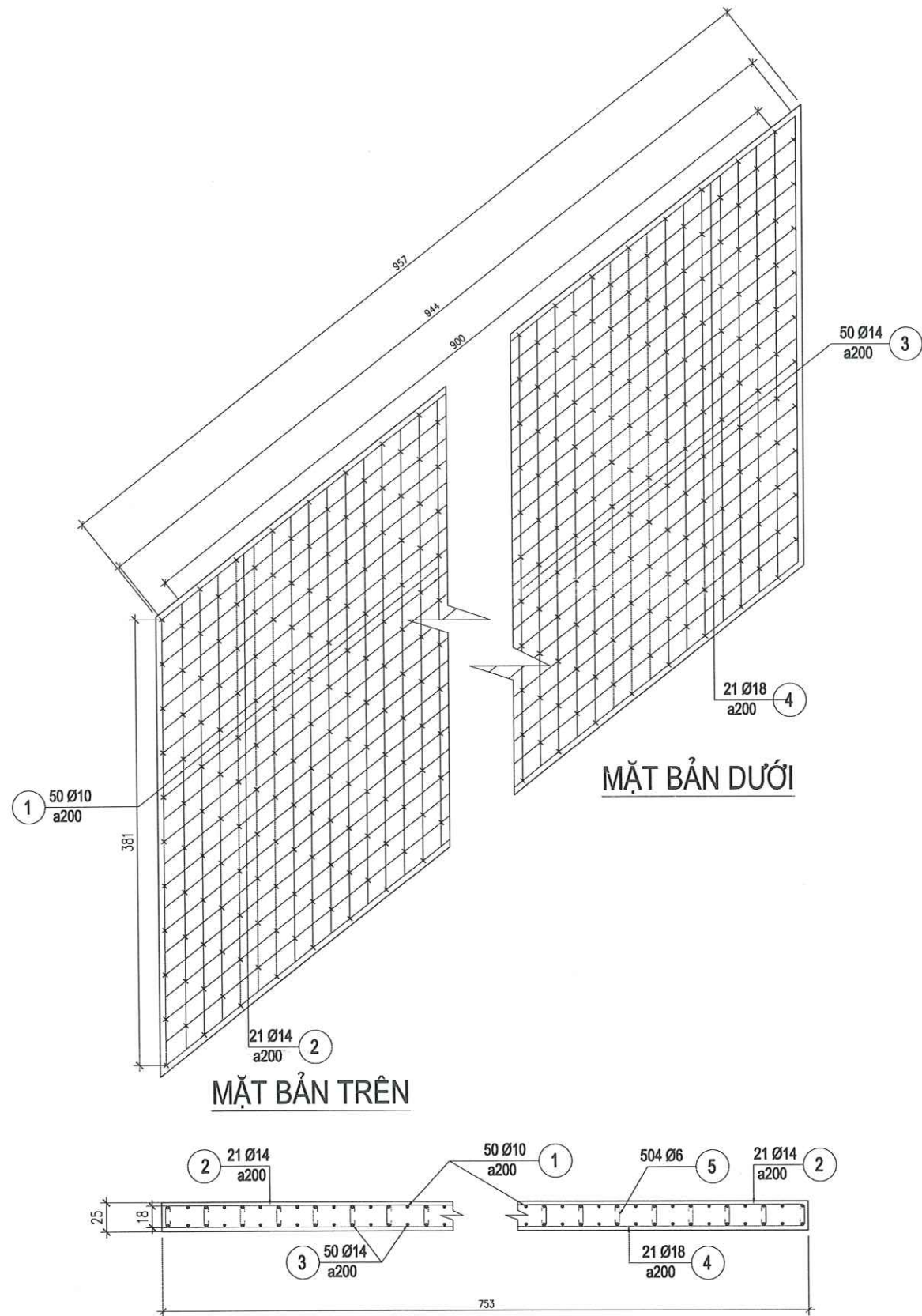
HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT
Date

2026

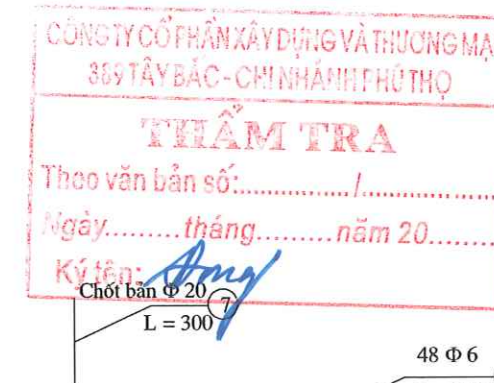
KÝ HIỆU BV
Drawing No

T,HL-B2500



BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	QUY CÁCH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI (mm)	S.LƯỢNG/ 1 C.K.	S.LƯỢNG C.K.	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (Kg)
BẢN BTCT	1	3813	10	3813	50	1	190.650	117.540
	2	9438	14	9438	21	1	198.198	239.499
	3	3813	14	3813	50	1	190.650	230.378
	4	9438	18	9438	21	1	198.198	395.907
	5	50 180 50	6	280	504	1	141.120	31.321
MŨ TƯỜNG BTCT	6	9550	8	9550	4	2	76.400	30.145
	7	300	20	300	18	2	10.800	26.634
	8	210 280 16	8	996	48	2	95.616	37.728



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ

HT

Địa Chỉ : Tổ 69, P. Minh Phương, TP Việt Trì
Tỉnh Phú Thọ

Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH			revisions
1			
2			
3			
4			
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY	
Ver	Description	Date	

CHỦ ĐẦU TƯ client
TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH project
CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN KHU BẬN XÃ THU CÚC
Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC
GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ DWG. title
CHI TIẾT CỐT THÉP TẤM BẢN CỐNG CỌC: 9 TUYẾN 3 KM0+221.42

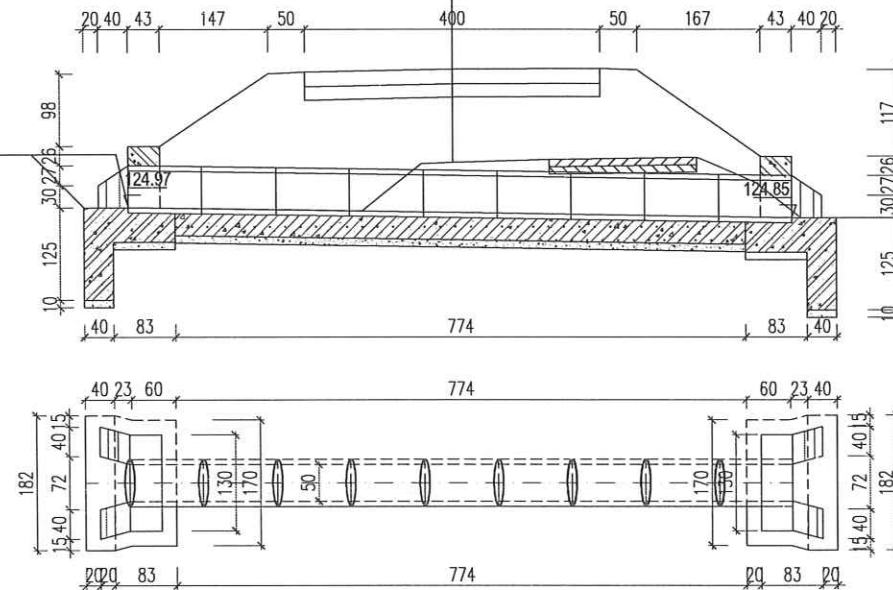


CHỦ TRÌ P.s Architect	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
THIẾT KẾ Design	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
THỂ HIỆN Draw	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN DẠT	

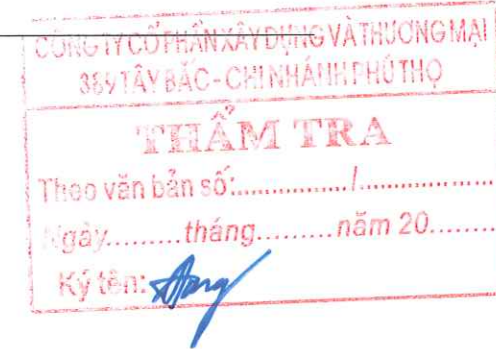
HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT Date	2026
KÝ HIỆU BV Drawing No	CTCT-B2500

CỌC: TC5
KM0+234.60



- CỐNG HỘP D500 CỌC TC5 KM0+234.60:
- HIỆN TẠI VỊ TRÍ NÀY ĐÃ CÓ CỐNG THOÁT NƯỚC NHƯNG CHƯA ĐẢM BẢO, NAY DO YÊU CẦU NÂNG CẤP TUYẾN ĐƯỜNG NÊN TẠI VỊ TRÍ NÀY KIẾN NGHỊ THIẾT KẾ CỐNG MỚI D50
- CỐNG THIẾT KẾ MỚI LÀ CỐNG TRÒN BTCT D50 ĐỂ THOÁT NƯỚC TỪ CÁC MƯƠNG THỦY LỢI VÀ ĐẢM BẢO ỔN ĐỊNH NỀN ĐƯỜNG.
- ĐẦU CỐNG THƯỢNG LƯU VÀ HẠ LƯU THIẾT KẾ KIỂU TƯỜNG CÁCH CHÉO BTXM M200.
- THÂN CỐNG ĐƯỢC LẮP ỐNG CỐNG BTCT M300, MÔNG CỐNG ĐỔ BTXM M200 DÀY 30CM.
- CỐNG TRÒN BTCT D50 CÓ ĐỊNH HÌNH RIÊNG.
- GHI CHÚ:
- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ ĐƠN VỊ GHI CM, CAO ĐỘ GHI M.

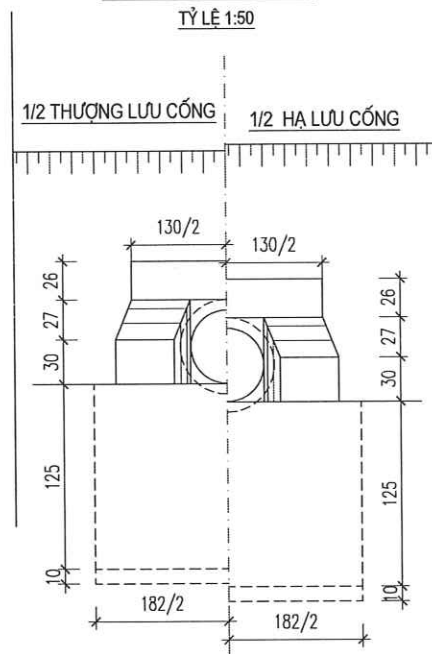


mss: 118.00

125.55	125.55	124.80	124.80	124.80	125.42	125.44	125.48	125.51	125.17	124.69	123.66
10.43	1.59	0.78	0.98	0.78	0.43	1.31	2.00	0.79	1.95	8.94	

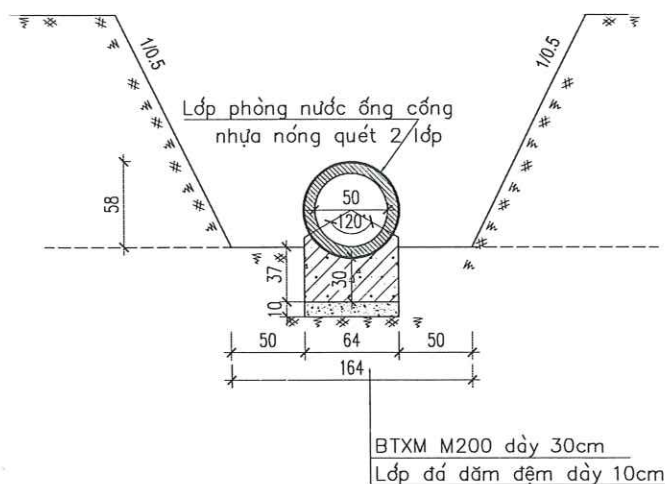
MẶT CẮT ĐẦU CỐNG

TỶ LỆ 1:50



CẮT NGANG THÂN CỐNG

Tỷ lệ 1:50



BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG CỐNG

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH	KHỐI LƯỢNG
1	BÊ TÔNG GIA CỐ SÀN CỐNG	M3	BT M200	-
2	BÊ TÔNG SÀN CỐNG, CHÂN KHAY	M3	BT M200	1.82
3	BÊ TÔNG TƯỜNG ĐẦU, TƯỜNG CÁCH	M3	BT M200	0.93
4	BÊ TÔNG HỐ THU THƯỢNG LƯU	M3	BT M200	-
5	BÊ TÔNG MÔNG TƯỜNG ĐẦU	M3	BT M200	1.46
6	BÊ TÔNG MÔNG CỐNG	M3	BT M200	1.29
7	ĐÁ DẪM ĐỆM TOÀN BỘ	M3	BT M200	0.80
8	ỐNG CỐNG D50	ỐNG	L=1M/ĐỐT	9
	BÊ TÔNG ỐNG CỐNG	M3	M300	1.13
	CỐT THÉP ỐNG CỐNG	KG	CB240-T	27.27
	VÁN KHUÔN ĐỔ BÊ TÔNG ỐNG CỐNG	M2	VK THÉP	5.79
	QUÉT DUNG DỊCH BẢO VỆ ỐNG CỐNG	M2	NHỰA ĐƯỜNG	18.09
9	VÁN KHUÔN CÁC LOẠI	M2	VK	17.08
10	PHÁ ĐỠ KẾT CẤU CŨ	M3	BÊ TÔNG	1.63
11	ĐÀO ĐẤT XÂY CỐNG VẬN CHUYỂN 30M	M3	ĐẤT C3	18.18
12	ĐÁP ĐẤT THÂN CỐNG TẬN DỤNG	M3	K= 0.90	10.02

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ



Địa Chỉ : Tổ 69, P. Minh Phương, TP Việt Trì
Tỉnh Phú Thọ
Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH revisions

1		
2		
3		
4		
LẦN Ver	MÔ TẢ Description	NGÀY Date

CHỦ ĐẦU TƯ client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG
GIAO THÔNG NÔNG THÔN
KHU BẮN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ DWG. title

CỐNG TRÒN D50
CỌC: TC5 TUYẾN 3
KM0+234.60



CHỦ TRÌ KS

P.s Architect ĐẶNG NGỌC ANH

THIẾT KẾ KS

Design ĐẶNG NGỌC ANH

THỂ HIỆN KS

Draw ĐẶNG NGỌC ANH

Q.L.K.T KS

Manager NGUYỄN TIẾN ĐẠT

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT
Date 2026

KÝ HIỆU BV
Drawing No C-01A



Địa Chỉ : Tổ 69, P. Minh Phương, TP Việt Trì
Tỉnh Phú Thọ

Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH revisions

1		
2		
3		
4		
LẦN Ver	MÔ TẢ Description	NGÀY Date

CHỦ ĐẦU TƯ client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG
GIAO THÔNG NÔNG THÔN
KHU BẮN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ DWG. title

D 500 mm - L = 1000 mm

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG
HUNG THỊNH
PHÚ THỌ
HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ P.s Architect	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
THIẾT KẾ Design	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
THỂ HIỆN Draw	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	

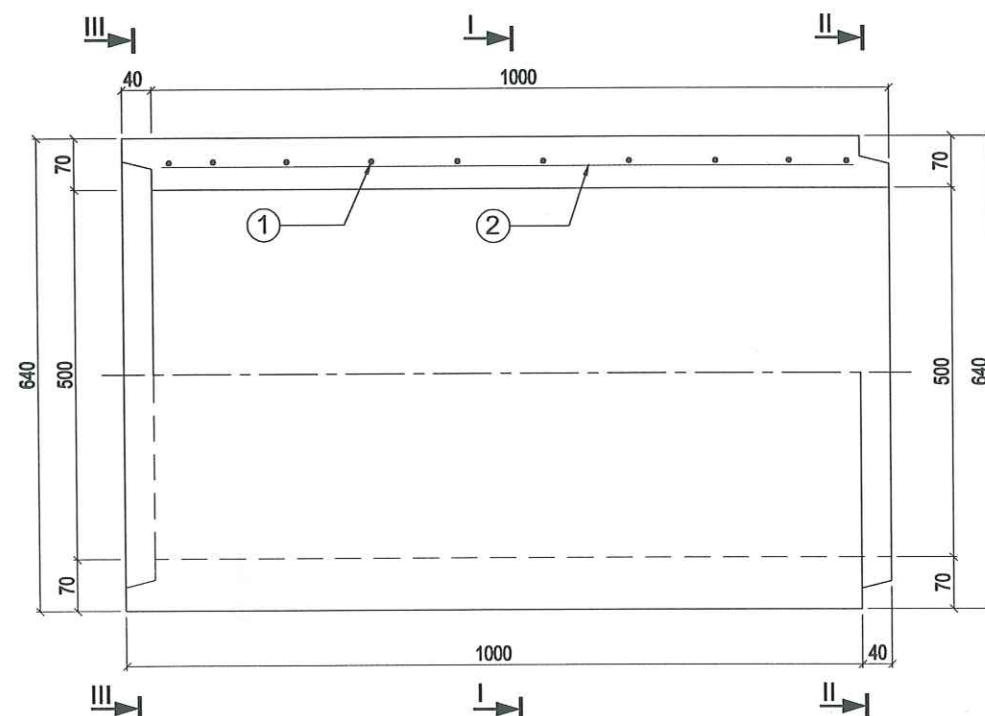
HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT
Date

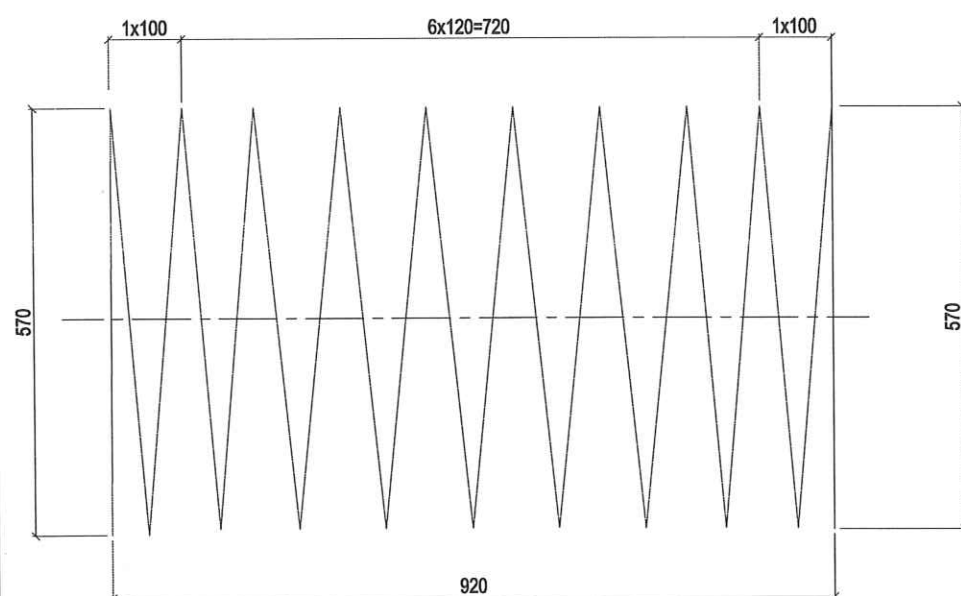
2026

KÝ HIỆU BV
Drawing No

1/2 MẶT CẮT A-A

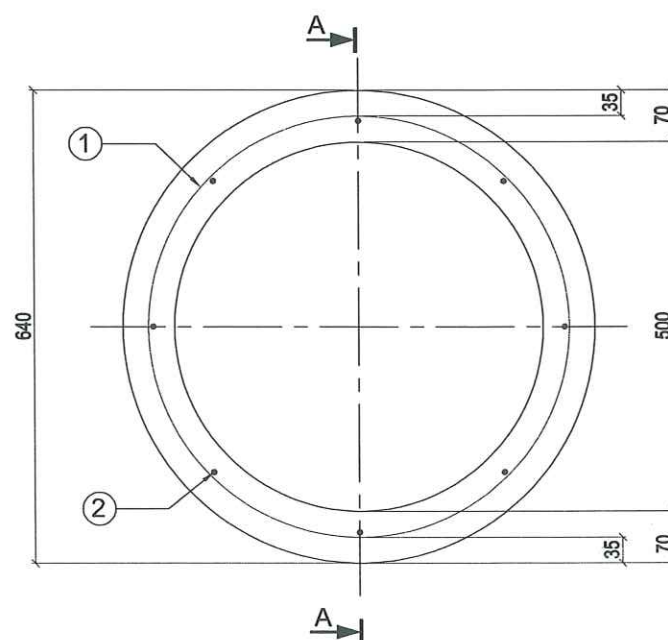


1/2 CHÍNH DIỆN

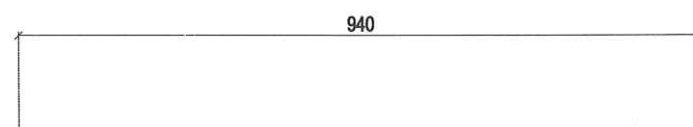


CỐT THÉP SỐ 1

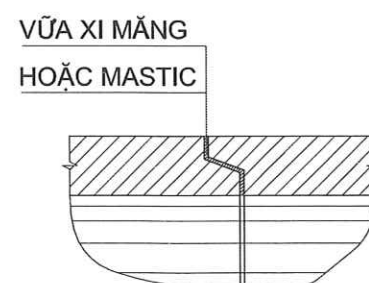
MẶT CẮT I-I



CỐT THÉP SỐ 2

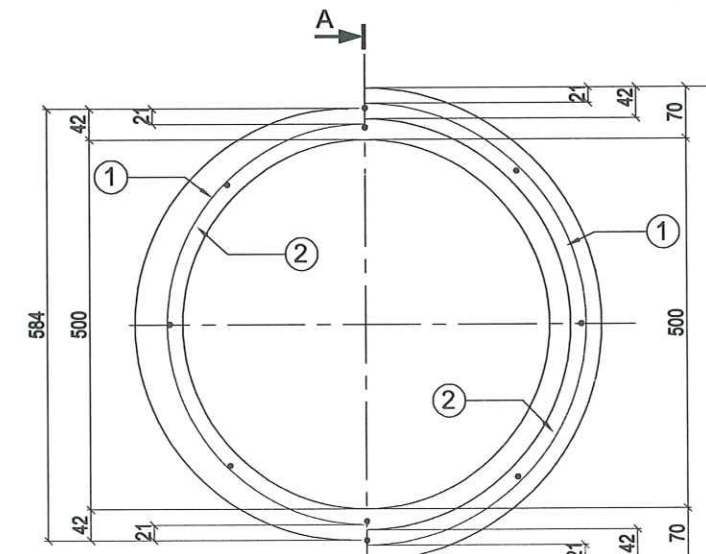


MỐI NỐI



1/2 II-II

1/2 III-III



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY A CHINH HANH PHÚ THỌ
THẨM TRA
Theo văn bản số: /
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: *[Signature]*

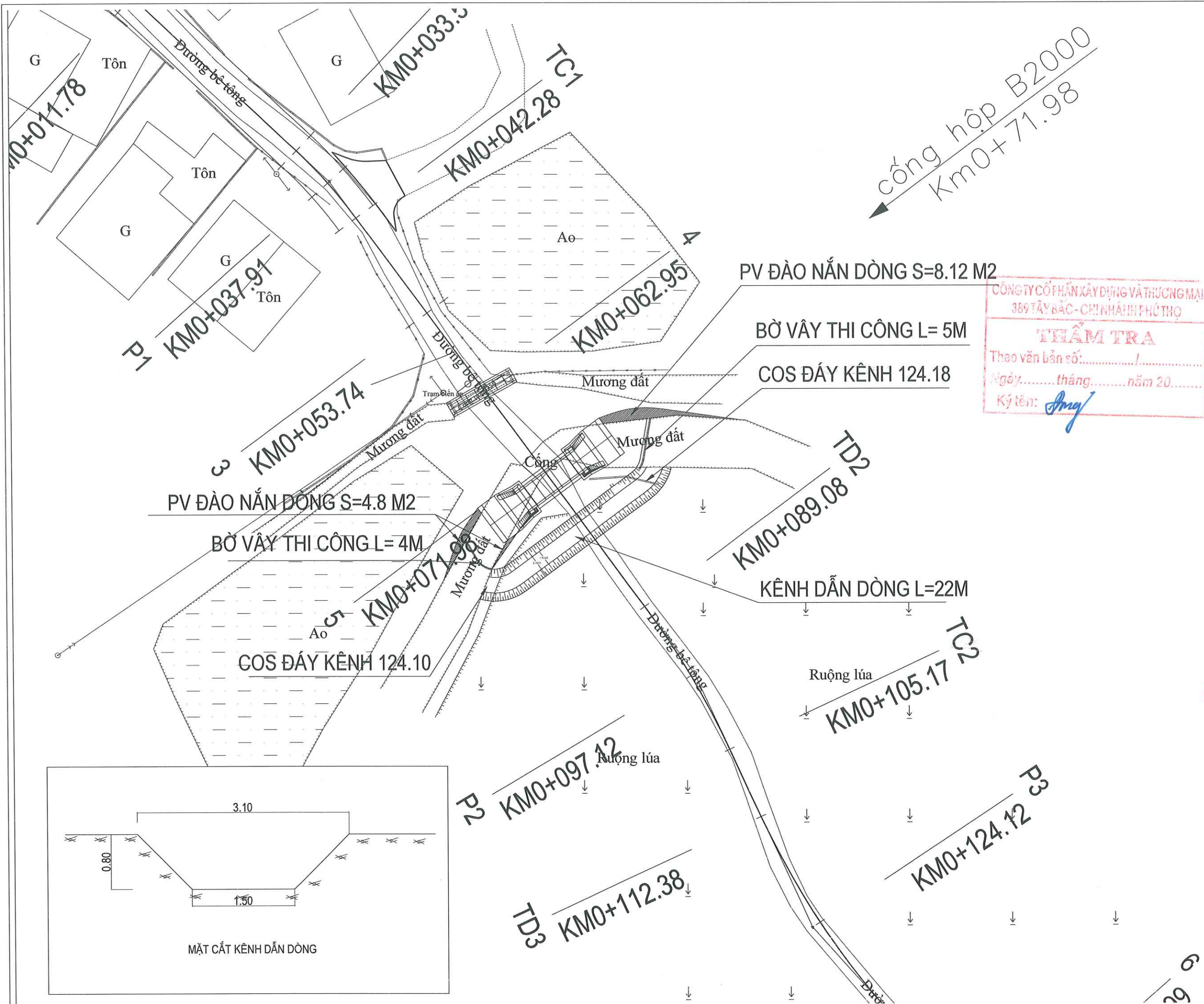
THỐNG KÊ VẬT TƯ

kí hiệu	Quy cách vật tư	Số thanh	Chiều dài một thanh	Tổng chiều dài	Tổng trọng lượng	Ghi chú
	(mm)	(th)	(mm)	(m)	(kg)	
①	D 4.5	1	16295	16.30	2.03	
②	D 4.5	8	940	7.52	1.00	
	CỘNG				3.03	
	BÊ TÔNG				0.125 M3/ 1 ĐỐT CỐNG	

GHI CHÚ:

- Kích thước trong bản vẽ ghi bằng mm.
- Liên kết những thanh cốt thép được tiến hành bằng máy hàn hoặc buộc.
- Cốt thép các bon thấp kéo nguội có fy = 500 MPa.
- Chiều cao đất đắp trên cống từ 1.0 - 4.0 m.
- Yêu cầu đối với đất nền được hướng dẫn trong thuyết minh chung.
- Tải trọng thiết kế : Cống đặt dưới vỉa hè.
- Cống được chế tạo bằng công nghệ rung ép.

CÔNG TY CỔ PHẦN AVIA
NHÀ MÁY BÊ TÔNG AMACCAO



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ

Địa Chỉ : Tổ 69, P. Minh Phương, TP Việt Trì
Tỉnh Phú Thọ

Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH		revisions
1		
2		
3		
4		
LẦN Ver	MÔ TẢ Description	NGÀY Date

CHỦ ĐẦU TƯ

client

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

CÔNG TRÌNH

project

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG
GIAO THÔNG NÔNG THÔN
KHU BẮN XÃ THU CÚC

Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ

DWG. title

MẶT BẰNG THI CÔNG
CỐNG HỘP B2000 KM0+71.98

HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ P.s Architect	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
THIẾT KẾ Design	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
THỂ HIỆN Draw	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT
Date

2026

KÝ HIỆU BV
Drawing No

Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

1		
2		
3		
4		

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC

**CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG
GIAO THÔNG NÔNG THÔN
KHU BẮN XÃ THU CÚC**

HẠNG MỤC

HẠNG MỤC

GIAO THÔNG

MẶT BẰNG THI CÔNG
CỔNG BẢN B2500 KM0+221.42

CÔNG TY
CÓ PHẦN
TƯ VẤN

CHỦ TRÌ KS
P.s Architect DẶNG NGỌC ÁNH

THIẾT KẾ Design	KS ĐẶNG NGỌC ANH	
--------------------	---------------------	---

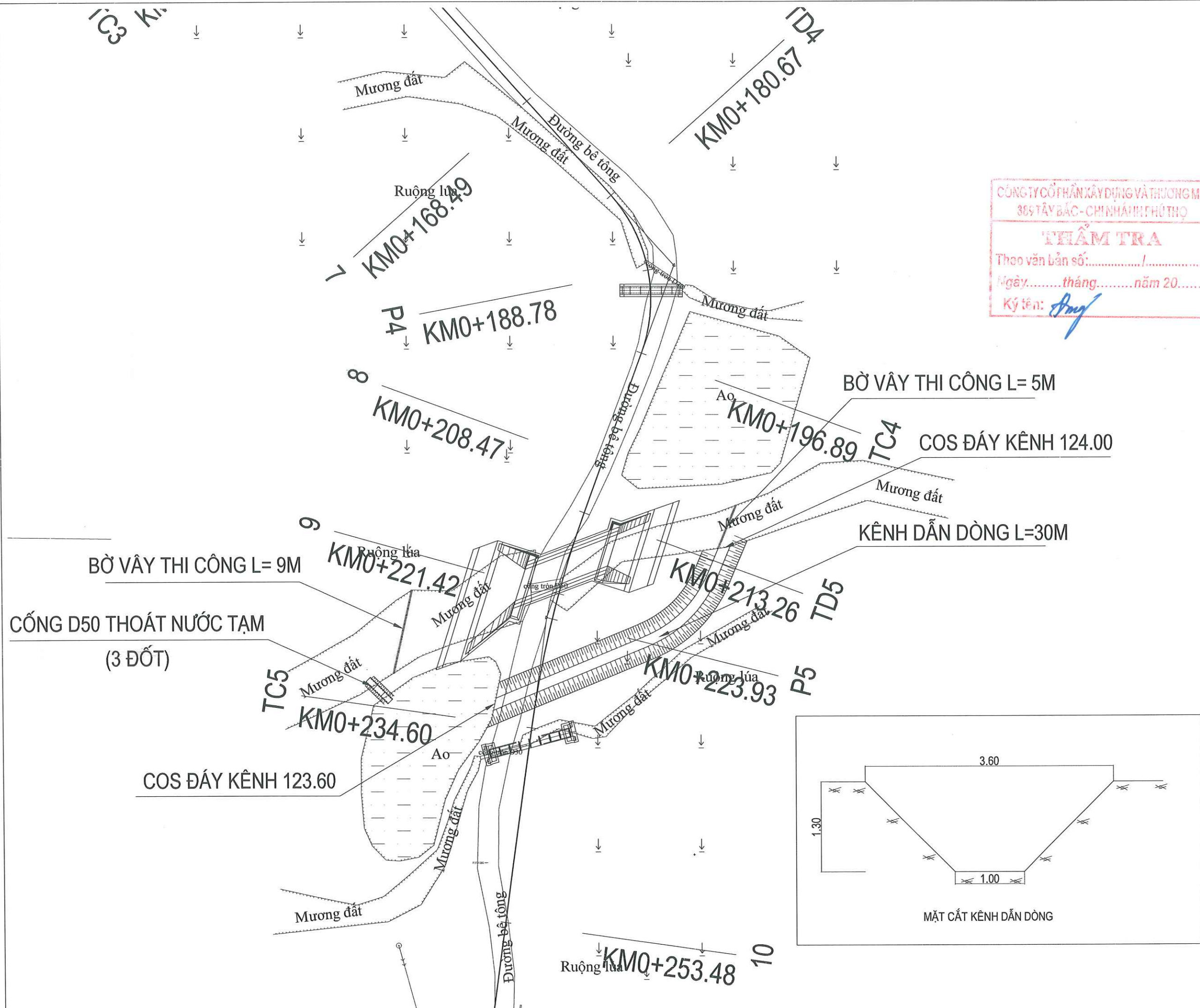
THỂ HIỆN	KS	
Draw	DINH NGOC ANH	

ĐIỀU	ĐANG NGỌC ANH	
Q.L.I.K.T	KS	

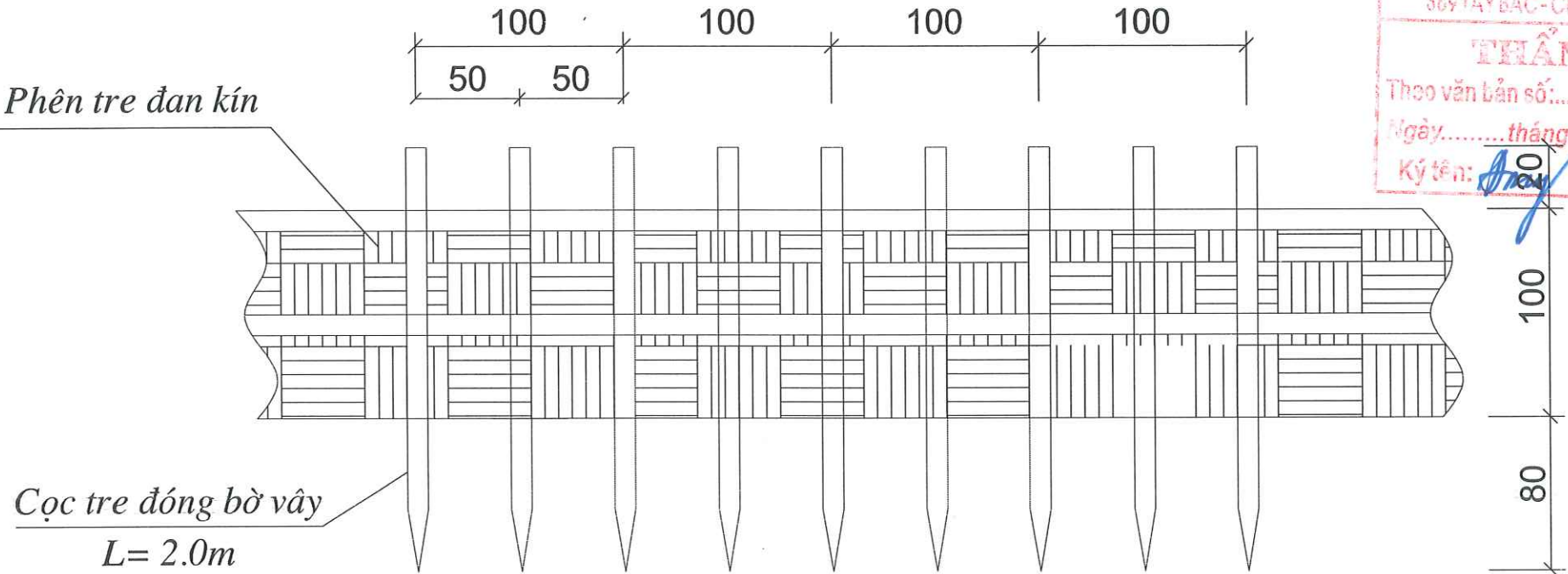
HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT Date	2026
-----------------	------

KÝ HIỆU BV
Drawing No

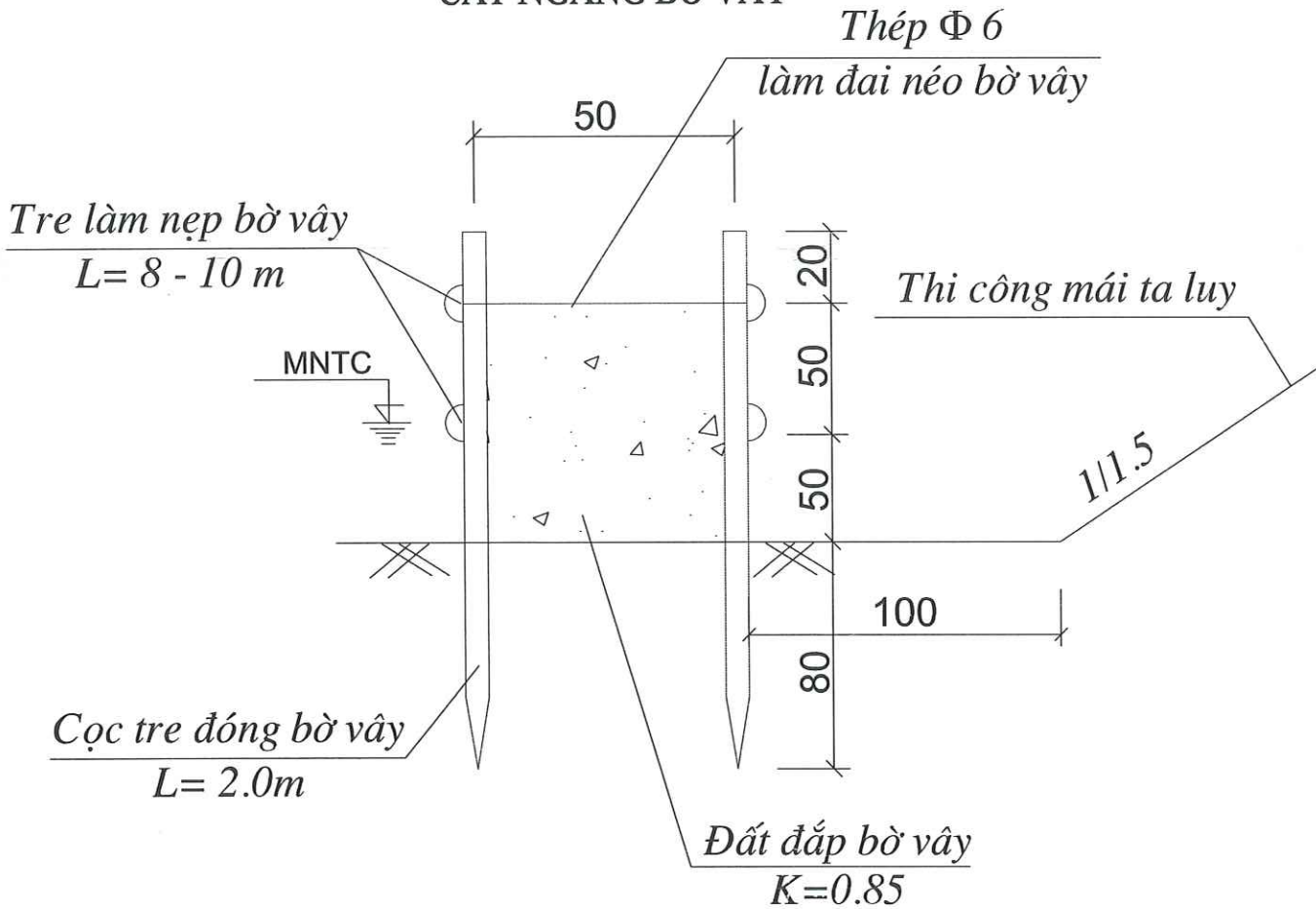


CHI TIẾT BỜ VÂY LOẠI BxH= 0.5x1.0M
CHÍNH DIỆN BỜ VÂY



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
369 TÂY BẮC - CHINH HÁNH PHÚ THỌ
THẨM TRA
Theo văn bản số: /
Ngày: tháng năm 20.....
Ký tên: *[Signature]*

CẮT NGANG BỜ VÂY



BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG 1M BỜ VÂY

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Đắp đất bờ vây (K=0.85)	m3	0.50
2	Cọc tre đóng bờ vây L = 2.0 m	Cọc	4.0
3	Phên tre làm bờ vây	m2	2.0
4	Thép F6 làm đai bờ vây L= 0.8m	Kg	0.178
5	Tre làm nẹp bờ vây F8 - F10	m	4.0

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ**

HT

Địa Chỉ : Tổ 69, P. Minh Phương, TP Việt Trì
Tỉnh Phú Thọ
Điện Thoại : 0977 510 054
Email : hungthinhvt.pt@gmail.com

HIỆU CHỈNH			revisions
1			
2			
3			
4			
LẦN	MÔ TẢ	NGÀY	
Ver	Description	Date	

CHỦ ĐẦU TƯ client
**TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG XÃ THU CÚC**

CÔNG TRÌNH project
**CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG
GIAO THÔNG NÔNG THÔN
KHU BẮN XÃ THU CÚC**
Địa điểm:
Xã Thu Cúc - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC
GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ DWG. title
CHI TIẾT BỜ VÂY THI CÔNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HUNG THỊNH PHÚ THỌ**
HOÀNG VĂN HUNG

CHỦ TRÌ P.s Architect	KS ĐẶNG NGỌC ANH	<i>[Signature]</i>
THIẾT KẾ Design	KS ĐẶNG NGỌC ANH	<i>[Signature]</i>
THỂ HIỆN Draw	KS ĐẶNG NGỌC ANH	<i>[Signature]</i>
Q.L.K.T Manager	KS NGUYỄN TIẾN ĐẠT	<i>[Signature]</i>

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

NGÀY HT Date	2026
KÝ HIỆU BV Drawing No	

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN CÁC KHU XÃ THU CÚC

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH	TUYẾN 1	TUYẾN 2	TUYẾN 3	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
*	<i>Chiều dài tuyến</i>	<i>m</i>		626,58	275,16	284,56	1.186,30	
I	NỀN ĐƯỜNG							
	Vét bùn	m3	Đất C1	348,95	-	692,12	1.041,06	
	Đánh cấp + vét hữu cơ	m3	Đất C2	295,99	121,67	96,31	513,97	
	Đào nền đường đất C2	m3	Đất C2	216,40	115,93	11,09	343,42	
	Đào nền đường đất C3	m3	Đất C3	-	655,32	-	655,32	
	Đào khuôn	m3	Đất C2	402,38	236,19	71,65	710,22	
	Đào đường cũ	m3	BTXM	308,52	-	159,32	467,84	
	Đào rãnh đất	m3	Đất C2	21,84	87,83	-	109,67	
	Đào rãnh dọc	m3	Đất C3	648,12	148,97	111,71	908,80	
	Đắp trả rãnh dọc, độ chặt K95	m3	Đất C3	319,69	61,02	51,55	432,26	
	Đào hoàn trả nương thủy lợi	m3	Đất C1	7,50		9,45	16,95	
	Đắp hoàn trả nương thủy lợi	m3	Đất C3			10,69	10,69	
	Đắp nền đường K95	m3	Đất C3	1.372,72	178,66	1.738,31	3.289,70	
	Công tác vận chuyển							
	Đất tận dụng đắp nền	m3	Đất C3				1.564,12	
	Vận chuyển đổ thải BTXM, cự ly vận chuyển 2 km	m3	BTXM				467,84	
	Vận chuyển đổ thải đất C1, cự ly vận chuyển 2 km	m3	Đất C1				1.058,01	
	Vận chuyển đổ thải đất C2, cự ly vận chuyển 2 km	m3	Đất C2				1.677,28	
	Khai thác đất đắp	m3	K95*1.13 - tận dụng				2.653,77	
II	MẶT ĐƯỜNG							
1	Mặt đường	m2	Bình đồ	2.636,98	963,07	1.176,25	4.776,30	
	BTXM mặt đường dày 20cm	m3		527,40	192,61	235,25	955,26	
	Lớp CPDD loại 2 dày 18cm	m3		474,66	173,35	211,73	859,73	
	Ván khuôn BTXM	m3		252,63	110,06	113,82	476,52	
	Cắt mạch khe dọc, khe ngang 5m/khe	m		1.190,50	467,77	483,75	2.142,03	
2	Vuốt nổi lồi rẽ	m2		77,68	50,22	47,31	175,21	
	Vuốt nổi lồi rẽ BTXM M250 dày 20cm	m3		15,54	10,04	9,46	35,04	
	Ván khuôn BTXM	m2		12,07	7,89	6,12	26,07	
III	HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC							
1	RÃNH DỌC							
	Rãnh dọc BTCT B40	m		655,00	96,00	129,00	880,00	
	Bê tông bảo vệ bản dày 10cm	m3		3,42	3,06	0,66	7,14	
	Đá dăm đệm móng dày 10cm	m3		39,30	5,76	7,74	52,80	
	Vữa xi măng mối nối, VXM M75	m3		2,39	0,35	0,47	3,21	
	Thân rãnh							
	Bê tông thân rãnh M250	m3		119,87	17,57	23,61	161,04	
	Ván khuôn bê tông thân rãnh	m2		1.850,38	271,20	364,43	2.486,00	
	Cốt thép thân rãnh D ≤ 10	kg		4.700,94	688,99	925,83	6.315,76	
	Cốt thép thân rãnh D > 10	kg		10.455,11	1.532,35	2.059,10	14.046,56	
	Tấm đan BTCT kt(100x60x15)cm	tấm		655,00	96,00	129,00	880,00	
	Bê tông tấm đan M250	m3		54,37	7,97	10,71	73,04	
	Ván khuôn tấm đan	m2		288,20	42,24	56,76	387,20	
	Cốt thép tấm đan D ≤ 10	kg		4.659,02	682,85	917,58	6.259,44	
	Cốt thép thân rãnh D > 10	kg		2.238,79	328,13	440,92	3.007,84	
	Lắp đặt tấm đan, khối lượng cấu kiện ≤ 500kg	tấm		655,00	96,00	129,00	880,00	
2	CỔNG NGANG ĐƯỜNG							
	Bê tông gia cố sân cổng thượng, hạ lưu	m3	M200				39,61	
	Bê tông sân cổng, chân khay thượng, hạ lưu	m3	M200				61,59	
	Bê tông tường đầu, tường cánh thượng, hạ lưu	m3	M200				52,45	
	Bê tông hồ thu thượng lưu	m3	M200				2,35	

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH	TUYỂN 1	TUYỂN 2	TUYỂN 3	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
	Bê tông móng tường đầu thượng, hạ lưu	m3	M200				5,68	
	Bê tông thân cống	m3	M200				32,69	
	Bê tông móng cống	m3	M200				45,58	
	Đá dăm đệm toàn bộ	m3	-				28,28	
	Ống cống D500, loại 1md / 1 đốt cống	đốt	1m/đốt (Amaccao)				12,00	
	- Bê tông ống cống	m3	BTCT M300				1,50	
	- Cốt thép ống cống	kg	D $\geq$ 10 CB400-V, D<10 CB240-T				36,36	
	- Ván khuôn đổ bê tông ống cống	m2	VK				7,72	
	- Quét nhựa bảo vệ ống cống	m2					24,12	
	- Vữa xi măng mối nối ống cống	m3	VXM M100				0,12	
	- Lắp đặt ống cống	đốt					12,00	
	Cống hộp BxHxL=200x160x100x20	đốt	1m/đốt				7,00	
	- Bê tông ống cống, BTCT M300	m3	M300				10,64	
	- Ván khuôn bê tông ống cống	m2	VK				109,37	
	- Cốt thép ống cống	kg	D $\geq$ 10 CB400-V, D<10 CB240-T				692,65	
	- Phòng nước ống cống	m2					39,20	
	- VXM nối nối cống	m3	VXM M100				0,56	
	- Lắp đặt ống cống B200	đốt					7,00	
	- Lắp đặt ống cống B150	đốt					-	
	Tấm bản BTCT B75 KT(115x100x18)cm	tấm	1m/tấm				25,00	
	Tấm bản BTCT B50 KT(100x80x15)cm	tấm	1m/tấm				25,00	
	Bản B2500 dày 25cm	tấm	BTCT ghép ván khuôn đổ trực tiếp				1,00	
	Bê tông tấm bản B2500 đổ trực tiếp	m3	M250				7,41	
	Bê tông tấm bản	m3	M250				5,81	
	Ván khuôn tấm bản	m2	VK				30,43	
	Cốt thép D $\leq$ 10	kg	D $\geq$ 10 CB400-V, D<10 CB240-T				379,90	
	Cốt thép D > 10	kg	D $\geq$ 10 CB400-V				1.099,54	
	Cốt thép D > 18	kg	D $\geq$ 10 CB400-V				100,63	
	Bê tông mũ tường cống	m3	M200				9,39	
	Cốt thép mũ tường cống	kg	CB240-T				141,38	
	Bê tông khớp nối	m3	M200				0,57	
	Cốt thép khớp nối, d4	kg	CB240-T				7,77	
	Bê tông bảo vệ bản dày 6cm	m3	M250				1,98	
	Bê tông gờ chắn bánh	m3	M200				3,01	
	Ván khuôn đổ bê tông các loại	m2	VK				414,24	
	Phá dỡ kết cấu cống cũ	m3	BTXM				24,32	
	Đào đất xây cống	m3	Đất C2				305,16	
	Đắp trả cống	m3	Đất C3				162,13	
VII	BIỆN PHÁP THI CÔNG	m						
1	Bờ vây thi công					23,00	23,00	
	Đắp đất bờ vây (K=0,85)	m3		-		11,50	11,50	
	Cọc tre đóng bờ vây L=2,0m	m		-		184,00	184,00	
	Phên che làm bờ vây	m2		-		46,00	46,00	
	Thép F6 làm đai bờ vây L-1,6m	kg		-		4,09	4,09	
	Tre làm nẹp bờ vây F8-F10	m		-		92,00	92,00	
	Phá bờ vây thanh thải dòng chảy	m3		-		11,50	11,50	
	Bơm nước thi công, máy bơm 20cv	ca				5,00	5,00	
	Đào kênh dẫn dòng+nắn dòng kênh cũ	m3	Đất C2			145,68	145,68	
2	*Ống cống D100	m				7,50	7,50	
	Cống D100 (loại 2,5m/1 đốt cống)	đốt cống		-		3,00	3,00	
	Bê tông ống cống	m3		-		8,93	8,93	
	Cốt thép D $\leq$ 10	kg		-		197,55	197,55	
	Ván khuôn ống cống	m2		-		131,88	131,88	

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH	TUYẾN 1	TUYẾN 2	TUYẾN 3	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
	Lắp đặt ống cống	đốt cống		-		7,50	7,50	
VIII	AN TOÀN GIAO THÔNG							
1	Vạch sơn							
	Sơn vạch gờ giảm tốc dày 6mm (Cụm 5 vạch, màu vàng)	m2		9,51			9,51	
2	Biển báo							
	Biển số W.205d,e: Giao nhau với đường cùng cấp	bộ	Biển tam giác cạnh 87,5cm	4,00			4,00	
	Biển số W.233: Nguy hiểm	bộ	Biển tam giác cạnh 87,5cm			4,00	4,00	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HANH PHÚ THỌ
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: *Đmy*



Bảng tổng hợp khối lượng : Tuyen 1

Tên cọc	K.Cách lỗ	Diện tích																Khối lượng															
		Vét bùn	VHC + ĐC	Đào nền	Đào khuôn	Đào đường cũ	Đào rãnh đất	Đào cống dọc	Đắp trả cống dọc	Đào đất TC	Đắp trả TC	Đào chân khay	Đắp trả CK	Đắp nền K95	B mặt	L gia cố TL trái	L gia cố TL phải	Vét bùn	VHC + ĐC	Đào nền	Đào khuôn	Đào đường cũ	Đào rãnh đất	Đào cống dọc	Đắp trả cống dọc	Đào đất TC	Đắp trả TC	Đào chân khay	Đắp trả CK	Đắp nền K95	B mặt		
1		-	-	-	2,60	2,89	-	-	-		-	-	-	14,47	-	-		-	-	2,29	17,06	20,25	-	11,37	6,01	-	-	-	-	-		95,41	
TD1	10,63	-	-	0,43	0,61	0,92	-	2,14	1,13		-	-	-	5,00	-	-		-	-	5,51	4,75	5,41	-	15,60	8,27	-	-	-	-	-		34,90	
P1	6,98	-	-	1,15	0,75	0,63	-	2,33	1,24		-	-	-	5,00	-	-		-	-	5,30	5,76	4,40	-	15,98	8,31	-	-	-	-	-		34,90	
TC1		-	-	0,37	0,90	0,63	-	2,25	1,14		-	-	-	5,00	-	-		-	-	7,13	20,52	10,61	-	38,26	18,96	-	-	-	-	-		86,95	
2		-	-	0,45	1,46	0,59	-	2,15	1,04		-	-	-	5,00	-	-		-	-	7,31	30,16	11,98	-	43,36	20,82	-	-	-	-	-		101,55	
TD2	20,31	-	-	0,27	1,51	0,59	-	2,12	1,01		-	-	-	5,00	-	-		-	-	9,48	24,85	9,02	-	33,33	16,36	-	-	-	-	-		76,45	
P2	15,29	-	-	0,97	1,74	0,59	-	2,24	1,13		-	-	-	5,00	-	-		-	-	7,42	16,74	8,94	-	30,96	14,91	-	-	-	-	0,23		76,45	
TC2		-	-	-	0,45	0,58	-	1,81	0,82		-	-	0,03	5,00	-	-		-	-	0,47	7,20	9,33	-	29,66	13,68	-	-	-	-	1,82		79,10	
3		-	-	0,06	0,46	0,60	-	1,94	0,91		-	-	0,20	5,00	-	-		-	-	0,47	8,30	9,38	-	28,07	12,87	-	-	-	-	1,71		77,55	
D3	15,51	-	-	-	0,61	0,61	-	1,68	0,75		-	-	0,02	5,00	-	-		-	-	0,10	1,16	1,20	-	3,49	1,70					0,02		9,85	
4	1,97	-	-	0,10	0,57	0,61	-	1,86	0,98		-	-	-	5,00	-	-		-	-	2,41	12,45	9,64	-	31,40	15,82					0,08		80,30	
5	16,06	-	-	0,20	0,98	0,59	-	2,05	0,99		-	-	0,01	5,00	-	-		-	-	4,01	15,63	7,82	-	28,19	13,76					0,07		66,80	
TD4	13,36	-	-	0,40	1,36	0,58	-	2,17	1,07		-	-	-	5,00	-	-		-	-	2,66	8,10	3,73	-	13,93	6,96					-		31,65	
P4	6,33	-	-	0,44	1,20	0,60	-	2,23	1,13		-	-	-	5,00	-	-		-	-	2,37	7,98	3,73	-	14,15	7,18					-		31,65	
TC4	6,33	-	-	0,31	1,32	0,58	-	2,24	1,14		-	-	-	5,00	-	-		-	-	2,05	7,39	4,25	-	15,93	8,00					-		36,05	
6	7,21	-	-	0,26	0,73	0,60	-	2,18	1,08		-	-	-	5,00	-	-		-	-	1,57	7,81	7,45	-	26,64	12,90					0,06		60,55	
D5	12,11	-	-	-	0,56	0,63	-	2,22	1,05		-	-	0,01	5,00	-	-		-	-	8,69	17,96	8,98	-	35,48	18,03	-	-	-	-	0,07		73,00	
7	14,60	-	-	1,19	1,90	0,60	-	2,64	1,42		-	-	-	5,00	-	-		-	-	9,31	20,08	7,07	-	27,74	14,14	-	-	-	-	-		58,90	
8	11,78	-	-	0,39	1,51	0,60	-	2,07	0,98		-	-	-	5,00	-	-		-	-	3,39	20,96	9,05	-	30,61	14,18	-	-	-	-	-		75,40	
D6	15,08	-	-	0,06	1,27	0,60	-	1,99	0,90		-	-	-	5,00	-	-		-	-	7,29	25,15	12,22	-	42,81	20,32					-		102,65	
9	20,53	-	-	0,65	1,18	0,59	-	2,18	1,08		-	-	-	5,00	-	-		-	-	1,89	4,60	3,31	-	11,84	5,62					-		28,25	
TD7	5,65	-	-	0,02	0,45	0,58	-	2,01	0,91		-	-	0,26	5,00	-	-		-	-	3,88	6,39	5,71	-	17,47	8,73					-		1,15	
P7	8,52	-	-	0,89	1,05	0,76	-	2,09	1,14		-	-	0,01	5,00	-	-		-	-	13,21	12,52	5,03	-	19,85	10,82					-		0,04	
TC7	8,52	-	-	2,21	1,89	0,42	-	2,57	1,40		-	-	-	5,00	-	-		-	-	13,85	14,09	3,37	-	19,89	10,87					-		-	
10	7,74	-	-	1,37	1,75	0,45	-	2,57	1,41		-	-	-	5,00	-	-		-	-	7,51	10,87	14,08	7,35	-	36,13	18,61	-	-	-	-	6,73		78,20
11	15,64	-	0,96	0,02	0,05	0,49	-	2,05	0,97		-	-	0,86	5,00	-	-		-	4,49	0,09	5,76	4,68	-	16,61	7,53	-	-	-	-	4,73		46,80	
TD8	9,36	-	-	-	1,18	0,51	-	1,50	0,64		-	-	0,15	5,00	-	-		4,66	5,74	-	3,17	2,45	-	6,54	2,91	-	-	-	-	-	21,86		25,75
P8	5,15	1,81	2,23	-	0,05	0,44	-	1,04	0,49		-	-	8,34	5,00	-	-		12,49	11,02	-	0,13	2,27	-	2,68	1,26	-	-	-	-	-	51,68		25,75
TC8	5,15	3,04	2,05	-	-	0,44	-	-	-		-	-	11,73	5,00	-	-		35,43	17,78	-	-	5,79	-	0,07	0,07	-	-	-	-	-	114,75		59,94
12	13,32	2,28	0,62	-	-	0,43	-	0,01	0,01		-	-	5,50	4,00	-	-		32,93	12,51	-	-	6,97	-	0,08	0,08	-	-	-	-	-	96,40		63,32
13	15,83	1,88	0,96	-	-	0,45	-	-	-		-	-	6,68	4,00	-	-		30,59	19,44	-	-	7,61	-	-	-	-	-	-	-	-	103,09		67,60
TD9	16,90	1,74	1,34	-	-	0,45	-	-	-		-	-	5,52	4,00	-	-		5,89	5,72	-	-	1,77	-	-	-	-	-	-	-	19,13		15,20	
P9	3,80	1,36	1,67	-	-	0,48	-	-	-		-	-	4,55	4,00	-	-		2,58	6,95	0,02	0,36	1,73	0,59	-	-	-	-	-	-	11,72		15,20	
TC9	3,80	-	1,99	0,01	0,19	0,43	0,31	-	-		-	-	1,62	4,00	-	-		-	17,95	0,58	1,06	4,92	3,34	-	-	-	-	-	-	13,98		42,36	
TD10	10,59	-	1,40	0,10	0,01	0,50	0,32	-	-		-	-	1,02	4,00	-	-		5,22	8,24	0,71	0,03	3,19	2,17	-	-	-	-	-	-	23,15		27,12	
P10	6,78	1,54	1,03	0,11	-	0,44	0,32	-	-		-	-	5,81	4,00	-	-		9,70	8,24	0,37	-	2,88	1,08	-	-	-	-	-	-	42,21		27,12	
TC10	6,78	1,32	1,40	-	-	0,41	-	-	-		-	-	6,64	4,00	-	-		34,81	23,18	-	-	8,76	-	-	-	-	-	-	-	128,54		82,40	
	20,60																																

[illegible]

Bảng tổng hợp khối lượng : Tuyen 2

Tên cọc	K.Cách lỗ	Diện tích												Khối lượng											
		Vết bùn	VHC + ĐC	Đào nền đất C2	Đào nền đất cấp 3	Đào khuôn	Đào đường cũ	Đào rãnh đất	Đào cống dọc	Đắp trả cống dọc	Đắp nền K95	H rãnh phải	B mặt	Vết bùn	VHC + ĐC	Đào nền đất C2	Đào nền đất cấp 3	Đào khuôn	Đào đường cũ	Đào rãnh đất	Đào cống dọc	Đắp trả cống dọc	Đắp nền K95	H rãnh phải	B mặt
1		-	1,45	-	0,05	-	-	0,32	-	-	1,13	-	3,50												
	3,27													-	4,50	-	0,15	-	-	1,05	1,50	0,47	3,92	1,59	11,45
TD1		-	1,30	-	0,04	-	-	0,32	0,92	0,29	1,27	0,97	3,50												
	6,38													-	8,42	-	0,22	-	-	2,04	5,55	1,69	9,06	6,35	22,33
P1		-	1,34	-	0,03	-	-	0,32	0,82	0,24	1,57	1,02	3,50												
	6,38													-	8,55	-	0,32	-	-	2,04	5,01	1,50	11,10	6,35	22,33
TC1		-	1,34	-	0,07	-	-	0,32	0,75	0,23	1,91	0,97	3,50												
	0,73													-	1,09	-	0,08	-	-	0,23	0,27	0,08	1,53	0,35	2,56
TD2		-	1,64	-	0,15	-	-	0,32	-	-	2,27	-	3,50												
	17,13													-	30,75	-	3,51	-	-	5,48	-	-	52,67	-	59,96
P2		-	1,95	-	0,26	-	-	0,32	-	-	3,88	-	3,50												
	17,13													-	28,78	-	2,23	-	-	2,74	8,57	2,91	46,76	8,14	59,96
TC2		-	1,41	-	-	-	-	-	1,00	0,34	1,58	0,95	3,50												
	14,02													-	9,88	-	8,62	9,32	-	-	17,67	6,24	11,08	14,30	49,07
TD3		-	-	-	1,23	1,33	-	-	1,52	0,55	-	1,09	3,50												
	8,40													-	1,05	-	8,86	10,96	-	-	13,23	5,25	1,47	9,03	29,40
P3		-	0,25	-	0,88	1,28	-	-	1,63	0,70	0,35	1,06	3,50												
	8,40													-	1,05	-	6,51	10,79	-	-	13,78	5,96	1,47	8,90	29,40
TC3		-	-	-	0,67	1,29	-	-	1,65	0,72	-	1,06	3,50												
	7,78													-	1,91	-	2,65	7,39	-	-	12,33	5,25	3,50	8,17	27,23
TD4		-	0,49	-	0,01	0,61	-	-	1,52	0,63	0,90	1,04	3,50												
	10,40													-	4,37	-	0,05	6,66	-	-	14,92	6,03	7,70	10,61	36,40
2		-	0,35	-	-	0,67	-	-	1,35	0,53	0,58	1,00	3,50												
	14,80													-	2,59	4,07	4,51	7,33	theo văn bản số	2,22	9,99	3,92	5,77	7,40	51,80
P4		-	-	0,55	0,61	0,32	-	0,30	-	-	0,20	-	3,50												
	15,00													-	-	17,25	34,58	12,38	ngày	tháng	năm 20	1,80	-	52,50	
3		-	-	1,75	4,00	1,33	-	0,64	-	-	0,04	-	3,50												
	10,20													-	-	18,56	56,76	13,57	Ký tên:	6,53	-	-	0,41	-	35,70
TC4		-	-	1,89	7,13	1,33	-	0,64	-	-	0,04	-	3,50												
	14,51													-	-	27,35	103,67	19,30	-	9,29	-	-	0,58	-	50,79
4		-	-	1,88	7,16	1,33	-	0,64	-	-	0,04	-	3,50												
	7,07													-	-	11,95	34,86	9,40	-	3,39	6,43	3,18	0,28	-	24,75
TD5		-	-	1,50	2,70	1,33	-	0,32	1,82	0,90	0,04		3,50												
	5,70													-	-	9,75	20,52	7,58	-	2,74	5,19	2,57	0,23	-	19,95
P5		-	-	1,92	4,50	1,33	-	0,64	-	-	0,04		3,50												
	5,70													-	-	10,97	23,97	7,58	-	3,65	0,26	-	19,95		
TC5		-	-	1,93	3,91	1,33	-	0,64	-	-	0,05		3,50												
	16,61													-	-	16,03	33,64	22,01	-	7,97	0,91	-	58,14		
5		-	-	-	0,14	1,32	-	0,32	-	-	0,06		3,50												
	20,00													-	-	-	58,50	26,50	-	6,40	0,60	-	70,00		
6		-	-	-	5,71	1,33	-	0,32	-	-	-		3,50												
	12,88													-	-	-	75,15	17,13	-	4,12	12,17	6,18	-	-	45,08
TD6		-	-	-	5,96	1,33	-	0,32	1,89	0,96	-		3,50												
	14,48													-	-	-	95,28	19,26	-	6,95	13,68	6,95	-	-	50,68
7		-	-	-	7,20	1,33	-	0,64	-	-	-		3,50												
	10,69													-	-	-	39,66	12,08	-	5,13	4,44	1,44	0,05	-	37,42
P6		-	-	-	0,22	0,93	-	0,32	0,83	0,27	0,01		3,50												
	10,22													-	7,61	-	15,48	4,75	-	3,27	4,24	1,38	6,95	-	35,77
8		-	1,49	-	2,81	-	-	0,32	-	-	1,35		3,50												
	14,94													-	11,13	-	23,53	9,19	-	4,78	-	-	10,46	-	52,29
TC6		-	-	-	0,34	1,23	-	0,32	-	-	0,05		3,50												
	2,36													-	-	-	2,01	3,02	-	0,76	-	-	0,09	-	8,26
9		-	-	-	1,36	1,33	-	0,32	-	-	0,03		3,50												
	275,16												Tổng	-	121,67	115,93	655,32	236,19	-	87,83	148,97	61,02	178,66		963,13

Bảng tổng hợp khối lượng : Tuyen 3

Tên cọc	K.Cách lễ	Diện tích											Khối lượng											
		Vét bùn	VHC + ĐC	Đào nền	Đào khuôn	Đào đường cũ	Đào cống dọc	Đắp trả cống dọc	Đào hoàn trả mương	Đắp hoàn trả mương	Đắp nền K95	B mặt	Vét bùn	VHC + ĐC	Đào nền	Đào khuôn	Đào đường cũ	Đào cống dọc	Đắp trả cống dọc	Đào hoàn trả mương	Đắp hoàn trả mương	Đắp nền K95	B mặt	
1		-	-	0,31	2,19	2,19	1,90	0,70	-	-	-	-												
	11,78												-	-	3,47	18,92	16,27	23,50	9,90	-	-	-		
2		-	-	0,28	1,02	0,57	2,09	0,98	-	-	-	4,00												
	21,76												-	-	5,44	21,65	12,29	48,20	24,15	-	-	-		
TD1		-	-	0,22	0,97	0,56	2,34	1,24	-	-	-	4,00												
	4,37												-	-	0,72	4,02	2,45	9,59	4,85	-	-	-		
P1		-	-	0,11	0,87	0,56	2,05	0,98	-	-	-	4,00												
	4,37												-	-	0,24	3,43	2,43	8,54	3,95	-	-	-		
TC1		-	-	-	0,70	0,55	1,86	0,83	-	-	-	4,00												
	11,46												5,90	4,64	-	4,01	5,62	14,55	6,13	-	-	28,94		
3		1,03	0,81	-	-	0,43	0,68	0,24	-	-	5,05	4,00												
	9,20												4,74	7,36	-	-	4,46	5,24	1,84	-	-	37,63		
4		-	0,79	-	-	0,54	0,46	0,16	-	-	3,13	4,00												
	9,03												16,93	3,57	-	-	5,19	2,08	0,72	-	-	80,19		
5		3,75	-	-	-	0,61	-	-	-	-	14,63	4,00												
	17,10												57,63	-	-	-	8,38	-	-	-	-	173,91		
TD2		2,99	-	-	-	0,37	-	-	-	-	5,71	4,00												
	8,05												25,28	-	-	-	3,02					46,33		
P2		3,29	-	-	-	0,38	-	-	-	-	5,80	4,00												
	8,05												26,20	-	0,36	-	3,10					47,78		
TC2		3,22	-	0,09	-	0,39	-	-	-	-	6,07	4,00												
	7,21												23,36	-	0,32	-	2,81					41,21		
TD3		3,26	-	-	-	0,39	-	-	-	-	5,36	4,00												
	11,74												37,10	-	-	-	4,58					58,64		
P3		3,06	-	-	-	0,39	-	-	-	-	4,63	4,00												
	11,74												35,22	-	-	-	4,46					53,65		
TC3		2,94	-	-	-	0,37	-	-	-	-	4,51	4,00												
	15,13												46,22	-	-	-	5,60	-	-	-	-	70,73		
6		3,17	-	-	-	0,37	-	-	-	-	4,84	4,00												
	17,51												59,80	-	-	0,09	7,18	-	-	2,19	2,80	91,58		
7		3,66	-	-	0,01	0,45	-	-	0,25	0,32	5,62	4,00												
	12,17												40,83	-	-	0,06	5,17	-	-	3,41	3,96	66,69		
TD4		3,05	-	-	-	0,40	-	-	0,31	0,33	5,34	4,00												
	8,11												21,69	-	-	-	3,41	-	-	2,55	2,64	39,66		
P4		2,30	-	-	-	0,44	-	-	0,32	0,32	4,44	4,00												
	8,11												23,15	1,50	-	-	3,41	-	-	1,30	1,30	43,19		
TC4		3,41	0,37	-	-	0,40	-	-	-	-	6,21	4,00												
	11,58												34,39	7,76	-	-	4,23	-	-	-	-	76,54		
8		2,53	0,97	-	-	0,33	-	-	-	-	7,01	4,00												
	4,79												6,06	6,80	-	-	1,75	-	-	-	-	34,92		
TD5		-	1,87	-	-	0,40	-	-	-	-	7,57	4,00												
	8,16												17,79	10,08	-	-	3,47	-	-	-	-	113,63		
9		4,36	0,60	-	-	0,45	-	-	-	-	20,28	4,00												
	2,51												10,05	2,28	-	-	1,08	-	-	-	-	46,50		
P5		3,65	1,22	-	-	0,41	-	-	-	-	16,77	4,00												
	10,67												71,06	10,56	-	-	4,32	-	-	-	-	196,43		
TC5		9,67	0,76	-	-	0,40	-	-	-	-	20,05	4,00												
	18,88												111,58	12,27	-	-	7,55	-	-	-	-	256,11		
10		2,15	0,54	-	-	0,40	-	-	-	-	7,08	4,00												
	15,93												17,12	15,85	-	-	6,29	-	-	-	-	94,31		
11		-	1,45	-	-	0,39	-	-	-	-	4,76	4,00												
	15,15												-	13,64	0,53	19,47	19,32	-	-	-	-	39,77		
12		-	0,35	0,07	2,57	2,16	-	-	-	-	0,49	12,47												
	284,56											Tổng	692,12	96,31	11,09	71,65	147,82	111,71	51,55	9,45	10,69	1.738,31	-	

diện tích trên bình đồ

diện tích trên bình đồ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THI CÔNG MẠI
309 TÂY BẮC - CHINH HẢI PHƯỚC
THẨM TRA
Thuyết minh bản vẽ:/.....
Ngày: tháng năm 20.....
Ký tên: *Đặng*

26009395
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG
HÙNG THỊNH
PHƯỚC THỌ
T. PHƯỚC THỌ

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CÔNG THOÁT NƯỚC NGANG ĐƯỜNG

STT	Hạng mục	Đơn vị	Quy cách	Tuyến 1				Tuyến 2	Tuyến 3					Tổng khối lượng
				Cống bản B75 Cọc 4	Cống bản B75 Cọc 12	Cống hộp 2xB150 Cọc TD14+5m	Cống lõi rỗng Cọc 15	Cống bản B75 Cọc P2	Cống Bản B75 cọc 4 Km0+62.95	Cống hộp B2000 cọc 5 Km0+71.98	Cống bản B50 Km0+190.75	Cống bản B2500 cọc 9 Km0+221.42	Cống tròn D50 Km0+234.60	
1	Bê tông gia cố sân cống thượng, hạ lưu	m3	M200							4,80	-	34,81	-	39,61
2	Bê tông sân cống, chân khay thượng, hạ lưu	m3	M200	2,97	3,53		0,43	1,94	1,36	10,66	2,59	36,29	1,82	61,59
3	Bê tông tường đầu, tường cánh thượng, hạ lưu	m3	M200	0,69	1,06			0,53		9,59	-	39,65	0,93	52,45
4	Bê tông hố thu thượng lưu	m3	M200					2,35		-	-	-		2,35
5	Bê tông móng tường đầu thượng, hạ lưu	m3	M200					-		4,22	-	-	1,46	5,68
6	Bê tông thân cống	m3	M200	2,74	2,88		2,98	1,74	3,58	-	1,40	17,37		32,69
7	Bê tông móng cống	m3	M200	3,84	3,22		6,12	2,03	3,84	6,13	2,88	16,22	1,29	45,58
8	Đá dăm đệm toàn bộ	m3		1,54	1,51		2,04	1,23	1,09	5,47	0,96	13,58	0,86	28,28
	Ống cống D500, loại 1md / 1 đốt cống	đốt	1m/đốt (Amaccao)										12,00	12,00
	- Bê tông ống cống	m3	BTCT M300										1,50	1,50
	- Cốt thép ống cống	kg	D≥10 CB400-V, D<10 CB240-T										36,36	36,36
	- Ván khuôn đổ bê tông ống cống	m2	VK										7,72	7,72
	- Quét nhựa bảo vệ ống cống	m2											24,12	24,12
	- Vữa xi măng mối nối ống cống	m3	VXM M100										0,12	0,12
	- Lắp đặt ống cống	đốt											12,00	12,00
	Cống hộp BxHxL=200x160x100x20	đốt	1m/đốt							7,00				7,00
	- Bê tông ống cống, BTCT M300	m3	M300							10,64				10,64
	- Ván khuôn bê tông ống cống	m2	VK							109,37				109,37
	- Cốt thép ống cống	kg	D≥10 CB400-V, D<10 CB240-T							692,65				692,65
	- Phòng nước ống cống	m2								39,20				39,20
	- VXM nối nối cống	m3	VXM M100							0,56				0,56
	- Lắp đặt ống cống B200	đốt								7,00				7,00
	- Lắp đặt ống cống B150	đốt												-
	Tấm bản BTCT B75 KT(115x100x18)cm	tấm	1m/tấm	7,00	6,00			5,00	7,00	-				25,00
	Tấm bản BTCT B50 KT(100x80x15)cm	tấm	1m/tấm				17,00		-		8,00			25,00
10	Bản B2500 dày 25cm	tấm	BTCT ghép ván khuôn đổ trực tiếp									1,00		1,00
	Bê tông tấm bản B2500 đổ trực tiếp	m3	M250									7,41		7,41
	Bê tông tấm bản	m3	M250	1,36	1,16		-	0,97	1,36	-	0,96			5,81
	Ván khuôn tấm bản	m2	VK	5,42	4,64		-	3,87	5,42	-	4,32	6,76		30,43
	Cốt thép D ≤10	kg	D≥10 CB400-V, D<10 CB240-T	36,96	31,68		-	26,40	36,96	-	99,04	148,86		379,90
	Cốt thép D > 10	kg	D≥10 CB400-V	65,45	56,10			46,75	65,45	-		865,79		1.099,54
	Cốt thép D > 18	kg	D≥10 CB400-V	20,72	17,76			14,80	20,72	-		26,63		100,63
	Bê tông mũ tường cống	m3	M200	1,62	1,39			1,16	1,62	-		3,59		9,39
	Cốt thép mũ tường cống	kg	CB240-T	20,58	17,64			14,70	20,58	-		67,88		141,38
	Bê tông khớp nối	m3	M200	0,16	0,14			0,11	0,16	-				0,57
	Cốt thép khớp nối, d4	kg	CB240-T	2,22	1,85			1,48	2,22	-				7,77
	Bê tông bảo vệ bản dày 6cm	m3	M250				-	0,36	0,65	-	0,96			1,98
	Bê tông gờ chắn bánh	m3	M200	0,31	0,31		-	0,12	0,12	-	0,64	1,52		3,01
	Ván khuôn đổ bê tông các loại	m2	VK	16,48	15,64		58,48	51,74	39,81	39,65	27,52	147,84	17,08	414,24
	Phá dỡ kết cấu cống cũ	m3	BTXM	2,39	2,15			-	4,04	10,55	1,80	1,75	1,63	24,32
	Đào đất xây cống	m3	Đất C2	14,54	13,42		24,14	15,92	15,02	50,67	11,36	141,92	18,18	305,16
	Đắp trả cống	m3	Đất C3	7,27	8,77		15,81	10,11	11,36	27,59	7,44	63,77	10,02	162,13

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HANH HƯ THỌ
THẨM TRA
Theo văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: *Đặng*



BẢNG KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT VUỐT RỄ

STT	Vị trí	Diện tích nổi lõi rỗ (m2)		Ván khuôn (m2)
		Trái tuyến	Phải tuyến	
	Tuyến 1			
1	Vuốt nổi lõi rỗ cọc D5+5m	33,88		4,34
2	Vuốt nổi lõi rỗ cọc 7		32,55	5,45
3	Vuốt nổi lõi rỗ cọc 10		11,25	2,28
	Tổng:	33,88	43,80	12,07

STT	Vị trí	Diện tích nổi lõi rỗ (m2)		Ván khuôn (m2)
		Trái tuyến	Phải tuyến	

	Tuyến 2			
	Cọc P1		22,54	2,71
	Cọc TC2+4.89m		10,38	1,81
	Cọc 2		11,13	1,91
	Cọc P6		6,17	1,46
	Tổng	-	50,22	7,89
STT	Vị trí	Diện tích nổi lõi rỗ (m2)		Ván khuôn (m2)
		Trái tuyến	Phải tuyến	
	Tuyến 3			
	Cọc TC1	25,80		3,16
	Cọc 9	8,89	12,62	2,96
	Tổng	34,69	12,62	6,12

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
389 TÂY BẮC - CHINH HẢI PHÚ THỌ

THẨM TRA
Theo văn bản số: /
Ngày: tháng năm 20.....
Ký tên: *Amey*



